

PGS. PTS. PHẠM XUÂN SINH
Chủ nhiệm Bộ môn Dược học cổ truyền
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

PHƯƠNG PHÁP
CHẾ BIẾN

THUỐC

CỔ TRUYỀN



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

PGS. TS. PHẠM XUÂN SINH

**Chủ nhiệm Bộ môn dược học cổ truyền
Trường đại học dược Hà Nội**

263 72

PHƯƠNG PHÁP CHẾ BIẾN THUỐC CỔ TRUYỀN

(Tái bản lần thứ nhất)

**NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI - 2000**

LỜI GIỚI THIỆU

Từ trước đến nay sách hướng dẫn và bào chế thuốc Y học cổ truyền đã có nhiều tác giả biên soạn như:

- Sách bào chế của Viện y học cổ truyền.
- Các tập sách về Y học cổ truyền Trường đại học y khoa Hà Nội.

- Sách về cây thuốc và các vị thuốc nam của giáo sư Đỗ Tất Lợi, lương y Lê Trần Đức, gần đây là tập sách của ông Võ Văn Chi, nói chung đều là những quyển sách quý giúp cho những người làm Y học cổ truyền tham khảo và cũng có phần đóng góp vào sự nghiệp kế thừa phát huy phát triển và nghiên cứu phát triển hai nền y học để xây dựng nền y học Việt Nam mang tính chất khoa học dân tộc đại chúng, phần nào đã đóng góp vào kho tàng dược học cổ truyền của nhân loại.

Sau khi đọc tập sách Phương pháp chế biến thuốc Y học cổ truyền của PGS, PTS. Phạm Xuân Sinh, Chủ nhiệm Bộ môn dược học cổ truyền Trường đại học dược Hà Nội, chúng tôi thấy tập sách này được biên soạn mang tính cách kế thừa cũng như là cách viết, cách trình bày và cũng được tham khảo tài liệu của nước ngoài như tài liệu của Trung Quốc và một số tác giả khác. Mỗi vị thuốc giới thiệu ở đây đều có tên La tinh của vị thuốc tính chất của vị thuốc, cách chế biến theo nhiều hình thức khác nhau, một phần cũng trình bày công dụng của vị thuốc chúng tôi thấy thuận tiện cho các dược tá y học cổ truyền, Y sĩ y học cổ truyền, lương y và các thầy thuốc Y học cổ truyền, bác sĩ y học cổ truyền, các dược sĩ có thể tham khảo. Trong điều kiện đất nước đang có những thay

đối về cơ chế, đặc biệt là Chính sách thuốc Quốc gia về Y học cổ truyền ra đời đã được Chính phủ phê chuẩn và nó cũng góp phần chống lại một số tiêu cực trong việc sử dụng thuốc Y học cổ truyền hiện nay.

Với cách viết ngắn gọn có thể giúp cho những người quản lý Nhà nước cũng như những người sử dụng dần dần đưa việc sử dụng thuốc Y học cổ truyền vào quỹ đạo chung, chắc chắn rằng tác giả cũng chưa nghĩ đến có thể đây cũng góp phần chuẩn hoá thuốc Y học cổ truyền trong tương lai.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với độc giả và cũng rất hoan nghênh PGS. Phạm Xuân Sinh đã có công sưu tầm tham khảo viết nên tài liệu này. Trong điều kiện mà cơ chế thị trường đã xâm nhập vào nhiều lĩnh vực khác nhau gây nên những tổn thất cho những người tiêu dùng, đặc biệt là bệnh nhân, thì tập sách này rất có ý nghĩa.

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 1999

Viện trưởng

Viện y học cổ truyền Việt Nam

Giáo sư Trần Thúy

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay thuốc cổ truyền đã và đang trở thành một xu hướng phát triển mạnh, không những ở nước ta mà còn ở nhiều nước trên thế giới. Người ta ưa chuộng thuốc cổ truyền vì nó có những thế mạnh: Có tác dụng chữa bệnh tốt; nhiều bệnh nan giải mà tân dược đôi khi cũng bó tay như một số bệnh ung thư, bệnh mạn tính của gan, thận v.v... Hơn nữa nó phát huy được tính điều hoà, cân bằng sự hoạt động giữa các bộ phận trong cơ thể; lại hầu như không có hoặc rất ít những phản ứng không mong muốn đối với người sử dụng; nói một cách khác khi dùng nó, người bệnh có cảm giác yên tâm hơn, an toàn hơn.

Một trong yếu tố quan trọng làm thuốc cổ truyền phát huy tác dụng; đó là phương pháp chế biến thuốc. Phương pháp chế biến thuốc cổ truyền rất phong phú rất đa dạng. Nó đã trở thành một môn khoa học vừa mang tính chất truyền thống vừa mang tính chất hiện đại. Vì thông qua chế biến thuốc, người ta đã thấy có tác dụng thực tế của nó; có sự biến đổi về thành phần hoá học về công năng tác dụng và hiệu quả trị liệu của vị thuốc. Thật vậy nó đã trở thành vấn đề quan trọng sau thu hoạch. Trong quyển sách này đã tập hợp nhiều phương pháp chế biến cổ truyền của thuốc, thông qua tư liệu quý báu của Việt Nam, Trung Quốc đồng thời được sàng lọc qua kinh nghiệm thực tế của Tác giả, nhằm giới thiệu với độc giả sự phong phú, đa dạng của chế biến thuốc cổ truyền; đồng thời đây cũng là chỗ dựa vững chắc để có thể từ đó, tiến hành chế biến các vị thuốc cổ truyền được thuận tiện hơn.

Riêng đối với từng vị thuốc, chúng tôi giới thiệu nhiều cách chế biến khác nhau; để có thể tùy theo từng điều kiện mà vận dụng cho phù hợp. Hy vọng quyển sách này đáp ứng phần nào về kiến thức chung trong thành tựu khoa học đã nghiên cứu thành công đối với thuốc cổ truyền; đồng thời góp phần đưa lại một số phương pháp chế biến cụ thể đối với một số vị thuốc cho độc giả yêu mến thuốc cổ truyền Việt Nam.

PGS. TS Phạm Xuân Sinh.

PHẦN I

VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ CHẾ BIẾN THUỐC CỔ TRUYỀN

1. ĐỊNH NGHĨA CHẾ BIẾN THUỐC CỔ TRUYỀN

- Thuật ngữ bào chế thuốc cổ truyền, bắt nguồn từ "bào trích". Bào trích có nguồn gốc từ chế biến thức ăn. Bào trích là gói thức ăn rồi đem nướng. Như vậy bào trích tức có hàm nghĩa là làm chín thức ăn của người cổ đại. Sau đó người cổ đại đã dùng lửa để bào chế thuốc. Do vậy việc bào trích được vận dụng từ thực tế cuộc sống mang tính tự nhiên và khách quan.

Từ "Bào trích" là thuật ngữ được dùng sớm nhất. Sau được đổi thành "Tu chế", "Tu sự" rồi bào chế, chế biến. Từ chế biến thuốc được dùng nhiều ở Việt Nam. Từ biến hàm ý là biến hoá vị thuốc thông qua bào chế, (tính vị, công năng...). Do đó:

- Chế biến thuốc cổ truyền là phương pháp tổng hợp của việc dùng lửa - nước, phụ liệu để làm cho vị thuốc từ trạng thái thiên nhiên trở thành trạng thái có thể sử dụng để phòng và trị bệnh cho con người.

2. CƠ SỞ CỦA VIỆC CHẾ BIẾN

2.1 Bắt nguồn từ thực tế của cuộc sống con người.

Con người có nhu cầu dùng thuốc thiên nhiên để phòng và trị bệnh. Với yêu cầu ban đầu rất tự nhiên là uống được và dễ uống, có nghĩa là tránh được các mùi vị khó chịu, uống không bị độc, uống khỏi bệnh.

1.2. Dựa vào lý thuyết y học cổ truyền.

* *Thuyết âm dương:*

Xuất phát từ nguyên lý cân bằng âm dương trong cơ thể; đó là cân bằng sự hoạt động của tạng phủ, cân bằng quá trình khí hóa trong cơ thể...

+ Chế biến làm tăng tính âm của thuốc ví dụ trạch tả trích muối, nga thuật nấu với giấm...

+ Chế biến làm giảm tính âm của thuốc, sinh địa vị đắng tính hàn thuộc âm, khi sao khô hoặc chế thành thực địa sẽ làm giảm tính âm của nó.

+ Chế biến làm tăng tính dương của thuốc ví dụ: nhân sâm, đảng sâm tính ôn (thuộc dương) có thể trích gừng để tăng tính dương, tăng công năng bổ khí của thuốc.

+ Chế biến làm giảm tính dương của thuốc. Sinh phụ tử đại nhiệt, đại độc; tính dương rất mạnh. Khi ngâm với dung dịch muối ăn hoặc dung dịch đậm ba (clorid magiê) tính độc, tính nhiệt của phụ tử giảm đi, có thể dùng để uống.

* *Thuyết Ngũ hành:*

Quy nạp màu sắc mùi vị của thuốc vào từng hành. Trước hết thấy rằng, từng hành phải thể hiện màu sắc thiên nhiên rõ rệt nhất của nó. Ví dụ: Hành mộc thể hiện màu xanh của cây cỏ. Hành hỏa thể hiện màu đỏ của lửa; Hành thủy thể hiện màu đen của mặt nước; Hành thổ thể hiện màu vàng của đất. Hành kim thể hiện màu trắng của ánh kim. Đồng thời, người ta xếp đặt các tạng phủ vào các hành tương ứng đảm bảo với quy luật tương sinh tương khắc ngũ hành.

Ví dụ: Tạng can phủ đởm được xếp vào hành mộc.

Tạng tâm phủ tiểu tràng được xếp vào hành hỏa

Tạng tỳ phủ vị được xếp vào hành thổ

Tạng phế phủ đại tràng được xếp vào hành kim

Tạng thận phủ bàng quang được xếp vào hành thủy

Từ đó xuất hiện việc quy kinh thuốc (quy nạp khí vị của thuốc) vào từng tạng phủ, dựa theo màu sắc, mùi vị của thuốc phù hợp với ngũ hành. Ví dụ những vị thuốc có màu xanh, vị chua, quy vào hành mộc, tạng can phủ đờm. Những vị thuốc có màu đỏ, vị đắng quy vào tạng tâm, phủ tiểu tràng. Những vị thuốc có màu vàng, vị ngọt quy vào tạng tỳ, phủ vị. Những vị thuốc có màu trắng vị cay quy vào hành kim tạng phế, phủ đại tràng. Những vị thuốc có màu đen vị mặn quy vào hành thủy tạng thận, phủ bàng quang.

Từ đó việc chế biến thuốc cũng tuân theo quy luật ngũ hành, tức là muốn cho vị thuốc tăng khả năng quy vào kinh can đờm, vị thuốc phải chế với phụ liệu có màu xanh như mật bò, mật lợn; thiên nam tinh chế với mật lợn thành đờm nam tinh (lúc này có màu xanh). Muốn có vị chua, chế với giấm (ngà truật chế giấm, hương phụ chế giấm...). Theo cách lý giải tương tự, người ta tẩm bột chu sa, thần sa (có màu đỏ) vào vị thuốc xương bồ để tăng quy kinh tâm. Tẩm bạch truật, hoàng kỳ với mật ong để có màu vàng vị ngọt, hoặc bạch truật, thương truật tẩm hoàng thổ... để tăng quy kinh tỳ vị... Vỏ rễ dâu, cạo sạch lớp bên để trắng ra tức là "bạch" ta có vị tạng bạch bì để tăng quy kinh phế. Cầu tích, ba kích tẩm muối, trắc bách diệp, ngải diệp sao đen, tăng quy kinh thận...

3. Ý NGHĨA CỦA CHẾ BIẾN THUỐC CỔ TRUYỀN

3.1. Làm cho thuốc tinh khiết.

- *Trước hết đúng bộ phận dùng:* Phải loại bỏ những bộ phận không có tác dụng. Ví dụ: tỳ bà diệp hoặc, nạm tỳ bà diệp (lá hen) phải lau sạch lớp lông màu đỏ sạch và mẫu

trắng, nếu không khi uống, chính lông này sẽ kích thích cổ họng, gây ho.

Ma hoàng cắt bỏ rễ, vì rễ có tác dụng đối lập với vị thuốc ma hoàng. Rễ ma hoàng có tác dụng cầm mồ hôi; còn ma hoàng lại làm ra mồ hôi. Liên kiều cần bỏ hạt; kim anh cũng bỏ hạt v.v... Tuy nhiên đôi khi có những bộ phận bỏ đi của vị thuốc này lại là nguồn nguyên liệu cho việc chữa bệnh khác (rễ ma hoàng, hạt liên kiều...).

- *Thuốc cần phải xử lý sạch trước khi dùng* Địa long (giun đất); mổ rửa sạch đất trong bụng phơi khô, sao vàng. Rắn, tắc kè, mổ bỏ hết phủ tạng (trừ mật rắn rất quý), dùng cồn hoặc cồn gừng rửa cho sạch, cóc phải lột bỏ da, rửa sạch nhựa, loại hết trứng (ngay cả trứng bị sa và nằm sâu trong các bắp cơ ở chân cóc). Các loại thuốc nói chung cần qua khâu rửa sạch. Như vậy làm cho thuốc sạch, đúng bộ phận dùng là yêu cầu hàng đầu để có được hiệu quả cao trong điều trị.

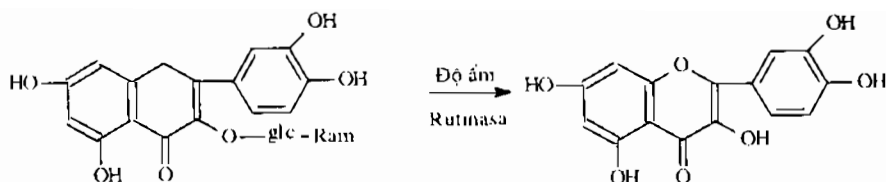
3.2. Làm cho thuốc bảo quản được tốt hơn.

Sau khi phơi sấy, góp phần ổn định dược liệu tránh được thuốc bị men mốc. Cúc hoa, vị thuốc quý, nếu không qua sấy sinh, chỉ vài ngày hoa cúc bị mốc đen, và rụng cánh hoa, hết thơm; và tác dụng chữa bệnh kém và không tác dụng nữa.

Ta biết rằng trong rất nhiều vị thuốc cổ truyền, có chứa các hợp chất flavonoid có tác dụng chữa bệnh tốt: Tác dụng thanh nhiệt, tác dụng chống oxy hóa (antioxydant)... Song cũng rất dễ bị men, nằm ngay trong vị thuốc thủy phân, dẫn đến tác dụng điều trị giảm đi, hoặc hết tác dụng.

Ví dụ:

- Hợp chất rutin, có trong hoa hòe, trong điều kiện ẩm, sẽ bị men rutinase thủy phân biến rutin thành quecetin. Hoa hòe bị xám đi.

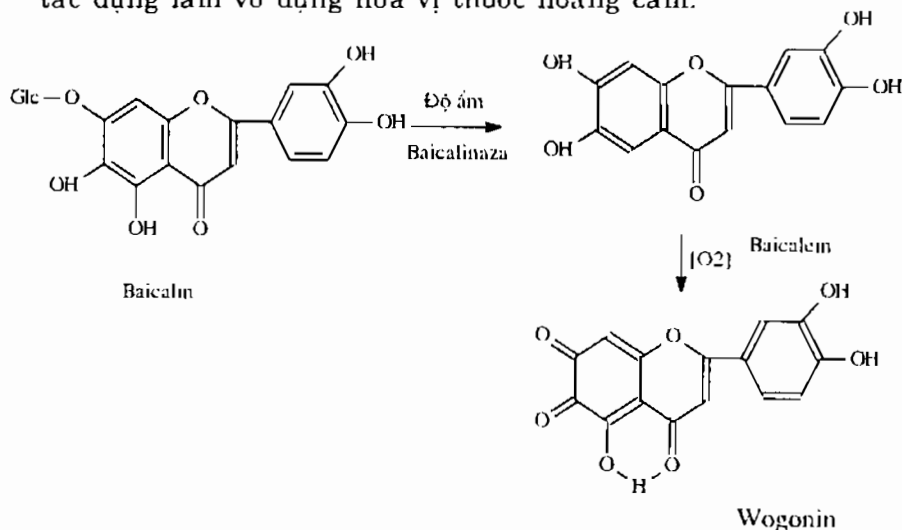


Rutin

Quecexetin

Để khắc phục tình trạng này cần phơi khô hoa hòe ngay sau khi thu hái, tốt nhất là sau khi phơi khô cần sao nhanh để diệt men.

- Hợp chất chính đưa lại tác dụng của hoàng cầm, cũng bị nhanh chóng phân huỷ, trở thành thành phần không có tác dụng làm vô dụng hóa vị thuốc hoàng cầm.



Sản phẩm oxy hóa cuối cùng có màu xanh gi đồng, và không có tác dụng về mặt sinh học. Chính vì lý do đó, việc

chế biến hoàng cầm, cần được tiến hành thật tốt. Việc bào quản hoàng cầm cần được tiến hành trong điều kiện khô thoáng về độ ẩm và nhiệt độ, đặc biệt về độ ẩm. Ngay khi chế biến hoàng cầm nếu ngâm nước lạnh để làm mềm, cũng làm men dễ thủy phân hoạt chất. Do đó để có hoàng cầm đạt tiêu chuẩn, cần tiến hành đồ trong thời gian ngắn; vừa có tác dụng làm mềm vị thuốc vừa có tác dụng diệt men.

3.3. Chế biến làm cho vị thuốc giòn, dễ tán nghiền.

Dưới tác dụng của nhiệt độ khi sao, nấu... cấu trúc của dược liệu bị phá vỡ; đặc biệt khi sao (vị thuốc xóp ra, phồng lên...) làm cho liên kết giữa các tế bào kém đi. Do đó việc xay nghiền dễ hơn. Ví dụ: Xuyên sơn giáp rất cứng dai, sau khi sao cát, vị thuốc phồng lên, rất dễ tán. Cao ban long, có thể chất dẻo, dai sau khi sao với bột vụn, các miếng cao phồng đều, xốp dễ xay vụn. v.v....

3.4. Chế biến làm vị thuốc dễ dàng chiết xuất các hoạt chất.

Sau khi sao, đặc biệt sao vàng hạ thổ, khiến bề mặt vị thuốc căng phồng, nứt nẻ; điều đó giúp cho việc chiết xuất (sắc, hầm, ngâm, ngấm kiệt...) thuận lợi hơn, vì dung môi chiết xuất (nước hoặc cồn) dễ ngấm sâu vào vị thuốc, hoà tan các hoạt chất, kéo chúng ra khỏi vị thuốc do đó hiệu quả trị liệu tốt hơn.

3.5. Làm tăng tính quy kinh của vị thuốc.

Như ta đã biết các vị thuốc đều quy vào một hoặc nhiều kinh nhất định, Tang bạch bì quy kinh phế, Hà thủ ô quy 2 kinh can thận, Ma hoàng quy 3 kinh, phế tý, bàng quang, Cam thảo quy 12 kinh ...

Khi chế biến thường qua các khâu sao, trích với phụ liệu, điều đó giúp cho vị thuốc tăng tính quy kinh của nó. Ví dụ:

Bạch thuật, Cam thảo tăng tính quy kinh tỳ sau khi trích mật ong; Hà thủ ô đồ tăng tính quy kinh can thận, sau khi nấu với đồ đen...

3.6. Làm thay đổi tính vị, tác dụng.

Nhiều vị thuốc sau khi chế biến làm tính vị của nó thay đổi và kèm theo là tác dụng cũng thay đổi.

Điển hình là vị sinh địa, vị đắng, tính hàn, công năng lương huyết. Sau khi chế với rượu, sa nhân gừng dưới tác dụng của nhiệt độ (nấu), ánh sáng khi phơi đã làm cho vị của nó trở thành ngọt và tính trở nên ấm (ta có vị thực địa). Thực địa lại có tác dụng bổ huyết. Hàm lượng đường tăng lên hơn 2 lần. Ở sinh địa hàm lượng đường toàn phần 15% ở thực địa 36%.

Nhiều chỉ số khác cũng biến đổi; có thể quan sát ở chuyên đề chế thực địa.

Sinh khương vị cay tính ấm, công năng phát hãn giải biểu hàn dùng trong bệnh cảm mạo phong hàn sốt cao, ho. Song nếu đem nướng cháy ta có thán khương, vị ít cay hơn, do mất bớt lượng tinh dầu; đồng thời lại có tác dụng chữa đầy bụng, đau bụng buồn nôn.

3.7. Làm tác dụng của vị thuốc tăng lên.

- Thảo quyết minh vị sao có tác dụng tẩy mạnh, mùi nồng, khó uống.

Sao vàng tác dụng nhuận hạ, hạ áp, dùng trong bệnh táo bón. Sao cháy thảo quyết minh có tác dụng an thần rõ hơn; đồng thời hạ áp mạnh hơn dạng sống (trên chuột thí nghiệm).

Bán hạ khi chế gừng giảm tính chất kích thích cổ họng. Tác dụng chống ho trừ đờm tốt hơn (trên chuột thí nghiệm).

- Cả 3 dạng chế của hoa hòe: Vị sao, sao vàng, sao cháy đều có tác dụng hạ áp. Song dạng sao cháy tác dụng tốt hơn.

Thực nghiệm giãn mạch tai thỏ thấy rằng dạng sống và sao vàng giống nhau, dạng sao cháy tốt hơn. Hoa hòe sao vàng, sao cháy đều có tác dụng rút ngắn thời gian đông máu ở đuôi chuột.

- Đối với vị thuốc nga truật, dạng chế phẩm hạ áp tốt hơn dạng sống. Dạng chế giấm cũng giãn mạch tai thỏ tốt hơn dạng sống. Các dạng chế nga truật đều có ảnh hưởng tới các yếu tố làm tan sợi huyết đến quá trình tiêu fibrin và rút ngắn thời gian tiêu sợi fibrin tốt hơn dạng sống.

3.8. Chế biến giảm độc tính của vị thuốc.

Có thể quan sát ở các dạng chế biến của mã tiền rang cát, rán dầu vừng, dầu lạc. Dạng rang cát, thành phẩm có tính không ổn định về hàm lượng alkaloid.

Ở mã tiền sống, hàm lượng alkaloid toàn phần 1,43%; mã tiền rán dầu vừng 0,55%, rán dầu lạc 1,28%. Song song với sự thay đổi hàm lượng alkaloid toàn phần; hàm lượng strychnin, alkaloid chính của mã tiền cũng giảm đi.

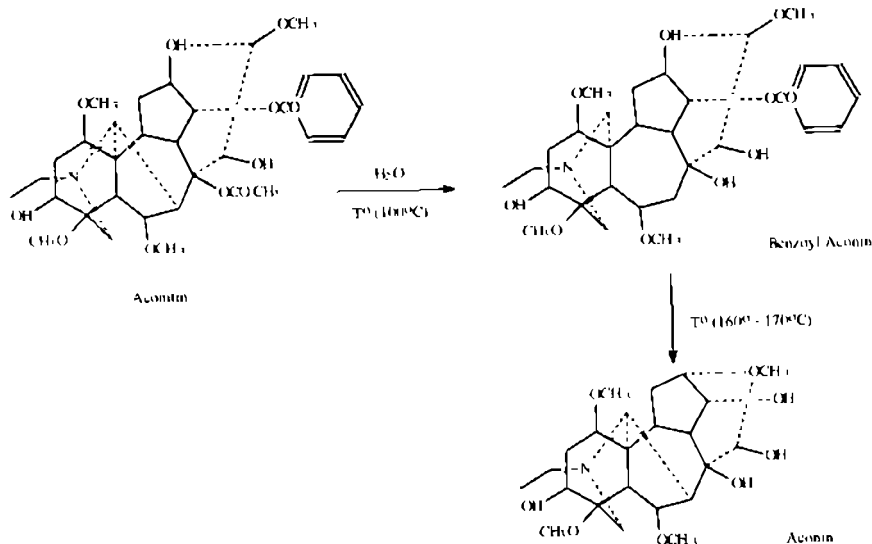
Ở mã tiền sống hàm lượng strychnin 0,38%, dạng rán dầu vừng 0,25, dạng rán dầu lạc 0,3%.

Đối với phụ tử, việc chế biến cũng làm giảm hàm lượng alkaloid toàn phần của nó. Với phụ tử sống hàm lượng aconitin 0,195%; phụ tử đồ hàm lượng aconitin 0,058%; hắc phụ 0,058%; nấu dưới điều kiện có áp suất hàm lượng đó là 0,067%. Như vậy có thể thấy rằng sau khi chế biến các hàm lượng alkaloid ở mã tiền và phụ tử đều giảm đi. Các alkaloid chính của chúng strychnin trong mã tiền, aconitin trong phụ tử đều giảm thấp. Chính vì lẽ đó, sau khi chế biến, người ta đã dùng chúng làm thuốc để uống được vì độc tính đã giảm; còn nếu không chế thì chỉ được phép dùng ngoài dưới dạng cồn xoa bóp chữa đau nhức xương cốt hoặc cơ nhực.

3.9. Chế biến làm thay đổi về mặt hóa học.

Nhiều công trình nghiên cứu đã chứng tỏ sau chế biến, các thành phần hóa học trong vị thuốc đều có sự biến đổi lớn. Đa phần có sự biến đổi về hàm lượng. Ví dụ các dược liệu chứa tinh dầu, sau khi chế biến, hàm lượng tinh dầu giảm đi rõ rệt, trắc bách diệp, ngải diệp, hương phụ nếu sao cháy, hàm lượng tinh dầu giảm 80%, sao xém cạnh giảm 40%.

Với phụ tử, qua chế biến, có sự biến đổi về mặt hóa học của alkaloid chính aconitin.



Như vậy sau một chuỗi biến đổi về mặt hóa học; dưới tác dụng của nhiệt độ, thành phần hóa học chính của phụ tử (aconitin) đã bị thay đổi từ aconitin một chất rất độc (5mg aconitin có thể gây chết người) đã chuyển thành benzoyl aconin ở nhiệt độ 100°C và nếu dùng áp suất ở nhiệt độ 160°C - 170°C, ta sẽ có sản phẩm cuối cùng là aconin. Aconin chỉ độc bằng 1/50 - 1/2000 aconitin. Mặt khác aconin tăng huyết áp. Chính vì vậy ta có thể dùng phụ tử chế (hắc phụ, bạch phụ) để làm thuốc uống trong; dùng tốt cho các trường hợp dương hư, thoát dương (trạng thái suy tim, huyết áp tụt...)

4. CÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ BIẾN THUỐC CỔ TRUYỀN

Phương pháp chế biến thuốc cổ truyền rất phong phú và đa dạng; song tựu trung lại có 3 phương pháp cơ bản; đó là phương pháp dùng lửa, dùng nước và phương pháp kết hợp nước lửa.

4.1. Phương pháp dùng lửa.

4.1.1. Sao không có phụ liệu (sao trực tiếp):

- Vi sao (với dược liệu cấu tạo mỏng manh nhiệt độ sao 50°C - 80°C)

- Sao vàng - nhiệt độ sao 100°C - 140°C gồm sao riêng hoặc trích (tẩm phụ liệu rồi sao vàng)

- Sao vàng hạ thổ

- Sao vàng sém cạnh, nhiệt độ sao 170°- 200°C

- Sao tồn tính (sao đen, hắc sao) nhiệt độ sao 200°C

- Sao cháy (sao thán) nhiệt độ sao 200°C - 240°C

4.1.2. Sao có phụ liệu (sao gián tiếp):

- Sao cách cát nhiệt độ sao từ 200°C - 250°C

- Sao cách đất

- Sao cách cám
- Sao cách gạo
- Sao cách muối
- Sao cách bột hoạt thạch
- Sao cách bột vãn cấp.

4.1.3. Sấy:

Sấy với nhiệt lượng tỏa của củi, than, điện để làm khô; sấy với nhiệt lượng của hơi lưu huỳnh để làm mềm dược liệu, để bảo quản thuốc.

4.1.4. Nung:

Dùng nhiệt độ cao 800°C - 1000°C để nung cho dược liệu thành bột (bột vãn cấp, cửu khổng).

4.2 Phương pháp dùng nước.

4.2.1. Rửa: Rửa sạch đất cát, rửa các phụ liệu khi chế

4.2.2. Ngâm: Ngâm không có phụ liệu (ngâm bằng nước lã) để làm sạch muối (hải táo)

4.2.3. Ngâm phụ liệu: Dung dịch NaCl, $MgCl_2$, Na_2SO_4 , $Ca(OH)_2$, $MgSO_4$, phèn chua, nước sắc của bồ kết, cam thảo.

4.2.4. Ủ:

- Với mục đích làm mềm dược liệu, dễ thái
- Ủ lên men (chế sinh địa thành thực địa, chế thần khúc)
- Ủ cho thơm (gạc nai ủ sinh khương) để tẩy mùi.

4.3. Phương pháp kết hợp nước lửa.

+ Chung thường có phụ liệu gừng, sa nhân, rượu (chế sinh địa thành thực địa)

+ Đồ có hoặc không có phụ liệu: Đồ cho mềm dược liệu (hoàng cầm, hoài sơn...), có phụ liệu đậu đen (đồ hà thủ ô đỏ)

+ Nấu không phụ liệu với mục đích làm mềm (nấu loãng tinh), nấu có phụ liệu đậu đen (hà thủ ô đồ)

4.4. Vài điểm cần chú ý khi tiến hành chế biến.

4.4.1. Phụ liệu:

- Phụ liệu dùng để chế cần phải sạch. Ví dụ cát cần rửa sạch nhiều lần, gạn bỏ mùn hữu cơ; đất phơi khô; đất cũng cần làm sạch mùn, phơi khô, trong quá trình sao, nếu đất bị đen đi, phải bỏ.

Cám dùng để sao phải là cám gạo, không dùng bột cám nuôi gia súc.

4.4.2. Nhiệt độ: Cần dùng nhiệt độ thích hợp đối với từng loại sao.

4.4.3. Kỹ thuật: Cần nắm vững kỹ thuật của từng loại sao; khi sao cần phải đảo đều, chú ý màu sắc của thuốc, mùi vị của thuốc khi sao để chọn điểm dừng cho thích hợp.

- Đối với vi sao chỉ cần thuốc khô, hết mùi mốc, mùi hắc của thuốc là được.

- Đối với sao vàng, toàn bộ phiến có màu hơi vàng hoặc vàng đậm (tùy yêu cầu từng loại)

- Sao vàng sém cạnh: Toàn bộ thuốc có màu vàng, rìa cạnh bị đen đi. Sao tồn tính, bên ngoài đen đi, bên trong còn vàng. Sao cháy (thán sao) bên ngoài đen có mùi cháy, bên trong có màu nâu.

- Sao vàng hạ thổ: Sao tới khi thuốc có màu vàng đỏ thuốc xuống nền đất sạch, úp nguyên dụng cụ sao phía trên, cũng có khi phải đào một hố sâu độ 25cm, diện tích đáy hố tùy theo lượng thuốc đem sao mà quyết định, lượng thuốc sao lớn, hố cần rộng hơn.

- Sao cách cám: Thường đổ cám vào trước, đun tới khi cám bốc khói trắng; mới đổ thuốc vào, đảo đều, tới khi đạt yêu cầu. Đôi khi thuốc và cám cùng sao.

- Sao cách bột hoạt thạch hoặc bột vôi cấp: Thường dùng cho các thuốc có thể chất mềm, dễ dính bết, cần đòi hỏi độ tinh khiết cao như các loại cao động vật (cao ban long, cao gấu, cao khỉ...); có thể cắt được liệu thành từng miếng có kích thước 1cm x 1cm x 1cm sao tới khi phồng tròn, xốp, thơm ngậy.

5. PHỤ LIỆU THƯỜNG DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THUỐC CỔ TRUYỀN

Trong chế biến thuốc cổ truyền người ta thường dùng một số phụ liệu với nhiều mục đích khác nhau; song có mục đích chung nhất là làm cho vị thuốc tốt hơn về thể chất cũng như về hiệu quả trị bệnh của nó.

Những phụ liệu thường được dùng như: Giấm ăn, nước vo gạo, muối, gừng, bồ kết, sữa, cám, nước đậu đen, trúc lịch, hoàng thổ v.v...

5.1. Dùng giấm làm phụ liệu.

Với ý nghĩa là đưa thêm vị chua (vị của acid acetic trong giấm) vào thuốc với mục đích tăng sự quy kinh Can đờm cho vị thuốc vì theo thuyết ngũ hành chua nhập can. Trên thực tế, đưa giấm vào vị thuốc tức là acid hóa một số hợp chất hóa học trong vị thuốc, biến nó thành muối dễ tan trong nước, thuận tiện cho việc chiết rút chúng ra khỏi vị thuốc (huyền hồ, nga thuật tẩm giấm).

5.2. Dùng gừng làm phụ liệu.

Tẩm gừng vào vị thuốc: Với mục đích làm ấm vị thuốc, làm cho vị thuốc chủ thăng chủ tán; tức đưa khí vị của thuốc

lên thượng tiêu hoặc ra phần biểu, thực chất gừng có nhiều tinh dầu có vị thơm cay, có tác dụng giãn mạch; do đó có tác dụng ấm, hơn nữa lại có tác dụng chỉ ho. Vì vậy vị thuốc tẩm gừng cũng hay được dùng để bổ khí bổ phế. Ví dụ sa sâm, đẳng sâm, cát cánh tẩm gừng. Ngoài ra gừng còn có ý nghĩa giải độc nên nó là nguyên liệu thường được dùng nhiều trong chế biến các vị thuốc khác.

5.3. Dùng muối làm phụ liệu.

Với mục đích tăng sự dẫn thuốc vào kinh thận, làm cho vị thuốc tác dụng mạnh hơn đối với thận, bàng quang, ta biết rằng các ion Cl^- trong muối ăn (NaCl) có tác dụng tăng tiết nước tiểu. Do vậy người ta thường dùng muối ăn với lượng chừng 5% so với dược liệu để tẩm trích. Ví dụ cầu tích, đỗ trọng, trạch tả trích muối. Ngoài ra muối còn tác dụng giải độc, và làm mềm khối u rắn.

5.4. Dùng hoàng thổ làm phụ liệu.

Cũng nhằm mục đích tăng sự quy kinh của thuốc vào kinh tỳ vị, vì hoàng thổ có màu vàng, (vàng nhập tỳ). Ví dụ bạch truật, nam truật tẩm hoàng thổ. Thật vậy, trong hoàng thổ có chứa các muối của nhôm (Al); ta biết rằng các muối kép của nhôm có tác dụng tốt lên niêm mạc của dạ dày khi bị loét (ngày nay tân dược đã có nhiều chế phẩm trong thành phần có muối của nhôm để chữa đau dạ dày).

5.5. Dùng mật ong hoặc đường làm phụ liệu.

Cùng với lý do vị ngọt quy kinh tỳ, hoàng kỳ, cam thảo tẩm mật ong cũng với lý do đó trên thực tế mật ong có chứa các thành phần đường khử glucose, fructose, có tác dụng bổ; mật ong lại có tác dụng kháng sinh tốt, làm lành các vết sẹo; do đó đối với tỳ vị nói riêng và toàn cơ thể nói chung nó là một vị thuốc tốt.

5.6. Dùng nước cam thảo tẩm dược liệu.

Cũng với mục đích tăng vị ngọt để thuốc tăng quy kinh tỳ, đồng thời còn có ý nghĩa giải các chất độc. Trên thực tế người ta đã chứng minh glycyrrhizin một thành phần trong cam thảo có tác dụng giải độc tốt vì bản thân nó sau khi uống vào cơ thể sẽ tạo thành acid glucuronic, acid này có khả năng kết hợp với chất độc, do đó có tác dụng giải độc.

5.7. Dùng rượu làm phụ liệu.

Với ý nghĩa tăng tính ấm cho vị thuốc, làm khí vị của thuốc đi lên trên thượng tiêu. Ví dụ nhân sâm, đảng sâm, hoàng liên trích rượu. Trên thực tế rượu là một dung môi hữu cơ, dễ tan các thành phần hóa học trong thuốc. Tẩm rượu có ý nghĩa làm tan các hoạt chất trong thuốc vào rượu, chiết chúng ra khỏi tế bào. Do vậy khi bào chế dễ dàng thu được hàm lượng cao của hoạt chất.

5.8. Dùng đông tiện làm phụ liệu.

Với mục đích tăng tính âm cho vị thuốc. Trên thực tế trong đông tiện chứa rất nhiều các thành phần khác nhau; có các thành phần muối, thành phần hormon, vitamin v.v... Do đó chừng mực nào bổ sung thêm một số chất, làm vị thuốc bớt tính hao, lại có lợi cho chức năng của thận (phần nội tiết). Ví dụ hương phụ trích đông tiện...

5.9. Dùng nước đậu đen làm phụ liệu.

Với mục đích giảm tính hao của vị thuốc; tăng tính nhuận, tính bổ cho vị thuốc, trên thực tế ta thấy vỏ đậu đen có chứa nhiều các hợp chất anthoxian, hợp chất này có tác dụng chống oxy hóa, tác dụng thanh nhiệt tốt; Ví dụ hà thủ ô đồ nấu với nước đậu đen, sau đó tẩm với nước đậu đen cho vị thuốc trở nên tím thẫm. Rõ ràng sau đó hà thủ ô đồ đỡ chất và bụi đậm hơn. .

5.10. Dùng phèn chua.

Để ngâm rửa thuốc khi chế với mục đích làm sạch, sạch nhớt, sạch chất ngứa; ví dụ khi gọt vỏ củ mài tươi, nhiều chất nhớt tiết ra, ngâm vào dung dịch phèn chua 5%; chất nhớt sẽ se lại, dễ dàng xép củ mài vào tú sậy.

5.11. Dùng bồ kết trong chế biến thuốc.

Với mục đích tẩy trừ các chất độc, chất ngứa, ví dụ bán hạ ngâm với nước sắc bồ kết. Bồ kết chứa các hợp chất saponosid tritecpen, khi ngâm có tác dụng làm mềm vị thuốc; giảm sức căng bề mặt của thuốc, do đó các chất độc dễ bị loại đi. Khi chế với bồ kết, người ta thường kèm với một vài phụ liệu có tác dụng tẩy độc khác như phèn chua, vôi tôi...

Ví dụ ngâm bán hạ với nước sắc bồ kết, với vôi tôi.

5.12. Dùng vôi tôi để chế thuốc.

Với mục đích tẩy mùi hôi, tẩy thịt, tủy của xương động vật, tẩy chất ngứa có khi ngâm với vôi (bán hạ) hoặc đun với vôi (xương động vật).

Sau khi ngâm hoặc đun phải dùng nước lã rửa sạch vôi. Ta biết rằng vôi tôi là Ca(OH)_2 một chất kiềm; khi ngâm có tác dụng hòa tan một số chất độc; hoặc tạo môi trường kiềm để chất độc dễ tan ra trên cơ sở đó dễ rửa loại chất độc đi. Còn khi nấu với vôi, các chất thịt, mỡ bám vào xương động vật bị tan rã (do thủy phân); dễ dàng cạo rửa, tẩy sạch.

5.13. Dùng nước trầu không, để chế thuốc.

Với mục đích tẩy sạch mùi hôi ở gạc, xương động vật. Đun lá trầu không, lấy nước ngâm rửa. Cũng làm tương tự với nước rau cải trong chế biến xương động vật.

PHẦN II

CHẾ BIẾN CÁC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

BA ĐẬU *Semen Tiglii*

Là hạt quả cây ba đậu *Croton tiglium* họ thầu dầu *Euphorbiaceae*

1. Nhân ba đậu.

Đập bỏ vỏ cứng bên ngoài.

Sàng lấy nhân. Phơi sấy khô. Xát bỏ vỏ mỏng ngoài nhân

2. Ba đậu sương.

2.1. *Ép lạnh*: Lấy nhân ba đậu (sau khi bỏ vỏ) hoặc hạt ba đậu, sau khi sao nứt vỏ; xát bỏ vỏ ngoài. Nghiền mịn, lấy giấy bản gói kỹ hoặc lấy vải gai gói lại để thấm dầu ép dầu. Thay giấy gói, tiếp tục ép dầu. Bã nghiền nhỏ và rây.

2.2. *Ép nóng*: Đem ba đậu nhân, nghiền mịn, gói giấy bản để thấm dầu. Phơi gói ra nắng hoặc sấy trên lò cho nóng. Ép bỏ dầu, tới khi bã còn khoảng 10%. Bã nghiền nhỏ và rây

2.3. *Chung rồi ép*: Sau khi làm sạch vỏ hạt. Nhân gói vào giấy bản. Chung các gói giấy cho nóng lên, ép nóng lấy dầu - bã nghiền nhỏ và rây.

2.4. *Sau khi ép dầu* bã còn lại đem sao:

+ Bã ba đậu đem sao vàng gọi là ba đậu sương; còn sao đen gọi là hắc ba đậu

* **Công dụng:** Hạt và dầu ba đậu đều là thuốc độc bằng A. Tây y dùng dầu ba đậu làm thuốc tẩy mạnh, thuốc trị tê thấp, viêm phổi, đau ruột. Đông y dùng ba đậu để tả hàn tích, trục đờm thủy. Ba đậu sương độc tính đã giảm và tính tả hạ cũng giảm.

BA KÍCH

Radix Morindae

Dùng rễ của cây Ba kích - *Morinda officinalis* How. Họ Rubiaceae.

1. Làm mềm rồi thái.

Dem ba kích rửa sạch, ngâm nước, ủ cho mềm; bỏ lõi; thái đoạn chéo dài 3 - 5 cm. Có thể sau ngâm rửa rồi đồ cho mềm; khi còn nóng bỏ lõi; thái đoạn vát dài 3 - 5 cm. Phơi khô.

2. Ba kích tẩm rượu.

Dem ba kích đã chuẩn bị ở trên, tẩm rượu, ủ 30 phút cho ngấm đều. Sao nhỏ lửa tới khô. Có thể tẩm rượu, ủ 12 giờ, sao cho khô.

3. Ba kích tẩm muối.

Ba kích	10 kg.
Muối ăn	dung dịch 5%.

Tẩm đủ ẩm, ủ mềm 30 phút đến 1 giờ. Sao nhỏ lửa đến màu vàng. Có thể sao tới nóng ba kích, rồi thêm nước muối; sao nhỏ lửa tới vàng.

Có thể sau khi tẩm muối đem chưng đến mềm (khoảng 30 phút); sau đem phơi khô. Cũng có thể thay chưng bằng nấu

với nước, 10 kg ba kích, 1 kg muối, đun 2 giờ liền, tới lúc ba kích chuyển màu đen là được. Phơi khô.

4. Chế ba kích với khởi tử và cúc hoa.

Lấy nước sắc khởi tử (10 kg ba kích, 1 kg khởi tử) ngâm với ba kích 12 giờ cho mềm. Vớt ra để ráo nước rồi tiếp tục ngâm với rượu trắng 30 phút. Phơi khô se độ ẩm còn khoảng 70%. Đem ba kích sao nóng bỏ cúc hoa vào (1kg ba kích dùng khoảng 20 gam cúc hoa), sao nhỏ lửa đảo đều tay tới khi bên ngoài ba kích ngả màu vàng.Đổ ra. Rây bỏ hoa cúc.

5. Ba kích chế với cam thảo.

Ba kích	10 kg
Cam thảo	0,5 kg.

Trước hết sắc nước cam thảo (nấu cam thảo chất nước 2 - 3 lần). Ba kích cho vào nước cam thảo, đun sôi kỹ tới khi mềm; đổ ra bỏ lõi, phơi khô, thái đoạn vát. Khi dùng cần sao vàng.

* **Công dụng:** Ba kích là vị thuốc bổ dương, bổ thận dương, làm mạnh gân cốt.

Dùng tốt cho những người thận dương kém, đau lưng mỏi gối chậm có con; hoặc sinh dục, phát dục kém.

Ba kích chế muối tăng quy kinh thận, dùng bổ thận, chế cam thảo để giảm tính độc (hơi ngứa) của ba kích.

BÁ TỬ NHÂN

Semen Thujae Orientalis

Là nhân hạt cây Trắc bá - (*Thujae orientalis* (L.) Endl. Họ Trắc bá - Cupressaceae). Nghiền bỏ vỏ; sau khi nghiền các

hạt, bỏ cả vào nước, nhân nổi lên vớt ra phơi khô, để tránh bị vón sẽ mất dầu.

1. Bá tử nhân tẩm chu sa.

Bá tử nhân 10 kg.

Bột chu sa 12 g.

Phun nước thấm đều bá tử nhân. Rảy đều bột chu sa vào. Lắc đều để bột chu sa dính đều lên toàn bộ bề mặt của bá tử nhân. Phơi âm can.

2. Bá tử nhân sao vàng.

Đem bá tử nhân sao nhỏ lửa, đảo đều tay đến khi có màu vàng đậm, mùi thơm là được.

3. Bá tử nhân sương.

Trước hết đem bá tử nhân nghiền nhỏ, dùng giấy bản gói kỹ (có thể dùng bao tải gai). Phơi hoặc sấy rồi ép dầu. Cũng có thể để ngoài trời nắng cho nóng rồi ép; thay giấy nhiều lần. Cũng có thể chưng nóng rồi ép hết dầu. Phơi ba ngày. Nghiền bột mịn để dùng.

* **Công dụng:** Bá tử nhân là thuốc dưỡng tâm an thần. Dùng đối với các bệnh tinh thần không ổn định; hoặc dùng đối với bệnh táo bón do đại tràng thực nhiệt, vì chất dầu của bá tử nhân có tác dụng nhuận tràng. Khi chế sương thì tác dụng nhuận tràng giảm. Chế chu sa để tăng tác dụng trấn tĩnh, an thần.

BÁCH BỘ

Radix Stemonae

Là rễ của cây Bách bộ - *Stemona tuberosa* Lour. Họ Bách bộ - Stemonaceae

Sau khi đào lấy rễ, thường là một chùm rễ, có khi trên 30 củ; rửa sạch đất, phơi khô hoặc sấy khô.

Bách bộ rửa sạch, ủ mềm, thái phiến lát độ dài phiến 3-5cm. Có thể chế theo các cách sau:

1. Chế với cam thảo.

Theo tỷ lệ 10: 0,8 (10kg bách bộ, dùng 800 gam cam thảo bắc). Đun cam thảo với nước 2 lần, mỗi lần đun sôi 1 giờ 30 gộp dịch nước sắc. Cho bách bộ vào nước sắc cam thảo, đủ ngập. Ngâm 3 giờ - 6 giờ. Vớt ra, phơi khô.

2. Bách bộ trích mật ong (hoặc đường đỏ).

Bách bộ 10kg

Mật ong 1kg; (hoặc siro đường đỏ).

- Đem bách bộ cho vào nồi, sao nhỏ lửa đến khi xuất hiện các chấm đen trên phiến thuốc. Thêm mật ong (hoặc siro), rưới đều. Vừa sao vừa đảo đều; giữ nhỏ lửa, tới khô.

- Lấy mật ong (thêm ít nước pha loãng); trộn đều vào bách bộ; sao lửa nhỏ đến khi miếng bách bộ biến màu.

3. Bách bộ chưng.

Xếp củ bách bộ vào thùng nhôm, chưng cách thủy 2-4 giờ. Sau khi chưng mềm, thái phiến. Phơi khô.

2.4. Bách bộ chưng rượu.

Bách bộ phiến 10kg

Rượu 2 lít.

Đem rượu tắm đều bách bộ, chưng 30 phút - 1 giờ. Lấy ra phơi khô.

5. Bách bộ rửa sạch, ủ mềm; bỏ lõi, thái phiến mỏng dài 3-5cm. Phơi khô. Tẩm mật. Sao vàng.

Công dụng: Bách bộ có tác dụng chỉ ho bình suyễn nhuận phế, sát khuẩn, tẩy giun. Khi chế mật tăng cường nhuận phế, bình suyễn. Alcaloid trong bách bộ có tác dụng chống ho trừ đờm; đồng thời giảm thấp hưng phấn trung khu hô hấp; do đó có tác dụng trị ho.

BÁCH HỢP

Bulbus Lillii

Là dò khô của cây Bách hợp - *Lilium brownii* F.F. var. *Colchesteri* Wils Họ Hành - Liliaceae

1. Lấy dược liệu bách hợp.

Loại bỏ các tạp chất, các dò đen. Rửa sạch. Phơi khô, hoặc đem sao qua cho khô.

2. Bách hợp trích mật.

Dùng mật ong hoặc đường đỏ chế thành sirô để trích.

Bách hợp	10kg
----------	------

Mật ong	0,3kg
---------	-------

Đem mật ong pha loãng bằng nước sôi để nguội với tỷ lệ 3 mật, 1 nước. Rưới mật vào bách hợp, trộn đều; ủ 30 phút. Đem sao nhỏ lửa đến khô là được.

Chú ý: Dụng cụ sao phải sạch và không dùng lửa to để tránh xuất hiện các chấm đen trên miếng bách hợp.

Công dụng: Bách hợp có tác dụng dưỡng âm nhuận phế, an thần, nhuận tràng. Dùng chữa ho, ho ra máu, đờm có máu hoặc khi tâm thần bất an, đại tiện bị táo, ợ chua.

BẠCH CẬP *Radix Bletillae*

Là củ của cây Bạch cập - *Bletilla striata* (Thunb) Reichb
F. Họ lan - Orchidaceae.

Sau khi thu hái, rửa sạch đất cát. Phơi khô. Có thể tiến hành chế biến như sau:

1. Thái phiến.

Trước hết đem bạch cập ngâm nước 2 giờ. Vớt ra ủ 1 ngày; lại làm như trên một lần nữa cho tới khi mềm. Vớt ra vẩy khô nước để tránh bị nhớt. Việc ủ lâu hay mau là phụ thuộc vào mùa (mùa đông có thể ủ 2 ngày). Khi ủ có thể vẩy thêm nước. Thái phiến dọc củ, dày 2-3 mm. Phơi khô.

2. Cũng có thể đem ngâm trong nước nóng 2 giờ.

Sau đó đem đồ mềm. Thái phiến dày 2-3mm. Do vị thuốc có thể chất rắn, song lại có chất nhớt cho nên cần chú ý việc làm mềm. Tuy nhiên ngâm lâu lại dễ làm mất hoạt chất cho nên đồ là phương pháp hay dùng để chế bạch cập.

*** Công dụng:** Thuốc có tác dụng cầm máu, dùng khi ho ra máu hoặc các trường hợp chảy máu khác: Máu cam, máu chân răng, băng huyết... Ngoài ra, thuốc còn có tác dụng sinh cơ, giảm đau; do đó dùng tốt cho các vết thương chảy máu hoặc nhọt độc lở loét khó liền miệng.

BẠCH CHỈ

Radix Angelicae

Rễ phơi khô của cây Bạch chỉ - *Angelica dahurica* (Fisch) Bench et Hook hoặc *A. anomala* Ave=Lall. Họ Hoa tán - Apiaceae

Sau khi thu hái, rửa sạch đất cát, phơi khô, xông diêm sinh bảo quản. Khi dùng có thể tiến hành chế biến.

1. Ngâm - thái.

Sau khi phơi khô, bạch chỉ rất cứng, cần làm mềm trước khi thái phiến bằng cách ngâm nước lã. Tuy nhiên nếu ngâm không đúng kỹ thuật làm củ mềm không đều, do đó việc thái phiến khó khăn, phần đầu rễ nếu còn cứng sẽ bị giòn vỡ; trong khi đó phần đuôi rễ là mềm nát. Để khắc phục tình trạng này có thể ngâm bằng cách: Cho bạch chỉ vào cái chậu nước đầu rễ hướng xuống đáy chậu (nước không đổ ngập phần đuôi). Tuy vậy, cách này chỉ phù hợp với điều kiện dùng lượng ít. Khi dùng lượng lớn cần ngâm rồi ủ mềm. Sau đó thái phiến dày 1-3mm, dài 5-7cm. Phơi khô.

2. Bạch chỉ sao giấm.

Bạch chỉ phiến	10kg
Giấm thanh	0,5kg.

Sau khi tẩm giấm, ủ 30 phút cho bạch chỉ hút hết. Sao khô.

3. Bạch chỉ sao cháy.

Đem bạch chỉ sao tới khi bề mặt phiến chuyển màu đen, có mùi cháy.

* **Công dụng:** Bạch chỉ có tác dụng phát hàn, giải biểu hàn, được dùng trong bệnh cảm mạo phong hàn; kèm theo

đau đầu nhiều; đặc biệt đau đầu vùng trán đỉnh, vùng xương lồng mày. Khi sao cháy bạch chỉ có tác dụng chỉ huyết, được dùng trong đại tiện ra máu. Cần chú ý, vì bạch chỉ thành phần chủ yếu là tinh dầu; nếu dùng với tính chất giải biểu, chỉ thông, cần tránh làm thất thoát bộ phận này. Vì trong thành phần của nó có chứa hoạt chất byak angelicol, có tác dụng làm giãn mạch làm cho khí huyết lưu thông để giảm đau. Với tính chất này có thể dùng bạch chỉ trong bệnh đau đầu do viêm xoang có mủ; hoặc đau thắt ngực do co thắt động mạch vành tim.

BẠCH GIỚI TỬ

Semen Brassicae

Là hạt chín phơi khô của cây Cải bẹ - *Brassica alba* Bois.
Họ cải - *Brassicaceae*.

1. Bạch giới tử sao vàng.

Lấy bạch giới tử sao đến màu vàng hoặc hơi có mùi thơm; để nguội.

2. Bạch giới tử sao đen.

Đun nóng chảo, cho giới tử vào, sao đến khi nóng chảo, sao đến khi có màu hơi đen.

*** Công dụng:** Bạch giới tử là thuốc có tác dụng hóa đờm chỉ ho. Dùng cho những người đờm nhiều gây suyễn tức khó thở.

Có thể phối hợp với tô tử, la bạch tử trong phương tam tử thang để chữa viêm phế quản.

BẠCH MAO CĂN

Radix Imperatae

Là rễ của cây Cỏ tranh - *Imperata cylindrica* Beauv. var Major (Nees) C.E. Hubb. Họ Lúa - Poaceae.

Sau khi thu hái, rửa sạch phơi khô. Khi dùng có thể chế biến theo các phương pháp sau:

1. Rửa sạch, ủ mềm 30 phút thái đoạn dài 3 - 5cm (có thể bỏ các vỏ mỏng và rễ con). Phơi khô.

2. Bạch mao căn sao thán.

Sao tới khi đen toàn bộ (nhiệt độ khi sao duy trì ở mức 180 °C), phía trong của thuốc có màu vàng đậm. Phun nước vào thuốc để trừ tính hỏa. Phơi khô.

3. Nung thán.

Cho bạch mao căn vào nồi đáy kín vung; đặt trên than hồng, nung đến tồn tính

4. Bạch mao căn muối.

Bạch mao căn	10kg
Muối ăn	0,5kg

Trước hết dùng lửa to, sao mao căn đến mức tồn tính; vẩy nước muối vào. Sao khô.

Công dụng: Bạch mao căn có tác dụng lương huyết, lợi tiểu. Dùng trong các trường hợp tiểu tiện khó khăn tiểu buốt dất do viêm đường tiết niệu; tiểu vàng đỏ do thấp nhiệt bàng quang. Đặc biệt các loại sao đen có tác dụng chỉ huyết tốt; vừa có tác dụng lợi tiểu vừa có tác dụng cầm máu; dùng thích hợp với viêm thận, viêm bàng quang có đái ra máu; hoặc sỏi thận, bàng quang đi tiểu có máu. Sao với muối nhằm tăng tác

dụng quy kinh thận của vị thuốc. Với tác dụng cầm máu, còn dùng trong các bệnh nôn ra máu, chảy máu cam, băng huyết...

BẠCH PHỤ TỬ

Rhizoma Typhonii gigantei.

Là rễ củ của cây Bạch phụ tử - *Typhonium giganteum* Engl. Họ Ráy - Araceae.

Lưu ý vị thuốc bạch phụ tử không phải là sản phẩm bạch phụ tử, chế từ rễ cây Ô đầu - *Aconitum fortunei* hoặc cây Bạch phụ tử - *Jatropha multifida* L..

1. Bạch phụ chế.

Ngâm với nước vôi, sinh khương:

Bạch phụ sống	10kg
Vôi tôi	0,1kg
Gừng	0,2kg

Ngâm bạch phụ sống 1 ngày với nước lã, gạn bỏ nước ngâm tiếp với nước vôi, 2 ngày. Thỉnh thoảng khuấy đảo; đến khi vỏ củ có màu vàng nhạt. Gạn rửa sạch vôi và tiếp tục ngâm nước lã 2 ngày (hàng ngày thay nước, đặc biệt mùa hè) đến khi hết mùi vôi. Đổ ra phơi âm can, thái phiến dày 1-3 mm. Phơi khô se, độ ẩm chừng 20%. Đem ngâm nước gừng 1 ngày đến mềm. Đổ ra phơi khô hoặc sấy nhẹ.

2. Chưng với gừng, phèn chua, cam thảo.

Bạch phụ sống	10kg	Gừng	0,3kg
Phèn chua	1 kg	Cam thảo	1kg.

3. Ngâm Bạch phụ sống với nước lã 2 ngày, hàng ngày có thay nước. Rửa sạch cho vào thùng nhôm; thêm gừng phiến,

nước sắc cam thảo, phèn chua, ngâm 5 ngày liền. Sau chừng 4 giờ, ruột củ trong là được. Phơi âm can. Tẩm thuốc với dịch chưng còn lại cho mềm, sau thái phiến, phơi âm can. Cũng có thể ngâm bạch phụ với đồng tiền 3 ngày; tiếp theo ngâm nước lã 2 ngày, hàng ngày thay nước 2-3 lần. Sau đó ngâm với phụ liệu, cứ 1 lớp bạch phụ lại 1 lớp cam thảo, 1 lớp gừng và 1 lớp phèn chua. Ngâm 7-10 ngày; sau chưng đến chín mềm. Đổ ra phơi chỗ mát 1 ngày. Thái phiến dày 1 - 3mm.

4 Nấu với gừng.

Bạch phụ sống	10kg
Gừng tươi	0,5kg

- Bạch phụ ngâm nước 4-5 ngày, hàng ngày thay nước. Sau thêm gừng trộn đều; đun lửa to thời gian 1 ngày; đến khi ruột củ mềm. Ủ 4-5 ngày; đến khi trong ngoài đều mềm là được, thái phiến dày 3-5mm. Phơi khô.

5. Nấu với phèn chua.

Bạch phụ sống	10kg
Phèn chua	1kg.

Đem bạch phụ sống ngâm nước 7-10 ngày, hàng ngày thay nước 2-3 lần, nếu khi ngâm thấy vỏ nứt thì thêm ít phèn chua vào ngâm. Ngâm đến khi nhấm củ hết vị cay tê. Cho phụ tử vào nồi đồng, ngâm tiếp với phèn chua. Sau đó đun lửa to đến khi củ mềm. Đổ ra phơi âm can đến khi độ ẩm còn độ 30%. Ủ 2 ngày; đến khi trong ngoài đều mềm như nhau đem thái phiến dày 3-5mm.

6. Nấu bạch phụ với gừng, phèn chua.

Bạch phụ sống	10kg
Gừng	2kg
Phèn chua	2kg.

Ngâm bạch phụ sống với nước vo gạo 3 ngày, mỗi ngày đều thay nước. Sau đó ngâm tiếp với nước phèn chua 3 ngày (không thay nước); rửa sạch, ngâm nước lã 3 ngày. Sau đó cho vào nồi đồng nấu 2 lần, mỗi lần 1 giờ; mỗi lần nấu đều dùng nước mới. Đổ ra và sau đó nấu tiếp với gừng, đổ nước xâm xấp; đun đến khi cạn nước; nhấm hết vị cay tê. Thái phiến, phơi khô.

7. Nấu bạch phụ với cam thảo, phèn chua.

Bạch phụ sống	10kg
Cam thảo	1,0kg
Phèn chua	1kg.

Ngâm bạch phụ với cam thảo và nước phèn chua, ngâm 4 ngày, hàng ngày thay nước, đến khi nhấm hết vị cay tê. Thêm nước nấu kỹ; đổ ra để vò se, ủ 1-2 ngày. Thái phiến, phơi khô

8. Nấu với gừng, bồ kết, cam thảo, phèn chua.

Bạch phụ sống	10 kg	Gừng	1 kg
Bồ kết	0,5 kg	Cam thảo	0,5 kg
Phèn chua	0,2 kg.		

Đem bạch phụ ngâm nước kỹ, cho các phụ liệu vào; đun nhỏ lửa đến khô, lúc đó ruột củ trong ra. Đổ ra, thái phiến 1-3mm. Phơi khô.

9. Nấu với đậu đen, phèn chua, cam thảo.

Bạch phụ tử sống	10kg,
Đậu đen	1kg,
Phèn chua	0,1kg
Cam thảo	0,3kg.

Ngâm bạch phụ tử 5 ngày với nước lã, hàng ngày đều thay nước. Nấu với đậu đen (đậu đen đã ngâm nước 48 giờ

cho mềm) và phèn chua 4 giờ liền; đến khi ruột củ trong ra. Phơi âm can, thái phiến 5mm. Phơi đến khi độ ẩm còn độ 20%, ngâm với nước cam thảo 48 giờ. Đổ ra rửa sạch, phơi khô.

10. Nấu phụ tử với đậu phụ.

Phụ tử sống 10 kg

Đậu phụ 2,5kg

Trước hết ngâm phụ tử 5-7 ngày, hàng ngày thay nước 2 lần. Sau đó cho đậu phụ vào nồi đồng, thêm nước, đun sôi; cho tiếp phụ tử vào nấu nửa giờ liên tục, lửa nhỏ. Đổ ra, bỏ đậu phụ. Để chỗ mát đến khô vỏ. Ủ một ngày; tiếp tục ủ phơi âm can 1-2 ngày, tiếp đó thêm nước nóng vào, đun. Để nguội rồi ủ 1-2 ngày, đến khi củ mềm. Lấy ra thái phiến 5mm. Phơi khô

11. Nấu bạch phụ tử với đậu phụ và gừng.

Bạch phụ tử 10kg

Đậu phụ 5kg

Ngâm bạch phụ với nước lã 7-14 ngày; ngày thay nước 2 lần; đến khi nhám không tê lưỡi. Cho đậu phụ và gừng tươi vào nấu với bạch phụ 3 giờ; đến khi ruột củ trong ra, ủ 12 giờ. Loại bỏ đậu phụ và gừng. Phơi âm can đến độ ẩm còn 20%. Rửa sạch để mềm, thái phiến mỏng 1-3mm. Phơi khô.

*** Công dụng:** Bạch phụ tử sau chế, có tác dụng chỉ ho, hóa đờm, khử phong, định kinh giảm đau. Dùng trong các trường hợp ho, đờm nhiều, suyễn tức, đau nhức phong thấp.

*** Chú thích:** Vị thuốc bán hạ nam (củ chóc) cùng chi với bạch phụ tử, có công dụng gần tương tự. Ngoài ra cây san hô Họ Thầu dầu - *Jatropha multifida* cũng có tên bạch phụ tử - cần chú ý phân biệt.

BẠCH THƯỢC

Radix Paeoniae

Là rễ phơi khô của cây Bạch thực - *Paeonia lactiflora* Pall.
Họ Mao lương - *Ranunculaceae*

1. Bạch thực phiến.

Bạch thực ngâm nước cho mềm; khi ngâm cần tránh các dụng cụ bằng tôn, gang vì sẽ làm tím đen bạch thực. Rửa sạch, vớt ra để ráo nước. Thái phiến hoặc bào để có bề dày 1-3mm, dài 5-7cm. Phơi khô, ta được bạch thực màu trắng, là đẹp. Ngoài cách trên có thể cho bạch thực vào nồi nước sôi, đun sôi 1 giờ. Vớt ra ủ 12 giờ cho mềm đều. Thái hoặc bào. Cũng có thể đồ mềm, rồi thái.

2. Bạch thực nướng (làm với lượng nhỏ).

Dem bạch thực gói vào giấy bản đã thấm ẩm. Nướng trong tro nóng hay than đến khi giấy khô và đen. Bỏ giấy, thái phiến.

3. Bạch thực sao đen, sao vàng.

Lấy bạch thực phiến đem sao lửa to đến khi phiến bạch thực có màu vàng hoặc bị đen 7-8 phần là được

4. Bạch thực tán.

Cũng làm như trên, tới khi phiến có màu vàng là được.

4.1. Sao tán: Dem bạch thực phiến cho vào chảo gang, giữ ở nhiệt độ 220°C đến khi phía ngoài phiến đen, bề bên trong vàng là được

4.2. Nung tán: Lấy dược liệu phiến cho vào nồi đáy vung; đặt lên than hồng đạt tới mức độ tồn tính, tức là toàn bộ phiến có màu đen, mùi hơi cháy là được.

5. Bạch thược sao giấm.

Bạch thược phiến	1 kg
Giấm thanh	0,1 kg.

Đem bạch thược phiến, trích với giấm; trộn đều, ủ 30 phút cho ngấm đều. Sao nhỏ lửa tới khô.

6. Bạch thược tẩm rượu.

Bạch thược	10 kg
Rượu	0,5 kg.

Trộn đều, ủ 30 phút. Sao nhỏ lửa tới khô.

Hoặc sao cám:

Đun cho cám bốc khói trắng thì cho bạch thược đã ủ với rượu ở trên vào, đảo đều tay tới khi phiến bạch thược có màu hơi vàng hoặc vàng kim; rây bỏ cám đi. Cũng có thể làm theo cách sau: Sao bạch thược phiến với cám, tới nóng già. Đổ ra rây bỏ cám đi. Phun rượu vào bạch thược vẫn còn đang nóng. Ủ 30 phút. Phơi âm can.

7. Bạch thược tẩm muối.

Lấy bạch thược phiến, sao nhỏ lửa tới khi phiến có màu cánh gián, vẩy đều nước muối vào. Sao khô là được.

8. Bạch thược sao đất.

Dùng đất lòng bếp (phục long can); hoặc đất sét vàng (hoàng thổ) tán mịn, khô. Đun cho đất nóng đều, cho bạch thược phiến vào; dùng xẻng nhôm đảo đều, tới khi phiến bạch thược có màu đen nâu, vị thơm cháy là được.

9. Bạch thược sao cám.

Dùng cám gạo, đun nóng già đảo đều, tới khi bốc khói trắng. Cho bạch thược phiến vào; đảo đều tới khi bên ngoài phiến có màu vàng. Rây bỏ cám.

* **Công dụng:** Bạch thực là thuốc bổ huyết, điều kinh, nhuận gan, chỉ thống.

Chế thán, dùng trong các bệnh xuất huyết; băng huyết, ho ra máu, trĩ huyết, máu cam...

Chế rượu đề khử tính hàn tăng cường dưỡng huyết điều kinh. Chế giấm để tăng quy kinh can có tác dụng chỉ thống nhất là các bệnh gan xơ hóa; hoặc công năng gan trì trệ. Chế với đất tăng tính kiện tỳ.

BẠCH TRUẬT

Rhizoma Aractylodis macrocephalae.

Là thân rễ của cây Bạch truật - *Atractylodes macrocephala* Koidz. Họ Cúc - Asteraceae

1. Bạch truật phiến.

Trước hết ngâm bạch truật 1 đến 6 giờ. Vớt ra ủ mềm 6 giờ. Thái phiến dày 1-2mm. Phơi hoặc sấy khô.

Đồ mềm rồi thái: Ngâm bạch truật 4-6 giờ đồ 30 phút đến 1 giờ, bạch truật mềm ra thái phiến. Phơi khô. Có thể dùng nước vo gạo để ngâm mềm.

2. Bạch truật sao vàng.

Dem bạch truật phiến sao tới khi có màu vàng.

3. Bạch truật thán.

Sao cách cát, tới khi mặt phiến có màu đen, trong vàng đậm; xúc ra, xúc rây bỏ cát.

4. Bạch truật sao đất.

Bạch truật phiến 10kg

Đất lòng bếp mịn 1-2kg

(Có thể dùng hoàng thổ để sao).

Trước tiên đun nóng đất, cho bạch truật vào, sao tới khi bề mặt phiến có màu cánh gián, xúc bạch truật ra, xát và rây bỏ đất.

5. Bạch truật sao cám.

Bạch truật phiến 10kg

Cám gạo 1kg.

Cho cám gạo vào nồi, sao tới lúc bốc khói trắng, thơm. Đổ bạch truật phiến vào, đảo đều tới khi bề mặt phiến có màu vàng, mùi thơm. Đổ ra rây bỏ cám.

6. Bạch truật tẩm muối.

Bạch truật phiến 10kg

Muối ăn 0,2kg

Sao bạch truật phiến đến khi bề mặt có màu cánh gián, phun nước muối vào. Sao tiếp đến khi toàn bộ bề mặt có màu đen là được.

7. Bạch truật chưng.

Đem bạch truật phiến cho vào thùng nhôm, thêm ít nước, chưng 8 giờ liền. Đổ ra phơi 1 ngày cho khô. Thêm vừa đủ lượng nước chưng ở trên vào trộn đều; tiếp tục chưng. Lần thứ 3 chưng 4 giờ liền đến khi bề mặt phiến bạch truật có màu đen trong hơi nâu. Phơi khô.

8. Bạch truật trích mật.

Đem bạch truật phiến, tẩm với mật ong (pha loãng) hoặc sirô đường đỏ. Ủ cho ngấm. Sao tới khi bề mặt phiến có màu vàng, sờ không dính tay, có mùi thơm ngọt.

* **Công dụng:** Bạch truật dùng sống trị bệnh thấp nhiệt đặc biệt tỳ vị. Tầm hoàng thổ, trích mật sao cám đều nhằm mục đích tăng quy kinh tỳ; dùng kiện tỳ, ích khí; trị các chứng đầy bụng, nôn mửa. Sao cháy mang ý nghĩa cầm máu, đặc biệt xuất huyết đường tiêu hóa.

BÁN HẠ

Rhizoma Pinelliae

Dùng thân rễ cây Bán hạ (bắc) - *Pinellia ternata* Breit. Còn dùng thân rễ cây bán hạ nam (cây chóc, nam tinh). *Typhonium divaricatum* Beene họ ráy - *Araceae* làm vị thuốc bán hạ nam - *Rhizoma Typhonii*.

Sau khi đào củ loại bỏ rễ con, rửa sạch đất cát. Phơi khô. Khi dùng có thể tiến hành chế biến theo các cách sau đây:

1. Bán hạ chế với phèn chua.

Bán hạ	10kg
Phèn chua	1,2kg

Phân bán hạ thành củ to nhỏ riêng; dùng nước ngâm từ 7-8 ngày hoặc 3 tuần; hàng ngày thay nước 2-3 lần. Vớt bán hạ đun với nước phèn 2-3 giờ cho đến lúc củ và ruột củ trong ra.

Phơi âm can khi củ se lại; đem thái phiến. Phơi khô.

Cũng có thể chỉ ngâm bán hạ với nước lã 2-3 ngày, ngày thay nước 2 lần, mùa hạ thay nhiều lần hơn. Cho củ vào thạp sành; rắc ít bột phèn lên trên để phòng thối ngâm 7-10 ngày (mùa hạ ngâm 3-5 ngày; đến khi trên mặt nước ngâm hết các bọt nhớt như sữa; ruột củ bán hạ trong suốt. Sau đó lại chuyển sang thạp sành khác. Cứ 1 lớp bột phèn lại 1 lớp củ bán hạ

dã ngâm ở trên; cần chú ý đáy thạp và lớp trên cũng cần có bột phèn. Ướp nguyên như vậy 4 tuần. Sau đó vớt ra, ngâm với nước lã 3 ngày liền. Vớt ra thêm nước, đun đến khi nhám không còn vị tê lưỡi là được. Phơi khô.

- *Chế với phèn chua và gừng.*

Bán hạ sống	10kg
Phèn chua	1,25kg
Gừng tươi	0,25kg.

Ngâm bán hạ sống với nước 7-10 ngày mỗi ngày thay nước 2-4 lần.

Vớt ra đun bán hạ với phèn chua và gừng; đun đến khi ruột củ trong ra là được. Vớt ra, ủ mềm, thái phiến, phơi khô. Cũng có thể đem bán hạ ngâm nước 3 ngày, hàng ngày thay nước. Rửa sạch đem ngâm tiếp với nước phèn chua và nước gừng trong một ngày đêm. Thường dùng 10 kg bán hạ, 3kg gừng tươi giã nát và 0,5kg phèn chua; đổ ngập nước lã. Quấy đều. Sau đó lấy ra rửa sạch. Đổ (không đập vung); khi củ mềm đổ ra. Thái phiến mỏng. Phơi se, ủ nước gừng 12 giờ, ủ cho hút hết nước gừng; sao vàng.

- *Chế với phèn chua, gừng, cam thảo.*

Bán hạ	10kg	Gừng	0,1kg
Cam thảo	0,2kg	Phèn chua	1,25kg

Ngâm bán hạ sống 7-10 ngày, mỗi ngày thay nước 2 lần. Vớt ra, rửa sạch, rồi lại ngâm với nước phèn, cam thảo, gừng thời gian 7-10 ngày. Sau đó vớt ra đun sôi với nước 8 giờ liền tới khi ruột củ trong là được. Để nguội, ủ 1-2 ngày. Đổ ra, thái phiến

- Đem bán hạ sống ngâm nước 10 ngày (ngày thay nước 2-3 lần). Sau đó cho vào thạp sành, cứ 1 lớp bán hạ lại cho một lớp bột phèn và gừng tươi giã nhỏ, sau thêm nước lã vào

ngâm. Sau 1 tháng gạn nước ra. Rửa bán hạ bằng nước 2 lần. Cho bột cam thảo trộn đều vào bán hạ. Nấu kỹ, đổ ra phơi khô; xông lưu huỳnh. Đóng gói

2. Bán hạ chế gừng.

2.1. Chế với gừng.

Bán hạ	10kg
Gừng	1kg hoặc lấy
Thanh bán hạ	10kg
Gừng	1kg

2.2. Sao với gừng.

Lấy gừng giã nát, vắt lấy nước cốt; trộn đều vào bán hạ, ủ 30 phút. Sao nhỏ lửa tới khi có màu vàng.

2.3. Nấu với gừng.

Dem sinh bán hạ ngâm nước 7-10 ngày. Mỗi ngày thay nước 2-3 lần đến khi nước trong, hết bọt, nhấm bán hạ hết tê. Dùng gừng phiến hoặc nước gừng cho vào bán hạ để nấu, tới khi ruột củ trong ra, phơi khô. Cũng có thể làm như trên, nhưng thay nấu bằng chưng. Trong thùng cứ 1 lớp bán hạ, 1 lớp gừng. Chưng 4 giờ sau đó lại dùng nước gừng ngâm 1 đêm, đồ chín tới khi ruột củ trong ra. Phơi khô.

3. Chế với gừng và cam thảo.

Bán hạ	10 kg
Gừng	3kg
Cam thảo	0,5kg.

Dem bán hạ sống ngâm nước 2 ngày, ngày thay nước 2 lần. Gừng và cam thảo sắc lấy nước. Dùng nước này để ngâm tiếp bán hạ nói trên 3 ngày nữa. Đổ ra, chưng 4 giờ tới khi giữa củ trong ra, phơi khô, thái phiến hoặc giã nhỏ là được.

4. Chế với gừng, phèn chua, cam thảo, bồ kết tạo giác.

Bán hạ	10 kg	Gừng	0,5kg
Cam thảo	0,25kg	Bồ kết	0,25kg
Phèn chua	1kg.		

Dem bán hạ ngâm trong nước từ 5-10 ngày, tùy theo mùa hàng ngày thay nước.

Sau khi vớt ra, trộn đều với các phụ liệu trên, rồi thêm nước ngập thuốc.

Ngâm 2 ngày, vớt ra, đem nấu đến khi ruột củ trong ra nếm không tê lưỡi. Ủ mềm đến lúc mặt củ có lớp phèn chua tách ra. Rửa sạch phèn. Phơi âm can và lại đem ủ tới khi hết phèn chua tách ra thì thái phiến. Phơi khô.

5. Chế với gừng, cam thảo, bồ kết.

Bán hạ	10 kg	Gừng	0,5kg
Cam thảo	0,4kg	Bồ kết	0,1kg.

Dem bán hạ ngâm nước 3 ngày, mỗi ngày thay nước một lần. Sau đó trộn đều với các phụ liệu nói trên rồi thêm nước, nấu đến khi ruột củ trong là được. Vớt ra, phơi tới se. Ủ 2-3 ngày, đem ra thái phiến. Phơi khô. Cũng có thể dùng phụ liệu là cam thảo và bồ kết (10kg bán hạ, 1kg cam thảo, 1kg bồ kết). Lấy nước cam thảo, bồ kết, nấu bán hạ sau phơi khô.

6. Chế với bồ kết, cam thảo, gừng, phèn, mang tiêu.

Bán hạ 10kg các phụ liệu mỗi thứ 0,6kg. Mùa đông phèn và mang tiêu giảm một nửa. Các phụ gia được trộn đều, giã vụn.

Phụ liệu chia 5 phần; được gói vào vải. Ngâm bán hạ với gói thứ nhất, sau 3 ngày thay nước; lại ngâm tiếp như trên cho đến hết gói thứ 5. Gạn thêm nước, ngâm nước là 1 ngày. Vớt ra, để khô se, thái phiến. Phơi khô.

7. Chế với gừng bồ kết, cam thảo, vôi tôi.

Bán hạ	10kg	Gừng	1kg,
Cam thảo	0,5kg	Bồ kết	0,5kg
Vôi tôi	0,3kg		

Lấy bán hạ ngâm nước 5-10 ngày (tùy theo mùa). Vớt ra, rửa sạch cho vào thạp sành. Cừ 1 lớp bán hạ lại sắc 1 lớp phụ liệu nói trên. Đổ nước lã vừa đủ để lớp vôi tan đều. Sau 1 giờ, thêm ngập nước, khuấy đều; để 6 giờ vớt ra. Phơi khô, cho vào túi vải, lọc bỏ vôi tôi.

8. Chế với vôi tôi, bồ kết, gừng, huyền minh phấn.

Bán hạ	10 kg	Vôi tôi	0,4kg
Bồ kết	0,3kg	Gừng	0,5kg
Huyền minh phấn	0,5kg		

Dem bán hạ ngâm với nước 3-5 ngày, mỗi ngày đều có thay nước. Thêm nước vôi, ngâm 2 ngày. Rửa sạch, ngâm bán hạ với gừng và bồ kết 10-15 ngày. Vớt ra rửa sạch, cho huyền minh phấn vào nước, khuấy đều, cho bán hạ vào ngâm 2 ngày. Vớt ra, rửa sạch. Phơi khô.

9. Chế với cam thảo, phèn chua, vôi tôi.

Bán hạ	10kg
Cam thảo	1,5kg
Vôi tôi	0,3kg
Phèn chua	0,2kg.

Dem bán hạ ngâm nước từ 1-3 tuần (tùy mùa) ngày thay nước 2-3 lần. Sau khi ngâm ít ngày nếu bọt trắng sủi lên thì thêm ít phèn chua.

Sau khi ngâm nước, vớt ra, lại ngâm tiếp với nước sắc cam thảo đã hòa vôi tôi 5 ngày, đến khi trong ruột củ vàng đều. Vớt ra và phơi âm can.

10. Chế với gừng, phèn chua, vôi tôi.

Bán hạ	10kg	Phèn chua	0,5kg.
Gừng	1,2kg	Vôi tôi	0,5kg

Sau khi ngâm bán hạ với nước lã 15 ngày, mỗi ngày đều thay nước. Gừng giã nhỏ, trộn với vôi tôi, phèn chua, trộn đều với bán hạ, ngâm 10 ngày. Rửa sạch, đãi hết vôi, ngâm thêm 1 tuần với nước lã. Rửa sạch, phơi khô.

11. Chế với cam thảo, gừng, vôi tôi.

Bán hạ	10 kg	Cam thảo	0,5 kg
Gừng	0,5 kg	Vôi tôi	0,5 kg

Ngâm bán hạ 7-10 ngày, mỗi ngày đều thay nước. Vớt ra, tiếp tục ngâm với nước sắc cam thảo, nước gừng 2 ngày. Vớt ra cho vào thạp sành, cứ một lớp bán hạ cho 1 lớp vôi, ủ 2 ngày; sau đem rửa sạch vôi, phơi khô. Thuốc có màu vàng là được.

12. Chế bán hạ với vôi tôi, phác tiêu, phèn chua, gừng tươi, cam thảo.

Bán hạ	10 kg	Phác tiêu	0,2 kg
Phèn chua	0,2 kg	Gừng tươi	0,2 kg
Cam thảo	1,5 kg.		

Ngâm bán hạ 1 tuần với nước lã, sau ngâm với nước vôi 4 ngày, hàng ngày khuấy đều. Đổ ra rửa sạch vôi. Ngâm tiếp 6 ngày với nước lã (hàng ngày thay nước). Sau khi đổ ra, ngâm tiếp với nước phác tiêu và phèn 3 ngày, hàng ngày đều khuấy trộn đều. Sau khi đổ ra, rửa sạch phèn và phác tiêu. Ngâm nước lã 3 ngày và tiếp đó ngâm nước gừng 2 ngày, ngâm với nước cam thảo và nước gừng 7 ngày (cam thảo tán nhỏ và nước gừng khuấy đều vào bán hạ, ngâm). Cuối cùng ngâm với nước vôi 4 ngày nữa. Rửa sạch vôi, phơi khô.

13. Chế bán hạ với vôi tôi, phác tiêu, phèn chua, cam thảo, nghệ.

Bán hạ	10 kg	Vôi tôi	10 kg
Phác tiêu	2,5 kg	Phèn chua	2,5 kg
Cam thảo	1kg	Bột nghệ	0,4 kg

Ngâm củ bán hạ 7 ngày với nước lã, ngày thay nước 3 lần. Thêm vôi tôi ngâm 7 ngày, tiếp dùng nước lã ngâm 7 ngày. Thêm phác tiêu phèn chua ngâm 7 ngày, rửa sạch. Cuối cùng dùng cam thảo, bột nghệ ngâm 35 ngày. Vớt ra rửa sạch; phơi khô.

14. Chế bán hạ với cam thảo vôi tôi.

Bán hạ	10kg
Cam thảo	1,5kg
Vôi tôi	1,5kg

Dem bán hạ ngâm nước lã từ 7-10 ngày (tùy theo mùa), hàng ngày thay nước. Vớt ra, dùng nước cam thảo ngâm 2 ngày. Sau đó thêm vôi tôi, ngâm 5-6 ngày (không thay nước), mỗi ngày đảo 1 lần, tới khi ruột củ có màu vàng. Vớt ra phơi khô, xát bỏ vôi bám ở ngoài củ.

15. Chế bán hạ với cam thảo, chi tử.

Bán hạ	10 kg	Vôi tôi	3 kg
Cam thảo	1 kg	Chi tử	0,2 kg

Ngâm bán hạ với nước trong 15 ngày, mỗi ngày thay nước 1 lần. Sau đó ngâm với nước vôi tôi 30 ngày. Vớt ra, rửa sạch vôi. Ngâm tiếp nước lã 10 ngày, hàng ngày thay nước, ngâm tới hết nước vôi. Đổ ra rửa sạch rồi ngâm tiếp với nước sắc của chi tử, cam thảo, tới khi thuốc ngấm hết dịch nước sắc đó; thuốc vàng đều. Vớt ra, phơi khô, cho vào bao tải, xát cho bóng.

16. Chế bán hạ trúc lịch.

Bán hạ	10 kg	Trúc lịch	1,25 kg
--------	-------	-----------	---------

Lấy khương bán hạ, trộn đều với trúc lịch, ủ cho bán hạ ngấm hết trúc lịch. Phơi khô, hoặc sao khô.

17. Chế bán hạ muối.

Bán hạ	10 kg	Gừng tươi	1,5 kg
Phèn chua	1,5 kg	Muối ăn	0,3 kg.

Bán hạ ngâm nước 2-7 ngày (tùy theo mùa) ngày thay nước 1 lần. Rửa sạch, cho vào đáy thạp lớp gừng tươi, sau đó cho bán hạ đã ngâm ở trên vào, cứ 1 lớp bán hạ lại 1 lớp gừng và trên cùng là lớp bột phèn chua. Thêm nước ngập lớp bán hạ 5cm., ngâm 30-40 ngày (tùy mùa). Sau đó vớt ra rửa sạch và ngâm tiếp nước lã 5 ngày, hàng ngày thay nước, để rửa hết phèn. Đổ ra phơi; ngày phơi nắng, đêm phơi sương. Cuối cùng hòa muối vào nước rồi trộn đều với bán hạ. Ủ cho hút hết nước muối. Phơi khô giã nhỏ.

* **Công dụng:** Bán hạ là vị thuốc có tác dụng hóa đờm, giảm ho, tảo thấp, giáng nghịch, giảm nôn nên được dùng trong các bệnh ho đờm viêm phế quản mạn tính, hoặc nôn do vị khí nghịch.

BAN MIÊU (*Sâu đậu*)

Mylabris

Dùng con sâu đậu Ban miêu - *Cantharis vesicatoria* Geof.
Họ Meloidae

Phương pháp sơ chế:

Trước hết bỏ đầu, rút ruột, bỏ cánh, chân của sâu ban miều. Phơi hoặc sấy khô.

1. Sao ban miều với gạo.

Ban miều 1 kg

Gạo 1 kg (tốt nhất là gạo nếp)

Dem gạo rang nóng già, cho ban miều vào đảo đều tới khi ban miều có màu vàng. Đổ ra sàng bỏ gạo, cũng có khi tới màu vàng hơi cháy.

2. Chế với cam thảo.

Ban miều 1 kg

Cam thảo 0,3 kg.

Cam thảo sắc 2-3 lần, lấy nước. Dem ban miều ngâm vào nước cam thảo 3-6 giờ, sau dem phơi khô. Tiếp tục sao với gạo nếp như trên cho tới khi gạo có màu vàng tươi. Đổ ra, sàng bỏ gạo.

* **Công dụng:** Ban miều là một thuốc có tính độc. Khi dùng cần thận trọng về liều lượng. Nếu không sao chế chỉ được dùng ngoài đối với nhọt độc hôi thối. Khi sao chế tính độc đã giảm, có thể uống trong để chữa các bệnh ung nhọt độc, huyết ứ trệ.

BẠCH BIỂN ĐẬU (*Đậu ván trắng*) *Semen Lablab*

Hạt già phơi sống đến khô của cây Đậu ván trắng - *Dolichos lablab* L. Họ đậu - *Fabaceae*.

Sơ chế: Biển đậu bỏ vỏ:

Cho biển đậu vào bao tải, buộc kín đầu bao tải. Dùng gậy đập và xát bao tải. Đổ ra sấy bỏ vỏ. Cũng có thể dùng nước sôi cho vào biển đậu ngâm hoặc nấu đến vỏ mềm. Đổ ra xát bỏ vỏ (trước khi xát, cho biển đậu vào nước lạnh). Phơi khô.

1. Bạch biển đậu sao vàng.

Lấy bạch biển đậu đã bỏ vỏ đem sao nhỏ lửa tới khi có màu hơi vàng.

2. Bạch biển đậu sao cháy.

Lấy biển đậu đã bỏ vỏ cho vào nồi sao nhỏ lửa; sao đến khi có màu vàng đen có mùi thơm là được.

3. Bạch biển đậu sao đất.

Bạch biển đậu 10kg

Đất lung bấp 3kg (hoặc đất lòng thổ mịn)

Sao cho đất nóng già, cho bạch biển đậu vào, đảo đều cho đến khi có màu hơi vàng. Đổ ra rây bỏ đất.

4. Bạch biển đậu sao cám.

Lấy bạch biển đậu cho vào cám đã sao nóng bốc khói trắng, đảo đều đến khi màu vàng đậm; rây bỏ cám.

5. Bạch biển đậu sao cát.

Trước hết đem bạch biển đậu rửa cho ẩm đều. Dùng cát sạch rang nóng già. Cho biển đậu vào sao tới màu hơi vàng mùi thơm. Đổ ra rây sạch cát. Khi bốc thuốc thang thì già giập.

*** Công dụng:** Bạch biển đậu là thuốc bổ khí, chỉ tả thanh thử, giải độc. Nếu thanh thử tà, thấp tà, giải độc có thể dùng sống. Sao chế để kiện tỳ vị, bổ khí. Tùy theo trường hợp cụ thể mà tiến hành chế biến cho phù hợp.

BẰNG SA (*Hàn the*) *Natri Borat*

Có một số phương pháp chế bằng sa.

1. Bằng sa phi.

Cho bằng sa vào cối sứ nghiền thành bột mịn. Thêm nước lã vừa đủ để nghiền thành dạng hồ. Để lắng, gạn bỏ lớp nước ở trên. Lớp dưới đổ ra khay nhôm, phơi khô.

2. Bằng sa sao.

Đun nóng chảo, cho các cục bằng sa vào sao đến khi xốp đều; để nguội.

3. Bằng sa nung.

Cho bằng sa vào nồi đất, hay nồi sứ, nung đến lúc không còn hơi nước bay lên. Đổ ra để nguội, nghiền mịn.

Công dụng: Là thuốc chủ yếu dùng ngoài để giải độc phòng thối. Phối hợp với phèn phi (phèn chua phi) bột hoàng liên, làm thuốc chống nước ăn chân, lên da non.

BINH LANG (*Hạt cau*) *Semen Arechae*

Là hạt của quả Cau - *Areca catechu* L. Họ cau - *Arecaceae*.

1. Giã vụn.

Lấy binh lang rửa sạch. Phơi khô giã vụn hoặc nghiền vụn.

2. Làm mềm rồi thái.

Ngâm bình lang 1-3 ngày; hàng ngày thay nước 1 lần. Ủ 1 ngày cho mềm; thái phiến 3-5mm. Phơi âm can tới khi có màu hồng hồng.

3. Bình lang sao vàng.

Đem bình lang phiến, sao vàng là được.

4. Bình lang sao tồn tính.

Đem bình lang phiến sao đến khi bề mặt phiến có màu đen.

5. Bình lang thán.

Đem bình lang phiến sao đến khi bề mặt phiến đen, có mùi cháy, phun nước lã vào.

Công dụng: Bình lang là thuốc khử trùng, sát trùng, tiêu tích, hạ khí. Dùng trị các bệnh giun sán: Sán dây, sán sơ mít, giun đũa, giun kim. Sao tồn tính tăng cường tác dụng tiêu tích. Thán sao để dùng trị bệnh tả, lỵ, đặc biệt lỵ ra máu.

BỒ CÔNG ANH

Pars aerea Lactucae indicae

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây bồ công anh - *Lactuca india* L. hoặc cây *Taraxacum officinale* Wigg (Còn gọi là Bồ công anh Trung Quốc), Họ Cúc - Asteraceae.

Thu hái trước lúc cây bồ công anh ra hoa là tốt nhất.

Sau khi thu hái, đem dược liệu phơi khô, rồi cắt thành đoạn dài 5cm. Rửa sạch, phơi khô, sao nhỏ lửa cho hết mùi ngái.

* **Công dụng:** Bồ công anh có tác dụng thanh nhiệt giải độc, dùng trong các trường hợp mụn nhọt, mẩn ngứa, tắc tia sữa. Ngoài ra còn có tác dụng kích thích tiêu hóa, làm ăn ngon cơm.

CÓC MẢN (*Nga bất thực thảo*) *Herba Centipeda*

Dùng toàn cây của cây Cóc mản - *Centipeda minima* L.

Họ Cúc - *Asteraceae*

1. Sau khi thu hái cây, tốt nhất là trước khi ra hoa; rửa sạch đất cát, loại bỏ tạp chất. Phơi khô.

2. Vi sao hoặc sao vàng.

Cắt đoạn dài 3-5cm, dùng nhỏ lửa sao qua hoặc sao tới hơi vàng. Có thể sao vàng hạ thổ.

* **Công dụng:** Là thuốc hóa đờm chỉ ho, dùng trong các bệnh ho nhiệt, ho khan đờm đặc, ho gà ho lâu ngày, viêm phế quản. Ngoài ra còn có tác dụng giải độc, trị nhọt sang lở.

CÔN BỐ *Laminae*

Dùng toàn thân phơi khô của Tảo biển - *Laminaria japonica* Areschoug. Họ Côn bố - *Laminariaceae*

1. Ngâm rửa.

Vì tảo biển có bám nhiều muối nên cần tiến hành ngâm rửa nhiều lần, hàng ngày đều có thay nước, tới khi hết vị

mặn. Vớt ra để khô se, thái thành từng giải có kích thước 3 x 5 cm.

- Làm mềm rồi thái: Đối với tảo biển khô đã rửa hết muối; đem tảo biển ngâm nước nửa ngày, ủ 10 giờ cho mềm. Thái đoạn 5 cm. Phơi khô.

2. Vì sao.

Khi dùng có thể sao nhỏ lửa cho khô, cho hết mùi ngái của vị thuốc.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng hóa đờm chỉ ho, tán kết, nhuận kiên, có thể dùng trong các bệnh bướu cổ, bệnh mụn nhọt độc lao lâm ba kết, hoặc có thể phối hợp với các thuốc khác để chữa ho.

CỐC NHA

Semen Oryzae

Là hạt thóc lấy từ Cây lúa - *Oryza sativa* L. Họ Lúa - Poaceae

1. Cốc nha sao vàng.

Lấy cốc nha sao nhỏ lửa tới khi hơi vàng là được

2. Sao cám.

Trước hết đem sao cho cám nóng, bốc khói. Cho cốc nha vào sao đều, nhỏ lửa đến khi có mầu hơi vàng hay vàng kim. Đổ ra, rây bỏ cám.

3. Cốc nha sao cháy.

Đem nồi đun nóng đến khoảng 120°C, cho cốc nha vào, dùng lửa to sao nhanh đến khi có mầu vàng đen, có mùi thơm.

* **Công dụng:** Là thuốc tiêu đạo, dùng để kiện tỳ tiêu thực. Dùng sống kiện tỳ, sinh tân. Sao cam kiện tỳ, tiêu thực. Sao cháy tiêu thực hóa tích.

CỐT TOÁI BỔ

Rhizoma Drynariae

Thân rễ của cây Cốt toái bổ (cây Hộc huyết) - *Drynaria fortunei* (JSm) hoặc *Drynaria baronii* (Christ) Diels. Họ Răng - Polypodiaceae

1. Thái phiến cốt toái bổ.

- Dược liệu mới thu hái về, bỏ cuống lá, loại bỏ lông, rửa sạch. Thái phiến dày 1-2mm; phơi khô. Có thể thái phiến trước. Phơi khô giòn; cho các phiến cốt toái bổ vào bao tải, thêm cát khô vào, chà xát cho rụng hết lông. Sàng sây bỏ lông.

- Nếu còn nguyên củ khô cốt toái bổ phải rửa sạch bằng nước nóng hoặc lạnh, ủ 12 giờ cho mềm. Thái phiến dày 3-5mm. Phơi khô.

2. Rang với cát.

Rang cát nóng già (ở nhiệt độ 220°C), cho cốt toái bổ phiến vào, đảo đều đến khi mặt phiến bắt đầu phồng lên ngả màu vàng hơi sém. Đổ ra sàng bỏ cát và lông còn sót.

3. Sao đơn.

Đem cốt toái phiến sao đến khi mặt phiến hơi phồng lên, có màu vàng hơi đen là được.

4. Cốt toái trích rượu, trích mật ong.

Đem cốt toái bổ phiến tẩm với rượu: 10 kg cốt toái bổ phiến, 2 kg rượu, hoặc 1 kg mật pha loãng. Trộn đều rượu, hoặc mật vào cốt toái bổ phiến, ủ 1 giờ cho ngấm hết phụ liệu. Tiến hành sao, đến khi mặt phiến có màu vàng đậm là được. Hoặc sau khi tẩm mật, tẩm rượu, sao khô là được.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng tư dưỡng, dùng trong các trường hợp đau xương cốt, gãy xương, đau răng, tai ù. Sao rượu tăng cường tác dụng hoạt huyết khi thận bị ứ trệ, mạnh gân cốt.

CỦ GAI (*Chư ma căn*) *Radix Boehmeriae*

Dùng rễ của Cây gai - *Boehmeriae nivea* (L). Gaud.

Họ Gai - *Urticaceae*

1. Chư ma căn phiến.

Sau khi đào lấy rễ; rửa sạch đất cát; để ráo nước. Thái phiến dày 3-5mm. Phơi khô. Nếu có rễ khô thì ngâm 1-2 giờ, ủ mềm rồi thái phiến. Phơi khô.

2. Sao vàng.

Lấy chư ma căn phiến dùng lửa nhỏ sao tới khi mặt phiến có màu hơi vàng hoặc vàng.

3. Sao sém cạnh.

Dùng lửa to sao tới khi bề mặt phiến hơi vàng ngoài rìa hơi đen.

* **Công dụng:** Là thuốc an thai; dùng khi động thai. Có thể phối hợp với các vị thuốc khác như tô ngạnh, ngải diệp. Khi có thai chảy máu, dùng loại sao sém cạnh.

CÚC HOA

Flos Chrysanthemii

Là hoa của cây Cúc - *Chrysanthemum sinense* sabine (Cúc hoa trắng) và cây Cúc hoa vàng - *Ch. japonicum* Thunb họ Cúc - Asteraceae

1. Hoa cúc sấy sinh.

Thu hái hoa vào buổi sáng đẹp trời của các tháng cuối thu và đông, tránh làm dập nát cánh hoa, đem sấy diêm sinh 3 giờ. Sau đó cho vào bao tải, buộc kín đầu bao, ép 12 giờ (thường 1 đêm), cho chảy hết nước nhựa mầu đen, đem phơi 2-3 nắng cho vàng và khô.

2. Hoa cúc sao vàng.

Sao nhỏ lửa các hoa tới khi có mầu hơi vàng hoặc vàng đậm, mùi thơm.

3. Hoa cúc sao sém cạnh.

Sao ở nhiệt độ khoảng 100°C đến khi hơi cháy cạnh.

4. Cúc hoa thán.

Tiến hành sao ở nhiệt độ 120°C, tiếp sao nhỏ lửa, quấy đều đến lúc hoa có mầu vàng đen hoặc đen hơi cháy. Phun nước lã (trừ hỏa độc).

* **Công dụng:** Cúc hoa là thuốc tân lương giải biểu, do vị cay tính mát, nên dùng trong bệnh cảm mạo phong nhiệt để

trừ tà nhiệt. Ngoài ra còn có công năng bình can nên có thể dùng trong bệnh đau đầu, cao huyết áp, thanh can, sáng mắt, chữa tê bì da. Thán sao với ý đồ tăng tác dụng chỉ huyết, nhất là đối với đau mắt sung huyết, xuất huyết.

CÚC TẦN (*Sài hồ nam*) *Radix Pluchaeae*

Dùng rễ của cây Cúc tần - *Pluchea indica* (L). Less. Họ Cúc - Asteraceae

1. Sau khi đào lấy rễ, rửa sạch, để ráo nước, cắt đoạn 2-3cm. Phơi khô. Nếu có rễ khô thì ngâm 1 giờ, rửa sạch, để ráo nước, cắt đoạn như trên. Phơi khô.

2. Cúc tần sao vàng.

Sao nhỏ lửa tới khi rễ có màu vàng là được.

3. Tẩm rượu sao.

Cúc tần	10kg
---------	------

Rượu	2kg
------	-----

Dem rượu tẩm đều vào cúc tần; Ủ cho hút hết rượu. Sao tới khô là được.

* **Công dụng:** Là thuốc chữa cảm mạo phong nhiệt, ngoài ra còn có tác dụng kích thích tiêu hóa, chữa ỉa.

CAM THẢO

Radix Glycyrrhizae

Dùng rễ cây Cam thảo - *Glycyrrhiza glabra* L. hoặc *Glycyrrhiza uralensis* Fisch et DC. Họ Đậu - Fabaceae

Có thể tiến hành chế biến theo một số phương pháp sau:

1. Cam thảo phiến.

Đem rễ rửa sạch tạp và mốc, ủ qua cho mềm. Thái phiến lát dày 1-3mm dài 3-5cm. Phơi khô.

Cũng có thể rửa rễ cam thảo bằng nước nóng 50°C ngâm 10 phút cho mềm. Vớt ra, thái phiến lát dày 1-3mm, dài 3-5cm. Phơi khô.

2. Cam thảo tẩm mật.

Cam thảo phiến 10kg

Mật 3kg (hoặc sirô đường đỏ).

Đem mật ong hòa nước vừa đủ cho cam thảo phiến vào, khuấy đều (chú ý nếu mật ong chưa luyện thì không cần thêm nước, còn nếu mật luyện thì thêm 1/5 lượng nước vào), ủ 30 phút. Sao đến khi bề mặt phiến có màu vàng sờ không dính tay, mùi thơm ngọt, vị ngọt đậm là được.

Cũng có thể sao riêng cam thảo 10 phút cho hơi nóng và mềm, sau đó đổ mật vào trộn đều. Tiếp tục sao đến khi không dính tay, màu vàng.

3. Cam thảo sao đơn (Sao 1 mình cam thảo).

Đem cam thảo phiến, dùng lửa nhỏ sao đến khi hơi sém, bề mặt phủ màu hơi thẫm, lại có các chấm đen.

4. Cam thảo sao cám.

Dem cám sao nóng, cho các đoạn cam thảo sống vào, đảo đều tay 20-30 phút đến khi mặt cắt của khúc cam thảo có màu vàng. Rây bỏ cám; rửa các khúc cam thảo; để ráo 12 giờ, thái phiến vát dày 1-3mm dài 3-5cm

Công dụng: Cam thảo có tác dụng kiện tỳ ích khí, nhuận phế, giải độc. Dùng sống có tác dụng thanh nhiệt giải độc nhuận phế chỉ khát. Chế mật kiện tỳ ích khí. Sao chế kiện tỳ vị ích nguyên khí.

CAM TOẠI *Radix Euphorbiae*

Là rễ cây Cam toại - *Euphorbia kansut* Liou. Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

1. Cam toại phiến.

Dem rễ cam toại ngâm 3-5 ngày, hàng ngày thay nước. Vớt ra rửa sạch, để se vỏ, thái phiến, phơi khô. Dùng làm nguyên liệu cho các cách chế sau.

2. Sao với giấm.

Cam toại 10kg

Giấm 2kg

Hoạt thạch vừa đủ.

Cam toại phiến trộn với giấm, ủ 12 giờ. Sao nhỏ lửa tới khô hoặc có màu vàng. Cũng có thể sao cam toại phiến tới nóng thì đổ giấm vào, trộn đều, tiếp tục sao nhỏ lửa tới khô, hoặc tới khi mặt phiến có màu vàng là được. Cũng có thể dùng bột hoạt thạch sao nóng, rồi đổ cam toại phiến đã ủ với

giấm vào, sao đến khi phiến cam toại phồng lên có màu vàng. Rây bỏ hoạt thạch.

3. Cam toại nấu với giấm.

Cam toại 10kg

Giấm 0,5kg

Thêm nước cho vừa đủ ngập mặt phiến.

Dem nấu hoặc ngâm 4 giờ rồi dem nấu, tới khi hết nước. Đổ ra, phơi khô.

4. Nấu với đậu phụ.

Cam toại phiến 10kg

Đậu phụ 2kg.

Dem cam toại và đậu phụ cùng nấu hoặc nấu đậu phụ tới sôi (không dùng nồi gang hoặc có chất sắt), cho cam toại phiến vào đun sôi 30 phút hoặc 2-3 giờ.

Đổ ra, loại bỏ đậu phụ, phơi khô, hoặc sau khi đổ ra có thể thái vụn rồi phơi khô.

5. Cam toại chưng.

Cam toại phiến 10kg

Cam thảo 4kg.

Dem cam thảo nấu lấy nước, cho cam toại vào ngâm 12 giờ, sau đó chưng 1 giờ. Cũng có thể sau khi ngâm nước cam thảo, rửa tới sạch; sao vàng.

6. Cam toại nướng.

Cam toại 10kg

Bột mỳ 4kg.

Dùng bột mỳ làm áo bao lớp vỏ ngoài cam toại. Nướng đến khi bột trở màu vàng hoặc màu nâu cánh gián. Đôi khi

dùng đất để bao cam toại với mục đích loại bớt tính độc của cam toại.

- Cũng có khi dùng bột hoạt thạch hoặc cám gạo thêm đủ nước làm dạng hồ nhão rồi bao lấy phía ngoài vỏ cam toại. Đem nướng đến khi vàng hoặc màu nâu cánh gián, lấy ra làm sạch cám. Thái phiến, phơi khô.

- Đem rễ cam toại ngâm với nước vo gạo trong 3 giờ. Rửa sạch, cạo bỏ vỏ ngoài, thái phiến dày 1-3mm, dài 3-5cm. Phơi khô. Đem phiến sao cám gạo đến vàng giòn tán thành bột. Cũng có thể dùng bột hoàng thổ sao nóng; cho cam toại phiến vào sao nhỏ lửa đến khi phồng lên, bề mặt phiến có màu vàng; rây bỏ đất đi.

Công dụng: Cam toại là thuốc trục thủy, dùng trong các bệnh phù thũng. Cam toại qua bào chế, tính độc giảm đi nên tác dụng tả hạ giảm. Lợi dụng tính tương phản với cam thảo, người ta chế phương cam toại tán (gồm cam toại và cam thảo) để trục đờm ẩm, dùng cho người đờm nhiều, gây tắc cổ họng, khó thở, suyễn nặng. Tuy vậy bình thường cam toại không dùng với cam thảo.

CÁP GIỚI (Tắc kè) ***Gekko-Gekko L.***

Thuộc họ Tắc kè - Gekkonidae

Sau khi bắt tắc kè, người ta tiến hành sơ chế như sau:

Mổ vút bỏ phủ tạng, dùng bông thấm cồn 60° hoặc rượu cao độ lau sạch máu. Lấy các thanh nửa căng 2 chân, có thể căng song song hai chân trước với nhau hoặc căng chéo, chân

trước bên phải với chân sau bên trái, một thanh que dài xuyên chính giữa từ ức xuống suốt đuôi, dùng sợi dây mềm cuốn vào đuôi. Phơi hoặc sấy khô. Để đuôi tắc kè khỏi gãy, trước khi bảo quản cần cuộn giấy lại, có thể cuộn giấy sau mới cuộn dây. Xếp vào thùng sắt tây hay thùng các tông, mỗi lớp rắc 1 ít hạt quả xuyên tiêu khô để bảo quản tránh sâu mọt, côn trùng phá hoại.

Cũng có thể chỉ cắt lấy đuôi tắc kè sấy khô còn tắc kè lại thả ra để tái sinh đuôi tiếp; vì trong con tắc kè các chất bổ chủ yếu là các acid amin đều tập trung ở đuôi.

1. Tắc kè tắm rượu.

Tắc kè khô, chặt bỏ phần mắt, 4 bàn chân; dùng rượu lau cho ẩm, mềm; để 5 phút đặt trên giàn sắt, hơi trên lửa nhỏ, cho đến khi khô giòn, hơi vàng, thơm, nghiền bột mịn.

2. Tắc kè sao rượu.

Tắc kè	1kg
Rượu	20g

Cũng xử lý tắc kè như trên. Có thể chặt thành mảnh nhỏ hơn. Dùng nồi đồng, sao tới nóng thì vẩy rượu vào hoặc tắm rượu trước rồi sao tới vàng, thơm; nghiền bột mịn. Cũng có thể sao như trên, sao tới màu vàng ngà, phun rượu vào để cho mềm, lại đem sấy khô mới nghiền bột. Cũng có thể làm theo cách nướng như trên, song tắm rượu 3-4 lần, mỗi lần lại đặt lên lửa cho tới khi giòn vàng. Nghiền bột mịn.

3. Tắc kè nấu với rượu.

Tắc kè	1 đôi
Rượu	40 gam

Dun sôi rượu, cho tắc kè vào đảo đều, đun đến cạn là được.

4. Tắc kè tắm mật.

Lấy tắc kè khô đã xử lý như trên, tắm mật ong, nướng tới vàng, thơm ngậy. Nghiền bột mịn.

5. Tắc kè sao cát.

Dun nóng cát, cho tắc kè khô, hoặc đuôi tắc kè, sao tới phồng, lau sạch cát. Nghiền bột mịn.

6. Tắc kè tắm dầu.

Dùng dầu lạc hoặc dầu vừng tắm vào tắc kè, nướng hoặc sao vàng. Nghiền bột mịn.

*** Công dụng:** Vị thuốc tắc kè có tác dụng bổ phế ích thận, nạp khí, đình suyễn. Dùng tốt cho những người bị phế hư, viêm phế quản mạn tính, thận dương kém, khả năng sinh lý yếu. Tắc kè còn là một vị thuốc bồi bổ chung cho cơ thể vì bản thân tắc kè chứa rất nhiều acid amin, đặc biệt ở đuôi của nó.

CÁT CÁNH

Radix Platycodi

Là rễ cây Cát cánh - *Platycodon gradiflorum* (Jack) A.D.C.

Họ Hoa chuông - Campanulaceae

1. Rửa sạch cát cánh, rửa nhanh vì có nhiều nhớt. Dàn mỏng trên sàn cho khô nhanh. Thái phiến dày 2-3mm, dài 3-5cm. Phơi khô. Cũng có thể sau khi rửa nhanh, bỏ luộc, ủ mềm rồi thái. Phơi khô. Có thể ngâm nước vo gạo 12 giờ, rửa sạch thái phiến. Phơi khô.

2. Cát cánh sao vàng.

Đem cát cánh sao tới vàng là được. Cũng có thể đem cát cánh phiến ngâm với nước bách hợp 12 giờ, vớt ra. Phơi khô.

3. Cát cánh tẩm mật.

Cát cánh phiến 10kg

Mật ong (hoặc siro đường đỏ) 4kg.

Nếu mật luyện cần pha loãng trộn đều mật vào cát cánh. Sao tới màu vàng, hoặc sao tới hơi vàng, phun thêm ít nước lã vào, sao tiếp tới vàng hơi hồng là được.

Công dụng: Cát cánh có tác dụng chỉ ho, hóa đờm tiêu mủ, tiêu phù; dùng trong các bệnh viêm họng, ho đờm, viêm phế quản. Chế với mật có tác dụng nhuận phế, dùng khi ho do phong hàn.

CÁT CẦN

Radix Puerariae

Là rễ Sắn dây - *Pueraria thomsoni* Benth. Họ Đậu - Fabaceae

1. Sắn dây cạo bỏ vỏ giấy, bổ đôi, thái khúc sậy diêm sinh tiếp sậy khô có màu trắng là được.

2. Cát cần phiến.

Dem dược liệu lau sạch mốc (nếu có) thái phiến dày 2mm dài 3-5cm. Trường hợp rễ khô cứng khó thái, cần làm mềm bằng cách ngâm nước nhanh hoặc vẩy nước vào cho ẩm, rồi ủ mềm, thái phiến. Phơi khô.

3. Cát cần nướng.

3.1. Lấy cát cần gói vào giấy ẩm, đặt trong bếp lửa, nướng đến khi giấy bị đen là được.

3.2. Cát cần phiến 10kg

Nước cháo 6kg

Cho cát căn vào nước cháo, khuấy trộn đều đến khi hết nước cháo, cho vào nồi, sao đến khi mặt phiến chuyển màu đen thẫm.

4. Cát căn sao riêng.

Dem cát căn phiến sao nhỏ lửa tới khi vàng hoặc tới khi có khói đặc bay lên toàn bộ bề mặt phiến có màu vàng có chấm đen

5. Cát căn sao cám.

Dem cám sao tới khi bốc khói trắng, cho cát căn vào, trộn đều, sao tới lúc toàn bộ mặt phiến có màu vàng là được. Rây bỏ cám.

* **Công dụng:** Cát căn có tác dụng giải biểu nhiệt, sinh tân, chỉ khát, chỉ tả. Dùng khi bị cảm mạo phong nhiệt, đau đầu sốt cao, còn dùng trong các bệnh tân dịch thiếu dẫn đến háo khát, các bệnh tả lỵ lâu ngày.

CÂU ĐẰNG

Ramulus cum Uncus uncariae

Dùng đoạn thân và đoạn thân có móc của cây Câu đằng *Uncaria rhynchophylla*, (Mig) Jack. Họ Cà phê - Rubiaceae.

Có thể tiến hành chế biến câu đằng theo một số cách sau:

1. Rửa sạch cắt đoạn.

Dem câu đằng rửa sạch tạp bẩn, phơi khô. Cắt từng đoạn 2-3cm, giữ các đoạn có móc câu.

2. Ngâm câu đằng.

Dem dược liệu câu đằng ngâm nước 2-4 ngày ủ mềm, cắt đoạn dài 1-2cm. Phơi hoặc sấy nhỏ lửa tới khô

3. Làm mềm rồi thái.

Ngâm dược liệu câu đằng 2 giờ. Để 1 đêm, cắt thành từng khúc dài 1-2cm; phơi khô.

4. Câu đằng chưng.

Lấy câu đằng đã cắt đoạn, chưng 1-2 giờ, phơi khô.

* **Công dụng:** Là thuốc bình can tất phong, dùng để thanh nhiệt bình can, trấn kinh. Dùng trong các bệnh đau đầu, bệnh cao huyết áp, các bệnh kinh giãn, hoặc thúc đẩy sỏi đậu mọc nhanh.

CÂU KỶ TỬ

Fructus Lycii

Là quả chín phơi khô của cây Khử khởi hay cây Khởi tử - *Lycium sinense* Mill. Họ Cà - Solanaceae

1. Kỷ tử sao.

Đun nóng chảo, cho kỷ tử vào sao nhỏ lửa, đảo đều đến khi có màu vàng có ít chấm đen cháy là được.

2. Sao với thổ ty tử.

Câu kỷ tử	1kg
Thổ ty tử	2kg

Đem thổ ty tử sao tới nóng, đổ câu kỷ tử vào đảo đều, sao tới khi kỷ tử có màu vàng nhạt và nở phồng thì đổ ra. Rây loại bỏ ty tử.

3. Câu kỷ tử sao muối.

Kỷ tử	1kg
Muối	1kg

Sao nóng muối ăn mới cho kỹ tử vào. Sao nhỏ lửa tới khi có màu vàng và nở phồng. Rây bỏ muối

* **Công dụng:** Kỳ tử là vị thuốc bổ âm, dùng bổ phế khi phế hư, bổ thận bổ can huyết. Trong trường hợp thận kém có thể dùng kỳ tử, hoặc gia vào lục vị để có phương kỳ cục lục vị hoàn.

CẦU TÍCH

Shizoma Cibotii

Là thân rễ của cây Cầu tích - *Cibotium barometz* (L.) J.Sm
Họ Kim mao - Dicksoniaceae.

1. Cầu tích phiến.

Trước hết làm sạch lông bằng cách đốt hoặc rang cát thật nóng để làm cháy lông.

Rửa sạch, bỏ lông còn sót, ngâm nước 12 giờ, tới mềm thái phiến dày 2-3mm, dài 5cm. Phơi hoặc sấy khô. Có thể sau khi ngâm, cần ủ kỹ cho mềm rồi thái. Có thể chưng cầu tích 5-6 giờ, ủ 12 giờ cho mềm rồi thái.

2. Sao phồng.

Dem sao lửa nhỏ tới khi bề mặt phiến phồng lên.

3. Rang với cát.

Trước hết đem cát rang cho nóng già, đổ cầu tích vào, đảo đều đến khi 2 mặt phiến phồng đều, màu vàng thẫm. Sàng bỏ cát hoặc lông.

4. Sao với đất.

Lấy đất mịn (phục long can) sao nóng, đổ cầu tích vào sao đến khi cháy hết lông, màu chuyển thẫm. Đổ ra sàng bỏ đất.

5. Cầu tích sao cháy.

Đem cầu tích sao đến khi hơi cháy là được

6. Cầu tích tẩm rượu.

Cầu tích	1kg
Rượu	0,4kg

Sau khi tẩm rượu, ủ 30 phút - 1 giờ cho ngấm hết rượu. Sao đến khi có màu vàng xám.

7. Cầu tích chế muối.

Cầu tích	1kg
Muối ăn	20kg
Nước vừa đủ.	

Trộn đều, chưng 3 giờ. Cũng có thể sau khi tẩm muối, ủ 3 giờ rồi sao vàng.

Công dụng: Là thuốc bổ dương, dùng bổ gan thận, chữa đau lưng, đau xương cốt, trừ phong thấp. Chế với rượu có tác dụng tán hàn, dùng cho phong thấp. Chế với muối tăng nhập thận để làm mạnh gân xương.

CHÈ VÀNG (*Hoa Dâm*) *Herba Jasmini*

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây Chè vàng - *Jasminum subtuplinerve* Blume Họ Nhài - Oleaceae

Sau khi thu hái có thể dùng tươi hoặc khô.

- Chè vàng chặt đoạn: Sau khi thu hái rửa sạch, loại bỏ tạp, đặc biệt các loại dây leo khác để nhầm (dây lá ngón, dây càng cua v.v); chặt thành đoạn dài 3-5cm. Phơi khô.

- Sao qua trước khi dùng, dùng nhỏ lửa sao qua để hết mùi hăng.

- Sao vàng hạ thổ: Đun nóng chảo cho chè vàng vào sao đến khi có màu vàng thì đổ xuống đất.

* **Công dụng:** Chè vàng là loại thuốc có vị rất đắng, có tính kháng sinh cao, có thể dùng tươi đắp vào vết thương, vết lở loét rần cắn, hoặc nhọt vú. Dùng trong nấu nước uống để kích thích tiêu hóa, phòng các bệnh sản hậu của phụ nữ sau đẻ, đôi khi nấu nước tắm phòng bệnh ngoài da cho trẻ em.

CHI TỬ

Fructus Gardeniae

Quả chín phơi khô bóc vỏ của cây Dành dành - *Gardenia florida* L. Họ Cà phê - *Rubiaceae*

Sau khi bóc bỏ vỏ, có thể tiến hành chế biến theo một số cách sau.

1. Vi sao (sao qua).

Dem chi tử sao nhỏ lửa tới hết mùi ngái đến khi vị thuốc khô là được.

2. Sao cháy cạnh.

Đun chảo nóng già, đổ chi tử vào sao đến khi có màu vàng hơi cháy. Đổ ra phun ít nước vào.

3. Chi tử thán.

Cho chi tử vào nồi đã đun nóng đến 180°C, sao đến khi toàn bộ bên ngoài đen cháy, trong đen thẫm. Phun ít nước vào, đổ ra, rây bỏ các vụn cháy. Phơi khô. Cũng có thể cho

chi tử vào nồi, đậy vung kín, để trên bếp lò, nung đến khi toàn bộ bên ngoài bị cháy đen.

4. Chi tử chế gừng.

Chi tử	1kg
Gừng tươi	0,2kg

Trộn đều chi tử với nước gừng, ủ 30 phút cho ngấm nước gừng. Sao nhỏ lửa đến khi có màu vàng. Có thể đem sao chi tử tới nóng, rồi vẩy nước gừng vào sao tới khi bên ngoài có màu vàng hơi đen là được.

5. Chi tử tẩm muối.

Chi tử	10kg
Muối	0,3kg
Nước vừa đủ.	

Sau khi sao chi tử tới chín, vẩy nước muối vào sao tới tồn tính

*** Công dụng.** Chi tử có tác dụng thanh nhiệt trừ phiền, lợi thấp nhiệt, lương huyết, chỉ huyết. Dạng sống có tác dụng thanh nhiệt lợi thấp nhiệt, dùng trong các bệnh huyết nhiệt. Chi tử sao cháy có tác dụng cầm máu, dùng trong các bệnh chảy máu, máu cam, băng huyết, đại tiểu tiện ra máu.

CHỈ THỰC

Fructus Aurantii immaturii

Quả non tự rụng của cây Cam, hoặc của các cây khác trong chi Citrus họ Cam - Rutaceae.

1. Có thể để nguyên quả hoặc bổ đôi rồi phơi khô

2. Chỉ thực phiến.

Chỉ thực đem rửa sạch, ủ tới mềm, thái phiến dày 3-5mm. Có thể đem chưng mềm rồi thái phiến. Phơi khô.

Cũng có thể sau khi rửa rồi ngâm, sau đó đem nấu. Nấu tới khi nước ngâm hết vào chỉ thực. Phơi âm can, hoặc phơi đến khi độ ẩm còn độ 20%. Thái phiến dày 3-5mm. Phơi khô.

3. Chỉ thực sao cháy.

Dem chỉ thực sao đến khi hơi đen hoặc đun nóng nổi đỏ chỉ thực vào sao đến khi có màu hơi đen, cũng có thể sao đến tồn tính.

4. Chỉ thực sao cám.

Đun nóng cám tới lúc bốc khói trắng, đổ chỉ thực vào, sao tới vàng thơm. Đổ ra, rây bỏ cám.

* **Công dụng:** Là thuốc phá khí giáng nghịch, hành khí tiêu tích, giảm đau. Được dùng trong các bệnh dương khí đường tiêu hóa hoặc đờm nhiều do các bệnh đường phế quản.

Khi sao cháy có tác dụng cầm máu nhất là các bệnh chảy máu đường tiêu hóa do viêm loét niêm mạc. Sao với cám có tác dụng tiêu tích trừ bí báng.

CHỈ XÁC

Pericarpium Citri aurantii

Là vỏ quả Cam - *Citrus aurantium* L.; hoặc các quả của các loài trong chi *Citrus*, quả bánh tẻ. Họ Cam - *Rutaceae*.

1. Dem chỉ xác rửa sạch, ủ mềm, bóc bỏ hết xác múi, hết phần cùi, thái phiến dày 2-3mm. Phơi khô. Có thể sau khi bỏ

phần cùi tiến hành ủ để lên men. Chúng đến khi có màu tím đen. Thái phiến phơi khô.

2. Chỉ xác tằm muối.

Chỉ xác 10Kg

Muối ăn 100g

Nước vừa đủ.

Chỉ xác bóc bỏ cùi, ủ với nước muối 12 giờ. Thái phiến dày 2-3mm. Phơi khô.

3. Chỉ xác sao vàng.

Đem chỉ xác phiến sao đến khi vàng cháy cạnh.

4. Chỉ xác sao cám.

Chỉ xác phiến 10kg

Cám gạo 1kg.

Đem cám sao đến khi bốc khói, đổ chỉ xác phiến vào sao đến khi có màu đen cháy. Phun ít nước (để giảm tính hỏa).

*** Công dụng:** Chỉ xác là thuốc phá khí giáng nghịch có tác dụng lý khí, tiêu trừ trướng tích, dùng khi bụng đầy trướng, đờm nhiều dẫn đến khó thở. Gạo chế, đặc biệt chế cám có tác dụng hoà vị, tiêu trướng tích.

Thường dùng kết hợp với đại hoàng để tiêu tích do đại tràng thực nhiệt, táo bón nặng.

CHU SA, THẦN SA

Sulfuratum hydragyricum cinnabaris

- Dược liệu là khoáng vật có chứa các vụn sắt, vì vậy trước hết có thể bóp các cục chu sa, sau đó dùng nam châm hút hết vụn sắt.

Trước khi dùng cần phải qua chế biến.

1. Thuỷ phi chu sa.

Cho chu sa, thần sa vào cối (cối đá, cối sứ...) thêm nước, nghiền mịn gạn lấy nước có màu đỏ ở trên ra chậu. Phần lắng ở đáy, lại tiếp tục nghiền trong nước và gạn phần nước. Làm như vậy nhiều lần đến khi không nghiền được nữa. Bỏ cạn. Tập trung toàn bộ phần nước đỏ có chu sa. Để lắng gạn bỏ lớp nước ở trên. Phần bột lắng đem đổ ra khay nhôm. Phơi nắng cho bớt hơi nước, ta được phần bột mịn màu hồng. Có thể cho vào cối nghiền đá để nghiền với số lượng nhiều, song luôn luôn phải có nước dội vào để tránh sinh nhiệt. Số lượng lớn có thể dùng máy nghiền bi. Cho thêm nước (10kg chu sa thêm 10kg nước lã) cho vào hũ cùng các viên bi đá. Miệng hũ dùng sáp bịt kín. Nghiền liên tục 12 giờ. Đổ ra gạn lớp nước màu đỏ, bỏ cạn sắt. Lớp nước màu đỏ lại lắng gạn như trên.

2. Chu sa chế.

Chu sa	10kg
--------	------

Cam thảo	0,6kg
----------	-------

Cam thảo sắc lấy nước; dùng nước cam thảo ngâm rửa chu sa 3 lần (mỗi lần đều thay nước cam thảo mới). Phơi khô; sau đó tiến hành chế theo các cách giới thiệu ở trên.

*** Công dụng:** Là thuốc trấn tĩnh an thần, dùng cho các bệnh tâm nhiệt, tinh thần bất an, động kinh mất ngủ...

CÓC (*Bột cóc*)

Bột cóc chế từ con Cóc - *Bufo melanostictus*

Họ Cóc - *Bufo*idae

- Chọn những con cóc có trọng lượng từ 50g trở lên chặt bỏ phần đầu, 4 bàn chân, da, phủ tạng. Rửa sạch nhiều lần bằng nước lã cho đến khi hết nhựa bám vào các vết cắt, hết máu, kiểm tra hết da bám ở chân và trứng cóc, nhất là những con cóc có trứng sa xuống tận bắp cổ chân sau; đôi khi trứng nằm ở giữa các bắp cơ.

Để ráo nước rồi tiến hành sấy:

Xếp cóc đã sạch vào các giàn sắt, nên xếp nghiêng (xếp kiểu úp thìa để dễ róc nước).

Trong mỗi lò sấy nên đặt 3-4 giàn sấy như vậy. Dùng nhiệt độ cao; ít nhất từ 60°C trở lên ngay từ đầu (nếu nhiệt độ thấp dưới 60°C, duy trì vài giờ là cóc sẽ bị thối, hoặc phẩm chất bột kém). Sau đó nhiệt độ sấy nâng dần đến 100-120°C. Trong quá trình sấy cần theo dõi kỹ; đảo các giàn giữa các tầng sấy; trong từng giàn chú ý đảo lật cóc để sấy đều mọi phía. Khoảng 3-4 giờ cóc chín đều; khô giòn, màu vàng, thơm ngậy.

Cóc đã khô giòn, lấy ra để nguội, có thể đem tán thành bột mịn. Sau khi có bột mịn, có thể sấy nhẹ ở nhiệt độ 50°C trong 1 giờ. Để nguội. Đóng gói bảo quản.

* **Công dụng:** Bột cóc dùng chữa các bệnh cam ở trẻ em rất tốt; bệnh còi xương suy dinh dưỡng, chậm lớn, kém ăn, kém tiêu.

DÂY ĐAU XƯƠNG (*Khoan cân dềng*) ***Herba Tinosporae.***

Là thân của cây Đau xương - *Tinospora sinensis* Merr hoặc (*T. tomentosa* Miers, *T. malabarica* Miers...) Họ Tiết dê - Menispermaceae.

1. Dây đau xương phiến.

Sau khi thu hái, ngắt bỏ lá, rửa sạch, thái phiến lát dài 3-5cm, dày 5-7mm. Phơi khô. Nếu có dây khô, thì ngâm rửa sạch, ủ mềm, thái phiến lát như trên. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Đau xương sao vàng.

Đem đau xương phiến sao nhỏ lửa đến khi bên ngoài có màu hơi vàng hoặc khô vàng.

* **Công dụng:** Đau xương được dùng trong các bệnh đau xương khớp; đau lưng; các bệnh tê thấp đau nhức. Có thể dùng lá già nát sao nóng với rượu, chườm, đắp vào chỗ đau xương, đau cơ...

DIẾP CÁ **(*Ngư tinh thảo, Rau diếp cá*)** ***Herba Houttuyniae cordatae***

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây *Houttuynia cordata* thunb. Họ Lá giấp - Saururaceae

- Sau khi thu hái, cắt bỏ rễ, rửa sạch, phơi khô; thái khúc 3-5cm. Nếu có cây khô thì ngâm rửa sạch, cắt bỏ rễ; thái khúc như trên. Phơi khô.

- Vì sao. Trước khi dùng sao qua.

* **Công dụng:** Là thuốc thanh nhiệt. Dùng trị các bệnh viêm họng, viêm phổi, sốt cao, sốt xuất huyết v.v... Có thể dùng tươi hoặc dưới dạng sao chế như trên.

DIÊN HỒ SÁCH

Rhizoma Corydalis

Thân rễ của cây Diên hồ sách - *Corydalis turtschaminovii* Bess-f. Yanhusuo Y.H.Chou et C.C.Hsii. Họ Cải cần - Fumariaceae

1. Ngâm dược liệu một, hai giờ; vớt ra, ủ 30 phút cho mềm, thái phiến dày 5mm. Phơi khô hoặc dùng lửa nhỏ sấy khô.

2. Sao với giấm.

Diên hồ sách	10kg
Giấm	1,5kg

Trộn giấm vào diên hồ sách, ủ cho ngấm hết giấm 30 phút. Dùng lửa nhỏ sao tới hơi vàng, đổ ra để nguội, khô. Cũng có thể sao diên hồ sách tới màu vàng; rồi nhân lúc nóng, phun giấm vào; đảo đều cho ngấm hết giấm. Sao tới khô.

3. Chưng với giấm.

Diên hồ sách	10kg
Giấm	2kg

Rửa sạch diên hồ sách; ủ 3-6 giờ. Chưng giấm 2-3 ngày; đến khi ngấm hết giấm. Bỏ ra thái phiến mỏng.

4. Luộc với giấm.

Diên hồ sách	10kg
Giấm	2kg.

Trộn đều thêm nước, luộc tới hết nước. Đổ ra phơi se, đem ủ tiếp 2 ngày, hàng ngày có đảo 1 lần. Lại ủ tiếp 2 giờ cho mềm. Đem thái phiến, phơi khô trước khi luộc có thể dùng nước cháo nóng, ngâm một lần.

5. Diên hồ sách tẩm rượu.

Diên hồ sách	1kg.
Rượu	0,2kg

Đem diên hồ sách, tẩm với rượu, trộn đều; để 30 phút cho rượu ngấm hết. Sao nhỏ lửa tới khi có màu vàng.

6. Diên hồ sách nấu với giấm và phèn chua.

Diên hồ sách	10kg
Phèn chua	0,2kg
Giấm	1kg

Đem diên hồ sách thêm giấm và nước, nấu đến khi gần khô; để mềm 1-2 ngày. Phơi chỗ mát. Lại ủ; làm nhiều lần như thế tới lúc diên hồ sách mềm thì đem thái phiến mỏng. Phơi khô. Cũng có thể thêm nước cháo nóng vào nồi cùng nấu với giấm và phèn chua.

7. Diên hồ sách tẩm rượu và giấm.

Diên hồ sách	1kg
Rượu	0,5kg
Giấm	0,2kg

Đem rượu, giấm trộn đều vào diên hồ sách. Nấu đến khô hết nước, ủ 12 giờ cho đến khi có màu hơi vàng là được.

*** Công dụng:** Diên hồ sách là thuốc, hoạt huyết, hóa ứ, chỉ thống. Dùng trong các bệnh đau đớn của gan mật, nhất là trường hợp gan bị xơ hóa. Nếu để sống thuốc thiên về hoạt huyết tán ứ huyết; dùng khi phủ tạng ứ huyết. Chế với rượu,

tăng khả năng hành huyết. Chế với giấm vừa tăng lý khí lại tăng tác dụng giảm đau.

DỪA NƯỚC

(Rau Dừa nước, Dulong Thái)
Herba Jussiaeae

Dùng toàn cây Dừa nước - *Jussiaea repens* L.

Họ Rau dừa nước - *Denotheraceae*.

Thu hái bộ phận cây nổi trên mặt nước. Rửa sạch, bỏ các tạp chất, thái đoạn 3-5cm. Phơi khô. Nếu đã có dược liệu khô, đem thái đoạn như trên, rửa sạch. Phơi khô.

1. Dừa nước sao vàng.

Đem dừa nước đã thái đoạn khô, sao tới khi khô, vàng là được.

2. Dừa nước sao sém cạnh.

Đem dừa nước khô, sao đến khi bên ngoài hơi đen.

*** Công dụng:** Là thuốc có tác dụng lợi tiểu, hạ nhiệt, được dùng trong các trường hợp tiểu tiện buốt rất; tiểu ra cạnh trắng hoặc ra máu; còn dùng chữa sốt, chữa lỵ.

Nếu tiểu đại tiện ra máu có thể dùng loại sao đen.

- Cần tránh nhầm với cây Dừa cạn - *Vincarosea*.

ĐẠI HOÀNG

(Radix Rheii)

Là rễ cây Đại hoàng *Rheum palmatum* L. Họ Rau răm - Polygonaceae có thể tiến hành chế biến theo một số phương pháp sau:

1. Đại hoàng phiến.

Dem đại hoàng ngâm nước 3-6 giờ, vớt ra ủ mềm. Thái phiến dày 0,5-1,5mm. Phơi hoặc sấy khô. Cũng có thể tẩm rượu, ủ 2-5 ngày cho mềm, rồi thái phiến. Phơi khô.

2. Đại hoàng tẩm rượu.

Đại hoàng phiến	1kg
Rượu	0,3kg

Tẩm rượu vào đại hoàng phiến. Ủ 30 phút. Phơi âm can hoặc sấy nhẹ tới khô. Cũng có thể dùng:

Đại hoàng phiến	10kg
Rượu	1kg

Trộn đều rượu vào đại hoàng, ủ 30 phút sao đến khi hơi biến màu là được. Cũng có thể sao đại hoàng đến hơi vàng, phun rượu vào, sao tiếp đến khô.

3. Đại hoàng nấu với rượu.

Đại hoàng	10kg
Rượu	1kg
Nước vừa đủ.	

Trộn rượu vào đại hoàng, cho ngấm hết rượu; thêm nước vừa đủ. Đun đến khi rượu hút hết vào đại hoàng; hoặc đến khi có màu đen. Phơi và sấy khô. Có thể thay việc nấu bằng đồ. Cũng có thể đem đại hoàng nấu 30 phút, thêm rượu ủ 3-4

ngày; đem ra thái phiến dày 1mm - 3mm. Sấy khô, lại tiếp tục ủ với rượu, 12 giờ. Sau đó 3-4 giờ; đem ra sấy tới khi độ ẩm còn chừng 50%; thêm rượu, trộn đều, ủ. Lại đem đồ tiếp đến khi hết mùi hắc. Phơi hoặc sấy khô.

4. Đại hoàng sao.

Cho đại hoàng phiến vào nồi đã đun nóng già, đảo đều cho đến khi có màu vàng hoặc hơi đen.

5. Đại hoàng sao cháy.

Đem đại hoàng phiến sao lửa to, quấy đều, đến khi toàn bộ bề mặt phiến có màu đen. Phun ít rượu để trừ hỏa độc.

6. Đại hoàng tẩm giấm.

Đại hoàng phiến 1kg

Giấm ăn 1 kg

Trước hết trộn đều giấm vào đại hoàng. Sao nhỏ lửa đến khi các miếng đại hoàng biến đổi màu là được.

7. Đại hoàng tẩm muối.

Đại hoàng phiến 1 kg

Muối 20gam.

Đem đại hoàng phiến sao nhỏ lửa đến khi lớp vỏ hơi có màu đen, phun nước muối vào, đảo đều, là được.

8. Đại hoàng trộn mật ong.

Lấy bột mịn đại hoàng, trộn với mật ong.

Đại hoàng bột 10kg

Mật ong 20kg

Sau khi được dạng hồ, đem đồ 2 giờ cho chín đều; bỏ ra làm thành những thỏi có đường kính 4cm. Phơi tới khô chừng 70%; đem ủ 10 ngày tới khi trong ngoài mềm đều, cắt thành phiến dày 5-6mm. Phơi âm can.

* **Công dụng:** Đại hoàng là vị thuốc tẩy vì bản thân có các hợp chất anthraquinon như rhein acid chrysophanic, emodin. Nếu dùng sống đại hoàng có tác dụng thanh nhiệt, dùng đối với bệnh đại tràng thấp nhiệt, táo kết nặng, hoặc mạn tính thường phối hợp với chỉ xác (đại hoàng phi chỉ xác bất thông). Sao chế, anthraquinon dạng kết hợp giảm đi, sức tả hạ cũng giảm; nhất là ở đại hoàng sao cháy, sức tả hạ rất yếu; song tính thu liễm và khả năng hấp thụ lại tăng lên. Chính vì vậy, sau khi thán sao đại hoàng có tác dụng cầm máu. Sau sao chế, đại hoàng dùng tốt cho các trường hợp trĩ nội (đại tiện táo, chảy máu).

ĐẠI PHÚC BÌ *Pericarpium Arecae*

Vỏ quả đã phơi sấy khô của cây Cau - *Areca catechu* L.
Họ Cau - Arecaceae.

1. Lấy quả cau già mấy, bỏ bỏ hạt, bỏ quả mốc. Phơi khô. Khi dùng có thể chế biến như sau.

2. Đại phúc bì chế cam thảo.

Đại phúc bì 10kg

Cam thảo 0,2kg

Đem đại phúc bì ngâm mềm, tước bỏ vỏ cứng bên ngoài, rửa sạch. Ngâm vào nước sắc cam thảo 1 giờ (nước sắc cam thảo vừa đủ ngâm ngập 10kg đại phúc bì). Rửa sạch, phơi khô.

3. Đại phúc bì tẩm rượu.

Đại phúc bì 10kg

Rượu 3kg

Dem đại phúc bì trộn đều với rượu, ủ 30 phút cho ngấm hết rượu. Phơi âm can.

* **Công dụng:** Đại phúc bì có công năng hạ khí hành thủy, lợi niệu, dùng trong các trường hợp bí tiểu tiện, phù thũng có thể phối hợp với trần bì, tang bạch bì, phục linh bì, khương bì trong phương "Ngũ bì ẩm". Ngoài ra còn dùng trong bệnh bụng đầy trướng, thượng vị căng tức, đại tiện khó khăn.

ĐẠI KẾ

Herba et Radix Cirsii japonici.

Toàn cây hoặc rễ của cây Đại kế - *Cirsium japonicum* DC.
Họ Cúc - Asteraceae.

1. Đại kế cắt đoạn.

Dem bộ phận trên mặt đất cắt đoạn dài 3-5cm. Phơi khô.

2. Đại kế phiến.

Rễ rửa sạch, ủ mềm; thái phiến dày 1-3mm dài 5cm. Phơi khô.

3. Đại kế sao.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi có mầu vàng có mùi thơm hoặc hơi vàng cháy.

4. Đại kế thán.

Dùng nhiệt độ sao ở 220°C, đảo đều tay tới khi bề mặt phiến bị đen hoặc cháy đen (có mùi cháy) vẩy ít nước vào, đổ ra. Phơi âm can.

5. Đại kế chế giấm.

Đại kế	10kg
Giấm	3kg.

Đem giấm trộn đều vào đại kế phiến, ủ đến hết mùi giấm. Sao tới lúc hơi cháy; hoặc sao đại kế phiến tới nóng già thì vẩy giấm vào, đảo đều tay, sao khô và cuối cùng là sao tới hơi cháy đen.

Cũng chế tương tự với vị thuốc mang tên tiểu kế, cùng họ với tên khoa học là *Cirsium segetum* Bunge.

*** Công dụng:** Đại kế, tiểu kế đều là vị thuốc cầm máu rất tốt dùng trong các trường hợp bị chảy máu cam, trĩ nội, băng huyết... Tuy nhiên đại kế vừa chỉ huyết vừa phá huyết hành ứ cho nên dùng tốt cho chấn thương chảy máu mà có máu tụ. Còn tiểu kế cầm máu, song thiên về thanh nhiệt lương huyết, nên dùng tốt, khi huyết nhiệt mà gây chảy máu. Chế thán tăng tác dụng chỉ huyết của cả 2 vị thuốc trên.

ĐẬM ĐẬU XỊ

Semen Vignae cylindricae Praeparatus

Là chế phẩm được chế bằng cách lên men ở hạt đậu đen - *Vigna cylindrica* Skeels. Họ Cánh bướm - Papilionaceae, sau khi đã làm chín kỹ. Để có đậm đậu xị có thể chế theo nhiều cách:

1. Lên men sau khi đậu đã đồ chín.

Trước hết đem đậu ngâm 1 đêm. Đổ 4 giờ liền cho chín kỹ. Để nguội đến nhiệt độ 40°C; thêm một ít men vàng (men để làm tương), trộn đều. Để yên ở nhiệt độ phòng 27 - 28°C 20 giờ đến khi trên bề mặt có các sợi nấm màu trắng bao kín. Đảo đều, và giữ ổn định ở nhiệt độ trên; khoảng 3 ngày 3 đêm. Bỏ ra phơi 2-3 giờ; vẩy vào một ít nước, hạt đậu như nhớt; cho chúng vào thúng ép chặt; đập kín. Để 3 ngày 3 đêm

lại bỏ ra phơi 2-3 giờ như trên. Làm lặp lại vài lần sau cùng phơi khô. Cũng có thể sau khi ngâm đậu đen 10-12 giờ, đồ chín 3-5 giờ; thêm ít bột mỳ vào trộn thật đều. Đem phơi nửa ngày; ủ 4-5 ngày đến khi mềm. Phơi khô. Đồ 3-4 giờ lại phơi khô.

2. Hàm đậu xị.

Trước hết ngâm đậu đen với nước muối 48 giờ liền (10kg đậu đen dùng 2,5kg muối ăn, pha vào 10 lít nước lã). Đồ ra, đem đồ chín; sau đó tắm với nước muối có nồng độ nói trên. Phơi hong sau ủ 72 giờ liền (ủ kín, chung quanh dụng cụ ủ phải lót lá chuối sạch) trong quá trình ủ cần theo dõi; nếu thấy mốc vàng xuất hiện thì mở ra, trộn đều. Lại ủ tiếp và làm như vậy nhiều lần khoảng độ 9 ngày đêm. Đem ra phơi, sấy ở nhiệt độ 30° - 40°C đến khô. Cũng có thể tiến hành chế đậm đậu xị không cần nước muối mà chỉ cần đồ chín đậu đen sau khi đã ngâm 1 đêm. Ủ 3 ngày; dụng cụ ủ lót lá chuối khô sạch. Khi thấy mốc vàng xuất hiện, đem phơi khô, rồi lại thêm nước cho đủ ẩm; lại tiếp tục ủ kín trong dụng cụ lót lá dâu. Khi xuất hiện mốc vàng lại đem phơi 1 giờ; làm như vậy khoảng 5-7 lần. Cuối cùng đem đồ rồi phơi khô.

3. Lên men bằng cách thêm dước liệu.

Đậu đen	10kg	Thanh cao tươi	1kg
Tô diệp	1kg	Ma hoàng	1kg.

Ngâm đậu đen với nước lã 6-8 giờ đến khi hạt đậu trương phồng. Đun đến chín nhừ, đổ ra trộn đều với bột thuốc nói trên, rồi ủ vào một thùng gỗ 3-7 ngày; đến khi xuất hiện mốc vàng thì đổ ra phơi khô. Cũng có thể nấu đậu đen với các thuốc nói trên cho chín; sau đem đậu đen ủ với thanh cao đến khi xuất hiện mốc vàng, đổ ra phơi âm can tới khô. Cũng có thể dùng lá dâu và lá thanh cao tươi ép lấy dịch, dùng dịch

này trộn vào đậu đen đã xử lý như trên và ủ đến khi có mốc vàng. Phơi khô. Cũng có thể chỉ làm với một loại lá dâu tươi xếp cách 1 lớp đậu đen đã chín như trên với 1 lớp lá dâu. Để lên men 7 ngày. Lặp lại như trên 7 lần; rồi đem phơi khô. Hoặc dùng đậu đen nấu với nước sắc của phương thanh ôn giải độc; sau cũng ủ lên mốc vàng như trên.

4. Đạm đậu xị sao thơm hoặc sao cháy.

* **Công dụng:** Đạm đậu xị là thuốc tân lương giải biểu; dùng trong các trường hợp cảm mạo phong nhiệt, sốt cao, đau đầu phiền khát. Trong bệnh thương hàn có sốt cao, đau đầu. Có thể làm giảm tính mát bằng cách sao chế.

ĐAN SÂM

Radix Salviae miltiorrhizae

Rễ phơi khô của cây Đan sâm - *Salvia miltiorrhiza* Bunge.
Họ Hoa môi - Lamiaceae.

1. Đan sâm phiến.

Lấy đan sâm rửa sạch, ủ mềm, thái phiến lát dày 5mm dài 5cm. Phơi khô âm can (vì phơi nắng đan sâm bị đen). Có thể đem rửa sạch, chưng hoặc đồ mềm rồi thái.

2. Đan sâm sao tồn tính.

Tiến hành sao ở nhiệt độ 120°C, đảo đều tay; đến khi bên ngoài phiến có màu hơi đen. Rây bỏ tạp bụi.

3. Đan sâm thán.

Đem đan sâm sao tới khi toàn bộ bên ngoài phiến đen, bên trong cũng có màu nâu đen; phun ít rượu vào. Phơi âm can.

4. Đan sâm trích rượu.

Đan sâm	10kg
Rượu	1kg-1,5kg.

Đem rượu trộn đều vào đan sâm; ủ 30 phút - 1 giờ cho hút hết rượu. Sao nhỏ lửa tới khô. Có thể tiến hành sao đan sâm tẩm rượu như trên với cám gạo. Trước hết rang cho cám nóng già, bốc khói trắng; đổ đan sâm vào đảo đều, đến khi màu hơi vàng. Rây bỏ cám.

5. Đan sâm trích giấm.

Đan sâm	10kg
Giấm	1,5kg

Sau khi tẩm đan sâm với giấm; ủ 30 phút - 1 giờ. Sao nhỏ lửa đến khô.

6. Đan sâm sao với gạo.

Đan sâm	10kg
Gạo	1kg.

Trước hết thêm ít nước vào đáy nồi, thêm gạo vào. Đun nhỏ lửa đến khi có khói thơm bốc lên; đổ đan sâm phiến vào, sao đến lúc có màu đỏ thẫm. Đổ ra; rây bỏ gạo.

7. Đan sâm trộn miết huyết (máu ba ba).

Đan sâm	10kg
Máu ba ba	1kg
Rượu	1kg.

Trước hết hòa máu ba ba vào rượu, sau đó đem trộn đều vào đan sâm. Để 30 phút cho ngấm đều. Phơi khô hoặc sấy khô.

8. Đan sâm trộn tiết lợn.

Đan sâm	10kg
---------	------

Tiết lợn 2kg (Tiết lợn thường lấy ở tim lợn)
Rượu 1kg.

Trước hết trộn đều tiết lợn với rượu; sau đó đem hỗn dịch này trộn với đan sâm, để 30 phút cho ngấm đều. Phơi khô hoặc sấy khô.

* **Công dụng:** Đan sâm có tác dụng hoạt huyết, hóa ứ dùng trong các bệnh huyết ứ, huyết hành khó khăn, đặc biệt là tác dụng trên tim mạch; vì đan sâm không những hoạt huyết mà là dưỡng tâm an thần. Do đó đan sâm tâm huyết nhằm tăng tác dụng quy kinh tâm, tăng hành huyết, an thần của vị thuốc. Chế thán để vị thuốc có tác dụng chỉ huyết; nghĩa là lúc này vị thuốc vừa hoạt vừa chỉ; dùng thích hợp với các trường hợp sang chấn, dinh độc vừa sưng đau vừa tụ huyết lại vừa chảy máu.

ĐANG SÂM

Radix Codonopsis hoặc Radix Campanumoeae

Là rễ phơi khô của Minh đẳng sâm - *Codonopsis tangshen* Oliv, hoặc Lộ đẳng sâm - *Campanumoea javanica* Blume. Họ Hoa chuông - *Campanulaceae*.

1. Đẳng sâm phiến.

Đem đẳng sâm rửa sạch, bỏ đầu nuốm rễ; thái lát dày 1-2mm dài 5cm, nếu rễ nhỏ có thể cắt từng đoạn 5cm. Phơi khô. Nếu rễ cứng quá, sau khi rửa sạch, phải ủ 5-6 giờ cho mềm rồi thái. Cũng có thể chưng cho mềm rồi thái. Trước khi chưng có thể dùng nước cháo ngấm rửa trong 10 phút.

2. Đẳng sâm sao vàng.

Lấy đẳng sâm phiến, sao nhỏ lửa tới khi có màu hơi vàng hoặc màu vàng thẫm, có đốm đen.

3. Sao với gạo.

Đẳng sâm 10kg

Gạo cũ vừa đủ.

Đẳng sâm và gạo cùng cho vào nồi, sao nhỏ lửa tới khi bề mặt phiến có màu vàng thẫm. Sàng bỏ gạo. Cũng có thể cho ít nước vào nồi, thêm gạo cho dính đáy nồi. Dùng nhỏ lửa đun đến khi có khói bay ra thì cho đẳng sâm vào, sao đến khi có màu vàng.

4. Đẳng sâm tẩm mật ong.

Đẳng sâm phiến 10 kg

Mật ong 2kg.

Cho mật ong vào nồi, đun nhỏ lửa đến khi sủi bọt lăn tăn, thêm đẳng sâm vào trộn đều và sao tới khi có màu vàng, mùi thơm là được.

5. Đẳng sâm tẩm nước gừng.

Đẳng sâm phiến 10kg

Gừng tươi 2kg

Gừng rửa sạch, giã nát vắt lấy nước cốt, thêm nước lã bóp chắt lấy hết dịch gừng. Đem nước gừng trộn đều vào đẳng sâm phiến; ủ 1 giờ cho ngấm đều. Đem sao tới khi mặt phiến hơi vàng, mùi thơm của gừng bốc lên.

6. Đẳng sâm tẩm rượu.

Đẳng sâm phiến 10kg

Rượu 2kg

Dem rượu trộn đều vào đẳng sâm phiến; ủ 1 giờ cho ngấm đều. Sao nhỏ lửa tới khô là được.

* **Công dụng:** Đẳng sâm là thuốc bổ khí, kiện tỳ. Dùng trong các trường hợp chân khí kém, khí hư, người yếu mệt; hoặc tiêu hóa kém, khí phế kém gây ho. Sao chế nhằm tăng hiệu lực điều trị bệnh của đẳng sâm. Chế với mật ong tăng cường tác dụng bổ trung. Sao với gạo để hòa vị kiện tỳ. Sao với rượu với nước gừng tăng thêm tính ấm cho vị thuốc.

ĐÀO NHÂN

Semen Persicae annuae

Nhân hạt đã phơi khô ở quả chín của cây Đào - *Prunus persica* (L) Batsch hoặc cây Sơn đào - *Prunus davidiana* (Carr) Franch Họ Hoa hồng - Rosaceae.

1. Bỏ vỏ, ngâm đào nhân vào nước sôi 3 - 5 phút. Đổ ra; xát bỏ vỏ ngoài. Có thể sau khi đun đổ ra, cho vào nước lạnh 5 phút rồi mới xát bỏ vỏ. Phơi khô, dùng làm nguyên liệu chế sau đây.

2. Đào nhân sao vàng.

Dùng lửa nhỏ, sao đến khi bề mặt có màu hơi vàng ngoài cạnh có chấm đen.

3. Đào nhân sao cám.

Sao đến khi có màu vàng là được.

4. Đào nhân tẩm mật.

Đào nhân đã bỏ vỏ 10kg

Mật ong 2kg

(nếu mật luyện, cần thêm nước lã pha loãng).

Trộn đều đào nhân vào mật ỉ 30 phút. Sao nhỏ lửa, đến khi sờ không dính tay là được.

5. Chế đào nhân với cam thảo.

Đào nhân sống 10kg

Cam thảo 2kg.

Trước hết đem cam thảo sắc lấy nước (dun 2-3 lần, gộp dịch nước sắc, đủ để ngâm ngập 10kg đào nhân), ngâm 1 ngày. Vớt ra, đun sôi 20 phút; đổ ra xát bỏ vỏ ngoài. Phơi khô.

6. Đào nhân chế sương.

Đào nhân giã nát, gói giấy bần hoặc túi đem đồ nóng, hoặc phơi nắng. Ép bỏ dầu, làm vài lần, tới hết dầu. Phơi khô.

*** Công dụng:** Đào nhân là vị thuốc có tác dụng hoạt huyết, hóa ứ dùng để phá huyết ứ của bế kinh, tạng phủ ứ huyết. Ngoài ra còn có tác dụng nhuận tràng. Có thể dùng cho những người táo bón. Đào nhân chế sương, để giảm tính hoạt tràng của vị thuốc. Chú ý khi sao chế có thể dễ vỡ, cắt phần đầu nhọn hoặc bỏ vỏ, cắt đầu nhọn của nhân.

ĐỊA CỐT BÌ

Radix Lycii siensis

Là vỏ rễ của cây Khôi tử - *Lycium sinense* Mill Họ Cà - Solanaceae.

- Sau khi thu hái, rửa sạch phơi khô, bỏ lõi, thái khúc 2-3cm.

1. Địa cốt bì sao cám.

Dùng cám gạo sao nóng già, bốc khối trắng, cho địa cốt bì vào sao nhỏ lửa đến màu hơi vàng. Rây bỏ cám.

2. Địa cốt bì chế với nước cam thảo bắc.

Địa cốt bì 10kg

Cam thảo bắc 1kg

Trước tiên sắc nước cam thảo 2-3 lần; gộp dịch sắc vừa đủ ngâm ngập 10kg địa cốt bì đã bỏ lõi. Ngâm 12 giờ, thỉnh thoảng khuấy trộn đều; vớt ra sấy khô hoặc sao vàng.

3. Địa cốt bì tẩm rượu.

Địa cốt bì 10kg

Rượu 1,5kg

Trộn rượu vào địa cốt bì, ủ 30 phút cho ngấm đều. Sao qua.

*** Công dụng:** Địa cốt bì là thuốc thanh nhiệt lượng huyết; dùng trong bệnh thấp nhiệt như đau nóng âm ỉ trong xương (bệnh cốt chùng). Do tính chất chỉ hãn của địa cốt bì mà nó được dùng để chữa cốt chùng có mồ hôi. Ngoài ra còn được dùng chữa ho do phế nhiệt, ho ra máu, bệnh tiêu khát (đái đường, đái nhạt).

Chú ý: Cần chú ý phân biệt với vị thuốc cũng có tên địa cốt bì (Bắc) trên thị trường hiện nay; đó là vỏ rễ của một loại ngũ gia bì hương - *Acanthopanax*, mùi thơm dễ chịu, cũng dùng với công năng địa cốt bì; khi dùng cũng tiến hành sao chế như trên.

ĐỊA DU

Radix Sanguisorbae

Là rễ của cây Địa du *Sanguisorba officinalis* L. Họ Hoa hồng - Rosaceae.

1. Địa du phiến.

Rửa sạch dược liệu, ủ mềm 1-3 giờ, thái phiến dày 1-3mm. Phơi khô.

2. Địa du thán.

Lấy địa du phiến cho vào nồi, đã nóng ở 200-220°C, sao to lửa tới khi bên ngoài phiến đen, trong vàng nâu hoặc hơi đen; có mùi cháy.

3. Địa du tẩm giấm.

Địa du	10kg
Giấm	0,5kg.

Trước tiên trộn đều giấm vào địa du, ủ 30 phút. Sao nhỏ lửa đến khi bề mặt phiến có màu đen. Cũng có thể sao địa du tới màu đen, sau thêm giấm vào đảo đều, tới khô.

4. Địa du tẩm muối.

Địa du	10kg
Muối ăn	0,3kg

Pha muối vào 6 lít nước; tẩm nước muối vào địa du; ủ 30 phút cho ngấm hết nước. Dùng lửa to sao đến khi bên ngoài phiến có màu đen, trong vàng đậm. Cũng có thể sao địa du đến khi đen toàn bộ rồi phun nước muối vào. Sao khô.

*** Công dụng:** Địa du là vị thuốc có tác dụng cầm máu rất tốt. Có thể dùng cho các bệnh băng huyết, đa kinh, chảy máu cam, ho ra máu, chảy máu nội tạng (dạ dày, ruột...) các

nguyên nhân chảy máu khác. Chế thán tăng khả năng cầm máu của địa du.

ĐỊA HOÀNG (*Sinh địa*)

Radix Rehmanniae

Dùng rễ của cây Địa hoàng - *Rehmannia glutinosa* Gaertn
Họ Hoa mõm sói - Scrophulariaceae.

1. Sinh địa chế.

Sau khi thu hái, làm sạch đất cát, rồi tiến hành chế qua 1 số giai đoạn:

+ Giai đoạn sấy: Với nhiệt độ tăng dần từ 38°C đến 55°C trong suốt 7 ngày liền. Hàng ngày có đảo nhẹ nhàng; cần chú ý xếp củ to ở dưới củ nhỏ lên trên.

+ Giai đoạn ủ: Những củ đã xấy mềm, được rải ra sàn nhà khô ráo kín gió 7 ngày liền. Ủ 3 ngày, đến khi trong ruột củ có màu đen, có chất dịch dính.

+ Giai đoạn làm khô: Sấy ở nhiệt độ 40°C - 50°C đến khi vỏ ngoài khô, bóng, da mỏng màu nâu tro, cắt ngang đen xám, dịch đen dính, vị hơi ngọt.

2. Sinh địa phiến.

Đem sinh địa thái phiến dày 1 - 3 mm, phơi hoặc sao khô không dính tay.

3. Sinh địa thán.

Lấy sinh địa phiến cho vào nồi rang đã nóng, sao đều tay đến khi bề mặt phiến có màu đen; và phồng nên những nốt nhỏ. Phun ít nước lã vào; để nguội.

4. Sinh địa nung thán.

Cho sinh địa phiến vào nồi gang hay nồi đất, phía trên đặt một nồi nhỏ hơn. Mặt nồi trên đặt một tờ giấy trắng; trát kín miệng nồi dưới. Dùng than củi đun 20 phút đến khi tờ giấy trắng bị đen lại.

Chú ý: Việc cung cấp lửa phải đều; sau khi ngừng lửa, để nguội 1 đêm, mới mở nồi lấy sinh địa ra.

* **Công dụng:** Sinh địa là thuốc thanh nhiệt lương huyết; dùng trong các bệnh huyết nhiệt tân dịch khô hao, hoặc huyết nhiệt gây mụn nhọt mẩn ngứa; bệnh tiêu khát (đái đường).

Sinh địa còn là vị thuốc chỉ huyết; dùng trong các trường hợp xuất huyết do tỳ nhiệt, huyết nhiệt.

Thán sao sinh địa, tăng khả năng chỉ huyết của vị thuốc.

ĐỊA LIỀN

Rhizoma Kaempferiae

Là thân rễ của cây Địa liền - *Kaempferia galanga* L. Họ Gừng - Zingiberaceae.

1. Địa liền phiến.

Sau khi đào lấy thân rễ rửa sạch đất cát, để ráo nước, thái phiến 3 - 5 mm. Phơi khô.

Nếu có thân rễ khô thì đem ngâm 1 - 2 giờ, rửa sạch; để ráo nước, thái phiến như trên. Phơi khô.

2. Địa liền sao.

Lấy địa liền phiến, sao qua tới mùi thơm là được;

* **Công dụng:** Địa liền có tác dụng giảm đau trừ thấp; được dùng trong các trường hợp cảm mạo phong hàn đau đầu,

đau gáy; hoặc các trường hợp đau xương khớp đau cơ và thần kinh ngoại biên, đau răng, kích thích tiêu hóa; còn dùng dưới dạng cồn xoa bóp chỗ sưng đau.

ĐINH LĂNG ***Radix Frusticosi.***

Dùng rễ của cây Đinh lăng (cây gỏi cá) - *Panax fruticosum* L. hoặc *Polyscias fruticosa* (L.) Harms Họ Ngũ gia bì - *Araliaceae*.

1. Đinh lăng phiến.

Sau khi đào rễ rửa sạch đất cát để ráo nước; thái phiến 3 - 5 cm dày 3 - 5 mm. Phơi khô. Nếu có rễ khô thì rửa sạch đất cát ủ mềm, thái phiến như trên. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Đinh lăng sao vàng.

Lấy đinh lăng phiến sao nhỏ lửa tới khi mặt phiến hơi vàng, cho mùi thơm là được.

* **Công dụng:** Đinh lăng là vị thuốc bổ tăng lực; tăng sức đề kháng cho cơ thể; còn dùng để chữa ho khan, ho nhiệt, ho ra máu, thông tiểu. Có thể dùng sắc hoặc ngâm rượu.

ĐỔ TRỌNG ***Cortex Eucommiae***

Là vỏ cây Đỗ trọng - *Eucommia ulmoides* Oliv Họ Đỗ trọng - *Eucommiaceae*.

1. Đỗ trọng thái.

Rửa sạch đỗ trọng, cạo bỏ vỏ bên thô phía ngoài; ủ mềm; thái tơ. Đặt úp vỏ đỗ trọng, dùng dao cạo thái từng nhát, làm lớp vỏ ngoài bị đứt, lộ ra lớp nhựa trắng, dai bên trong, tạo ra một mảnh sợi tơ như xác rắn. Cũng có thể thái từng phiến nhỏ 5-8cm hoặc thái vụn.

2. Đỗ trọng thán.

+ Sao thán: Dùng cát sao nóng già; cho đỗ trọng vào đảo đều khoảng 10-15 phút; tới lúc tơ của nó đứt ra. Rây bỏ cát, rồi tiếp tục sao đến lúc đen toàn bộ.

+ Nung thán: Cho đỗ trọng thái vào một cái nồi, dùng một nồi khác úp khít; miệng nồi gắn kín bằng đất vàng. Đun đến lúc nhỏ một giọt nước vào nồi trên, khô ngay là được.

3. Đỗ trọng trích muối.

Đỗ trọng thái	10kg
Muối ăn	0,1kg

Trước tiên tắm nước muối vào đỗ trọng; ủ 30 phút cho ngấm. Dùng lửa nhỏ sao đến khi hơi cháy; phun vào ít nước lã. Phơi khô. Cũng có thể đem đỗ trọng thái, sao tới khi có màu đen thì phun lượng muối nói trên vào. Phơi khô.

4. Đỗ trọng sao cát.

Sau khi tắm muối, tiến hành sao cách cát tới khi phía ngoài có màu vàng nâu. Rây bỏ cát. Cũng có thể sao đỗ trọng cách cát, đến khi phía ngoài đen xám; dùng nước muối phun đều vào, đổ ra để nguội.

5. Đỗ trọng chưng với muối ăn.

Đỗ trọng	10kg
Muối ăn	100g.

Tắm nước muối vào chỗ trọng; ủ 1 đêm cho mềm; chùng 1 giờ. Phơi khô.

* **Công dụng:** Đỗ trọng là thuốc bổ dương, dùng để bổ gan thận; trong các trường hợp chức năng gan thận kém thể hiện huyết áp cao, đau lưng, đau gối, đau xương khớp. Ngoài ra có tác dụng an thai. Sao chế làm tăng tác dụng của đỗ trọng. Tắm muối sao làm tăng tác dụng bổ trị đau lưng, đái són. Sao đen trị động thai chảy máu. Tắm rượu sao tác dụng bổ và trị phong thấp.

Chú ý: Cần phân biệt với vị đỗ trọng Nam Pamariaglan dulifera Benth. Họ Trúc đào - Apocynaceae.

ĐỘC HOẠT

Radix Angelicae pubescentis

Rễ phơi hay sấy khô của cây Độc hoạt - *Angeica pubescent* Maxim.F. biserrata Shan et Yuan. Họ Hoa tán - Apiaceae.

1. Độc hoạt phiến.

Dem độc hoạt rửa sạch, để ráo nước; ủ mềm; thái phiến dày 3-5mm. Phơi khô.

2. Vi sao độc hoạt.

Lấy độc hoạt phiến sao nhỏ lửa đến khi có mùi thơm là được.

3. Sao sém cạnh.

Lấy độc hoạt phiến sao đến hơi cháy cạnh, có mùi thơm.

* **Công dụng:** Độc hoạt là vị thuốc trừ phong thấp, chỉ thống, được dùng trong các bệnh đau nhức do phong hàn, phong thấp, đau nhức xương khớp, đau dây thần kinh ngoại

biên, đau đầu, đặc biệt tốt với bệnh thấp hạ tiêu, tức từ lưng trở xuống.

ĐỒM NAM TINH

Chế phẩm được chế từ thân rễ của cây chóc bán hạ nam *Typhonium divaricatum* Becne. Họ Ráy - Araceae với mật bò

Có nhiều cách chế đờm nam tinh; đặc biệt có nhiều phương pháp giới thiệu, thời gian chế biến tới 5 năm, rất phức tạp. Ở đây chỉ giới thiệu một số cách chế biến với thời gian ngắn.

Bột nam tinh chế 10 kg

Mật bò 20 kg

Mật bò cô đặc 50%; sau trộn đều với bột nam tinh để ngấm kỹ rồi phơi khô đến 50%. Cho vào cối nghiền. Dàn ra khuôn, cắt thành từng miếng nhỏ có kích thước 1 x 1 x 1cm. Ngày phơi nắng, đêm phơi sương, đến khi hết mùi tanh của mật. Phơi khô. Cũng có thể làm như trên song tiến hành phơi 3 năm - 5 năm (thường chỉ phơi vào mùa hạ). Sau đó đem chưng kỹ đến khi có màu đen. Cũng có khi chỉ phơi (ngày phơi nắng, đêm phơi sương) 20 ngày; hoặc sau khi trộn mật, phơi nắng 10 ngày sau khi lên men, sấy khô rồi đem chưng 16 giờ. Phơi khô

Lấy một số lượng mật bò tương đương khối lượng nam tinh, trộn đều, bỏ vào túi mật cũ, buộc chặt lại, phơi khô (6 tháng). Sau đó làm lại 3-4 lần là được.

- Lấy bột nam tinh chế trộn đều mật, khối lượng tương đương. Sau khi phơi khô; chưng đến chín kỹ có màu vàng đen; phơi khô, nghiền mịn; sấy khô.

- Bột nam tinh chế 10 kg, mật bò 15 kg, rượu 0,2 kg gừng 1 kg. Trộn đều bột nam tinh với các phụ liệu. Sau để lên men 3 ngày; chưng 3 giờ. Dàn ra khay, cắt thành miếng 1 x 1 x 1cm. Phơi khô. Tiếp tục chưng và phơi lặp lại 9 lần.

- Đờm nam tinh chế: Lấy đờm nam tinh chưng 4 giờ cho chín kỹ, để nguội là được. Đôi khi chưng với rượu bằng cách thêm rượu vào, để hút hết rượu, chưng 5 giờ, đến khi có màu đen.

* **Công dụng:** Là thuốc chỉ ho hóa đờm, tắt phong. Dùng trong các bệnh ho do đờm đặc, khó thở hoặc các bệnh kinh giản (động kinh, co giật...)

ĐƯƠNG QUY

Radix Angelicae sinensis

Là rễ của cây Đương quy - *Angelica sinensis* (Oliv) Diels.

Họ Hoa tán - Apiaceae

1. Đương quy phiến.

Rửa sạch đất cát, tạp bẩn, ủ mềm 12 giờ; thái hoặc bào mỏng, phiến có độ dày 1 - 3mm. Phơi sấy nhẹ.

2. Đương quy tẩm rượu.

Đương quy củ trộn với rượu, ủ mềm, thái phiến; phơi hong.

Cũng có thể đem đương quy tẩm với rượu rồi chưng 4 giờ (làm 2 lần) đến khi ngoài đen trong vàng, thái phiến.

3. Đương quy sao với rượu.

Đương quy phiến	10 kg
Rượu	1kg

Tắm rượu và dương quy phiến; ủ 30 phút cho rượu ngấm đều. Sao nhỏ lửa đến khi có màu vàng đậm, mùi thơm đặc trưng. Cũng có thể sao dương quy tới nóng già; phun rượu vào; tiếp tục sao tới màu vàng đậm hoặc xuất hiện trên mặt phiến các chấm đen, mùi thơm đặc trưng.

4. Dương quy sao vàng.

Lấy dương quy phiến sao đến khi bề mặt phiến có màu vàng, có mùi thơm đặc trưng.

5. Dương quy sao với đất.

Dương quy phiến 10 kg

Bột phục long can 3 kg

Dem đất sao nóng, đổ dương quy phiến vào; sao đến khi có màu hơi vàng đen.

6 Dương quy sao cháy cạnh.

Lấy dương quy phiến, dùng lửa to, sao đến khi có màu vàng cháy cạnh; phun ít nước vào.

7. Dương quy thán.

Dem dương quy phiến sao đến khi bề mặt phiến đen, trong màu vàng là được.

8. Dương quy tẩm mật ong, sao.

Dương quy phiến 10 kg

Mật ong 2 kg

Dem mật luyện trong nồi; sau đổ dương quy phiến vào trộn đều; sao tới khi sờ vào miếng dương quy không còn dính tay là được.

*** Công dụng:** Dương quy có tác dụng bổ huyết, hoạt huyết và chỉ huyết tùy theo từng bộ phận của rễ. Tuy nhiên tác

dụng bổ huyết là chủ yếu. Ngoài ra còn sử dụng tác dụng điều kinh giảm đau, nhuận tràng thông tiện. Thuốc không tẩm trích thiên về bổ huyết hoạt tràng. Chế rượu làm tăng tác dụng hoạt huyết thông kinh. Chế thân tăng tác dụng chỉ huyết.

GỪNG

Rhizoma Zingiberis

Là thân rễ của cây Gừng - *Zingiber officinale* Rose.

Họ Gừng - *Zingiberaceae*

Tùy theo cách chế biến ta có các sản phẩm sinh khương (gừng tươi), can khương (gừng khô)

1. Sinh khương.

Lấy dược liệu, rửa sạch đất cát, phơi âm can; khi dùng thái phiến dày 1-3mm.

2. Gừng nướng.

Lấy sinh khương củ, hoặc phiến gói vào giấy, đem nướng hoặc đặt lên bếp lò; đến khi giấy gói vàng đi hoặc cháy; lấy ra bỏ giấy đi là được. Cũng có thể tiến hành bằng cách cho đất hoàng thổ vào nồi, dày 5cm, đặt tờ giấy lên trên lớp đất, đặt gừng phiến có trộn muối vào; đặt 1 tờ giấy khác lên trên gừng phiến; trên cùng lại cho một lớp hoàng thổ. Đặt nồi lên bếp than, nướng 2 giờ liền.

3. Can khương sao vàng.

Sau khi rửa, ủ mềm, thái phiến dày 3-5mm. Đem can khương phiến sao đến khi có màu vàng.

4. Sao với đất.

Lấy đất mịn, sao nóng già đổ can khương phiến vào; sao đến khi phồng lên là được. Sàng bỏ đất.

5. Can khương sao cám.

Can khương 10 kg

Cám gạo 2 kg

Cho cám vào sao nóng già đến khi bốc khói, đổ can khương vào, sao đến khi có màu vàng nhạt, sàng bỏ cám đi là được.

6. Can khương sao thán.

Lấy can khương phiến sao đến khi mặt ngoài có màu đen hoặc phồng lên, trong có màu vàng thẫm, xộp là được; có thể vẩy thêm ít nước để trừ hỏa độc.

7. Can khương tẩm mật.

Can khương phiến 10 kg

Mật ong 1 kg

Trước hết đem mật ong đun đến khi sủi bọt và có màu vàng đậm; đổ can khương phiến vào, tiếp tục sao đến khi có màu vàng, sờ không dính tay là được. Đến giai đoạn này có thể phun thêm ít nước; rồi lại sao tiếp, đến khi có màu vàng đậm.

8. Can khương tẩm muối.

Can khương 10 kg

Muối ăn 30 gam

Nước vừa đủ.

Dem can khương phiến sao đến khi bề mặt phiến có màu đen, trong màu vàng, phun nước muối vào, lấy ra để nguội

* **Công dụng:** Sinh khương là thuốc tân ôn giải biểu, được dùng trong cảm mạo phong hàn, ngoài ra còn dùng để giải

độc thức ăn. Vô gừng làm thuốc lợi tiểu. Can khương là thuốc ôn trung khử hàn dùng khi nội hàn hoặc bệnh trúng hàn. Sinh khương chế có tác dụng ấm vị tràng, chữa đau bụng buồn nôn. Trích muối hoặc thán sao có tác dụng cầm máu đặc biệt đi tiểu ra máu.

HÀ DIỆP (lá Sen) ***Folium Nelumbinis***

Là lá cây Sen - *Nelumbo nucifera* Gaertn. Họ Sen - Nelumbonaceae.

Lá sen bỏ cuống, thái thành sợi, hoặc thành các hình 3 cạnh, 4 cạnh. Nếu là lá sen khô thì sau khi rửa sạch, ủ mềm, thái sợi.

1. Hà diệp thán.

+ Hà diệp thán: Cho hà diệp sợi vào nồi; đậy vung kín, hoặc đặt một nồi nhỏ khác lên trên, trát kín miệng nồi phía trên; hoặc miệng nồi trên đặt một tờ giấy thấm ẩm. Đặt nồi lên bếp; nung nhỏ lửa, đến khi tờ giấy thành màu vàng cháy (khoảng 2 - 3 giờ)

+ Hà diệp sao thán: Cho hà diệp sợi vào nồi, dùng lửa to sao đến khi có mầu đen (tồn tính). Phun ít nước lã vào để trừ hỏa độc.

* **Công dụng:** Hà diệp tươi là thuốc thanh nhiệt giải thử, dùng khi say nắng, say nóng; giã nát; vắt lấy nước cho uống. Hà diệp thán có tác dụng cầm máu; dùng trong các bệnh chảy máu cam, trĩ ra máu, băng huyết, rong kinh...

HÀ THỦ Ô ĐỎ

Radix Polygoni

Là rễ đã chế biến của cây Hà thủ ô đỏ - *Polygonum multiflorum* Thunb. Họ Rau răm - *Polygonaceae*

Có thể chế biến theo các cách sau:

1. Hà thủ ô đỏ chế với rượu.

Hà thủ ô 10 kg

Rượu 40° 2kg

Lấy hà thủ ô rửa sạch; thêm rượu; ủ mềm thái phiến. Phơi âm can.

2. Chưng với rượu.

Hà thủ ô đỏ 10 kg

Rượu 2,5 kg

Lấy hà thủ ô trộn đều với rượu, chưng đến chín, phơi khô; làm lặp lại ba lần.

2. Chưng với đậu đen.

Hà thủ ô 10 kg

Đậu đen 2 kg

Trước hết đem đậu đen nấu kỹ lấy nước. Dùng nước đậu đen để ngâm hà thủ ô cho mềm; chưng 4-6 giờ; ủ 24 giờ, có thể lặp lại vài lần đến khi hà thủ ô có màu đen; thái phiến. Phơi khô. Tiếp tục lấy dịch chưng còn lại, tẩm vào hà thủ ô; Phơi khô.

3. Nấu với đậu đen.

Hà thủ ô 10 kg

Đậu đen 2 kg

3.1. Lấy hà thủ ô và đậu đen, thêm nước, ngấm và nấu kỹ, đến khi toàn bộ nước ngấm hết vào hà thủ ô, lấy ra thái phiến. Phơi khô.

3.2. Lấy nước cháo để nấu hà thủ ô trong 6-8 giờ; đến khi hà thủ ô hút hết dịch đun, mặt ngoài hà thủ ô có màu đen, đem phơi khô.

4. Nấu và chưng với đậu đen.

Hà thủ ô	10 kg
Đậu đen	2 kg

Trước hết nấu hà thủ ô với đậu đen tới chín kỹ, phơi khô se. Đem hà thủ ô đồ 8 giờ liền, đổ ra phơi khô se; lại lấy dịch nổi đáy trộn vào hà thủ ô, lại chưng tiếp. Làm 3 lần như vậy phơi khô. Cũng có thể đem đậu đen sao thơm, sau nấu với hà thủ ô đã ngấm 8 giờ liền tới khi ruột củ mềm. Đổ ra, bỏ đậu đen, phơi khô se. Đem đồ tới khi hơi bốc mạnh đều trên mặt chỗ, lấy ra ngay phơi nắng, đem phơi sương; sau đó dùng dịch nổi đáy tẩm vào hà thủ ô, lại đồ tiếp; làm như vậy 5 lần. Phơi khô.

5. Hà thủ ô, đậu đen và nước cháo, cùng nấu trong 2 giờ. Đổ ra phơi khô se.

Đem hà thủ ô tẩm dịch nấu trên, ủ 12 giờ đến khi hút hết, đem đồ 2 giờ; phơi khô (ngay phơi nắng, đem phơi sương); lại trộn với dịch nổi đáy. Đồ 2 giờ, phơi khô.

6. Cũng có thể tiến hành nấu hoặc đồ với đậu đen, song trước khi nấu, đồ thì ngấm hà thủ ô với nước vo gạo 1 ngày đêm. Riêng với phương pháp đồ thì trong chỗ, cứ 1 lớp hà thủ ô đổ lại đặt 1 lớp đậu đen. Đồ đến chín thì bỏ đậu đen đi phơi khô se hà thủ ô, rồi lại đồ tiếp. Làm như vậy 9 lần; sau đem thái phiến phơi khô. Giữa các lần phơi cần tẩm dịch nấu, chưng cho tới hết.

7. Chưng hà thủ ô với đậu đen và rượu.

Hà thủ ô	10 kg
Đậu đen	1 kg
Rượu	2,5 kg.

Đậu đen nấu kỹ, lấy nước (khoảng 2kg5). Dùng nước này trộn với rượu. Đem hỗn dịch này trộn đều với hà thủ ô. Ủ trong 4 giờ; sau đó đem chưng 24 giờ liền đến khi dịch ngấm hết vào hà thủ ô, thái phiến. Phơi khô.

8. Nấu hà thủ ô với đậu đen, sinh khương.

Hà thủ ô	10 kg
Đậu đen	1 kg
Sinh khương	1 kg

Trước hết đem hà thủ ô đồ ngấm 2 ngày 2 đêm, thái miếng cỡ 2 x 5cm, lại đem ngấm tiếp 2 ngày 2 đêm nữa. Nấu 20 phút; bỏ nước thêm sinh khương, đậu đen, nấu 1 giờ. Đổ ra, bỏ sinh khương, đậu đen, phơi khô se thái phiến mỏng. Phơi khô.

9. Nấu hà thủ ô với đậu đen cam thảo.

Hà thủ ô	10 kg
Đậu đen	2 kg
Cam thảo	2 kg

Cho đậu đen và cam thảo xuống đáy nồi; đổ hà thủ ô đồ lên trên thêm nước; nấu 12 giờ đến khi có mầu hồng hơi đen là được. Thái phiến, phơi khô.

10. Chế Hà thủ ô đồ với nước sắc thực địa

Hà thủ ô	10 kg
Thực địa	2 kg

Nấu thực địa; lấy nước sắc này trộn vào hà thủ ô, ngâm 3-6 giờ cho mềm. Chưng 3-5 giờ; đổ ra phơi khô se. Lại cho vào chưng 3-5 lần. Phơi khô.

Có thể dùng nước sắc thực địa, nấu với hà thủ ô đến khi bên ngoài miếng hà thủ ô đen đi là được.

*** Công dụng:** Hà thủ ô là thuốc bổ can thận, điều hòa khí huyết, bổ huyết. Các sản phẩm chế biến có tác dụng tăng cường bổ thận tư âm dưỡng huyết. Ở các sản phẩm hà thủ ô chế hàm lượng tamin và anthraglycosid toàn phần giảm đi hơn nữa.

HẠN LIÊN THẢO (Cỏ nhọ nổi)

Pars aerae Ecliptae albae

Là bộ phận trên mặt đất của cây Nhọ nổi - *Eclipta alba* Hassk. Họ Cúc - Asteraceae

Sau khi thu hái, rửa sạch, cắt bỏ rễ, phơi khô, cắt đoạn 3-5cm.

1. Hạn liên thảo thán.

Đem hạn liên thảo đã thái đoạn, sao với lửa to, đến khi có màu đen, giảm lửa sao tiếp đến khi cháy (có mùi cháy). Phun thêm nước vào để trừ hỏa độc. Đổ ra phơi âm can.

*** Công dụng:** Hạn liên thảo là thuốc lương huyết chỉ huyết; dùng trong các trường hợp huyết nhiệt dẫn đến chảy máu như máu cam, trĩ, băng huyết, sốt xuất huyết... Sao thán để tăng tác dụng cầm máu của vị thuốc, đặc biệt tốt khi chảy máu nhiều.

HẠNH NHÂN

Sennen Armeniacae amarae

Là nhân của hạt Quả mơ - *Prunus armeniaca* L. Họ Hoa hồng - Rosaceae

1. Hạnh nhân bỏ vỏ.

Cho hạnh nhân vào nồi nước sôi ngâm, hoặc đun sôi 5-10 phút đến khi vỏ chun lại; đổ ra thêm nước lạnh, xát bỏ vỏ. Phơi khô. Có thể trước khi đun sôi, ngâm với nước cam thảo 1 ngày.

2. Hạnh nhân sao vàng.

Dem hạnh nhân đã bỏ vỏ, sao nhỏ lửa tới khi có mầu vàng nhạt và xuất hiện các chấm đen hoặc mầu vàng có mùi thơm.

3. Hạnh nhân sao cám.

Lấy hạnh nhân sao với cám gạo, đến khi có màu vàng.

4. Hạnh nhân trích mật.

Hạnh nhân	10 kg
Mật ong	2 kg

Dem mật ong đun sôi tới vàng sánh thì đổ hạnh nhân (đã bỏ vỏ) vào, quấy đều. Sao đến khi có mầu vàng; sờ không dính tay là được.

5. Hạnh nhân sương.

Lấy hạnh nhân đã bỏ vỏ cho vào túi vải, chùng chín; nhân lúc còn nóng, đem ép để dầu chảy ra; ép hết dầu ta được hạnh nhân sương. Cũng có thể dùng hạnh nhân chưa bóc vỏ đem ép loại dầu; khi hết dầu thì xát sảy bỏ vỏ đi. Có thể làm tương tự; song hạnh nhân được gói vào giấy bản để thấm dầu.

*** Công dụng:** Hạnh nhân là vị thuốc có tác dụng chỉ ho bình suyễn, nhuận tràng. Dùng tốt cho những người viêm phế quản mạn tính; đặc biệt có kèm theo táo bón. Quá trình chế biến làm giảm bớt tính độc. Sao mật ong tăng tác dụng chỉ ho.

- Ta biết rằng trong hạnh nhân có chứa một thành phần quan trọng; đó là hợp chất glycosid amigdalín; chất này bị dịch vị hoặc bị men có trong hạnh nhân thủy phân tạo ra acid cyanhydric, chất này là nguyên nhân gây ra trừ đờm, do ức chế việc chuyển hóa oxy ở động mạch chủ và động mạch cổ làm cho hô hấp sâu mang tính phản xạ. Quá trình sao chế, góp phần diệt men, nghĩa là bảo vệ hợp chất glycosid nói trên.

HẬU PHÁC *Cortex Magnoliae*

Là vỏ chế biến của cây Hậu phác *Magnolia officinalis* Rehd et Wils. Họ Mộc lan - Magnoliaceae

1. Hậu phác phiến.

Đem hậu phác rửa sạch, cạo bỏ lớp vỏ bên ngoài; ngâm qua, ủ mềm, thái phiến 2-3mm, dài 5cm. Phơi khô.

2. Khương hậu phác.

2.1. Hậu phác tẩm nước gừng phơi âm can

Hậu phác	10 kg
Gừng tươi	1 kg

Đem hậu phác bó thành từng bó, dựng đứng trong chậu. Phun nước gừng nóng cho ngấm đều trong bó; chú ý phun cả

2 đầu, hậu phác mềm ra và tự cuộn lại thành ống. Cũng có thể nấu nước gừng, ngâm hậu phác vào cho đến mềm, thái phiến dày 2-5mm, dài 5cm. Phơi âm can.

Cũng có thể lấy nước gừng tẩm vào hậu phác, ủ cho hết nước gừng. Phơi khô.

2.2. Hậu phác tẩm nước gừng, sao;

Hậu phác	10 kg
----------	-------

Gừng	0,5kg
------	-------

Gừng giã nát, thêm nước; vắt lấy nước gừng. Dùng nước gừng tẩm vào hậu phác, ủ cho ngấm hết, sao nhỏ lửa đến khi khô. Cũng có thể sao hậu phác đến nóng, rồi vẩy nước gừng vào; sao đến khô.

2.3. Chưng với nước gừng.

Hậu phác	10 kg.
----------	--------

Gừng tươi	2 kg
-----------	------

Gừng tươi giã nát, thêm nước, vắt lấy nước gừng; tẩm nước gừng vào hậu phác. Chưng mềm, thái phiến. Cũng với cách tương tự song thay giai đoạn chưng bằng nấu đến khi hết nước; hậu phác mềm ra, thái phiến. Phơi khô.

3. Hậu phác chế với tử tô, gừng tươi.

Hậu phác	10 kg
----------	-------

Tử tô	1kg
-------	-----

Gừng	1kg
------	-----

Trước hết sắc nước tử tô; sau dùng nước này trộn đều với hậu phác phiến. Chờ cho hút hết dịch thì trộn lẫn nữa với nước cốt gừng, để ngấm hết.

Dùng nhỏ lửa sao cho khô đến vàng

4. Nấu với tử tô, gừng tươi.

Hậu phác	10 kg
----------	-------

Tô diệp 0,4 kg

Gừng tươi 1,5 kg

Hậu phác ngâm 3-6 giờ với nước lã; vớt ra cho vào nồi đồng thêm tô diệp, gừng tươi, đổ ngập nước. Đun 8 giờ, ủ trên nồi (lửa âm ỉ) 16 giờ nữa; đổ ra; cạo vỏ thô, thái phiến. Lại lấy dịch đun còn lại tẩm tiếp vào hậu phác phiến. Phơi khô. Làm nhiều lần cho hết dịch.

Nếu có hậu phác phiến có thể dùng hỗn dịch của hai phụ liệu trên, tẩm đều, sao tới khô.

*** Công dụng:** Hậu phác là thuốc hành khí hóa thấp; dùng trong các trường hợp thấp trệ đường tiêu hóa, đầy bụng trướng bụng, tức bụng, kém ăn, buồn nôn. Ngoài ra còn tác dụng hạ khí bình suyễn, dùng trong bệnh viêm phế quản khó thở. Chế với gừng làm tăng tác dụng hành khí, bình suyễn và giảm tính kích thích cổ họng; đồng thời giúp cho công năng hòa vị của hậu phác.

HOÀI SƠN

Radix Dioscoreae

Là củ đã chế biến của cây Hoài sơn - *Dioscorea persimilis* Prain et Burk. Họ Củ mài - *Dioscoreaceae*

Sau khi thu hái cần tiến hành chế biến ngay trước hết tiến hành với các củ bị gãy hoặc nứt sọ, để tránh bị men, mốc. Cần rửa sạch đất cát, gọt vỏ; khi gọt vỏ có nhiều chất nhớt chảy ra gây ngứa; có thể ngâm ngay vào dung dịch phèn chua 5%. Để ráo nước rồi tiến hành xông sinh. Phơi khô.

Cũng có thể tiến hành theo cách sấy sinh; song chia làm 3 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1:* 100 kg củ mài dùng 2 kg lưu huỳnh sấy 48 giờ liên, ủ tại lò 12 giờ rồi đem phơi hoặc sấy nhẹ, tới khô; sau đó đem ngâm nước lã 48 giờ liên, hàng ngày thay nước vài lần; sau đó rửa sạch. Phơi khô.

- *Giai đoạn 2:* 100 kg củ mài, 1 kg lưu huỳnh. Sấy liên tục 1 ngày 1 đêm, khi củ mài mềm như chuối chín là được. Đem ủ trong thạp sành 24 giờ; trên thạp đặt bao tải ướt. Sau đó lấy ra tạo dáng cho củ mài như lăn tròn đánh giầy nháp nhiều lần làm cho củ có dáng đẹp; giống hình thoi cắt 2 đầu, nhẵn bóng.

- *Giai đoạn 3:* 100 kg củ mài, 0,2 kg lưu huỳnh. Sấy liên tục 24 giờ. Bỏ ra, đóng gói, bảo quản. Khi tiến hành chế bằng phương pháp sấy sinh cần chú ý, không để diêm sinh bị tắt trong quá trình chế, lò sấy phải đặt xa khu nhà ở; người trực tiếp phải có dụng cụ bảo hộ như kính đeo mắt, khẩu trang, gang tay...

Khi sử dụng có thể tiến hành các cách chế biến sau đây:

1. Dem hoài sơn ngâm vào nước cho mềm.

Vớt ra, để ráo nước, thái phiến. Phơi khô, hoặc sấy khô.

Sau đó có thể tiến hành sao tẩm:

2. Sao vàng

Dem hoài sơn sao nhỏ lửa đến khi bề mặt phiến có màu vàng (đôi khi có các nốt đen), mùi thơm là được.

3. Sao với đất.

Dùng bột phục long can sao nóng; cho hoài sơn phiến vào; dùng lửa nhỏ sao, tới khi bề mặt phiến xuất hiện màu hoàng thổ. Đổ ra, xát bỏ đất. Khi sao với đất cần chú ý không dùng đất quá nhiều, và phải sao lửa nhỏ từ từ, để tránh bị đen phiến hoài sơn.

4. Sao với gạo.

Hoài sơn 10 kg

Gạo 1kg.

Khi nồi đã được đun nóng đều; cho hoài sơn và gạo vào đảo đều; đến lúc gạo có màu vàng; đổ ra, rây bỏ gạo.

5. Sao cám.

Hoài sơn 10 kg

Cám gạo 2kg.

Cho cám gạo vào nồi, đun nóng đến khi có khói trắng bốc lên. Đổ hoài sơn vào khuấy đều đến khi bề mặt phiến hoài sơn ngả màu vàng, mùi thơm. Đổ ra, rây bỏ cám. Cần tiến hành sao nhanh để tránh cháy hoài sơn.

6. Sao cám - mật.

Hoài sơn 10 kg

Cám trích mật 0,6kg.

Trước hết cám gạo đem trộn với mật ong pha loãng. 1kg cám trích với 50gam mật ong, pha thêm một nửa nước. Trộn đều mật vào cám bóp cho đều.

7. Đun nóng chảo đến 180°C.

Rắc cám trích mật vào chảo đều; đến lúc có mùi thơm; cho các phiến hoài sơn vào, đảo đều cho đến khi phiến hoài sơn có màu vàng. Đổ ra, rây bỏ cám. Cũng có thể tiến hành tương tự; song việc bỏ cám mật thực hiện ngay từ đầu.

*** Công dụng:** Hoài sơn là vị thuốc kiện tỳ ích khí; dùng trong các trường hợp tiêu hóa kém, đầy bụng hoặc người có chân khí kém; yếu mệt. Khi sao với hoàng thổ, sao cám, sao cám trích mật cũng nhằm mục đích tăng tác dụng quy kinh tỳ của hoài sơn (vì hương thơm) nhập tỳ; màu vàng nhập tỳ).

HOÀNG BÁ

Cortex Phellodendri

Dùng vỏ cây Hoàng bá - *Phellodendron amurense* Rupr. Họ Cam - Rutaceae.

1. Hoàng bá phiến.

Dem hoàng bá rửa nhanh, ủ mềm, cạo lớp vỏ thô bên ngoài, thái phiến chéo rộng 3-5mm dài 5cm.

2. Hoàng bá sao.

Cho hoàng bá phiến vào nồi sao nhỏ lửa đến khi có màu vàng đậm, hoặc đun nồi nóng già (120°C), đổ hoàng bá vào đảo đều, sao tới lúc có vàng đậm.

3. Hoàng bá thán.

Cho hoàng bá phiến vào nồi sao đến khi toàn bộ bên ngoài đen đều; để nguội, phun ít nước để trừ hỏa độc.

4. Hoàng bá trích rượu.

Hoàng bá	10kg
Rượu	2kg

Trộn đều rượu vào hoàng bá, ủ 30 phút cho ngấm hết, dùng nhỏ lửa sao tới khô, hoặc sao hoàng bá phiến tới nóng già thì vẩy rượu vào, trộn đều, sao nhỏ lửa tới khô.

5. Hoàng bá trích muối ăn.

Hoàng bá	10kg
Muối ăn	100 gam

Dùng nước pha muối để có một lượng thích hợp vừa đủ trộn đều vào hoàng bá. Sau khi để 30 phút cho nước muối ngấm đều, dùng lửa nhỏ sao tới khô. Cũng có thể sao hoàng

bá phiến đến nóng già rồi vẩy nước muối vào, trộn đều sao khô.

* **Công dụng:** Hoàng bá là thuốc thanh nhiệt táo thấp dùng tốt cho thanh thấp nhiệt hạ tiêu, các trường hợp viêm nhiễm tiết niệu, mụn nhọt ngứa lở hạ tiêu. Chế muối gia tăng nhập thận, bổ thận. Chế rượu dùng cho thương tiêu bị hoả, đau nhọt, lở miệng. Chế thán chỉ huyết.

HOÀNG CẦM

Radix Scutellariae

Là rễ cây Hoàng cầm - *Scutellaria baicalensis* Georgi

Họ Hoa môi - Lamiaceae

1. Hoàng cầm phiến.

Dem rễ hoàng cầm ngâm trong nước sôi 10 phút cho mềm, hoặc sau khi rửa đem đồ 1 giờ cho mềm nhân lúc còn nóng, đem thái phiến (bỏ nuốm). Phơi khô. Có thể cho nước nóng vào rồi đun sôi làm mềm rồi thái phiến. Chú ý trong quá trình làm mềm không dùng nước lạnh. Không được để ầm quá 12 giờ để tránh bị phá hủy các hoạt chất. Cũng có thể ngâm 1 giờ với nước nóng, vớt ra thêm rượu đồ mềm, thái phiến

2. Hoàng cầm tẩm rượu.

Hoàng cầm phiến 10kg

Rượu 1-2kg.

Cho rượu vào hoàng cầm trộn đều, để ngâm 10 phút. Dùng nhỏ lửa sao đến màu vàng thẫm. Cũng có thể sao hoàng cầm đến nóng, rồi phun rượu vào; sao đến khi khô.

3. Hoàng cầm sao tồn tính.

Cho hoàng cầm phiến vào nồi nóng (120°C) sao đến khi toàn bộ bề mặt ngoài của phiến bị đen, trong vàng nâu. Phun ít nước diệt hỏa độc.

4. Hoàng cầm sao cháy cạnh.

Dùng lửa to sao hoàng cầm phiến đến khi toàn bộ bề mặt phiến vàng cháy.

5. Hoàng cầm trích mật.

Hoàng cầm phiến 10kg

Mật ong 4kg.

Dem mật ong đun đến khi có bọt, thêm hoàng cầm phiến vào trộn đều và sao đến khi có mầu hơi vàng, sờ không dính tay là được.

6. Hoàng cầm trích gừng.

Hoàng cầm phiến 10kg

Gừng tươi 2kg

Gừng tươi giã nát, thêm nước lã, vắt lấy dịch. Trộn đều dịch vào hoàng cầm phiến để cho ngấm hết nước gừng. Sao nhỏ lửa đến khô.

*** Công dụng:** Là vị thuốc thanh nhiệt táo thấp, có tác dụng tốt đối với phế nhiệt. Ngoài ra còn có tác dụng giải độc, an thai, dùng tốt khi bị động thai chảy máu. Chế với rượu để dẫn thuốc lên thượng tiêu. Chế với gừng tăng tác dụng trừ đàm, chỉ ho.

Trong quá trình bảo quản hoàng cầm, cần chú ý không nên để hoàng cầm bị ẩm, vì trong điều kiện ẩm, men trong hoàng cầm sẽ phân hủy các hoạt chất flavonoid làm giảm hoặc mất tác dụng. Do đó ngay khi thái phiến, cần thiết phải

phơi khô và sao vàng ngay để diệt hết men phân hủy hoạt chất.

HOÀNG LIÊN

Rhizoma Coptidis

Là thân rễ của cây Hoàng liên chân gà - *Coptis sinensis* Franch. Họ Mao lương - *Ranunculaceae*

1. Hoàng liên phiến.

Làm sạch các rễ con bằng cách cho vào túi vải chà sát rồi sàng sây. Rửa sạch, ủ cho mềm rồi thái phiến phơi khô âm can.

2. Hoàng liên ủ rượu.

Hoàng liên	10kg
Rượu	4kg.

Lấy hoàng liên, thêm rượu, ủ kỹ; thái phiến 3-5mm. Phơi âm can (để tránh biến thành màu đen)

3. Hoàng liên trích rượu.

Hoàng liên	10kg
Rượu	2kg.

Đem hoàng liên phiến, tẩm rượu, ủ, sao nhỏ lửa đến khô (thường tới lúc đổi màu) thì dừng. Cũng có thể sao lửa nhỏ tới khô, phun rượu vào, sao nhỏ lửa đến khô là được.

4. Hoàng liên trích nước gừng.

Hoàng liên	10kg
Gừng tươi	1kg.

Trước tiên, đem gừng tươi rửa sạch, giã lấy dịch rồi trộn đều vào hoàng liên, ủ kỹ. Sao tới khô.

5. Hoàng liên chế với ngô thù du.

Hoàng liên 10kg

Ngô thù du 1kg.

Ngô thù sắc lấy chừng 3kg nước. Dùng nước này nấu với hoàng liên, đến cạn, đem ra thái phiến. Phơi âm can.

6. Hoàng liên sao vàng.

Cho hoàng liên phiến vào nồi, sao nhỏ lửa đến khi có màu vàng đậm.

7. Hoàng liên sao đất.

Dun nóng hoàng thổ đến tơi, cho hoàng liên phiến vào sao đến lúc hơi biến màu, đổ ra rây bỏ đất.

8. Hoàng liên thán.

Đem hoàng liên phiến, sao lửa to đến khi bề mặt phiến có màu đen hoàn toàn. Phun thêm nước để trừ hỏa độc. Phơi khô.

9. Hoàng liên chế giấm.

Hoàng liên 10kg

Giấm 3kg

Nước vừa đủ để ngâm.

Ngâm hoàng liên vào giấm, trộn đều. Sau khi mềm, lấy ra thái phiến. Phơi khô, sao nhỏ lửa.

10. Hoàng liên trích muối.

Hoàng liên 10kg

Muối 80g

Nước vừa đủ.

Dem nước muối trộn đều vào hoàng liên, ủ cho ngấm đều, sao nhỏ lửa tới khô. Cũng có thể đem hoàng liên sao đến khi ngả màu thì phun nước muối vào, sao khô.

11. Hoàng liên trích mật lợn.

Hoàng liên phiến 1kg

Mật lợn 5 cái

Lấy mật lợn cắt ra, ép lấy nước bỏ bã. Trộn đều mật lợn với hoàng liên, ủ cho ngấm hết, sao tới khô là được.

*** Công dụng:** Hoàng liên có tác dụng thanh nhiệt táo thấp, dùng để thanh tâm hỏa, táo thấp giải nhiệt độc. Dùng sống thanh tâm hỏa trị lý nhiệt. Khi sao chế làm giảm tính hàn. Nếu tẩm rượu, khí vị hoàng liên dẫn lên thượng tiêu với công năng trừ hỏa độc của dầu, mắt. Chế gừng thanh vị nhiệt chống nôn. Chế muối thanh đại tràng bằng quang tích nhiệt. Chế ngô thù du dùng khi ợ chua, đau sườn ngực. Chế mật lợn để tả can dorm thực hỏa. Chế giấm trị can dorm hư hỏa. Chế thán dùng cầm máu.

HOÀNG KỲ

Radix Astragali

Dùng rễ chế biến của cây Hoàng kỳ *Astragalus membranaceus* Fish. Họ Đậu - Leguminosae .

1. Hoàng kỳ phiến.

Hoàng kỳ rửa sạch, để mềm thái phiến lát dài 3-5cm. Phơi khô. Đôi khi đập giập rồi tước nhỏ, phơi khô tránh ngấm nước sẽ nát vỡ, khó thái.

2. Hoàng kỳ trích mật ong. (Hoặc dùng siro đường đỏ).

Hoàng kỳ 10kg

Mật ong 2kg.

Đem mật ong tẩm đều vào hoàng kỳ phiến ú cho ngấm đều. Dùng lửa nhỏ sao tới khi có mùi thơm, mầu vàng đậm, sờ không dính tay là được. Với lượng nhiều có thể cho vào các khay nhôm, khay men để sấy, thường xuyên đảo đến khi có mầu vàng, sờ không dính tay.

3. Hoàng kỳ trích rượu.

Hoàng kỳ 10kg

Rượu gạo 2kg

Đem rượu tẩm đều vào hoàng kỳ phiến, ủ 1 giờ cho ngấm đều, sao khô.

4. Hoàng kỳ trích muối.

Hoàng kỳ phiến 10kg

Muối 0,5kg

Trước hết sao hoàng kỳ phiến với cám tới khi nóng già. Rây bỏ cám, phun đều nước muối vào, sao lửa nhỏ đến khô.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng bổ khí, cố biểu trừ mủ, sinh cơ. Dùng với mật ong tác dụng bổ trung, ích khí, sinh huyết. Chế rượu bổ hư. Chế muối bổ thận trị các bệnh băng đới.

HOÀNG ĐẰNG

Herba Fibaureae

Dùng rễ hoặc dây Hoàng đằng - *Fibraurea tinctoria* hoặc *F. recisa* Họ Tiết dê - *Menispermaceae*.

1. Hoàng đằng phiến.

Sau khi thu hoạch rửa sạch đất cát, tạp chất, thái phiến lát dày 1-3mm. Phơi hoặc sấy khô. Nếu có rễ và thân khô thì ngâm, rửa sạch, ủ mềm, thái phiến lát như trên. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Hoàng đằng sao.

Lấy hoàng đằng phiến sao tới khô vàng là được

* **Công dụng:** Hoàng đằng là thuốc thanh nhiệt táo thấp, dùng trong các bệnh đại tràng thấp nhiệt, viêm đại tràng thể nhiệt, lỵ ra máu... Còn dùng chữa đau mắt đỏ, hoặc viêm nhiễm ngoài da, có thể sắc nước rửa nơi bị mụn ngứa...

HOÀNG TINH

Rhizoma Polygonati

Dùng thân rễ (củ) của cây Hoàng tinh

Polygonatum kingianum Coll et Hemsl. Họ Hành - Liliaceae

1. Nấu hoàng tinh.

Rửa sạch củ, cắt bỏ rễ con đổ nước ngập nấu 30 phút, gạn bỏ nước (ngứa) đổ ra phơi, tắm phần nước còn lại rồi lại phơi cho đến khi sờ không dính tay.

Cho hoàng tinh này vào thùng nhôm, chung cách thủy 6-8 giờ, phơi khô tới khi sờ không dính tay. Cũng có thể chế bằng cách sau khi ngâm củ hoàng tinh 1 đêm, bỏ nước ngâm.

Đem hoàng tinh nấu với mật mía và gừng; đun gần cạn, đổ ra phơi, lại tắm dịch nước đun trên. Phơi, tắm đến hết, tới khi sờ củ không dính tay là được.

2. Hoàng tinh chế với rượu.

Hoàng tinh 10kg

Rượu 2kg

Trộn rượu đều vào hoàng tinh, ủ 30 phút rồi đem chưng đến khi có mầu đen. Dịch nước chưng dùng tắm vào hoàng tinh rồi phơi, làm nhiều lần, tới khi sờ không dính tay. Cũng có thể chỉ chưng riêng hoàng tinh sau mới thêm rượu vào, trộn đều rồi chưng tiếp tới khi có mầu đen sau phơi tới khô.

3. Hoàng tinh chế với thực địa.

Hoàng tinh 10kg

Thực địa 4kg

Trước hết đem hoàng tinh chế tới mầu đen như trên, phơi khô đến độ ẩm còn 50%, phơi sương 1 đêm. Lấp lại 3 lần (vừa chưng vừa phơi sương). Lần thứ tư lấy nước sắc thực địa tắm vào để 1 đêm. Ngày hôm sau đem chưng, đến khi có mầu đen bóng, phơi sương 1 đêm, tiếp phơi khô là được. Cũng có thể không chưng mà nấu với nước thực địa, đun nhỏ lửa tới khi cả trong ngoài hoàng tinh có mầu đen là được.

4. Chế hoàng tinh với đậu đen.

Hoàng tinh 10kg

Đậu đen 1kg

Hoàng tinh sau khi thêm nước ủ mềm, đem trộn đều đậu đen vào, nấu 6 giờ. Đổ ra phơi tới khi còn độ 50% độ ẩm. Bỏ đậu đen, đem hoàng tinh chưng 8 giờ, thái phiến. Phơi khô. Cũng có thể chế bằng cách sau khi ngâm nước vo gạo, đãi sạch nấu với đậu đen đã sao thơm, nấu tới khô, rây bỏ đậu đen, sau đó đem chưng rồi ngày phơi nắng, đêm phơi sương nhiều lần (5 lần). Phơi khô

5. Chế Hoàng tinh với đậu đen, mật ong, gừng.

Hoàng tinh ngâm nước, rửa sạch, thêm nước sôi vào đun, bỏ nước, thêm gừng và đậu đen vào nấu 2 giờ. Phơi tới se, thêm mật ong, ủ 1 đêm. Chưng cách thủy 2 giờ tới mềm.

* **Công dụng:** Hoàng tinh là thuốc bổ âm được dùng bổ phế sinh tân dịch, kiện tỳ vị bồi dưỡng cơ thể nhất là những bệnh nhân lao, bệnh mới ốm dậy thiếu máu, người khô hao.

HÒE HOA *Flos Sophorae*

Là hoa của cây Hòe - *Sophora japonica* L. Họ cánh bướm - Papilionaceae

Thường dùng nụ nên còn có tên Hòe mễ.

1. Hoè hoa sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi hơi vàng hoặc vàng đậm

2. Hoè hoa sao đen.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi bên ngoài có màu đen

3. Hoè hoa thán

Dùng nhỏ lửa sao đến khi ngoài có màu đen hơi cháy, trong nâu phun nước để trừ hỏa độc.

4. Hoè hoa trích mật.

Hoè hoa 1kg

Mật ong 2kg

Đem mật ong đun đến sôi, cho hoè hoa vào trộn đều. Sao đến khi có màu hơi vàng, phun thêm nước, sao tiếp đến khô.

5. Hoè hoa trích giấm.

Hoè hoa 10kg

Giấm 2kg

Cho giấm vào hoè hoa, trộn đều, phơi âm can, sao nhỏ lửa đến hơi vàng.

6. Hoè hoa trích muối.

Dùng nhỏ lửa sao hoè hoa tới khi toàn bộ bên ngoài có màu đen, phun ít nước muối vào, tiếp tục sao đến khô.

*** Công dụng:** Hoè hoa là thuốc chỉ huyết dùng trong các trường hợp huyết nhiệt. Hoè hoa còn có công năng thanh can sáng mắt; do đó có thể dùng trong các trường hợp can nhiệt dẫn đến mắt mờ, mắt đau đỏ sưng, sưng hoặc cao huyết áp. Hoè hoa tán tăng khả năng chỉ huyết có thể dùng trong các bệnh xuất huyết.

HOÈ GIÁC (*Quả hoè*)

Fructus Sophorae

Là quả chín phơi khô của quả Hoè - *Sophora japonica* L. bỏ tạp chất, rửa sạch phơi khô hoặc rửa sạch, đồ cho mềm, phơi khô

1. Hoè giác sao.

Đem hoè giác sao nhỏ lửa tới vàng, nở ra

2. Hoè giác tán.

Sao hoè giác ở nhiệt độ khoảng 220 °C đến khi bên ngoài có màu đen hoặc đen cháy bên trong có màu vàng nâu.

3. Hoè giác trích mật.

Hoè giác 10kg

Mật ong 0,5kg

Dem mật ong trộn đều vào hòe giác, để ngấm hết mật, sao đến khi có màu vàng đậm, sờ không dính tay. Cũng có thể dem hòe giác sao lửa nhỏ đến khi phồng lên; thêm mật ong trộn đều, tiếp tục sao đến khi sờ không dính tay là được.

*** Công dụng:** Dùng hòe giác làm thuốc chỉ huyết, lương huyết trong các trường hợp xuất huyết. Ngoài ra còn có công năng thanh can sáng mắt.

Hòe giác trích mật để giảm tính lạnh; tăng khả năng nhuận tràng. Chế thán để tăng khả năng chỉ huyết dùng cho các bệnh trĩ xuất huyết, băng huyết, đại tiện ra huyết (trường phong hạ huyết)

HỒNG HOA *Flos Carthami*

Dùng hoa phơi khô của cây Hồng hoa - *Carthamus tinctorius* L.

Họ Cúc - Asteraceae

Hồng hoa, sau khi thu hái thường phun rượu để mềm, bóp tơi các khối hoa bị vón. Phơi âm can hoặc sấy nhẹ tới khô.

1. Hồng hoa sao.

Dùng lửa nhỏ sao đến khi có chấm đen hoặc có màu xám (sao tồn tính)

2. Hồng hoa trích giấm.

Hồng hoa 10kg

Giấm 2kg

Lấy giấm phun đều vào hồng hoa, sau đó dùng nhỏ lửa sao đến sém cạnh

3. Hồng hoa trích rượu.

Phun rượu vào hồng hoa sao nhỏ lửa

Công dụng: Là thuốc hoạt huyết hóa ứ, thông kinh chỉ thống. Dùng trong các trường hợp đau đớn do huyết ứ như đau bụng kinh, bế kinh. Sao tồn tính được dùng trong các trường hợp vừa có ứ huyết vừa xuất huyết như sang chấn. Trích giấm tăng hoạt huyết ở kinh can. Trích rượu tăng khả năng phá huyết của hồng hoa.

HOẮC HƯƠNG

Herba Pogostemonis

Bộ phận trên mặt đất của cây Hoắc hương - Pogostemon cablin (Blanc) Benth Họ Hoa môi - Lamiaceae

1. Sau khi thu hái, rửa sạch tạp chất, bứt riêng lá, phần thân cắt đoạn 3-5 cm. Phơi khô rồi trộn đều lá và thân, hoặc sau khi thu hái, rửa sạch, gộp lại từng nắm nhỏ, rồi cắt khúc 3-5cm cả lá và thân. Trường hợp có hoắc hương khô từng bó, cần ngắt riêng lá khô, thân đem ngâm 1-2 giờ vớt ra để ráo nước ủ cho mềm rồi cắt đoạn 3-5cm. Phơi khô.

2. Sao qua hoắc hương.

Dem hoắc hương đã cắt đoạn phơi khô, dùng nhỏ lửa sao qua tới khi có mùi thơm là được.

* **Công dụng:** Là thuốc thanh nhiệt giải thử, hóa thấp. Dùng trong các trường hợp trúng thử (say nắng), hoặc các trường hợp trướng bụng, đau bụng hoắc loạn nôn mửa tiêu chảy.

HUYỀN SÂM

Radix Scrophulariae

Dùng rễ của cây Huyền sâm *Scrophularia buergeriana* Miq.
Họ Hoa mõm sói - Scrophulariaceae

1. Huyền sâm phiến.

Dem huyền sâm, thêm nước ủ mềm hoặc rửa sạch rồi ủ mềm, thái phiến dài 3-5cm, dày 1-3mm. Phơi khô hoặc cũng có thể sau khi ủ phải chưng 2-4 giờ cho mềm rồi thái. Có thể nấu với muối (10kg huyền sâm, 2kg muối) thái phiến. Phơi khô.

2. Huyền sâm trích muối ăn.

Huyền sâm phiến 10kg

Muối ăn 200g

Tắm nước muối vào huyền sâm, ủ cho ngấm, sao tới khô.

3. Huyền sâm chế với đậu đen.

Huyền sâm 10kg.

Đậu đen 1kg

Cho đậu đen cùng nấu với huyền sâm; đến khi mềm, đổ ra, thái phiến. Phơi khô.

4. Huyền sâm chế đậu đen và muối.

Huyền sâm 10kg

Đậu đen 1kg

Muối 100 gr.

Nước vừa đủ.

Dem huyền sâm nấu với đậu đen và muối ăn đến mềm, thái phiến. Phơi khô.

* **Công dụng:** Là thuốc thanh nhiệt giáng hỏa, giải độc. Dùng trong các bệnh sốt cao mê sảng. Ngoài ra còn dùng chữa các bệnh hầu họng sưng đau, ung nhọt, dị ứng. Chế muối có tác dụng nhuận hạ, tăng cường tác dụng bổ âm của vị thuốc.

HUYẾT DỤ

Folium Cordyline

Là lá cây Huyết dụ - *Cordyline terminalis* Kunth (*Dracaena terminalis* Jac'q). Họ Hành - Liliaceae.

1. Thu, hái lá bánh tẻ, rửa sạch, cắt đoạn, 3 - 5cm. Phơi khô. Nếu có lá khô thì rửa sạch, để ráo nước cắt đoạn. Phơi khô.

2. Huyết dụ sao vàng.

Dùng lửa nhỏ sao tới khi hơi vàng

3. Huyết dụ sao cháy

Dùng lửa to sao tới khi lá cháy sém là được.

* **Công dụng:** Huyết dụ có tác dụng thanh nhiệt; lương huyết; dùng trong các bệnh chảy máu cam, băng huyết; có thể dùng tươi hoặc sao chế.

HUYẾT GIÁC

Dùng gỗ của cây Huyết giác - *Pleomele cochinchinensis* Mers Họ Hành - Liliaceae.

Lấy gỗ của những cây huyết giác già, có màu đỏ. Cạo sạch bề mặt gỗ mục hoặc xấu, rửa sạch. Phơi khô. Hoặc nhân lúc

còn ẩm mềm đem thái thành những miếng dài 3 - 5cm, dày 3 - 5mm, đôi khi chặt thành những miếng vụn.

* **Công dụng:** Huyết giác được dùng chữa các bệnh huyết ứ trệ, cơ nhọc bầm tím, đau nhức. Thường dùng chung trong các thang thuốc ngâm rượu vì ngoài tác dụng chữa bệnh, vị thuốc còn tạo màu đẹp cho rượu thuốc.

HƯƠNG NHU

Pars aerea Ocimi

Dùng bộ phận trên mặt đất (cành, lá, hoa) của cây hương nhu tía - *Ocimum sanctum* L. Hoặc cây Hương nhu trắng - *Ocimum gratissimum* L. Họ Hoa môi - Lamiaceae

1. Cắt thành đoạn, sau khi thu hái, loại bỏ tạp, bỏ rễ, cắt đoạn 3 - 5cm. Phơi khô. Hoặc sau khi phơi cây khô tái, cắt đoạn. Phơi tới khô. Trường hợp cành khô quá khó cắt, có thể phun nước làm mềm, cắt đoạn hoặc thái phiến (hương nhu ngạnh). Phơi khô. Kiêng dùng lửa to (lửa vù) trong sao chế, vì ảnh hưởng đến chất lượng của thuốc (sẽ bay mất tinh dầu).

* **Công dụng:** Là thuốc giải biểu; dùng trong các chứng cảm mạo. Ngoài ra còn có tác dụng thanh thử thấp nhiệt, lợi thủy, lợi tiểu. Hương nhu ngạnh được coi là thuốc phương hương hóa thấp; dùng giải thử khứ trọc, hoà vị chỉ nôn dùng để điều khí khoan xung.

HƯƠNG PHỤ

Rhizoma Cyperi

Là thân rễ phơi khô của cây Hương phụ (củ gấu) - *Cyperus rotundus* L. Hoặc cây Hương phụ biển - *Cyperus stoloniferus* Retz. Họ Cói Cyperaceae.

1. Hương phụ bỏ lông (bỏ rễ phụ); cho hương phụ vào cối đá hoặc thuyền tán, thêm trấu, giã tróc vỏ. Sàng sảy bỏ lông. Cũng có thể cho vào nồi rang giòn, rồi đập bỏ lông, bỏ vỏ bần bằng cách sàng sảy. Có thể bỏ lông rồi thái phiến. Có thể dùng nguyên liệu đã sơ chế này để sao chế tiếp.

2. Hương phụ tán.

Dem hương phụ sao lửa to đến khi toàn bộ đen hơi có vị cháy. Phun thêm nước trừ hỏa độc, phơi khô.

3. Hương phụ trích mật ong.

Hương phụ	10kg
Mật ong	2kg

Dem mật ong thêm nước đun đến khi có bọt nhỏ, đổ hương phụ vào đảo đều, đun nhỏ lửa, sao đến khi mật hút hết vào hương phụ.

4. Hương phụ trích rượu.

Hương phụ	10kg
Rượu	2kg
Nước vừa đủ.	

Dem hương phụ trộn đều với rượu, ủ cho rượu hút hết, sao tới khô, hoặc phơi khô.

5. Hương phụ trích giấm

Hương phụ	10kg
Giấm	2kg

Lấy hương phụ, thêm giấm, trộn đều, ủ 30 phút - 1 giờ cho giấm hút hết. Dùng nhỏ lửa sao đến khi có màu hơi vàng, đem phơi âm can. Cũng có thể sao hương phụ tới nóng già, phun giấm đều sao tới khô.

6. Hương phụ trích muối ăn.

Hương phụ 10kg

Muối ăn 30g

Nước vừa đủ.

Dem dung dịch muối ăn trộn đều vào hương phụ, ủ cho ngấm hết sao lửa nhỏ đến khô.

7. Hương phụ trích gừng.

Hương phụ 10kg

Sinh khương 2,5kg

Sinh khương già nát thêm nước, vắt lấy dịch vừa đủ để tẩm vào hương phụ. Ủ 30 phút - 1 giờ, sao tới khô hoặc sấy khô.

8. Hương phụ trích giấm, mật

Hương phụ 10kg

Giấm 2kg

Mật ong 2kg

Trước hết hương phụ được tẩm giấm, ủ cho ngấm hết. Sao nhỏ lửa đến khô, hoặc hơi sém cạnh. Thêm mật ong vào, trộn đều sao tới khô.

9. Hương phụ trích gừng, muối, giấm, rượu.

Hương phụ 10kg Gừng 1kg

Muối 30g Giấm 1kg

Rượu 1kg

Trước hết giã gừng thêm nước, lọc lấy dịch nước gừng, thêm 3 phụ liệu trên vào nước gừng, quấy đều, trộn hỗn dịch này vào hương phụ. Ủ 1 đêm cho hút hết. Sao to lửa tới khô hoặc phơi khô. Cũng có thể làm như trên, song thay giai đoạn sao bằng chưng 2 giờ liền, để nguội. Phơi khô.

10. Hương phụ trích giấm, rượu, muối, mật ong.

Hương phụ	10kg	Mật ong	200g
Giấm	200g	Rượu	200g
Muối	20g		

Trước hết hương phụ sao nóng già; lần lượt phun giấm sao, phun muối sao, cho mật ong hòa loãng, vẩy vào hương phụ; sao nhỏ lửa tới khô. Đổ ra để nguội thêm rượu vào, trộn đều ủ cho hút hết rượu, sao nhỏ lửa tới khô.

- Hương phụ trích giấm, rượu, đồng tiện, muối.

Hương phụ	10kg	Giấm	200g
Rượu	300g	Muối	200g
Đồng tiện	vừa đủ		

Phụ liệu sau khi hỗn hợp, thêm nước cho đủ để tẩm vào hương phụ, trộn đều, ủ để hút hết phụ liệu. Sao khô.

- Hương phụ trích gừng, rượu, giấm, đồng tiện.

Hương phụ	10kg	Sinh khương	500g
Rượu	500g	Giấm	1kg
Đồng tiện	50ml		

Dem phụ liệu trộn đều rồi tẩm vào hương phụ, ủ 2 giờ cho ngấm hết. Sao đến khi hơi cháy.

11. Hương phụ nấu với giấm, rượu, muối.

Hương phụ 10kg (chưa bỏ lông và vỏ ngoài)
Giấm, rượu mỗi thứ 4kg.

Muối ăn 200g

Đem phụ liệu trộn đều rồi cùng nấu với hương phụ 8 - 10 giờ, ủ 12 giờ. Đổ ra phơi khô và cho vào bao tải, đập sảy lông, sàng sảy sạch.

12. Hương phụ chưng với rượu, giấm.

Hương phụ 10kg

Rượu 1kg

Giấm 1kg

Trộn đều phụ liệu vào hương phụ, thêm nước chưng 1 ngày, ủ 1 đêm, tiếp tục chưng 3 ngày, ủ 3 đêm. Phơi khô, đập bỏ lông, vỏ ngoài.

* **Công dụng:** Là thuốc hành khí, dùng để lợi khí giải uất, điều kinh, chỉ thống. Chế giấm tăng lý khí, nhập kinh can, chỉ thống. Chế thán chỉ huyết. Chế rượu thông kinh lạc. Chế muối tăng nhập huyết làm nhuận. Chế gừng hóa đờm.

* **Chú thích:** Khi chế với nhiều phụ liệu, có thể chế riêng từng phần, sau đó gộp các phần lại, trộn đều.

HY THIÊM

Herba Siegesbeckiae

Dùng bộ phận trên mặt đất phơi khô của cây Hy thiêm thảo - *Siegesbeckia orientalis* L.

Họ Cúc Asteraceae

1. Hy thiêm cắt thành đoạn, đem dược liệu tươi, bỏ rễ, chặt thành đoạn 3 - 5cm. Phơi khô. Cũng có thể rửa rồi cắt đoạn, phơi âm can. Nếu là cây khô thì rửa rồi dựng đứng thẳng

thành từng bó cho ráo nước, sau cắt thành đoạn phơi khô, hoặc dùng nhỏ lửa sấy khô.

2. Hy thiêm chế với rượu.

Hy thiêm 10kg

Rượu 3kg

Cho rượu vào hy thiêm, trộn đều phơi khô hoặc sấy khô ở nhiệt độ thấp. Cũng có thể sau khi tẩm rượu, ủ mềm, dùng lửa to, đồ 3 - 4 giờ liền, ủ 12 giờ. Phơi khô.

3. Hy thiêm tẩm mật.

Hy thiêm 10kg

Mật ong 2kg

Dem mật ong trộn đều vào hy thiêm, phơi âm can đến khi se, đem chưng 1 giờ. Phơi khô.

4. Hy thiêm chế với mật ong và rượu.

Hy thiêm 10kg

Mật ong 0,5kg

Rượu 1kg

Hoà mật ong vào hy thiêm (chủ yếu lá và cành nhỏ). Dem đồ chín, phơi khô. Lấy nước nồi đáy tẩm tiếp, lại đồ, phơi (9 lần). Cũng có thể đem rượu tẩm vào hy thiêm, rồi đem chưng 24 giờ, ủ 12 giờ, làm 9 lần như vậy, mỗi lần đều thêm rượu. Lần cuối cùng thêm mật vào trộn đều sao khô.

*** Công dụng:** Hy thiêm là vị thuốc trừ phong thấp lợi gân cốt. Dùng cho những người đau nhức xương gân. Chế với rượu tăng tác dụng thông kinh hoạt lạc của vị thuốc; dùng tốt cho những bệnh phong hàn thấp tý. Dùng sống chữa chứng nhiệt tý.

ÍCH MẪU

Herba Leonori

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây Ích mẫu - Leonurus heterophyllus, Sw. Họ Hoa môi - Lamiaceae

1. Ích mẫu cắt đoạn.

Lấy ích mẫu tươi bỏ rễ và tạp, cắt đoạn dài 3-5cm. Phơi khô. Nếu là ích mẫu khô cả cây thì đem rửa sạch, bỏ rễ và tạp, sau cắt đoạn 3-5cm. Phơi khô. Trường hợp các thân và cành to, dài cần nhúng nước, ủ mềm rồi cắt đoạn. Phơi khô.

2. Ích mẫu trích rượu.

Ích mẫu	10kg
Rượu	3kg

Cho rượu vào ích mẫu, trộn đều, ủ 1 đêm. Dùng nhỏ lửa sao đến khi có màu hơi đen.

3. Ích mẫu trích giấm, rượu.

Ích mẫu	10kg
Giấm	2kg

Tẩm giấm vào ích mẫu, ủ sao vàng.

Ích mẫu	10kg
Rượu	3kg

Cho rượu vào ích mẫu, đem chưng tới khi thấy rượu bốc mạnh lên trên thì ngừng.

4. Ích mẫu chế.

Ích mẫu	10kg	Rượu	1kg
Giấm	1kg	Muối ăn	200g
Gừng tươi	2kg	Nước sôi vừa đủ	

Trước hết gừng già, vắt nước, dùng nước sôi pha muối. Hỗn hợp 4 phụ liệu, khuấy đều, cho hỗn hợp phụ liệu vào ích mẫu, trộn kỹ, ủ, chưng 1 giờ. Phơi khô.

* **Công dụng:** Là thuốc hoạt huyết, thông kinh. Dùng trong các bệnh huyết ứ gây đau đớn, như bế kinh, đau bụng kinh. Ngoài ra do tính chất lợi thủy, lợi tiểu, ích mẫu còn được dùng cho các bệnh viêm thận gây phù thũng.

ÍCH TRÍ NHÂN

Fructus et Semen Zingiberis nigri

Dùng quả và hạt của cây Ích trí - *Zingiber nigrum* Gaerin. Họ Gừng - *Zingiberaceae*.

1. Ích trí nhân.

Dem quả phơi khô, đập nát vỏ, sàng sảy lấy nhân, sao qua. Nhiều khi để cả vỏ quả, đập giập, sao qua.

2. Ích trí nhân sao.

Cho hạt ích trí nhân vào nồi đã được rang nóng già, đảo đều tay đến khi hạt hơi phồng lên bên ngoài có màu vàng hơi đen, mùi thơm.

Nếu là quả thì vỏ nát vỏ, sàng sảy. Khi dùng đem hạt già giập.

3. Ích trí nhân, trích mật.

Ích trí nhân 10kg

Mật ong 1kg (hoặc mật mía)

Trước hết đem ích trí nhân sao nhỏ lửa đến khi có mùi thơm có khói đặc bốc lên, đổ mật vào, khuấy đều. Tiếp tục sao độ 7-8 phút nữa là được.

4. Ích trí nhân trích muối.

Ích trí nhân 10kg

Muối 200g

Dem ích trí nhân trộn đều với nước muối, ủ 30 phút cho ngấm hết muối, sao đến khi có màu vàng đen. Cũng có thể sao nóng ích trí nhân rồi vẩy nước muối vào, tiếp tục sao đến khi có mùi thơm có màu đen. Cũng có thể rang ích trí nhân với cát nóng, khi phồng lên thì đổ ra rây bỏ cát, thêm nước muối vào, sao khô.

5. Chưng ích trí nhân với nước muối.

Ích trí nhân 10kg

Muối 200g

Trộn nước muối vào ích trí nhân, chưng 30 phút. Phơi khô.

Công dụng: Ích trí nhân có tác dụng ôn thận tỳ cố tinh, giảm niệu. Dùng trong các bệnh di tinh, tiểu rắt, phân nát lỏng, sôi bụng.

KÊ HUYẾT ĐẰNG

Caulis Mucunae Caulis Sargentodoxae

Dùng thân dây leo của cây Huyết đằng *Sargentodoxa cubeata* (Oliv). Họ đậu - Leguminosae.

Kê huyết đằng rửa sạch, ủ mềm, thái phiến dày 3-5mm. Trong trường hợp thân khô cứng, phải ngâm 12 giờ, ủ 1-2 giờ, thái phiến 3-5mm. Phơi khô.

Trường hợp quá cứng có thể sau khi ngâm, ủ, cần tiến hành đồ 1 giờ cho mềm, thái phiến 3-5mm. Phơi khô.

Công dụng: Thuốc có tác dụng hoạt huyết hóa ứ, thông kinh, hoạt lạc. Dùng trị các bệnh đau xương khớp, đau cơ do ứ huyết, ngoài ra còn trị bệnh di tinh bạch đới, huyết hư.

KÊ QUAN HOA

Flos et Semen Celosiae cristatae

Là hoa và hạt của cây Mào gà đỏ - *Celosia cristata* L. Họ Giền - *Amaranthaceae*.

1. Kê quan hoa sao.

Cho kê quan hoa vào nồi đã được rang nóng, sao tiếp bằng nhỏ lửa đến khi có màu vàng đậm, có những điểm cháy (nếu là hoa), nếu là hạt thì hạt phách nở phồng là được.

2. Kê quan hoa thán.

Cho kê quan hoa vào nồi rang đã nóng già. Dùng lửa to sao đến khi cháy đen hoặc vàng đen, phun nước trừ hỏa độc. Phơi khô.

3. Kê quan hoa tẩm rượu.

Kê quan hoa	10kg
-------------	------

Rượu	2kg
------	-----

Trước hết đem kê quan hoa sao đến mềm hơi vàng. Phun đều rượu, sao tới khô.

4. Kê quan hoa trích giấm.

Kê quan hoa	10kg
-------------	------

Giấm	2kg
------	-----

Đem kê quan hoa sao đến màu hơi vàng. Phun đều giấm. Sao tiếp đến khô.

Công dụng: Thuốc có tác dụng chỉ huyết thanh huyết nhiệt. Dùng trong các trường hợp huyết nóng gây chảy máu cam, đại tiểu tiện ra huyết, ly huyết, băng huyết.

KÊ NỘI KIM (Màng mẽ gà)

Corium Stomachichum Galii. Là màng mẽ gà - Gallus denesticus Brisson. Họ Phasianidae.

Lấy kê nội kim tươi, rửa sạch, phơi khô.

1. Kê nội kim ngâm rượu.

Lấy kê nội kim đã phơi khô, ngâm với nước ấm từ 1 đến 2 giờ, rửa sạch. Lấy cồn 75° ngâm 30 phút. Vớt ra phơi âm can, sau đó sấy ở nhiệt độ thấp cho khô.

2. Kê nội kim vi sao.

Đem kê nội kim sao nhỏ lửa tới khi phồng lên đều có màu vàng nâu là được.

3. Kê nội kim sao cháy.

Dùng nhỏ lửa sao tới màu vàng cháy.

4. Kê nội kim rang cát.

Dùng cát hay hoàng thổ, đun nóng già cho kê nội kim vào, đảo đều, cho tới khi phồng đều giòn, lấy ra rây bỏ cát.

5. Kê nội kim tẩm giấm.

Kê nội kim 10kg

Giấm 1,5kg.

Trước hết đem kê nội kim sao tới khi phồng lên hoặc tới khi có màu vàng xám, vẩy giấm vào, sao khô.

Công dụng: Thuốc có tác dụng tiêu thực, khai vị, hóa thạch thông lâm. Dùng trong các bệnh bụng đầy trướng nôn mửa, viêm ruột, tiểu tiện ra máu.

KEO DẬU

Fructus Leucaenae

Dùng hạt cây Keo đậu - *Leucaena glauca* Benth..

Họ Trinh nữ - *Mimosaceae*.

1. Keo đậu sao vàng.

Dùng hạt keo đậu sao tới phòng vàng giòn; dùng tán bột, hoặc để sắc uống

* **Công dụng:** Dùng keo đậu để chữa giun; đặc biệt tốt với trẻ em tùy theo lứa tuổi, có thể dùng liên 3 ngày.

KHA TỬ

Fructus Terminaliae

Là vỏ quả chín phơi khô của cây Kha tử - *Terminalia chebula* Retz. Họ Bàng - *Combrecaceae*.

1. Dược liệu kha tử.

Đem kha tử ngâm nước, ủ mềm bỏ quả, bỏ nhân đi, phơi khô. Có thể đem đồ cho quả mềm, bỏ bỏ nhân, lấy vỏ quả phơi khô.

2. Kha tử nướng.

Dùng bột mỳ pha nước vừa đủ, bao lấy quả kha tử. Phơi khô se, đem sao cát tới khi vỏ có màu đen, bóc bỏ vỏ bao bỏ nhân.

3. Kha tử sao.

Có thể sao cả quả tới màu vàng, bỏ ra, đập vỡ, bỏ nhân. Nếu đã có kha tử được liệu thì đem sao tới vàng là được.

4. Kha tử sao tồn tính.

Dùng nhỏ lửa sao kha tử được liệu tới khi có màu vàng đen, hết chất dầu, có mùi thơm là được.

5. Kha tử thán.

Đem kha tử được liệu sao đến màu đen cháy, vẩy một ít nước lạnh, tiếp tục sao khô.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng liễm phế, bình suyễn, sát trường, chỉ tả. Được dùng để chữa ho hen, khản tiếng, mất tiếng, ỉa chảy, kiết lỵ, di tinh, bạch đới.

KHIẾM THỰC

Semen Euryales

Nhân hạt của quả chín cây Khiếm thực - *Euryale ferox* Sibisb. Họ Súng - *Nymphaeaceae*.

1. Dược liệu khiếm thực (Khiếm thực nhân)

Lấy quả khô xay vỡ vụn, sàng sây để bỏ vỏ cứng bên ngoài, đem nhân, phơi khô.

2. Khiếm thực sao vàng.

Lấy khiếm thực dùng nhỏ lửa sao tới màu vàng

3. Khiếm thực sao cháy.

Lấy khiếm thực sao tới khi có màu vàng cháy

4. Sao cám.

Khiếm thực 10kg

Cám gạo 1kg

Dun cho chảo nóng già, đổ cám vào sao tới lúc bốc khói trắng, đổ khiếm thực vào, sao đều tới khi có màu hơi vàng. Rây bỏ cám.

5. Khiếm thực muối.

Khiếm thực 10kg

Muối ăn 200g

Nước vừa đủ

Hòa dung dịch bão hoà muối ăn, trộn vào khiếm thực, ủ mềm 12 giờ, đồ mềm.

* **Công dụng:** Là thuốc cố sáp có tác dụng kiện tỳ, chỉ tả, cố thận, sáp tinh, sáp niệu, dùng trong các bệnh thận hư tiết tả, di tinh, di niệu. Sao cám để tăng tác dụng kiện tỳ, chế muối tăng tác dụng cố thận

KHIÊN NGƯU TỬ

Semen Pharbitidis

Hạt của cây Bìm bìm - *Ipomoea hederacea* Jacq.

Có hai loại hắc sủu và bạch sủu.

Hắc sủu lấy từ cây *Pharbitis hederacea* (Nil) Choisy Họ Bìm bìm - *Convolvulaceae*

1. Khiên ngưu tử sao vàng.

Dùng lửa nhỏ sao tới khi có màu vàng, hạt phồng lên, cho mùi thơm

2. Khiên ngư tử sao cháy.

Cho khiên ngư tử vào nồi đã đun nóng, sao đến khi hơi cháy, hạt phồng lên, có mùi thơm.

3. Khiên ngư sao cát.

Đem cát sao nóng già, cho khiên ngư vào sao tới khi phồng lên, đem rây bỏ cát.

* **Công dụng:** Là thuốc trục thủy, dùng trong các trường hợp phù thũng, đại tiểu tiện bí kết. Sao chế làm giảm tác dụng lợi thủy.

KHỔ QUA (*Mướp đắng*) *Fructus Momordicae*

Dùng quả hoặc dây cây Mướp đắng - *Momordica charatia* L. Họ Bí - *Cucurbitaceae*.

1. Khổ qua phiến.

Thu hái quả bánh tẻ thái phiến dày 3-5mm. Phơi khô hoặc sấy khô. Nếu là dây thì cắt thành đoạn 3-5cm. Phơi khô hoặc sấy khô ở nhiệt độ thấp. Nếu có dây khô sẵn thì cắt khúc như trên, rửa sạch, phơi khô hoặc sấy khô.

2. Khổ qua sao vàng.

Đem khổ qua phiến hoặc dây khổ qua, dùng lửa nhỏ sao tới vàng đậm.

* **Công dụng:** Mướp đắng có tác dụng thanh nhiệt, được dùng trong các bệnh tý vị nhiệt, huyết nhiệt, kích thích tiêu hóa, hạ đường huyết, hạ cholesterol huyết. Ngoài ra còn dùng để chữa ho, chữa mụn nhọt, rôm sảy về mùa hè.

KHỔ SÂM CHO HẠT

(*Nha đảm tử, sầu châu rừng*)
Fructus Bruceae

Dùng quả của cây Sầu châu rừng - *Brucea sumatrana* Roxb.

Họ Thanh thất - Simarubaceae

- Sau khi thu hái quả, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô. Xát bỏ vỏ, lấy nhân, đồ chín, ép bỏ dầu (dầu gây nôn). Phần còn lại phơi khô, sao hơi vàng.

* **Công dụng:** Nha đảm tử là thuốc thanh nhiệt táo thấp. Dùng trong các bệnh đại tràng thấp, ỉa chảy, đau bụng do lỵ. Còn dùng để chữa sốt rét. Hạt chưa chế chưa bỏ dầu khi uống thường gây nôn.

KHỔ SÂM CHO LÁ

Folium Crotonis

Dùng lá của cây Khổ sâm cho lá - *Croton tonkinensis* Gagnep. Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae.

1. Thu hái lá bánh tẻ phơi khô hoặc sấy khô ở nhiệt độ thấp.
2. Sao vàng.

Trước khi dùng lá khổ sâm đem sao vàng.

* **Công dụng:** Khổ sâm lá được dùng để chữa các bệnh đầy bụng, ăn uống không tiêu, hoặc phối hợp với một số vị thuốc khác để chữa đau dạ dày. Còn được dùng để chữa sốt rét. Dùng ngoài sắc nước rửa chữa bệnh ngứa lở ngoài da.

KHỔ SÂM CHO RỄ

Radix Sophorae

Là rễ của cây Khổ sâm cho rễ, hay còn gọi là cây dã hòe *Sophora flavescens* Ait. Họ Đậu - Papilionaceae.

1. Khổ sâm phiến.

Lấy rễ khổ sâm rửa sạch, cạo bỏ vỏ ngoài, ngâm ủ mềm, thái phiến dày 1-2mm. Phơi khô. Cũng có thể ngâm với nước vo gạo 12 giờ. Rửa sạch, đồ 2 giờ cho mềm, thái phiến, phơi khô.

2. Khổ sâm sao cám.

Khổ sâm	10kg
---------	------

Cám gạo	3kg
---------	-----

Có thể đem khổ sâm cùng sao với cám, hoặc sao cám trước tới khi bốc khói, đổ khổ sâm phiến vào, đảo đều, sao tới khi bề mặt phiến có màu vàng. Đổ ra sàng bỏ cám.

3. Khổ sâm sao đen.

Trước hết đun nóng chảo, sau đổ khổ sâm vào, sao đến khi toàn bộ phiến có màu đen là được.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng thanh nhiệt táo thấp, giải độc, khử trùng. Dùng sống trị đại tràng thấp nhiệt, lỵ hoặc mụn nhọt đinh độc. Sao đen tăng tác dụng chỉ huyết, dùng khi lỵ ra máu, hoặc xuất huyết trong ruột do viêm nhiễm.

KÉ ĐẦU NGỰA (*Thương nhĩ tử*) *Fructus Xanthii*

Là quả Cây ké - *Xanthium strumarium* L.

Họ Cúc - Asteraceae

Sau khi thu hái, phơi khô hoặc sấy khô. Sau đó có thể cho vào bao tải buộc kín đầu, dùng gậy đập hoặc chà xát cho gãy gai, sàng sảy bỏ gai.

1. Thương nhĩ tử sao vàng.

Dem thương nhĩ tử sao đến khi có màu hơi vàng hoặc vàng đậm, rây bỏ gai.

2. Thương nhĩ tử sao cám.

Thương nhĩ tử	1kg
Cám gạo	2 lạng.

Có thể cho thương nhĩ tử cùng sao với cám hoặc sao cám nóng bốc khói trắng, cho thương nhĩ tử vào sao đến khi có màu vàng kim. Đổ ra, rây bỏ cám

3. Thương nhĩ tử sao cháy.

Dùng lửa to sao đến khi gai cháy đen, vỏ quả hơi đen, bỏ ra xát bỏ gai.

4. Thương nhĩ tử tẩm rượu.

Thương nhĩ tử	10kg
Rượu	2kg

Dem rượu trộn đều vào thương nhĩ tử đã bỏ gai ủ 30 phút đến 1 giờ, sau đem đồ chín, đổ ra phơi khô.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng phát tán, trừ phong thấp, đau nhức, phong thấp thượng tiêu đau xoang mũi, viêm

mũi đau nhức. Còn có tác dụng thanh nhiệt giải độc, dùng trị bệnh mụn, sang lở hoặc bướu cổ.

KHOẢN ĐÔNG HOA

Flos Farfarae

Nụ hoa phơi khô của cây Khoản đông - *Tussilago farfara* L. Họ Cúc - Asteraceae.

1. Khoản đông hoa sao vàng.

Dem khoản đông hoa sao nhỏ lửa đến khi có màu vàng hoặc hơi có chấm cháy.

2. Khoản đông hoa tẩm mật.

Khoản đông hoa 10kg

Mật ong 3-4kg

Dem mật ong thêm ít nước, quấy đều. Trộn mật vào khoản đông hoa, để 30 phút cho ngấm hết. Sao lửa nhỏ tới khi sờ không dính tay, hoa có màu vàng đậm. Cũng có thể sao khoản đông hoa trước tới khi có màu vàng, cho mật ong đã hòa loãng, quấy đều. Tiếp tục dùng nhỏ lửa sao tới lúc hoa có màu vàng có những chấm cháy, hoa không dính vào nhau; sờ không dính tay.

3. Khoản đông hoa tẩm nước cam thảo, ủ, sao vàng.

*** Công dụng:** Thuốc có tác dụng hóa đờm chỉ ho bình suyễn. Dùng sống để ôn phế. Sao chế có tác dụng nhuận phế, chỉ ho; dùng tốt cho các bệnh phế hư, hen suyễn, ho lâu ngày.

KHƯƠNG HOÀNG (Nghệ) *Rhizoma Curcumae longa.*

Dùng thân rễ của Cây nghệ - *Curcuma longa* L. Họ Gừng - Zingiberaceae

1. Khương hoàng phiến.

Đem thân rễ còn gọi là củ nghệ, rửa sạch cắt bỏ rễ con, để ráo nước, thái phiến dày 3-5mm. Phơi khô hoặc sấy khô. Nếu có sẵn củ khô thì rửa sạch, ủ mềm, thái phiến như trên. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Khương hoàng sao vàng.

Lấy khương hoàng phiến, sao nhỏ lửa đến khi khô cho màu vàng kim.

* **Công dụng:** Khương hoàng có tác dụng phá huyết nên được dùng khi có huyết tích ứ huyết như ngã chấn thương bầm tím. Ngoài ra còn có tác dụng sinh cơ chỉ huyết nên còn được dùng trong các bệnh viêm loét dạ dày, tá tràng hoặc mụn lở loét.

KHƯƠNG HOẠT *Rhizoma seu Radix Notopterygii*

Thân rễ và rễ của cây Khương hoạt - *Notopterygium incisum* Ting ex H.T. Chang hoặc (*N. forbesii* Boiss). Họ Hoa tán - Apiaceae.

1. Khương hoạt thái phiến.

Đem dược liệu rửa sạch, để ráo nước, thái phiến dày 1-3mm, hoặc rửa xong để cách 1 ngày mới thái phiến, phơi

khô hoặc dùng nhỏ lửa sấy khô. Hoặc sau khi rửa sạch, ủ mềm rồi thái phiến phơi âm can. Cũng có thể đem cắt bỏ nùm rễ, cạo vỏ ngoài rửa sạch để ráo nước, thái phiến. Phơi âm can.

*** Công dụng:** Là thuốc trừ phong thấp, dùng trong các bệnh phong thấp đau nhức phù thũng hoặc bệnh trưng hà sản thống của phụ nữ.

KIM ANH

Fructus Rosae laevigatae

Là quả của cây Kim anh - *Rosa laevigata* Mich. Họ Hoa hồng - Rosaceae.

1. Kim anh bỏ hạt.

Trước hết bỏ quả làm đôi rồi cho vào túi vải, chà xát cho rụng hết gai nhỏ sắc ở ngoài quả. Sàng sây, bỏ hết hạt bên trong mảnh vỏ bằng kéo hoặc dao nhọn, đôi khi người ta ngâm mềm để dễ dàng bỏ hạt.

2. Kim anh sao vàng.

Dùng nhỏ lửa, sao tới khi vỏ quả có màu vàng đậm.

3. Kim anh sao với cám.

Dem cám sao nóng già, bốc khói trắng cho kim anh vào sao đến khi có màu vàng đậm.

4. Kim anh sao cát.

Đun cho cát nóng già, cho kim anh vào sao đến khi vỏ quả phồng lên có màu đỏ tía. Đổ ra sàng bỏ cát.

5. Kim anh chế mật ong.

Kim anh 10kg

Mật ong 1kg

Trộn mật ong vào kim anh cho đều, để 30 phút cho ngấm. Sao đến khi kim anh có màu vàng, sờ không dính tay.

6. Kim anh chế muối.

Kim anh 10kg

Muối ăn 80gam

Nước vừa đủ

Trộn nước muối vào kim anh cho đều, ủ 30 phút, đồ chín. Phơi khô.

* **Công dụng:** Kim anh là thuốc cố sáp, có tác dụng sáp tinh, sáp trường, dùng trong các bệnh di tinh, mộng tinh, hoặc tỳ hư gây ỉa chảy...

KIM NGÂN HOA

Flos Lonicerae

Dùng hoa sấp nở hoặc dây Kim ngân - *Lonicera japonica* Thunb.

Họ Kim ngân - Caprifoliaceae

Sau khi thu hái, hoa được phơi khô.

1. Hoa kim ngân sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đều đến khi hoa có màu vàng, hết mùi nồng là được.

2. Hoa kim ngân sao sém cạnh.

Dùng lửa to sao đến khi hoa bị hơi đen cạnh.

Đối với dây kim ngân (kim ngân đằng), cần rửa sạch cắt khúc dài 3-5cm. Phơi khô. Nếu có dây khô, rửa sạch, cắt đoạn như trên. Phơi khô. Dây kim ngân sao khô vàng hoặc sao sém cạnh.

* **Công dụng:** Hoa kim ngân và dây kim ngân đều là thuốc thanh nhiệt giải độc. Hoa có tác dụng thanh nhiệt mạnh, dùng trong các bệnh dị ứng, mụn nhọt mẩn ngứa. Dây kim ngân thanh nhiệt kém hơn hoa, song lại có tác dụng thông kinh hoạt lạc nên các trường hợp dị ứng, mụn nhọt có huyết ứ, huyết trệ thì phát huy tác dụng tốt. Trường hợp sao cháy có lợi cho các trường hợp ra huyết (ly ra huyết).

KIM TIỀN THẢO

Herba Desmodii

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây Kim tiền thảo - *Desmodium styracifolium* (Osb) Merr.

Họ Cánh bướm - Papilionaceae

1. Sau khi thu hái, rửa sạch, loại bỏ tạp chất, cắt đoạn 3-5cm. Phơi khô hoặc sấy khô. Nếu có dược liệu gần khô thì rửa sạch, cắt khúc như trên và phơi khô hoặc sấy khô.

2. Kim tiền thảo sao vàng.

Đem kim tiền thảo đã cắt khúc nói trên, sao nhỏ lửa đến khi có màu hơi vàng là được

* **Công dụng:** Kim tiền thảo có tác dụng lợi tiểu, lợi mật dùng trong các bệnh viêm nhiễm đường tiết niệu, tiểu buốt, đái dắt, nước tiểu có mầu vàng hoặc đỏ, sỏi thận, sỏi bàng quang, hoặc sỏi niệu đạo, sỏi gan mật, hoặc các bệnh phù thũng và các bệnh về thận.

KINH GIỚI

Herba Elsholtziae cristatae

Là bộ phận trên mặt đất của cây Kinh giới - *Elsholtzia cristata* Willd (*E.ciliata* (Thunb) Hyland.

Họ hoa môi - Lamiaceae

1. Kinh giới tuệ.

Cắt lấy phần ngọn mang hoa, rửa sạch đất cát, bụi bẩn phơi khô, hoặc cắt thành từng đoạn 3-5cm. Phơi khô.

2. Kinh giới sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đều tới khi có màu hơi vàng, có mùi thơm đặc trưng (kinh giới), hoặc sao vàng già, hạ thổ.

3. Kinh giới sao đen.

Dùng lửa to sao đến khi toàn bộ có màu đen, hơi cháy thì dừng lại. Khi tới đen cháy có thể vẩy ít nước để trừ hỏa độc. Đổ ra để nguội.

4. Kinh giới tẩm mật.

Kinh giới	10kg
-----------	------

Mật ong	4kg
---------	-----

Cho mật ong vào kinh giới trộn đều để 30 phút đến 1 giờ cho hút hết mật. Sao tới vàng sẫm không dính tay là được. Cũng có thể đun mật tới sôi rồi cho kinh giới vào, trộn đều. Sao tiếp tục đến khô vàng, sẫm không dính tay.

*** Công dụng:** Là vị thuốc có tác dụng giải biểu hàn, dùng trị cảm mạo phong hàn, đôi khi dùng cho cả cảm mạo phong nhiệt. Còn có tác dụng trừ dị ứng, trừ ngứa. Khi sao chế làm giảm ra mồ hôi. Sao đen để tăng khả năng cầm máu, dùng

trong bệnh rong huyết, băng huyết, đại tiện ra huyết. Ngoài ra còn dùng trị bệnh kinh phong cảm khuẩn.

LÁ LỐT

Herba Piperis lolot

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây Lá lốt - Piper lolot C.D.C. Họ Hồ tiêu - Piperaceae

- Sau khi thu hái, rửa sạch, loại bỏ tạp chất, cắt đoạn 3-5cm có thể dùng tươi, hoặc phơi khô hay sấy ở nhiệt độ thấp đến khô. Nếu có dược liệu khô, cần rửa sạch, cắt đoạn như trên, phơi khô, khi dùng tiến hành vi sao tới khi có mùi thơm là được.

* **Công dụng:** Là thuốc trừ phong thấp; được dùng khi đau nhức xương khớp, thần kinh ngoại biên tê nhức, đau mỏi cơ. Còn dùng chữa tiêu hóa bất chấn, nôn mửa, đầy hơi, đau bụng, đau răng, viêm mũi.

LẠC TIÊN

Herba Passiflorae

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây Lạc tiên (hồng tiên) - Passiflora foetida L. Họ Lạc tiên - Passifloraceae.

1. Sau khi thu hái, loại bỏ tạp chất, rửa sạch cắt đoạn 3-5cm. Phơi khô hoặc sấy khô. Nếu có dược liệu gần khô thì đem rửa sạch, để ráo nước, cắt đoạn như trên. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Lạc tiên sao vàng.

Dem lạc tiên cắt đoạn nối trên sao tới khô vàng là được.

* **Công dụng:** Lạc tiên là thuốc an thần gây ngủ, được dùng trong các bệnh mất ngủ, hay quên, tim đập hồi hộp hoặc loạn nhịp.

LAI PHỤC TỬ (*La bạc tử - Hạt cải củ*) *Semen Raphani*

Là hạt lấy từ quả già chín của cây Cải củ - *Raphanus sativus* L. Họ Cải - Brassicaceae.

1. Dem quả chín già, phơi khô giòn, cho vào bao tải, đập vụn, sàng sảy lấy hạt phơi khô hoặc sấy nhỏ lửa cho khô.

2. Lai phục tử sao vàng.

Đun chảo nóng già, cho lai phục tử vào, dùng nhỏ lửa đảo đều tay, tới khi có màu vàng, mùi thơm là được.

3. Lai phục tử sao cháy.

Đun chảo nóng già, cho lai phục tử vào sao nhỏ lửa đến khi hơi cháy, hoặc đến khi nổ lách tách vỏ ngoài có những chấm cháy đen là được.

4. Lai phục tử muối.

Lấy dung dịch muối có nồng độ 5%, tắm vào lai phục tử. Để 30 phút, sau tiến hành sao đến khi hạt biến màu.

* **Công dụng:** Lai phục tử có tác dụng tiêu thực dùng trong các trường hợp ăn uống không tiêu thượng vị đau trướng. Còn có tác dụng trị ho trừ đờm bình suyễn, được dùng trong các trường hợp hen phế quản mạn tính, ho lâu ngày, nhiều đờm.

LỆ CHI HẠCH

Semen Litchii

Là hạt quả cây Vải - *Litchi sinensis* Radlk. Họ Bô hòn - Sapindaceae.

1. Lệ chi hạch phiến.

Hạt vải thái phiến dọc, phiến dày 3-5mm. Phơi khô. Nếu hạt thì ngâm ủ mềm rồi thái. Phơi khô.

2. Lệ chi hạch sao vàng.

Dem lệ chi hạch phiến sao nhỏ lửa tới khi toàn bộ bề mặt có màu vàng.

3. Lệ chi hạch trích muối.

Lệ chi hạch 10kg

Muối ăn 80g hoặc 200g

Dem nước muối trộn đều vào lệ chi hạch, ủ 5-6 giờ cho ngấm hết nước muối. Sao nhỏ lửa đến khi phiến có màu xám, hoặc sau khi đã rang nóng già, vẩy nước muối vào sao tới khô.

4. Lệ chi hạch nấu với nước muối.

Lệ chi hạch 10kg

Muối ăn 200g

Nước nóng vừa đủ.

Trước hết đem muối hoà tan trong nước nóng, sau đó cho lệ chi hạch vào; đun sôi 30 phút để lệ chi hạch hút hết nước; lấy ra thái phiến. Phơi khô.

*** Công dụng:** Lệ chi hạch có tác dụng hành khí tán hàn được dùng trong các bệnh sán khí, đau bụng dưới, đau ruột

non, đau từ cung hoặc đau tinh hoàn, thoát vị bẹn. Sao chế để tăng tính ấm dùng cho bệnh sốt rét.

LIÊN KIỀU

Fructus Forsythiae

Là quả chín phơi khô của cây Liên kiêu - Forsythia suspensa Vahl. Họ Nhài - Oleaceae

1. Bỏ cuống quả và các tạp chất rửa sạch phơi khô. Phun vào quả ít nước cháo loãng hay hồ bột mỳ, phơi dưới nắng to để quả nứt theo 2 mép quả. Nếu không nứt thì phải chà xát, rây bỏ hạt và màng ruột bên trong, lấy vỏ quả.

2. Liên kiêu chế với chu sa.

Liên kiêu	10g
-----------	-----

Chu sa	150g
--------	------

(Chu sa đã được chế theo phương pháp thủy phi). Trước hết thấm ẩm liên kiêu. Dem bột mịn của chu sa rây đều vào. Trộn thật đều, ủ 20 phút cho chu sa bám vào liên kiêu. Phơi âm can.

3. Liên kiêu sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đều tới khi liên kiêu khô giòn hơi vàng.

4. Liên kiêu thán.

Dem liên kiêu sao đến khi vỏ quả đen có mùi cháy là được.

*** Công dụng:** Liên kiêu là thuốc thanh nhiệt giải độc, dùng trong các bệnh mụn nhọt mẩn ngứa, dị ứng. Ngoài ra do có tác dụng giải biểu nên còn được dùng để trị bệnh cảm mạo phong nhiệt.

LIÊN NGÃU (*Ngó sen*) *Nodus Rhizomatis loti*

Là thân rễ cây Sen - *Nelumbo nucifera* Gaertn

Họ Sen - *Nelumbonaceae*

1. Lấy rễ sen rửa sạch đất cát, phơi khô hoặc sấy khô; cắt đoạn 3 - 5cm. Nếu thân rễ to có thể cắt vát với chiều dày phiến 3 - 5mm, dài 3 - 5cm. Phơi khô hoặc sấy tới khô. Nếu có liên ngẫu khô, cần rửa sạch rồi tiến hành thái như trên. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Liên ngẫu sao đen

Dùng nhỏ lửa sao liên ngẫu chế như trên đến khi toàn bộ có màu đen là được.

“ **Công dụng:** Liên ngẫu là vị thuốc cầm máu, có thể dùng sống dưới dạng nấu với thức ăn (nấu với móng giò lợn) để chữa chảy máu cam, chảy máu chân răng, hoặc sắc uống chữa các trường hợp chảy máu, nôn ra máu, chảy máu tử cung, đại tiểu tiện ra máu.

LIÊN NHỤC (*Hạt sen*) *Semen Nelumbinis*

Hạt của quả già Cây sen - *Nelumbo nucifera* Gaertn

Họ Sen - *Nelumbonaceae*

1. Liên nhục.

Lấy liên nhục; dùng nhỏ lửa sao qua hoặc sao tới khi có màu hơi vàng.

2. Sao với cám.

Có thể cùng tiến hành sao cám với liên nhục hoặc sao cám trước tới lúc cám bốc khói trắng thì đổ liên nhục vào; tiếp tục sao đến khi có màu vàng kim, rây bỏ cám đi.

* **Công dụng:** Liên nhục là thuốc cố sáp; có thể dùng trong các bệnh tý hư tiết tả, hoặc các bệnh thận hư dẫn đến tiểu nhiều, tiểu dầm, di mộng tinh.

LIÊN PHÒNG (*Gương sen*) *Receptaculum Nelumbilis*

1. Sau khi thu hái, ngắt bỏ cuống, phơi khô hoặc sấy nhẹ cho khô.

2. Liên phòng sao đen.

Đem liên phòng thái nhỏ; dùng nhỏ lửa sao cho toàn bộ bên ngoài có màu đen.

3. Liên phòng nung than.

Cho vào nồi, đậy kín, nung 4 giờ, liên phòng cháy đen hoàn toàn.

* **Công dụng:** Liên phòng có tác dụng chỉ huyết, được dùng trong các trường hợp xuất huyết, đại tiểu tiện ra máu, băng kinh, băng huyết; đặc biệt sau khi đẻ bị băng huyết hoặc kinh nguyệt quá nhiều v.v...

LIÊN TÂM

Embryo Nelumbinis

Là cây mầm mầu xanh trong hạt sen

1. Sau khi bóc tách từ hạt sen, đem phơi khô hoặc sấy khô.

2. Liên tâm sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đều đến khi toàn bộ liên tâm chuyển sang màu vàng, hoặc hơi có chấm đen.

3. Liên tâm chế với chu sa.

Liên tâm	1kg
Chu sa	100gam

Trước hết chu sa được chế theo phương pháp thủy phi (xem phương pháp chế chu sa). Đem liên tâm đã sao vàng như trên, thêm nước lã tắm ướt đều, cho bột chu sa vào lắc đều để bột chu sa bám vào xung quanh liên tâm. Phơi ẩm can tới khô.

* **Công dụng:** Liên tâm là vị thuốc an thần, gây ngủ; dùng trong các bệnh mất ngủ, tâm hồi hộp. Chế với chu sa làm tăng tác dụng an thần, trấn kinh của vị thuốc.

LIÊN TU

Stamen Nelumbinis

Là tua nhị đực của hoa sen

- Sau khi thu lượm đem phơi khô.

- Liên tu sao vàng hoặc sao đen.

* **Công dụng:** Cũng như các vị thuốc khác của sen, liên tu cũng có tác dụng cầm máu; dùng trong chảy máu cam, băng

huyết, đại tiểu tiện ra huyết, rong kinh, hoặc các bệnh thổ huyết, di tinh, mộng tinh.

LONG CỐT

OS draconis

Là các xương động vật dã hóa đá chôn vùi dưới đất nhiều năm.

Sau khi đào được long cốt cần rửa sạch, rồi đem đập thành những miếng nhỏ. Phơi khô.

1. Long cốt nung.

Cho long cốt vào nồi đất hay nồi gang, nung 3-4 giờ. Lấy ra để nguội. Nghiền thành bột mịn.

2. Long cốt nung rồi tôi.

Dem long cốt nung 2 giờ liền, ở nhiệt độ 500 - 600°C. Sau đó nhân lúc còn nóng cho vào dung dịch muối ăn để tôi. Với tỷ lệ 1kg long cốt dùng 8g muối. Sau khi tôi, có thể nghiền bột mịn.

3. Long cốt tẩm rượu.

Long cốt	10kg
Rượu	1kg

Tẩm rượu vào long cốt, để 1 đêm; sau sấy khô, tán bột. Để được bột mịn và không khét có thể dùng theo phương pháp thủy phi

4. Long cốt chu sa.

Chu sa được chế theo phương pháp thủy phi.

Bột long cốt được chế một trong các phương pháp nói trên. Sau đem trộn đều 2 thứ.

*** Công dụng:** Thuốc có tác dụng an thần, dùng trong các bệnh tinh thần bất an, mất ngủ. Còn có tác dụng cố sáp nên được dùng trong các bệnh ra mồ hôi nhiều, tả lỵ lâu ngày không khỏi; mụn nhọt khó liền miệng

LONG ĐORM

Radix seu Rhizoma Gentianae

Dùng rễ cây Long đorm - *Gentiana scabra* Bunge hoặc *G. manshurica* Kitag. Họ Long đorm - *Gentianaceae*.

1. Long đorm cắt đoạn.

Lấy rễ rửa sạch để ráo nước, cắt từng đoạn 3-5cm. Nếu có sẵn rễ khô, rửa sạch, cắt đoạn như trên phơi khô hoặc sấy khô.

2. Long đorm trích rượu.

Lấy long đorm cắt đoạn trích với rượu.

Long đorm	10kg
-----------	------

Rượu	1kg
------	-----

Sau khi trộn đều, ủ 30 phút ngâm hết rượu. Dùng nhỏ lửa sao tới khô. Cũng có thể sao long đorm tới nóng già rồi phun rượu vào tiếp tục sao tới vàng là được.

3. Long đorm tẩm nước cam thảo.

Long đorm	10kg
-----------	------

Cam thảo bắc	1kg
--------------	-----

Dem cam thảo bắc sắc 3 lần lấy nước, đủ để tắm vào long đởm. Ủ cho ngấm đều. Phơi khô.

4. Long đởm sao cháy.

Lấy long đởm đã cắt đoạn; dùng lửa to sao đến khi đen hoàn toàn, hơi cháy.

* **Công dụng:** Long đởm có tác dụng thanh nhiệt táo thấp... dùng trong các bệnh can đởm thấp nhiệt như bệnh viêm gan, viêm túi mật. Còn dùng để trừ sỏi gan mật, sỏi thận, bàng quang. Chế rượu hương khí vị của long đởm lên thượng tiêu, trị bệnh đau mắt đỏ, đau họng.

LONG NHA THẢO

Herba Agrimonae

Dùng toàn cây Long nha thảo - *Agrimona nepalensis*

D. Don hoặc *A. eupatoria* auct, non L.

Họ Hoa hồng - Rosaceae

1. Sau khi thu hái, rửa sạch đất cát, cắt đoạn 3-5cm. Phơi khô hay sấy khô. Nếu có cây khô sẵn thì rửa sạch, để ráo nước cắt đoạn như trên. Phơi khô.

2. Long nha thảo sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao tới khô vàng.

3. Long nha thảo sao cháy.

Dùng lửa to sao đến khi có màu đen, mùi cháy là được.

* **Công dụng:** Là vị thuốc có tác dụng cầm máu; có thể dùng dưới dạng cây tươi giã vắt lấy nước uống; hoặc dưới dạng sắc với cách chế trên để chữa các bệnh xuất huyết chảy máu

cam, thổ huyết, đại tiểu tiện ra huyết. Còn dùng với bệnh cam tích trẻ con, đau bụng ỉa chảy.

LONG NHÂN

Arillus Longanae

Áo hạt đã phơi sấy khô của cây Nhân *Euphoria longana* LamK. (Lour). Họ Bồ hòn - Sapindaceae.

Thu hái loại quả nhân cùi đầy, đã chín.

Nhúng nhanh chùm quả vào nồi nước đang sôi 1-2 phút. Sau đó phơi nắng to; có thể mắc các chùm nhân lên dây thép hoặc giàn phơi. Cũng có thể sấy nhẹ ở nhiệt độ 40° - 50°C. Khi lắc quả thấy tiếng lóc cóc tức là vỏ và hạt đã tách khỏi áo hạt. Có thể đem bóc bỏ hạt, bỏ vỏ.

Áo hạt (cùi) được đặt vào các khay nhôm, hay khay men hoặc mâm nhôm, dàn thành lớp mỏng đều. Phơi trên giàn cao dưới nắng to. Nơi có nhiều ruồi nhặng cần có màn che; hoặc sấy nhẹ ở nhiệt độ 50°-60°C (vào những ngày trời âm hoặc mưa). Long nhân khô dần thì màu cũng chuyển sang nâu; tới khi có màu cánh gián, sờ không thấy dính tay là được.

Bảo quản trong các túi giấy bóng kính, hàn kín. Để nơi khô ráo.

* **Công dụng:** Là vị thuốc bổ huyết, long nhân được dùng trong các trường hợp mất ngủ, hay quên, tinh thần mệt mỏi.

LÔ CĂN (*Rễ cây lau*) *Radix Phragmiti*

Là rễ cây Lau - *Phragmites communis* (L) Trin.

Họ Lúa - Poaceae.

1. Rửa sạch đất cát, tạp chất; cắt bỏ rễ con, cạo bỏ vỏ ngoài. Thái편 lát dài 3-5cm dày 3-5mm. Phơi khô hoặc sấy khô. Nếu có sẵn rễ khô thì đem ngâm nước, cắt bỏ rễ con; rửa sạch, ủ mềm, thái lát như trên. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Lô căn vi sao hoặc sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao qua hoặc sao hơi vàng là được.

Công dụng: Lô căn có tác dụng sinh tân dịch lợi niệu dùng trong các bệnh tâm phiền nhiệt, miệng khát, tiểu tiện ít màu đỏ. Còn dùng trong các trường hợp ho do phế nhiệt hoặc vị nhiệt gây nôn lợm.

LÔ HỘI *Aloe*

Là dịch cô đặc của lá nhiều loài cây Lô hội như *Aloe vera* L. var. *Sinensis* Berger

A. perfoliata Lour. Họ Hành - Liliaceae

Để được nhựa lô hội người ta có thể chế bằng nhiều cách. Có thể lấy dịch nhựa chảy ra bằng cách xếp lá thành ống, để nhựa tự chảy ra; tập trung phần dịch chảy ra đó. Cũng có thể cắt nhỏ lá, rồi giã và ép hoặc vắt. Nước thu được cần lọc để loại tạp.

Toàn bộ phần dịch thu được đem phơi dưới nắng to để bay hơi hoặc đem cô đặc trong nồi đồng. Khi đến độ ẩm nhất định, người ta đổ vào khuôn để được các miếng lô hội có kích cỡ nhất định.

* **Công dụng:** Lô hội có tác dụng thanh nhiệt tả hạ được dùng để lợi gan mật trong trường hợp gan nhiệt, đại tiện táo kết. Còn dùng trong bệnh giun đũa, cam tích.

LỘC GIÁC

Corsnu Cervi

Là sừng già hay phần gốc sừng sau khi cưa lấy nhung của con Hươu sao đực - *Cervus nippon Temminck* hay con Hươu ngựa đực - *C. elaphus Linneaus*. Họ Hươu - *Cervidae*.

1. Lộc giác phiến.

Trước hết đem lộc giác ngâm vào nước nóng 4-6 giờ. Rửa sạch cấu bẩn, phơi khô. Lấy lộc giác cưa thành từng khúc dài 5cm, ngâm vào nước. Sau đó đem chưng hoặc đồ 1-2 giờ cho mềm. Nhân lúc nóng, dùng dao thái, chẻ thành miếng mỏng 3-5mm. Phơi khô.

2. Lộc giác nướng.

Lấy các khúc lộc giác cho vào nồi đất cùng với cám, đậy kín. Toàn bộ nồi được phủ trấu; rồi tiếp tục nướng từ 4-6 giờ, đến khi đó lộc giác có thể chất giòn dễ bẻ gãy.

3. Lộc giác rượu.

Lấy các khúc lộc giác đã chế ở trên cho vào một thùng tôn hoặc nồi nhôm, xếp ngang, đổ rượu vào ngâm. Chưng 2 giờ; nhân lúc còn nóng đem chẻ phiến dày 3-5mm. Phơi khô

* **Công dụng:** Lộc giác là vị thuốc bổ dương, bổ thận; dùng cho các trường hợp thận hư, liệt dương, xương cốt đau mỏi, đau lưng gối. Còn có tác dụng lợi sữa.

LỘC GIÁC GIAO

Colla Cornus cervi

Cao gạc hươu - Cao ban long.

1. Chế cao ban long (lộc giác giao).

Gạc xử lý như mục Lộc giác. Nếu là gạc tươi phải đem ngâm nước nhiều lần, đến khi hết máu hoặc hết các phần thịt bám ở gốc gạc

Lộc giác đã chế biến đạt yêu cầu, đem nấu cao. Nấu 4 nước; tập trung dịch nấu. Cô tới cao đặc, đổ vào khuôn thành miếng có kích thước và khối lượng nhất định.

2. Lộc giác giao sao bột văn cấp.

Dem lộc giác giao cắt thành miếng có kích thước 1x1x1cm Bột văn cấp được rang nóng tới 150° - 200°C; cho lộc giác giao vào đảo đều bằng xẻng nhôm. Đến lúc các miếng lộc giác giao nở phồng tròn, trong xốp rỗng, mùi thơm ngậy thì dùng vợt sắt hớt ra; chú ý lắc nhẹ cho rơi hết bột văn cấp.

Cũng làm tương tự với bột hoạt thạch.

Khi lộc giác giao đã qua sao chế, có thể sử dụng trong các chế phẩm thuốc.

* **Công dụng:** Cao ban long là vị thuốc bổ thận tráng dương; dùng cho những người thận dương suy kém còn dùng để bổ huyết; dùng cho những thể tạng gầy yếu xanh xao thiếu

máu. Còn dùng cho các trường hợp chảy máu bên trong như chảy máu dạ dày, ruột, trĩ xuất huyết...

LỘC NHUNG

Cornu Cervi pantotrichum

Sừng non có lông nhung của Hươu sao đực -

Cervus nippon temminck hay Hươu ngựa đực - *Cervus, elaphus linnaeus*. Họ Hươu - Cervidae.

1. Cách chế biến lộc nhung.

1.1. Cách thử nhất.

Khi nhung đến độ dài nhất định, đạt tiêu chuẩn người ta tiến hành cưa nhung. Sau khi cưa cần băng ngay góc gác để cầm máu cho hươu. Chú ý đặt ngược mặt cắt của nhung lên phía trên để tránh bị chảy các chất dịch trong nhung ra. Sau đó cần tiến hành sấy nhung ngay. Trước khi sấy người ta nhúng nhung một đêm với rượu 40°, không nhúng ngập mặt cắt. Tiếp theo là cho nhung vào các ống nhôm hoặc sắt tây, luôn luôn đặt nhung ở vị trí đứng thẳng sao cho mặt cắt hướng lên trên. Dùng cát nóng (70° - 80°) đổ vào gần tới mặt cắt. Khi cát nguội lại thay cát nóng khác. Làm nhiều lần tới khi nhung khô kiệt. Có thể thay cát bằng gạo nếp. Gạo sau khi sấy có thể dùng như vị thuốc bổ. Cần chú ý mỗi lần thay cát lại đem nhúng nhung vào rượu.

1.2. Cách thử hai:

Cũng có thể chế nhung theo cách, nhúng mặt cắt của nhung vào nồi nước sôi độ 15 - 20 phút, khoảng 3-4 lần; tới khi mặt cắt có sủi bọt và có mùi thơm của lòng đỏ trứng gà luộc chín. Sau đó đem phơi hoặc sấy khô. Ngày hôm sau lại

làm như vậy, và tiếp tục sấy ở nhiệt độ 70° - 80°C; sấy khô tới khô kiệt.

1.3. Cách thứ ba:

Ngoài cách chế trên hiện nay người ta còn tiến hành sấy nhưng trong các tủ sấy than hoặc điện, khi sấy cần dựng nhưng đứng thẳng, để vết cắt lên phía trên. Nhiệt độ sấy tăng dần từ 50°C rồi 60°-70°C và 80°C. Không nên sấy ở nhiệt độ 50°C vì nhưng sẽ bị ôi thiu, mùi không thơm. Đồng thời nếu lúc đầu sấy ngay ở nhiệt độ cao, nhưng sẽ bị nứt, dịch sẽ chảy mất. Do đó cần nâng nhiệt độ lên từ từ. Sau khi nhưng khô kiệt, cần bảo quản trong các túi giấy bóng kín đặt vào trong thùng có chất hút ẩm như silicagel, vôi tôi... để nơi thoáng mát.

2. Chế biến lộc nhung.

2.1. Lộc nhung bó lông:

Dùng lửa đốt cho cháy hết lông, hoặc phun rượu vào rồi đốt cho cháy lông. Có thể cạo hết lông; hoặc dùng dùi sắt hơ đỏ rồi lướt nhẹ trên mặt nhưng cho cháy lông.

2.2. Lộc nhung thái phiến:

Sau khi loại bỏ hết lông, đem lộc nhung đồ 2 giờ liền cho mềm, nhân lúc nóng đem thái phiến, thái vuông góc để có các miếng tròn dày 2-5mm, đoạn đầu có thể thái vát dề có phiến đẹp. Phơi âm can.

2.3. Lộc nhung chế rượu:

Sau khi loại hết lông, nhưng được ngâm với rượu cho mềm; rồi đem thái phiến dày 3-5mm; sau đó các phiến được đặt trên ván phẳng, ép cho phiến thật phẳng. Phơi âm can.

Cũng có thể sau khi ngâm rượu, đem chưng lộc nhung cho mềm dề dễ thái phiến; đôi khi sau khi ngâm rượu, cần bọc lớp vải thưa, rồi mới chưng cho mềm.

2.4. Lọc nhung trích rượu:

Lấy lọc nhung phiếu, tẩm rượu, để 30 phút, sao khô.

* **Công dụng:** Lọc nhung có tác dụng bổ dương, bổ thận dương; dùng cho các trường hợp chân khí kém, hoặc liệt dương, di mộng tinh; lưng gối đau mỏi.

LỤC THẦN KHÚC (*Thần khúc*) *Massa medicata fermentata*

Có thể tiến hành theo một số phương pháp.

1. Phương pháp thứ nhất.

Bột mỳ	10kg
Hạnh nhân	0,4 kg (bỏ vỏ)
Đậu đỏ	0,4kg
Nghê rằm tươi	0,4kg
Ké đầu ngựa tươi	0,4lg
Cây thanh cao tươi	0,4kg

Trước hết đem đậu đỏ nấu nhừ; sau đó cùng với hạnh nhân nghiền thành bột nhão. Ba thứ lá tươi nói trên thái vụn, giã nát, rồi cùng với bột mỳ và bột nhão của đậu đỏ và hạnh nhân nói trên trộn đều thêm nước để có độ ẩm 70%.

Dùng lá cối xay gói từng khối nhỏ hoặc cho vào khay, lót và ủ khối bột trên cho lên men 2 ngày. Sau thái thành khúc kích thước 5 x 1 x 5cm. Phơi khô

2. Phương pháp thứ hai.

Bột mỳ	30kg	Hạnh nhân	1,2kg (bỏ vỏ)
Đậu đỏ	1,2 kg	Nghê rằm tươi	0,3 kg

Ké đầu ngựa tươi 0,3 kg

Thanh cao tươi 0,3 kg

Trước hết lấy một ít bột mỳ cùng hạnh nhân giã nát, xát qua rây. Mặt khác đậu đỏ nấu như giã nát các thứ lá tươi nói trên. Sau cùng đem trộn với bột mỳ hạnh nhân, đậu đỏ; làm thành một khối mềm. Dùng lá gai tươi (cây củ gai) gói kỹ; hoặc lót ủ trong khay có khối bột trên; ủ 42 giờ. Bỏ lá gói, cắt thành khúc 5 x 1 x 5cm. Phơi khô

*** Công dụng:** Vị thuốc có tác dụng tiêu thực hành khí, kiện tỳ; dùng chữa bệnh đầy trướng, nôn, ỉa chảy; cảm lạnh; còn dùng để lợi sữa.

MA HOÀNG

Hera Ephedrae

Là thân, phần trên mặt đất (bỏ đốt, bỏ rễ) của cây Ma hoàng - *Ephedra sinica* Stapt, *E. equisetina* Bunge. Họ Ma hoàng - *Ephedraceae*.

1. Ma hoàng cắt đoạn.

Lấy ma hoàng, rửa sạch, để ráo nước, cắt bỏ đốt và rễ, cắt đoạn 3-5cm. Phơi khô. Nếu có ma hoàng khô sẵn thì rửa sạch, để ráo nước rồi tiến hành như trên

2. Ma hoàng chế.

Ma hoàng 10 kg

Sinh khương 1 kg

Cam thảo 1 kg

Trước tiên sắc nước cam thảo; sau thêm gừng, sắc đến khi có mùi thơm. Nhân lúc còn nóng, ngâm ma hoàng cắt đoạn vào để 1 - 2 giờ; lấy ra phơi khô.

3. Ma hoàng trích mật.

Ma hoàng 10 kg

Mật ong 1 kg

Thêm nước vào mật ong, khuấy đều; cho mật vào ma hoàng cắt đoạn, trộn đều, ủ 30 phút. Dùng nhỏ lửa sao đến khi khô, sờ không dính tay là được. Cũng có thể sao ma hoàng tới nóng, rồi đổ mật ong vào; tiếp tục sao khô.

4. Ma hoàng vi sao.

Lấy ma hoàng cắt đoạn sao qua cho khô

5. Ma hoàng tẩm giấm.

Ma hoàng 10 kg

Giấm ăn 2 kg

Sau khi trộn đều, ủ 30 phút sao khô.

*** Công dụng:** Ma hoàng có tác dụng phát hãn giải biểu hàn nên được dùng để trị bệnh cảm mạo phong hàn. Do có tác dụng bình suyễn nên còn được dùng để chữa bệnh hen phế quản. Rễ ma hoàng dùng trị bệnh ra nhiều mồ hôi.

MÃ ĐỀ

Herba sem Semen Plantaginis

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây Mã đề - *Plantago major* L. var. *asiatica* Decaisne. Họ Mã đề - *Plantaginaceae*.

1. Rửa sạch đất cát, cắt bỏ rễ; cắt từng đoạn 3-5cm. Phơi khô. Nếu có cây khô rửa sạch, để ráo nước rồi tiến hành cắt đoạn như trên. Phơi khô.

2. Vi sao.

Dùng nhỏ lửa sao qua cho khô. Riêng đối với hạt mã đề (sa tiền tử) có thể sau khi loại đất cát phải xát bỏ màng ngoài. Tránh dùng nước vì chất nhầy trong hạt tan ra, làm hạt vón lại thành từng khối. Có thể tiến hành một số cách chế biến sau:

2.1. Sao nổ:

Dùng nhỏ lửa sao đến khi hạt phồng lên; hoặc sao đến khi hạt có tiếng nổ lách tách; chuyển màu đen nâu.

2.2. Sao cháy:

Tiến hành ở nhiệt độ khoảng 120°C; sao đến khi hơi có mùi cháy.

3. Sa tiền tử trích rượu.

Sa tiền tử	10 kg
------------	-------

Rượu	2 kg
------	------

Trộn đều rượu vào sa tiền tử cho thấm đều. Dùng nhỏ lửa sao đến khi phồng lên. Cũng có thể sao phồng hạt rồi phun rượu vào; sao tới khô

4. Sa tiền tử trích muối.

Sa tiền tử	10 kg,
------------	--------

Muối ăn	100g.
---------	-------

Nước vừa đủ.

Pha muối đủ để tắm ẩm sa tiền tử. Dùng nhỏ lửa sao đến khi phồng lên; có mùi thơm. Hoặc sao tới khi hạt phồng lên thì vẩy nước muối vào; sao tiếp tới khi khô.

* **Công dụng:** Sa tiền (kể cả hạt) có tác dụng lợi niệu thông lâm, dùng cho các bệnh tiểu đở, tiểu buốt; nói chung là bệnh viêm nhiễm đường tiết niệu; kể cả sỏi tiết niệu. Chế muối tăng lợi tiểu. Chế rượu tăng tác dụng bổ của thuốc.

MÃ XỈ HIỆN (*Rau xam*) ***Herba Portulacae***

Toàn cây Rau xam - *Portulaca oleraceae* L.

Họ Rau xam - *Portulacaceae*.

- Sau khi thu hái rửa sạch đất cát, loại bỏ tạp chất. Thái đoạn 3 - 5cm. Phơi khô. Có thể sau khi rửa, ngâm với nước sôi 10 phút vớt ra, để ráo nước, cắt đoạn. Phơi khô.

Đồ rồi cắt đoạn. Đồ tới khi có hơi bốc lên hoặc đồ tới chín. Đổ ra để nguội, cắt đoạn như trên. Phơi khô.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng thanh nhiệt giải độc. Có thể dùng tươi dưới dạng giữ lấy nước hoặc sắc uống để trị các bệnh kiết lỵ, táo bón hoặc mụn nhọt....

MÃ TIÊN THẢO (*Cỏ roi ngựa*) ***Herba Verbenae***

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây. Mã tiên thảo - *Verbena officinalis* L. Họ cỏ Roi ngựa - *Verbenaceae*.

1. Sau khi thu hái, rửa sạch đất cát, loại rễ, loại bỏ tạp chất, để ráo nước cắt đoạn 3-5cm. Phơi khô. Nếu có cây khô sẵn, đem rửa sạch, bỏ rễ, rồi cắt đoạn như trên.

2. Sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi vị thuốc khô hơi vàng là được.

*** Công dụng:** Vị thuốc có tác dụng phá huyết thông kinh, được dùng trong các bệnh huyết ứ, các bệnh mụn nhọt lở ngứa, còn dùng để chữa sốt rét.

MẠCH MÔN

Radix ophiopogi

Rễ phơi hay sấy khô của cây Mạch môn đông -

Ophiopogon Japonicus (Thunb) Ker. Gawl. Họ Mạch môn - Haemodoraceae.

1. Sau khi thu hoạch, rửa sạch đất cát, cắt bỏ 2 đầu re. Phơi khô. Hoặc trước khi phơi đem đồ chín. Phơi khô.

Mạch môn bỏ lõi, rửa nhanh, để ráo nước, tước bỏ lõi. Phơi khô.

2. Mạch môn sao.

Dùng nhỏ lửa, sao tới khi toàn bộ rễ trương nở có mùi thơm dịu. Có thể sao cách cát để toàn bộ rễ xốp phồng đều, mùi thơm.

3. Chu mạch môn.

Mạch môn (bỏ lõi) 10 kg

Chu sa (bột chế theo phương pháp thủy phi) 100g.

Trước tiên thêm nước lã vào mạch môn để làm ẩm, vẩy đều chu sa vào; vừa vẩy vừa lắc. Phơi âm can tới khô.

*** Công dụng:** Mạch môn là thuốc bổ âm; dùng khi âm hư hoặc phế âm hư gây ho đờm nhiều, miệng khô khát, ít

sữa. Khi sao chế làm giảm tính mát của vị thuốc. Trộn với chu sa tăng tác dụng bổ âm, dưỡng tâm an thần.

MẠCH NHA

Fructus Hordei

Hạt Lúa mạch - *Hordeum vulgare* L. Họ Lúa Poaceae.

1. Ủ mầm.

Lấy hạt lúa đại mạch, sảy sạch cho vào nước lã ngâm, đãi bỏ vỏ trấu và tạp. Vớt ra để ráo nước. Ủ 5-6 ngày, mỗi ngày vẩy vào một ít nước để giữ độ ẩm. Khi mầm mọc dài; phơi khô hoặc sấy nhẹ cho khô.

2. Mạch nha sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao vàng hoặc hơi vàng toàn hạt mạch phồng lên, có mùi thơm cháy là được.

3. Mạch nha sao cám.

Dùng lượng cám vừa đủ cho vào nồi, rang nóng tới bốc khói. Cho mạch nha vào, đảo đều đến khi có màu vàng kim, có mùi thơm. Rây bỏ cám.

4. Mạch nha sao cháy.

Cho mạch nha vào nồi, sao đến khi hơi cháy.

* **Công dụng:** Mạch nha là thuốc tiêu đạo; dùng trong các trường hợp bụng có đầy tích, tiêu hóa kém. Do có tác dụng giảm sữa; có thể dùng trong trường hợp cai sữa.

MAI MỰC (Ô tặc cốt) ***OS sepiae***

Là mai Cá mực - *Sepia esculenta* Hoyle. Họ Cá mực - Sepiadae.

Có thể thu nhặt các mai cá mực dạt vào bãi biển; hoặc sau khi chế biến cá mực có thể lấy mai làm thuốc.

1. Trước tiên rửa sạch mai mực, phơi khô hoặc sấy khô.

- Tách bỏ lớp vỏ cứng ở mai; ngâm nước vo gạo 36 giờ; hàng ngày thay nước vo gạo. Rửa lại; sau đó đem luộc hoặc đồ 1 giờ. Phơi hặc sấy khô.

- Dùng dao cắt nhỏ hoặc đập vụn; sao qua; tán bột; sấy khô.

2. Mai mực trích giấm.

Dùng mai mực đã chế biến như trên 10 kg; giấm 2 kg.

Tắm đều giấm vào mai mực để hút hết; sao khô, tán bột.

* **Công dụng:** Dùng mai mực điều trị các bệnh đau dạ dày do dịch vị quá nhiều. Còn dùng cho các bệnh di tinh, đái hạ, thổ huyết, máu cam. Chế với giấm tăng tính thu liễm cố sáp dùng để sáp tinh và mụn nhọt khó liền miệng.

MẠN KINH TỬ (Quan âm biển) ***Fructus Viticis***

Dùng quả chín của cây Mạn kinh - *Vitex trifolia* L. hoặc cây *V. trifolia* L. var. *simplicifolia* Cham. Họ Cỏ roi ngựa - Verbenaceae

1. Mạn kinh sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi khô hơi vàng có mùi thơm, xát bỏ sàng sảy các màng trắng bên ngoài.

2. Mạn kinh sao cháy.

Dùng lửa to sao mạn kinh tới khi toàn bộ quả bị đen, màng bên ngoài bị cháy. Sảy bỏ màng cháy và tro bụi.

3. Mạn kinh tử tẩm rượu.

Sau khi tẩm rượu; ủ 30 phút; dùng nhỏ lửa sao đến khi các màng ngoài bong ra. Cũng có thể sao mạn kinh tử trước; đến khi bong các màng, phun rượu vào. Sao tiếp tới khô; chà xát, sàng sảy, bỏ màng.

4. Mạn kinh tử đồ rượu.

Dem mạn kinh chà xát sàng sảy hết các đài quả; tẩm rượu, ủ 30 phút; sau đồ 3 giờ liền.

5. Mạn kinh tử tẩm mật ong.

Dem mạn kinh tử sao nóng, thêm mật ong vào, đảo đều, tới lúc sờ không dính tay.

*** Công dụng:** Dùng khi phong nhiệt phạm biểu dẫn đến sốt đau đầu; hoặc dùng trong các trường hợp đau đầu chóng mặt, đau mắt, chân tay đau nhức, tê bì, co giật.

MANG TIÊU

Natrium Sulfuricum

Chế mang tiêu tinh khiết.

Trước hết lấy củ cải thái khúc, nấu lấy nước. Cứ 10 kg bì tiêu (tức mang tiêu thô mới khai thác về) dùng 2 kg củ cải.

Sau đó cho bì tiêu vào nước củ cải, đun sôi 3-4 giờ để hoà tan hết; vớt các tạp hữu cơ nổi lên. Lọc qua vải; dịch lọc đựng trong thạp sành hay chậu nhựa. Đến khi nguội tinh thể natri sulfat tách ra. Gạn lấy tủa này; phơi khô. Cũng có thể tiến hành như trên, song đem bì tiêu và củ cải cùng nấu cho hoà tan hết bì tiêu. Lọc; để nguội, natri sulfat sẽ tách ra. Tách riêng, phơi khô. Để thu được các tinh thể nhỏ mịn (huyền minh phấn); người ta tiến hành chế tỷ mỉ hơn. Phương pháp này dùng lượng bì tiêu và lượng củ cải bằng nhau. Cũng nấu chung như trên; sau khi bì tiêu tan hết, củ cải cũng như. Lọc sang chậu sành. Đặt chậu nơi thoáng gió, cho bay hơi từ từ; lần lượt vớt các tinh thể natri sulfat kết tinh thành lớp váng nổi lên. Phơi khô.

*** Công dụng:** Là thuốc tả hạ.

Dùng để thông đại tiện khi đại tràng thực nhiệt, táo bón nặng.

MẦN TRẦU (*Cỏ mần trầu*) ***Herba Cynosuri***

Dùng toàn cây cỏ Mần trầu - *Cynosurus indica* L. (*Elcusine indica* (L.) Gaertn. Họ Lúa - Poaceae.

Nhổ toàn cây, rửa sạch đất cát, loại bỏ tạp bẩn, cắt thành đoạn 3-5cm. Phơi khô. Nếu có cây khô sẵn, thì rửa sạch; để ráo nước, cắt đoạn phơi khô hay sấy khô.

Vì sao hoặc sao vàng trước khi dùng.

*** Công dụng:** Là vị thuốc có tác dụng thanh nhiệt, mát gan thường được dùng trong các trường hợp sốt không ra được

mồ hôi, sốt rét. Còn dùng để chữa cao huyết áp có thể dùng khô hoặc tươi.

MẪU ĐƠN BÌ

Cortex Paeoniae (Cortex Mountan)

Vỏ rễ của cây Mẫu đơn bì - *Paeonia suffruticosa* Andr. Họ Mao lương - Ranunculaceae.

1. Rửa sạch đất bẩn, bỏ lõi, cạo vỏ, phơi khô.

2. Mẫu đơn bì sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi toàn bộ bên ngoài vỏ có màu vàng.

3. Mẫu đơn bì sao đen.

Cho mẫu đơn bì vào nồi, đã rang tới nhiệt độ khoảng 120°C; sao đến khi hơi cháy đen

4. Mẫu đơn bì sao cháy.

Dem mẫu đơn bì sao ở nhiệt độ 180°C - 200° C, đến khi toàn bộ đen hơi cháy.

5. Mẫu đơn bì tẩm rượu.

Mẫu đơn bì	10 kg.
------------	--------

Rượu	2 kg.
------	-------

Tẩm rượu đều vào mẫu đơn bì. Để yên 1 giờ cho hút hết rượu và mẫu đơn bì mềm ra. Phơi âm can.

6. Mẫu đơn bì tẩm máu ba ba (miết huyết).

Dùng máu ba ba tươi trộn đều vào mẫu đơn bì. Phơi âm can.

* **Công dụng:** Do có tác dụng thanh nhiệt lương huyết, mẫu đơn bì được dùng trong các bệnh xuất huyết, thổ huyết, máu cam. Do có tác dụng hoạt huyết nên được dùng khi kinh bế, hòn cục. Sao rượu để tăng hoạt huyết. Sao cháy tăng tác dụng cầm máu.

MẪU LỆ

Choncha ostreae

Dùng vỏ đã phơi khô của con Hàu ống, Hàu trường - *Ostrea gigas* thunb hoặc *O. rivularis* Gould. Họ Mẫu lệ - *Ostreidae*.

1. Trước hết đem mẫu lệ ngâm, rửa sạch cẩu bẩn bám bên ngoài. Phơi khô.

2. Mẫu lệ nung.

Cho mẫu lệ vào lò nung đến đỏ hoàn toàn, có khi nung đến tro xốp.

3. Mẫu lệ tôi giấm.

Khi nung mẫu lệ đến đỏ hồng, lấy ra nhúng nhanh vào giấm ăn rồi vớt ra ngay.

* **Công dụng:** Mẫu lệ có công năng an thần, nhuận kiên; dùng trong các trường hợp tinh thần bất an hoặc các khối u, đình độc, tràng nhạc, mồ hôi nhiều, di tinh, ợ chua...

MÍA DÒ (Tậu chó)

Rhizoma Costi

Dùng thân rễ của cây Mía dò - *Costus speciosus* Smith, C. Loureiri Horan. Họ Zingiberaceae.

1. Rửa sạch thân rễ, cắt bỏ rễ con; thái phiến lát. Phơi khô hay sấy khô. Nếu có thân rễ khô, phải ngâm rửa sạch đất cát, cắt bỏ rễ con. Để ráo nước; có thể ủ cho mềm rồi thái phiến như trên. Phơi khô hoặc sấy khô nhẹ.

2. Sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi bề mặt phiến có màu hơi vàng hoặc vàng.

* **Công dụng:** Mía dò được dùng để chữa sốt, hoặc làm ra mồ hôi khi cảm mạo; nhiều nơi làm thuốc bổ dưới dạng ngâm rượu. Còn có thể dùng ngọn cành non tươi nướng lên vắt lấy nước chữa đau tai đau mắt.

MIẾT GIÁP (Mai ba ba)

Carapax Trionycis

Là mai của con Ba ba - *Trionyx sinensis* Wiegmann. Họ Ba ba - Trionychidae

1. Miết giáp bỏ màng.

Đào hố sâu, cho mai ba ba xuống, lấp đất lên. Dội nước, sau đó cứ 4 ngày lại dội nước một lần. Một tháng sau đào lên ngâm, cạo rửa hết phần màng, thịt bám vào xương. Cũng có thể đem miết giáp ngâm nước nhiều ngày, thỉnh thoảng (vài ngày) thay nước một lần, ngâm khoảng 15 ngày đến 1 tháng.

Mùa hè ngâm nhanh hơn; ngày thay nước một lần. Sau đó cạo rửa sạch màng và thịt. Cũng có thể cho miết giáp vào ang to, đổ đầy nước đầy thật kín. Để phơi nắng to nhiều ngày (4-5 tuần) cho màng và thịt tách ra. Đồ ra cạo rửa sạch màng và thịt; sau khi ngâm rửa sạch như trên; đem phơi khô.

2. Miết giáp sao vàng.

Lấy miết giáp, đập vỡ ra nhiều mảnh. Dùng nhỏ lửa sao đến khi có màu vàng đậm.

3. Miết giáp trích giấm.

Miết giáp	10kg.
-----------	-------

Giấm	2kg.
------	------

Dem giấm trộn đều vào miết giáp; ủ 30 phút. Sao tới khô hoặc hơi vàng.

4. Miết giáp tôi giấm.

Miết giáp	10kg.
-----------	-------

Giấm	2kg.
------	------

Trước hết đem miết giáp sao cát cho tới khi có màu vàng. Lấy vớt sắt hớt miết giáp ra lặt cho sạch cát; sau đó cho ngay vào giấm; đảo đều, rồi lấy ra phơi khô.

5. Miết giáp tôi giấm - rượu.

Miết giáp	10kg.
-----------	-------

Giấm	1kg.
------	------

Rượu	1kg.
------	------

Trước hết cũng sao miết giáp cách cát đến khi có màu vàng đậm; lấy ra cho vào giấm - rượu, đảo đều. Vớt ra phơi khô.

* **Công dụng:** Dùng miết giáp điều trị các bệnh cốt chùng (đau nóng trong xương) chữa sốt rét lâu ngày. Còn chữa u nhọt, phụ nữ bế kinh

MỎ QUẠ (*Xuyên phá thạch*) ***Herba Cudraniae***

Dùng rễ, lá cây Mỏ quạ - *Cudrania cochinchinensis* (Lour) C. *tricuspidata* (carr) Bur. Họ Dâu tằm - Moraceae

1. Sau khi đào lấy rễ rửa sạch thái phiến hoặc sấy khô. Nếu có sẵn rễ khô, cần ngâm cho mềm, rửa sạch, ù; rồi thái phiến lát như trên. Phơi khô.

2. **Mỏ quạ thái phiến** có màu hơi vàng hoặc vàng là được.

* **Công dụng:** Rễ, lá chữa phong thấp, đau xương cốt. Có thể dùng tươi hoặc khô nấu thành cao mềm bôi các vết thương hở miệng để chóng lên da non. Rễ dùng chữa ho; hoặc tiêu độc, trị mụn nhọt.

MỘC MIẾT TỬ (*Hạt gấc*) ***Semen Momordicae.***

Là hạt quả lấy từ Cây gấc - *Momordica cochinchinensis* (Lour) Spreng. Họ Bí - Cucurbitaceae.

1. **Chế nhân mộc miết.**

Sau khi bóc bỏ màng, phơi khô. Đem sao ở nhiệt độ 100 - 150°C đến khi vỏ ngoài khô nứt lách tách. Bóc bỏ vỏ cứng

bên ngoài ta được nhân. Cũng có thể nướng hạt khi cháy vỏ; bóc lấy nhân.

2. Mộc miết sao.

Sao nhỏ lửa, từ từ đến khi hạt có màu vàng đậm, hết dầu

3. Mộc miết sao cát.

Sao nhỏ lửa đến khi hạt có màu vàng đậm. Rây bỏ cát.

4. Mộc miết sương.

Trước hết đem nhân hạt gác giã nhỏ, dùng giấy bản gói kỹ lại, đặt trên một bản kim loại phẳng; để trên cạnh lò nóng; ép cho chảy dầu cũng có thể đồ nhân đã tán nhỏ tới khi nóng già, đem gói vào vải thô. Ép nóng để khô ta được sản phẩm là mộc miết sương.

* **Công dụng:** Dạng sống dùng ngoài dưới dạng trộn với giấm thành bột nhào; hoặc ngâm rượu bôi, chữa mụn nhọt đinh độc, cơ sừng tấy. Dạng đã sao chế hoặc chế sương trị cam tích, tả lỵ. Liều lượng 0,8 - 1,2 gam.

MỘC HOA TRẮNG (*Thường mực lá to*) ***Cortex Holarrhenae***

Dùng hạt hoặc vỏ cây Mộc hoa trắng

Holarrhena antidysenterica Wall. Họ Trúc đào - Apocynaceae.

1. Vỏ cây có thể bóc ở thân hoặc cành to. Cạo bỏ lớp vỏ bên ngoài, thái phiến dài 3-5cm, dày 1-3mm. Phơi khô. Nếu có vỏ khô sẵn, cần rửa sạch, ủ mềm rồi thái phiến như trên. Phơi khô hay sấy khô.

2. Mộc hoa trắng sao vàng.

Có thể tiến hành sao vàng với hạt của mộc hoa trắng hoặc với mộc hoa trắng phiến tới khi bề mặt phiến có màu hơi vàng là được

* **Công dụng:** Mộc hoa trắng được dùng để chữa bệnh đường ruột như bệnh lỵ amíp.

MỘC HƯƠNG BẮC (*Vân mộc hương*) *Radix Saussureae*

Dùng rễ của cây Vân mộc hương hay Xuyên mộc hương - *Saussurea lappa clarke*. Họ Cúc - Asteraceae

1. Sau khi thu hoạch, rửa sạch đất cát cạo bỏ vỏ ngoài. Phơi khô hay sấy nhẹ cho khô.

2. Mộc hương phiến.

Lấy rễ mộc hương khô, rửa sạch, để ráo nước, ủ mềm 1 giờ - 2 giờ thái phiến lát dài 3-5cm, dày 1-3mm. Phơi khô.

3. Vi sao mộc hương phiến.

Dùng nhỏ lửa sao qua mộc hương phiến tới khô là được.

* **Công dụng:** Là thuốc hóa thấp; có thể dùng cho các bệnh đại tràng thấp nhiệt, đau bụng, đại tiện nát lỏng. Còn dùng trị đau bàng quang; tiểu tiện bí, đái dắt.

Ngoài vị thuốc mộc hương Bắc nói trên, còn có vị thuốc mang tên mộc hương Nam, lấy từ vỏ cây rut. Họ cam - Rutaceae. Vỏ cây rut thường dày và giòn; khi chế biến cần ngâm mềm, bỏ phần ngoài, rồi thái phiến. Phơi khô; hay sấy khô. Khi dùng có thể sao qua.

MỘC QU

Fructus chaemomelis

Là quả chín bỏ hạt của cây Mộc qua - *Chaemonmeles lagenaria* (Lois) Koidz. Họ Hoa hồng - Rosaceae

1. Mộc qua phiến.

Trước hết ngâm vào nước, rửa sạch. Vớt ra ủ mềm bóp dọc củ, tách hết hạt ra; thái thành phiến dày 1 cm theo chiều ngang. Phơi khô.

2. Chưng rồi thái.

Quả mộc qua đem rửa sạch, ngâm mềm; đồ kỹ. Nhân lúc còn nóng thái phiến 5mm - 10mm theo chiều ngang. Phơi khô

3. Mộc qua sao.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi hơi cháy cạnh.

* **Công dụng:** Dùng mộc qua trị bệnh đau nhức xương khớp tê thấp, nhức mỏi gân cơ. Còn dùng để chữa ho lâu ngày.

MỘC THÔNG

Caulis Akebiae Hoặc Caulis Clematidis

Dùng thân leo của cây *Akebia quinata* (thunb) Decne A. *trifoliata* (Thunb). Họ Mộc thông - Aristolochiaceae hoặc *Clematis sinensis* Osbeck. Họ Mao lương - Ranuncutaceae.

1. Mộc thông phiến.

Sau khi thu hái, cắt bỏ cành lá, cạo bỏ vỏ ngoài, thái phiến vát cành lá, cạo bỏ vỏ ngoài thái phiến vát dài 3-5,

rộng 3-5mm. Nếu đã có dược liệu khô sẵn thì ngâm ủ mềm, cạo bỏ vỏ ngoài thái phiến vát như trên.

2. Mộc thông sao.

Lấy mộc thông phiến sao khô hoặc tới hơi vàng là được.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng lợi niệu, lợi sữa, chỉ thống; dùng trong các bệnh phù thũng, đau xương cốt; tiểu tiện bí dất, tiểu đỏ; còn dùng thông tía sữa khi bị viêm tắc.

MỘT LÁ (*Thanh thiên quỳ*) *Herba Nervilitis*

Dùng toàn cây Một lá - *Nervilis fordii* (Hance) Schultze.
Họ Lan - Orchidaceae

1. Sau khi thu hái, với lá ngắt riêng, rửa sạch phơi khô, hoặc đồ chín phơi khô; hoặc rửa sạch vò cho tròn thành cục, phơi khô. Với thân rễ rửa sạch cắt bỏ rễ con; để ráo nước; thái phiến dày 1-3mm. Phơi hoặc sấy khô. Nếu có dược liệu sẵn thì ngâm nước cho mềm rồi thái phiến như trên.

2. Vi sao lá thanh thiên quỳ.

Dùng nhỏ lửa sao qua cho khô là được

3. Sao vàng.

Dùng phiến thân rễ một lá sao tới khi khô hoặc hơi vàng.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng thanh phế nhiệt; do đó có thể dùng chữa ho do phế nhiệt, ho lao. Lá dùng ngoài chữa mụn nhọt.

MÙI (*Hồ tuy*) *Herba Coriandri*

Dùng bộ phận trên mặt đất, cả quả của cây Múi - *Coriandrum sativum* L. Họ Hoa tán - Apiaceae

- Quả mùi - *Fructus Coriandri*

- Sau khi thu hái quả mùi, đem phơi khô; khi dùng sao qua. Hoặc sao vàng thơm rồi tán thành bột.

* **Công dụng:** Với bộ phận trên mặt đất (trừ quả) có thể dùng trị các bệnh đầy bụng, đau bụng do cảm mạo phong hàn. Còn dùng trị bệnh tiểu tiện bí. Hạt mùi dùng trị bệnh ỉa chảy, viêm da thần kinh; hoặc thuốc chữa rắn cắn.

MƯỚP

Dùng xơ (ty qua lạc) hoặc lá Cây mướp - *Luffa cylindrica* (L.) Roem. Họ Bí - Cucurbitaceae

1. Chế xơ mướp.

Lấy quả mướp già, bỏ vỏ ngoài, bỏ hạt ta được xơ mướp. Cũng có thể đem quả mướp già, ngâm ngập trong nước nhiều ngày. Khi vỏ quả nhũn ra, đem rửa sạch bỏ hạt. Phơi khô hoặc sấy khô. Xơ mướp cắt khúc; dùng dao cắt vuông góc, được các khúc 0,5 - 1cm.

2. Xơ mướp sao.

Đem các khúc xơ mướp, sao lửa nhỏ đến khi vàng hơi đen là được.

3. Xơ mướp nung cháy.

Trước hết cho xơ mướp thái khúc trên vào một cái nồi, phía trên dầy một nồi khác. Dùng đất sét trát kín miệng nồi. Mặt nồi trên đặt một tờ giấy. Đặt nồi đựng xơ mướp lên lò than; đến khi tờ giấy trên mặt nồi có màu vàng đen thì ngừng lại.

*** Công dụng:** Xơ mướp có tác dụng thông kinh hoạt lạc, hành huyết; được dùng trong bệnh phong thấp đau nhức gân cốt, cơ nhục. Còn có tác dụng trừ đờm chỉ ho. Xơ mướp sao cháy trị băng lậu, tiểu tiện ra huyết. Lá mướp bánh tẻ phơi khô, sao qua dùng cho bệnh hen. Quả mướp non, nướng chín cũng dùng cho bệnh hen phế quản.

MĂNG CỤT

Pericarpium Garciniae

Dùng vỏ quả cây Măng cụt - *Garcinia mangostana* L. Họ Bứa - *Guttiferae*.

1. Lấy vỏ quả thái nhỏ; phơi khô.

Nếu có vỏ khô, rửa sạch; để ráo nước, thái nhỏ, phơi hoặc sấy khô.

2. Sao vàng.

Dem vỏ quả đã thái nhỏ sao tới khô vàng.

3. Sao sém cạnh.

Dùng lửa to sao tới khi vỏ quả có màu vàng đậm, cạnh hơi đen.

*** Công dụng:** Dùng trong các bệnh ỉa chảy, lỵ. Sao sém cạnh dùng khi đi ỉa có máu.

NAM TRUẬT (*Thổ tam thất*)

Radix Gynurae

Dùng rễ củ cây Nam truật - *Gynura pseudochina* DC. Họ Cúc - Asteraceae

1. Nam truật phiến.

Sau khi thu hái rửa sạch, cắt bỏ rễ con; để ráo nước, thái phiến dày 2-4mm. Vì củ có nhiều nhánh nên cần lựa sao cho thái được phiến có thiết diện lớn. Phơi khô hoặc sấy khô. Nếu có sẵn rễ củ khô, cần rửa sạch, ủ mềm; thái phiến như trên. Phơi khô.

2. Nam truật sao vàng.

Dùng lửa nhỏ sao đều đến khi bề mặt có màu hơi vàng hoặc vàng kim.

3. Nam truật sao cám.

Rang cám nóng già, bốc khói trắng; cho nam truật phiến vào sao tới khi toàn bộ phiến có màu vàng kim. Đổ ra xát bỏ hết cám.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng kiện tỳ, dùng trong các bệnh đường tiêu hoá, viêm loét dạ dày tá tràng. Còn dùng để điều kinh cho phụ nữ hoặc thuốc bổ cho phụ nữ sau sinh.

NGA TRUẬT (*Nghệ đen*)

Rhizoma Curcumae zedoariae.

Thân rễ cây Nga truật - *Curcuma zedoaria* Roscoe.
Họ Gừng - Zingiberaceae.

1. Nga truật phiến.

Sau khi đào lấy thân rễ, rửa sạch, cắt bỏ rễ con; để ráo nước; thái phiến mỏng 2-5mm. Phơi khô hoặc sấy khô. Nếu có sẵn rễ khô thì ngâm nước 1 - 4 giờ ủ mềm 4-5 giờ; thái phiến như trên. Phơi khô. Có thể lấy nga truật lược với giấm, cứ 10 kg nga truật dùng 5 kg giấm. Đun tới khi giấm hút hết vào nga truật; đồ ra thái phiến, phơi khô có thể chỉ ngâm giấm một ngày; thái phiến. Phơi khô.

2. Nga truật sao.

Dùng nhỏ lửa sao nga truật phiến đến khô; có điểm cháy là được.

3. Nga truật trích giấm.

Lấy nga truật phiến tẩm với giấm.

Nga truật	10kg
-----------	------

Giấm	2 kg
------	------

Tẩm giấm vào nga truật, trộn đều; để hút hết giấm khoảng 1 giờ. Sau sao khô; hoặc sao nga truật phiến tới nóng già, thêm giấm vào vừa sao vừa đảo đều; đến khi khô hơi vàng; có những điểm cháy là được.

4. Nga truật trích đồng tiện.

Sau khi trích đồng tiện ủ 1 giờ; sao tới khô là được.

*** Công dụng:** Nga truật là thuốc hoạt huyết hóa ứ dùng trong các các bệnh huyết ứ ở tạng phủ; bế kinh, có kinh đau bụng. Còn chữa đau bụng hoắc loạn; hoặc chấn thương bầm tím sưng đau. Chế giấm tăng nhập kinh can; tăng tác dụng giảm đau và hoạt huyết.

NGẢI DIỆP (Ngải cứu)

Herba Artemisiae

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây Ngải cứu - *Artemisia vulgaris* L. Họ Cúc - Asteraceae.

Sau khi thu hái, rửa sạch, bỏ rễ, cắt đoạn 3-5cm. Phơi khô. Nếu có sẵn ngải khô, cần rửa sạch bỏ rễ rồi tiến hành như trên.

1. Ngải diệp sao.

Dùng nhỏ lửa sao ngải diệp tới khô, hơi vàng

2. Ngải diệp sao cháy.

Lấy ngải diệp cho vào nồi, sao đến khi có màu đen; vẩy vào ít nước để trừ hỏa độc.

3. Ngải diệp trích mật.

Ngải diệp 10 kg.

Mật ong 2kg

Dem mật ong pha loãng, đun tới lúc sôi; cho ngải diệp vào đảo đều. Sao tiếp cho đến khi khô vàng, sờ không dính tay là được.

4. Ngải diệp trích giấm.

Ngải diệp 10kg

Giấm 1kg-2kg

Trộn đều ngải diệp với giấm để 30 phút cho hút hết giấm. Sao tới đen thì phun giấm vào; đảo đều tới khô.

5. Ngải diệp trích rượu.

Ngải diệp 10kg

Rượu 1,5kg - 2kg

Sau khi trộn đều, sao tới đen; hoặc sao ngải diệp tới đen thì phun rượu vào vẩy ít nước trừ hỏa độc.

6. Ngải diệp chưng với rượu, giấm, gừng, muối ăn.

Ngải diệp	10kg
Rượu, giấm mỗi thứ	1kg,
Gừng tươi	2kg
Muối ăn	80g

Dem gừng rửa sạch, thái lát rồi giã, vắt lấy dịch; thêm nước vài lần vắt lấy hết dịch gừng; hoà tan muối vào dịch gừng. Trộn đều dịch gừng vào rượu và giấm. Dùng hỗn dịch này trộn với ngải cứu. Ủ 1giờ cho mềm, rồi chưng 1giờ; đổ ra phơi khô.

* **Công dụng:** Là thuốc có tác dụng chỉ huyết, ấm kinh diệu tử cung. Khi dùng sống mang tính ôn kinh thông lạc. Khi sao chế làm diệu co bóp tử cung an thai, chế giấm thu liễm, chỉ thống. Sao cháy tán hàn, chỉ huyết; dùng trong các bệnh chảy máu nội tạng.

NGHỆ (Khuông hoàng) ***Rhizoma Curcumae longae***

Dùng thân rễ (Khuông hoàng); củ nhánh (uất kim) của cây Nghệ - *Curcuma longa* L. Họ Gừng - *Gingiberaceae*.

1 Khuông hoàng thái phiến.

Sau khi đào lấy thân rễ rửa sạch, cắt bỏ rễ con; để ráo nước; thái phiến lát. Phơi khô hay sấy khô. Nếu có củ khô thì ngâm rửa sạch cắt bỏ rễ con ủ mềm, thái phiến. Phơi khô.

2. Uất kim thái phiến.

Với uất kim cũng tiến hành như trên để có uất kim phiến. Cũng có thể đem uất kim ngâm với giấm 2 ngày cho mềm (cứ 10 kg uất kim, dùng 1kg giấm, thêm nước vừa đủ để ngâm đến khi giấm bị hút khô). Dem đồ tới chín mềm; thái phiến. Phơi khô. Có thể luộc uất kim với giấm rồi thái phiến.

3. Sao uất kim với giấm.

Uất kim	10kg
Giấm	1,5 - 2kg

Sau khi tẩm đều, để hút hết giấm 30 phút. Dùng nhỏ lửa sao tới khô là được.

4. Uất kim phiến sao vàng.

Dem uất kim phiến sao đến khi có màu vàng thẫm là được.

5. Uất kim chế với phèn chua.

Lấy uất kim phiến tẩm nước phèn chua với tỷ lệ 10kg uất kim 0,1kg phèn chua, nước vừa đủ. Sau khi tẩm nước phèn chua; để ủ 1giờ; sao tới vàng.

6. Uất kim chế với giấm, phèn chua.

Uất kim	10kg
Giấm	1kg
Phèn chua	0,10kg
Nước vừa đủ	

Trước hết trộn đều uất kim với giấm, thêm ít nước cháo nóng vào; thêm dung dịch phèn chua vào trộn đều; để yên 24 giờ. Dem luộc 24 giờ, đến khi cạn; phơi khô se (còn khoảng 30% nước); ủ mềm 2 ngày. Thái phiến 3-5mm; phơi khô. Cũng có thể làm tương tự song lặp đi lặp lại như vậy 10 ngày liền. Sau thái phiến; phơi khô hoặc sấy khô

*** Công dụng:** Uất kim cố tác dụng hoạt huyết hóa ứ, chỉ huyết; dùng cho bệnh thổ huyết, máu cam, tiểu ra huyết, loét dạ dày tá tràng, kinh nguyệt đau bụng. Khương hoàng cố tác dụng phá huyết; dùng khi có tụ huyết. Ngoài ra còn tác dụng lợi mật, lợi tiểu.

NGỌC TRÚC

Rhizoma polygonati

Dùng thân rễ của cây Ngọc trúc - *Polygonatum officinale* All. Họ Hành - Liliaceae.

Sau khi thu hái rửa sạch thân rễ, cắt bỏ rễ con. Phơi khô kiệt.

1. Ngọc trúc phiến.

Lấy ngọc trúc khô thái phiến lát dài 3-5cm, dày 2-5mm. Phơi khô.

2. Ngọc trúc trích mật ong.

Lấy ngọc trúc phiến tẩm đều với mật cứ 10kg ngọc trúc dùng 1kg hoặc 1,5kg mật ong. Sau khi trộn đều; để ngấm 30 phút, dùng nhỏ lửa sao tới khi có màu vàng, thơm sờ không dính tay là được.

3. Ngọc trúc chưng.

Lấy ngọc trúc rửa sạch đồ 6-8 giờ, ủ 1 ngày đêm. Tiếp tục làm như vậy 2-3 lần đến khi thuốc có màu đen thì lấy ra. Thái khúc dài 2-3cm.

4. Ngọc trúc chế với rượu.

Ngọc trúc	10kg
Rượu	1,5kg

Lấy ngọc trúc rửa sạch, ủ mềm, đồ 8 giờ cho mềm. Lấy ra thái khúc như trên. Thêm rượu và chưng 4 giờ, dùng dụng cụ bằng đồng hoặc nhôm để đựng. Sau đó đổ ra phơi khô là được.

* **Công dụng:** Ngọc trúc có tác dụng bổ âm, sinh tân chỉ khát; dùng trong các trường hợp âm hư phiền khát. Còn dùng để bổ phế chữa ho.

NGÔ CÔNG (*Con rết*)

Dùng toàn thân con Rết *Scolopendra morsitans* L. Họ Rết - Scolopendridae

1. Ngô công phơi hay sấy khô.

Dem rết sống cho vào chảo nóng đảo qua cho tái, hoặc đổ rết vào nước sôi làm chết. Phơi khô hay sấy khô. Trước khi tiến hành sao chế cần bỏ đầu, bỏ ruột, bỏ chân và đuôi.

2. Ngô công nướng.

Dem con rết nướng trong than nóng tới khô vàng; sau đó bỏ ruột, đầu, chân, gói trong lá sen tươi rồi nướng đến khi lá sen vàng đi là được.

3. Ngô công sao vàng.

Sau khi bỏ đầu, bỏ ruột, bỏ chân, đuôi, dem ngô công sao nhỏ lửa tới màu vàng, mùi thơm là được.

4. Ngô công tẩm rượu sao.

Dùng rượu 40° tẩm đều, ủ 15 phút - 20 phút. Sao nhỏ lửa tới màu vàng, thơm.

5. Ngô công ngâm rượu.

Cho con rết sống vào rượu cao độ ngâm nhiều ngày.

* **Công dụng:** Ngô công có tác dụng bình can tất phong; dùng trong các bệnh kinh giản bệnh uốn ván co giật. Dùng ngoài, lấy rượu ngâm rết chấm vào mụn nhọt; hoặc dùng bột chế cao dán nhọt.

NGÔ THÙ DU *Fructus Evodiae*

Dùng quả già của cây Ngô thù du - *Evodia rutaecarpa* Benth. Họ Cam - Rutaceae.

1. Ngô thù du ngâm rửa.

Lấy ngô thù du thêm nước sôi ngâm 2 phút; cũng có khi ngâm với nước sôi 60-70°C đến khi nguội gạn nước đi. Làm lại vài lần như vậy. Sấy khô.

2. Ngô thù du chế cam thảo.

Ngô thù du 10kg.

Cam thảo 0,5kg.

Trước hết nấu lấy nước cam thảo; nhân lúc nước còn nóng cho ngô thù du vào ngâm đến khi quả tách ra. Nếu không nứt quả thì đun thêm 5 phút. Lấy ra phơi khô hoặc sao khô. Cũng có thể cho ngô thù du cùng cam thảo đun ngay từ đầu, đến khi nứt ra. Sao phơi khô, bỏ bã cam thảo. Hoặc chỉ ngâm ngô thù du với nước cam thảo. Sao khô.

3. Ngô thù du sao.

Dùng lửa nhỏ sao ngô thù du đến khi quả nứt ra có màu đen cháy. Hoặc sao đến khi quả phồng lên, màu hơi nâu.

4. Ngô thù du trích rượu.

Ngô thù du 10kg.

Rượu 2kg.

Dem ngô thù du ngâm vào rượu 6-12 giờ. Lấy ra để ráo rượu. Sao tới khô.

5. Ngô thù du tẩm giấm.

Ngô thù du 10kg.

Giấm 2kg.

Dem ngô thù du ngâm với giấm 6-12 giờ. Đổ ra để se rồi phơi khô.

6. Ngô thù du trích muối.

Ngô thù du 10kg.

Muối ăn 200g.

Nước vừa đủ.

Phun vẩy đều nước vào ngô thù du, trộn đều; sao khô.

Có thể sao ngô thù du tới thơm, thêm nước muối vào, trộn đều. Sao tới khô.

7. Ngô thù du trích muối, sao cát.

Ngô thù du 10kg.

Muối ăn 80g.

Nước vừa đủ.

Dem ngô thù du sao cát tới khi phồng, bỏ cát. Nhân lúc còn đang nóng, cho nước muối vào trộn đều. Sao khô. Cũng làm tương tự song trước khi sao cát, ngô thù du đã được ngâm với nước cam thảo.

8. Ngô thù du chế gừng.

Ngô thù du 10 kg.

Gừng 10kg.

Rửa sạch gừng, giã vắt lấy nước cốt, thêm nước vừa đủ để ngâm ngô thù du. Vớt ra, phơi khô.

9. Ngô thù du trích với nước hoàng liên.

Ngô thù du 10kg

Hoàng liên 1kg.

Trước hết nấu hoàng liên 30 phút, chắt nước đủ để ngâm đến khi hút hết nước; đem sao khô. Cũng có thể đun hoàng liên 30 phút; sau cho ngô thù du vào, đảo đều, đổ ra, để ráo nước rồi sao khô. Rây bỏ hoàng liên.

*** Công dụng:** Thuốc có tác dụng ôn lý trừ hàn. Dùng ôn trung chỉ thống, xơ gan chỉ môn. Chế với cam thảo để giải độc. Trích nước hoàng liên để chỉ môn. Chế muối trị sán thống. Chế gừng để chỉ thống; với giấm để thư can giảm đau. Chế rượu để chữa tâm phúc khí trệ.

NGŨ BỘI TỬ *Galla chinensis.*

Tổ phơi khô của ấu trùng sâu *Melaphis chinensis* (Bell) Baker ký sinh trên cây Diêm phu mộc - *Rhus semialata* Murr.

1. Lấy được liệu, đập vỡ ra, bỏ tạp chất và sâu, lau sạch lông hoặc rửa sạch. Phơi khô. Cũng có khi ngâm 2 giờ, xát bỏ lông bên ngoài phơi khô; đập vỡ bỏ tạp chất và sâu. Phơi khô.

2. Ngũ bội tử sao vàng.

Ngũ bội tử được đập thành mảnh nhỏ dùng lửa nhỏ sao đều tới khi có màu vàng.

3. Chế ngũ bội tử theo phương pháp "Bách dược".

Bột ngũ bội tử 50kg.

Lá chè	1kg.
Rượu	2,5kg.

Trước hết sắc nước chè, bỏ bã; sau đó cùng với rượu và nước vừa đủ cho vào bột trên trộn đều thành khối mềm. Sau cho vào ang sành; lấy rơm phủ kín. Sau khi lên men, làm thành bánh. Phơi khô. Có thể dùng bột ngũ bội tử 10kg, bột thần khúc 10kg; nước vừa đủ, trộn đều, làm thành khúc. Phơi âm can. Ngoài ra còn có thể chế theo cách sau đây:

Lá chè	10kg
Bông rượu	4kg.

Trước hết lá chè được nghiền nát rồi cho ngũ bội tử và bông rượu vào trộn đều, làm thành khúc. Ủ lên men, phơi khô.

* **Công dụng:** Ngũ bội tử là thuốc có sáp dùng để liễm hãn, chỉ tả, chỉ huyết. Nếu chế bách được, dùng để thanh nhiệt hóa đờm, sinh tân, chỉ khát.

NGŨ GIA BÌ

Cortex Schefflerae octophyllae

Dùng vỏ thân hay vỏ cành đã phơi khô của cây Chân chim - *Schefflera octophylla* Harms. Họ Ngũ gia bì - *Araliaceae*

1. Ngũ gia bì phiến.

Lấy vỏ ngũ gia bì rửa sạch, cạo bỏ lớp bên ngoài, cắt thành từng đoạn rồi thái phiến dày 5mm, dài 3-5cm. Phơi khô.

2. Ngũ gia bì trích rượu.

Ngũ gia bì	10kg	Rượu	2kg
------------	------	------	-----

Dem rượu tẩm vào ngũ gia bì; ủ cho ngấm hết rượu. Phơi âm can

3. Ngũ gia bì sao.

Lấy ngũ gia bì phiến, dùng nhỏ lửa sao đến khi biến màu.

* **Công dụng:** Là thuốc trừ phong thấp; dùng trong các trường hợp nhức gân xương, lưng gối, đau mỏi. Ngoài cây ngũ gia bì chân chim còn dùng vỏ thân cây ngũ gia bì hương *Acanthopanax*; còn dùng vỏ cây *Vitex heterophylla* Roxb họ Cỏ roi ngựa - *Verbenaceae* hoặc *Vitex quinata* Williams cũng với tên ngũ gia bì - cách chế tương tự.

NGŨ LINH CHI *Faeces Trogopterum*

Là phân của một loài Sóc bay - *Trogoperus xanthipes* Milne-Edwards. Họ Sóc bay - *Petauristidae*

Trước hết chọn nhặt, sàng sảy bỏ các tạp chất.

1. Ngũ linh chi sao.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi xuất hiện các điểm cháy hoặc có màu hơi đen.

2. Ngũ linh chi tẩm rượu.

Ngũ linh chi	10kg
--------------	------

Rượu	2kg
------	-----

Dem rượu trộn đều vào ngũ linh chi; để 30 phút cho ngấm hết rượu; dùng nhỏ lửa sao đến khi hơi cháy. Cũng có thể đem ngũ linh chi sao tới khi có màu đen. Đổ ra phun ngay rượu vào, trộn đều. Phơi âm can

3. Ngũ linh chi tẩm giấm.

Ngũ linh chi 10kg

Giấm 2kg

Đem giấm trộn đều vào ngũ linh chi, ủ 30 phút. Dùng nhỏ lửa sao đến khi hơi cháy; hoặc sao ngũ linh chi trước tới khô thì phun giấm vào, tiếp tục sao tới khô hay hơi cháy.

* **Công dụng:** Là thuốc hoạt huyết hóa ứ, dùng để thông kinh hoạt lạc, tán ứ huyết giảm đau trong các bệnh huyết ứ, chấn thương sưng tím đau đớn. Sao chế dùng để cầm máu. Chế giấm tăng tác dụng tán ứ, chỉ thống.

NGŨ VỊ TỬ

Fructus Schizandrae

Là quả chín phơi khô của cây Ngũ vị tử - *Schizandra chinensis* Baill. Họ Mộc lan - *Magnoliaceae*

1. Ngũ vị tử sao.

Lấy ngũ vị tử sao đến khi phồng lên, có màu đen tím.

2. Ngũ vị tử trộn giấm.

Ngũ vị tử 10kg

Giấm 2kg

Thêm giấm vào ngũ vị tử, trộn đều với giấm, ủ mềm. Chưng 3-4 giờ, đến lúc giấm bị hút hết; có màu đen; lấy ra phơi khô.

3. Ngũ vị tử đồ.

Đem ngũ vị tử đồ 2 giờ hoặc 12 giờ đến khi có màu đen. Phơi hoặc sấy khô. Cũng làm như trên song trước khi phơi đem ủ 20 giờ.

4. Ngũ vị tử chế rượu.

Ngũ vị tử 10kg

Rượu 2kg

Dem rượu trộn đều với ngũ vị tử; ủ 30 phút, sao nhỏ lửa tới khô.

5. Ngũ vị tử chưng với rượu.

Ngũ vị tử 10kg

Rượu 2kg.

Sau khi ủ với rượu; chưng 4 giờ tới khi rượu bị ngấm hết, ngũ vị chuyển màu đen. Có thể sau khi ngâm rượu 2-3 ngày, đến khi rượu bị hút hết mới đem chưng 1 ngày đến khi vỏ có màu đen, bên trong hồng đen. Tiếp tục dùng lửa ủ một đêm. Phơi khô.

6. Ngũ vị tử trích mật.

Ngũ vị tử 10kg

Mật ong 2kg

Dem mật ong trộn đều vào ngũ vị tử; dùng nhỏ lửa sao đều, đến khi sờ không dính tay.

7. Ngũ vị tử chưng với mật.

Ngũ vị tử 10kg

Mật ong 2kg

Dem ngũ vị tử trộn đều mật. Đồ đến lúc có màu đen tím. Phơi khô.

Cũng có thể thêm nước vào ngũ vị tử cho mềm, chưng đến khi có màu hồng hơi đen. Thêm mật trộn đều; tiếp tục chưng 8 giờ nữa đến khi quả đen.

8. Ngũ vị tử chưng với rượu và mật ong.

Ngũ vị tử 10kg

Rượu 2kg

Mật ong 2kg

Trước hết đem hoà lẫn rượu với mật ong; đem hỗn dịch này trộn đều vào ngũ vị tử. Chưng 30 phút; lấy ra phơi khô.

*** Công dụng:** Thuốc có tác dụng cố sáp, liễm phế, bổ thận, sinh tân. Dùng sống để chữa ho. Ngũ vị tử chưng để làm thuốc bổ.

Chế rượu bổ thận. Chế giấm liễm phế. Chế mật nhuận phế.

NGƯU BÀNG TỬ

Senmen Arctii

Là hạt chín phơi khô của cây Ngưu bàng - *Arctium lappa* L. Họ Cúc - Asteraceae.

Trước hết rửa sạch, đãi bỏ hạt lép; phơi khô hoặc sấy khô.

1. Ngưu bàng tử sao vàng.

Dem ngưu bàng tử sao nhỏ lửa đến khi hạt phồng lên, màu hơi vàng mùi thơm.

2. Ngưu bàng tử sao đen.

Dun chảo nóng già cho ngưu bàng tử vào đảo đều, đến lúc có màu đen, hơi cháy.

*** Công dụng:** Là thuốc có tác dụng giải biểu nhiệt có thể dùng cho chứng cảm mạo phong nhiệt; còn dùng để chữa mụn nhọt, viêm họng hoặc đi tiểu buốt dắt, nước tiểu đỏ.

NGƯU HOÀNG

Calculus Bovis

Là sạn, sỏi lấy từ túi mật con Bò - *Bostaurus* var. *domesticus* Gmelin hoặc con Trâu - *Bubalus bubalis* L. Họ Trâu bò - Bovidae

Sau khi giết mổ trâu bò, người ta lấy mật của nó, sờ nếu có sỏi thì lấy dao rạch ra, lọc qua vỏ gạc để giữ lại sỏi; lấy bông hoặc vải mềm lau khô nước mật và màng nhầy để tránh ngưi hoàng bị đen. Dùng rượu rửa qua; sau đó tắm nước gừng loãng; đặt ngưi hoàng vào trong vải mềm. Phơi âm can. Sau đó dùng bông sạch, hoặc giấy bóng kính gói lại; cho vào hộp có chất hút ẩm là vôi bột hoặc silicagel.

Khi chế biến cần tránh phơi ở nơi gió mạnh không để ra ánh sáng và không dùng lửa.

Khi dùng đem ngưi hoàng nghiền mịn trong nước, cứ 40g ngưi hoàng dùng 4g nước.

*** Công dụng:** Thuốc có tác dụng thanh nhiệt, lương huyết; dùng trong sốt cao phát cuồng, nói mê sảng, kinh giãn.

NGƯU TẮT

Radix Achiranthis bidentae

Là rễ cây Ngưu tất - *Achiranthos bidentata* Blume. Họ Rau giền - *Amaranthaceae*.

1. Ngưu tất thái phiến hoặc cắt đoạn.

Trước hết rửa sạch, làm mềm, thái phiến lát dày 1-3mm (nếu rễ to); cắt đoạn 3-5mm (nếu rễ nhỏ), có thể trích với rượu rồi sao cám.

2. Ngưu tất sao cám.

Sao cám nóng già, bốc khói trắng; cho ngưu tất phiến vào sao đều đến khi có màu hơi vàng. Rây bỏ cám.

3. Ngưu tất trích rượu.

Ngưu tất	10kg.
----------	-------

Rượu	2kg.
------	------

Ngưu tất phiến sao nóng, phun rượu vào sao đến khô. Hoặc tẩm ngưu tất vào rượu; ủ 30 phút - 1 giờ cho ngấm rượu; sau sao tới khô.

4. Ngưu tất thán.

Đem ngưu tất sao đến khi phía ngoài bị đen hoàn toàn, bên trong vàng đậm; có thể trích rượu sao đen như trên.

5. Ngưu tất sao đen.

Lấy ngưu tất phiến, dùng nhỏ lửa sao cho đến khi xuất hiện các chấm đen.

6. Ngưu tất trích muối.

Ngưu tất phiến	10kg.
----------------	-------

Muối	0.2kg.
------	--------

Muối hoà thành dung dịch đủ để tẩm vào ngưu tất; ủ 30 phút sao khô.

*** Công dụng:** Là thuốc có tác dụng hoạt huyết thông kinh, khứ phong lợi thấp; được dùng trong các bệnh phong thấp đau xương khớp, lưng gối. Chế rượu tăng tác dụng thông kinh hoạt huyết. Chế muối tăng khả năng vào thận, tăng tác dụng mạnh gân cốt.

NHÂN SÂM

Radix ginseng.

Dùng rễ của cây Nhân sâm - *Panax ginseng* C.A.Mey. Họ Ngũ gia bì - *Araliaceae*.

1. Nhân sâm phiến.

Lấy nhân sâm, thêm ít nước ủ mềm; cắt bỏ núm đầu rễ; thái phiến 2-3mm. Phơi khô. Cũng có thể sau khi thêm ít nước ủ 30 phút, rồi đem sấy nhẹ cho mềm ra; rồi tiến hành như trên.

2. Chưng rồi thái.

Dem rễ nhân sâm, tẩm ít nước cho ẩm; đem chưng cho mềm; nhân lúc nóng thái phiến như trên. Phơi khô.

3. Nhân sâm trích gừng.

Nhân sâm phiến	1kg
----------------	-----

Gừng tươi	0,10kg
-----------	--------

Dem gừng rửa sạch, cạo lớp vỏ ngoài; giã nát vắt lấy nước cốt tẩm vào nhân sâm phiến. Ủ 30 phút cho ngấm hết nước gừng. Sao nhỏ lửa đến khô.

*** Công dụng:** Nhân sâm là thuốc bổ khí; dùng cho những người chân khí hư, người yếu mệt hoặc người mới ốm dậy. Chế với gừng làm tăng thêm tính ấm của nhân sâm; dùng thích hợp cho thể tạng hư hàn. Cần cắt bỏ núm rễ vì có khả năng gây nôn.

NHÂN TRẦN

Herba Adenosmae

Là bộ phận trên mặt đất của cây Nhân trần - *Adenosma caeruleum* R. Br. Họ Hoa mõm sói - *Scrophulariaceae*.

Thu hái bộ phận trên mặt đất trước khi cây ra hoa phơi khô. Khi dùng rửa sạch đất cát; loại bỏ tạp bẩn, chặt ra từng đoạn 3-5cm. Phơi khô và sao qua tới khô.

* **Công dụng:** Là thuốc thanh nhiệt táo thấp, được dùng trong các bệnh viêm gan, viêm túi mật, bệnh hoàng đản, kích thích tiêu hoá, ăn ngon cơm. Cần phân biệt với cây Bồ bồ - *Adenosma capillaris* Thunb. Họ Cúc *Asteraceae* cũng là thuốc thanh nhiệt, lợi niệu, trị hoàng đản.

NHỌ NỒI (*Hạn liên thảo, Cỏ nhọ nồi*)

Herba Ecliptae

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây cỏ Nhọ nồi - *Eclipta alba* HassK; Họ Cúc - *Asteraceae*.

- Lấy bộ phận trên mặt đất; nên thu hái trước khi cây ra hoa; phơi khô; khi dùng rửa sạch loại bỏ tạp bẩn, cắt đoạn 3-5cm; sao qua hoặc chấy. Nếu sao chấy thì dùng lửa to sao nhanh, đến khi bên ngoài có màu đen, vị chấy thì phun ít nước để trừ hỏa độc. Đổ ra để nguội.

* **Công dụng:** Là thuốc chỉ huyết, tư âm bổ thận; dùng khi thận âm hư; râu tóc sớm bạc; còn dùng khi xuất huyết nội ngoại. Chế thán để tăng cường chỉ huyết

NHÓT (*Lá nhót*)

Folium Elaeagnus

Dùng lá Cây nhót - *Elaeagnus latifolia* L. Họ Nhót - *Elaeagnaceae*.

Thu hái các lá bánh tẻ dùng khăn lau sạch các lông nhỏ trên mặt lá. Phơi khô. Khi dùng rửa sạch, thái nhỏ, sao vàng.

* **Công dụng:** Lá nhót dùng chữa ho nhiều đờm, dưới dạng sắc đặc uống riêng hay phối hợp với lá táo. Còn dùng để chữa lỵ, chữa cảm sốt.

NHỤC ĐẬU KHẤU

Semen Myristicae

Dùng nhân hạt phơi khô của cây Nhục đậu khấu - *Myristica trragrans* Houtt. Họ Đậu khấu - *Myristicaceae*.

Trước hết đem loại bỏ vỏ quả, lấy áo hạt ngâm muối rồi mới phơi hay sấy khô; sau khi lắc có tiếng kêu lóc cóc mới đem xay hoặc đập tách lấy nhân. Phơi khô nhân.

1. Nhục đậu khấu nướng.

Lấy áo hạt tắm ướn rồi bọc bột mì, hoặc bột hoạt thạch đem nướng; đến khi bột mì cháy (có thể đem sao cát nóng); đập bỏ vỏ lấy nhân, cũng có thể dùng cám gạo bọc thay bột mì, rồi làm như trên.

2. Nhục đậu khấu sương .

Lấy nhục đậu khấu nhân sao nóng, ép bỏ dầu; có thể ép dưới trời nắng to; hoặc cũng có thể đem nhục đậu khấu tán bột; sau gói vào giấy bản rồi ép dầu; bỏ dầu lấy sương.

* **Công dụng:** Là thuốc có tác dụng cố sáp chi tả âm vị hành khí. Chế sương, giảm bớt phần dầu tăng cường sáp trường chỉ tá. Ngoài ra còn dùng với tác dụng kích thích tiêu hoá.

NHỤC THUNG DUNG

Herba Cirtanches

Dùng thân có vẩy của cây Nhục thung dung - *Cirtanches deserticola* Y. C. Ma) họ Lệ dương - *Orobanchaceae*.

1. Nhục thung dung phiến.

Trước hết đem nhục thung dung rửa sạch, ủ mềm, thái phiến, vát dày 1-3 mm. Phơi khô. Cũng có thể sau khi rửa sạch phơi khô, rồi ngâm với rượu cho mềm rồi thái phiến. Phơi khô. Cũng có thể đem chưng với rượu, rồi thái phiến. Phơi khô. Có thể vừa chưng như vậy vừa phơi 4 lần rồi mới thái.

2. Chế với đậu đen.

Trước hết đem nhục thung dung ngâm với nước vo gạo 3 ngày; hàng ngày thay nước, rửa sạch hết vị mặn. Để ráo nước, thái phiến vát dày 1-3mm; lấy đậu đen (tỷ lệ 5kg nhục thung dung, 0,5kg đậu đen) đem sao đậu đen đến mùi thơm, chia 3 phần; mỗi lần đem nấu với nhục thung dung đến cạn nước. Phơi khô se; lại nấu với phần 2 và phần 3. Phơi khô.

* **Công dụng:** Là thuốc bổ dương, bổ thận dương; dùng trong các bệnh liệt dương, sinh dục kém... Ngoài ra còn có tác dụng nhuận tràng.

NỘC SỎI (*Cây ban*) *Herba Hyperici*

Dùng toàn cây Nọc sỏi - *Hypericum japonicum* Thunb. Họ Ban - Hypericaceae.

Thường thu hái trước khi ra hoa vào đầu mùa hạ, rửa sạch đất cát. Phơi khô. Nếu có sẵn dược liệu khô, trước khi dùng cần rửa sạch tạp chất, để ráo nước, cắt đoạn 5-7cm, sao qua hoặc sao tới khô.

* **Công dụng:** Nọc sỏi dùng với tính chất thanh thấp nhiệt; giải độc khi bị sỏi bị mụn nhọt, rấn rết côn trùng cắn. Ngoài ra còn được dùng với tính chất kích thích tiêu hoá, chữa đau bụng, trướng bụng.

NÚC NÁC (*Nam hoàng bá*) *Cortex Oroxyli*

Là vỏ cây Núc nác - *Oroxylum indicum* L. Vent. Họ Chùm ớt - Bignoniaceae

1. Sau khi bóc lấy vỏ thân đem phơi khô; hoặc bỏ vỏ bần rồi thái phiến ngang dài 2-5cm; dày 1-3mm. Phơi khô. Nếu có vỏ thân đã phơi khô sẵn thì ngâm mềm, cạo bỏ vỏ bần thái phiến như trên. Phơi khô hay sấy khô.

2. Núc nác phiến sao vàng.

Dem phiến núc nác, sao nhỏ lửa tới vàng.

3. Mộc hồ điệp là hạt quả Núc nác - *Semen Oroxyli* cần phơi khô, khi dùng có thể trích với muối ăn. Mộc hồ điệp 10kg, muối ăn 400gam, nước sôi để pha vừa đủ. Tắm nước muối vào

mộc hồ điệp, để 30 phút cho ngấm hết muối. Dùng nhỏ lửa sao tới có màu đen.

* **Công dụng:** Vỏ núc nác dùng chữa các bệnh ly, tiết tả, bệnh ngoài da dị ứng mẩn ngứa. Hạt dùng với bệnh ho mất tiếng, đau bụng.

Ô DƯỢC ***Radix Linderae***

Dùng rễ cây Ô dược - *Lindera myrrha* Merr (*L. aggregata* (sims) Kosterm). Họ Long não - Lauraceae

1. Ô dược phiến.

Đem rễ ô dược rửa sạch ngâm, ủ mềm thái phiến dài 3-5cm, dày 1-3mm. Phơi khô.

2. Ô dược sao vàng.

Đem ô dược phiến sao tới khô vàng.

3. Ô dược sao cám.

Chảo đun nóng, cho cám vào, rang đến khi mùi thơm thì đổ ô dược phiến và sao cho đến lúc phiến có màu vàng nhạt hoặc có thể tẩm mật ong, sau đem sao cám đến lúc có màu vàng thơm

4. Ô dược trích rượu.

Ô dược	10kg
Rượu	2 kg

Tẩm rượu vào ô dược, để yên 30 phút cho hút hết rượu. Dùng cám sao như trên, tới khi bề mặt phiến có màu vàng. Rây bỏ cám.

5. Ô được trích muối.

Ô được	10kg
Muối ăn	160g

Đem nước muối tắm vào ô được, để 30 phút cho hút hết muối rồi đem sao cách cám đến lúc phiên có màu vàng nhạt. Rây bỏ cám.

* **Công dụng:** Ô được là thuốc hành khí; dùng để tán hàn, hạ khí, giảm đau; với công năng ấm thận có tác dụng giảm lượng nước tiểu.

Chế muối tăng cường công năng ấm thận. Chế rượu tăng cường công năng tán hàn chỉ thống.

Ô MAI

Fructus Armenicae Praeparatus

Là quả chế biến của cây Mơ - *Prunus armeniaca* L. (*A. vulgaris* Lamk). Họ Hoa hồng - *Rosaceae*.

1. Ô mai nhục.

Quả ô mai sau khi rửa sạch bóc hạch lấy cùi (phần thịt). Phơi khô. Có khi đem quả mơ đồ mềm rồi bóc bỏ hạch. Phơi khô

2. Ô mai thán.

Lấy ô mai nhục, dùng lửa to sao đều khi toàn bộ hơi đen; sờ không dính tay. Hoặc khi đã đun nổi nóng già; đổ ô mai nhục vào, dùng lửa nhỏ sao đến khi nghe có tiếng lách tách toàn bộ nở phồng, có màu đen thì dừng

3. Ô mai chưng.

Cho ô mai vào một cái bình dày kín. Đặt vào nồi cách thủy; đun đến khi hơi trong bình bay lên thì dừng đun. Ủ liền 5 giờ đổ ra phơi khô.

4. Ô mai giấm.

Ô mai 10kg

Giấm 2kg.

Dem giấm trộn đều vào ô mai, làm mềm; chưng 2-3 giờ đổ ra phơi khô.

* **Công dụng:** Ô mai dùng để trị ho, ho lâu ngày; còn dùng để sấp trường chỉ tả; trị chứng tiêu khát, nôn mửa...

PHÁ CỐ CHỈ (*Bổ cốt chỉ*) *Semen Psoraleae*

Là hạt của quả Phá cố chỉ - *Psoralea corylifolia* L.

Họ Đậu - Fabaceae

1. Phá cố chỉ sao qua.

Lấy phá cố chỉ sao nhỏ lửa, tới mùi thơm là được.

2. Phá cố chỉ trích muối

Phá cố chỉ 10kg

Muối ăn 0,2kg.

Nước vừa đủ.

Dem nước muối trộn đều vào phá cố chỉ; để 1 giờ cho hút hết muối; sau đem sao nhỏ lửa tới phồng thơm. Có thể trước khi sao với muối; cần ngâm với rượu 12 giờ. Sau lại ngâm

tiếp 12 giờ trong nước. Vớt ra phơi khô; rồi mới tắm muối như trên.

3. Phá cổ chỉ trích rượu.

Phá cổ chỉ 10kg

Rượu 2kg

Trộn đều rượu vào phá cổ chỉ; để 1 giờ cho hút hết rượu. Dùng lửa nhỏ sao tới khô, cho mùi thơm.

* **Công dụng:** Là thuốc bổ thận; dùng trong các bệnh, liệt dương, di tinh, hoạt tinh; đau lưng, đau xương cốt; tiểu nhiều, kinh nguyệt không đều, bạch đới.

PHẬT THỦ

Fructus Citri sarcodactylus

Dùng quả của cây Phật thủ - Citrus medica L. var.

Sarcodactylus Sw hoặc (C.medica L. var digitata Riss) Họ Cam - Rutaceae.

1. Phật thủ phiến.

Lấy quả tươi thái phiến dày 3-4mm. Phơi âm can đến khô.

2. Làm mềm rồi thái.

Với những quả cứng; cần rửa sạch; sau để mềm, thái phiến. Phơi âm can

3. Phật thủ chưng.

Đem Phật thủ chưng 1 giờ. Nhân lúc còn nóng đem thái phiến như trên. Phơi âm can.

Khi dùng tiến hành vì sao

* **Công dụng:** Là thuốc hành khí, hóa đờm. Dùng khi ho đờm, hoặc tiêu hóa kém đầy bụng, đau bụng, buồn nôn.

PHÒNG PHONG

Radix Ligustici brachylobi

Là rễ của cây Xuyên phòng phong - *Ligusticum brachylobum* Franch Họ Hao tán - *Apiaceae*. Trên thực tế vị thuốc có nguồn gốc nhiều cây cùng họ Hoa tán.

1. Phòng phong phiến.

Rửa sạch nhanh, bỏ nuốm xơ dầu rễ; thái phiến lát dài 3-5cm, dày 1-3mm. Phơi âm can. Trường hợp cần rửa kỹ thì phơi cho se mới thái phiến. Phơi âm can. Cần thiết sao qua nhỏ lửa tới khô.

* **Công dụng:** Phòng phong là vị thuốc tân ôn giải biểu; dùng trị chứng cảm mạo phong hàn sốt cao đau đầu. Còn dùng trong các bệnh đau xương khớp, cơ do phong thấp. Ngoài ra còn dùng để giải độc thạch tín.

PHÒNG KỶ

Radix Stephaniae tetrandae

Dùng rễ của cây Phòng kỷ - *Stephania tetrandea* S. Moore. Họ Tiết dê - *Menispermaceae*.

1. Phòng kỷ phiến.

Rửa sạch rễ tươi mới thu hoạch, cạo bỏ vỏ ngoài, thái phiến lát, dày 1-3mm. Phơi khô, hoặc sấy khô. Có thể ngâm

rửa (nếu là rễ khô), cạo bỏ vỏ ngoài, ủ mềm; thái phiến. Phơi sấy khô. Hoặc sau khi cạo bỏ vỏ ngoài, dùng rượu rửa qua, thái phiến. Phơi khô.

2. Phòng kỷ sao vàng.

Dem phòng kỷ phiến, sao nhỏ lửa tới khi mặt phiến hơi vàng.

3. Phòng kỷ trích rượu.

Phòng kỷ phiến 10kg

Rượu 2kg.

Tẩm đều rượu vào phòng kỷ, để 30 phút cho hút hết rượu. Dùng nhỏ lửa sao tới khô.

*** Công dụng:** Là thuốc trừ phong thấp; có thể dùng trong các bệnh đau nhức xương khớp, thủy thũng, cước khí, tiểu tiện không thông, nhọt độc, cao huyết áp.

PHỤC LINH

Poria

Là hạch nấm ký sinh trên rễ cây thông, có tên khoa học *Poria cocos* (Schw) Wolf. Họ Nấm lỗ - Polyporaceae

1. Phục linh khúc.

Dem củ phục linh ngâm rửa cho mềm; đồ 1 giờ cho mềm. Gọt bỏ vỏ; cắt nhỏ phần thịt ra thành từng khúc 2 x 2 x 1 cm. Phơi, sấy khô.

2. Phục linh chưng.

Trước hết gọt bỏ vỏ, sau đó ngâm với nước cháo một đêm; sau đem chưng. Nhân lúc còn nóng đem thái khúc như trên. Phơi, sấy khô.

3. Minh phàn, mễ thang chứng.

Phục linh	10kg
Phèn chua	16gam
Nước cháo	vừa đủ

Trước hết phục linh đem gọt bỏ vỏ; ngâm trong dịch nước cháo nóng có phèn chua từ 6-8 giờ. Rửa sạch; ủ 1 - 2 ngày; đồ 1 giờ. Nhân lúc còn nóng đem thái khúc như trên. Phơi, sấy khô.

4. Chu phục linh.

Phục linh khúc	10kg.
Chu sa (bột)	120gam

Trước hết đem làm ẩm phục linh khúc; sau trộn đều bột chu sa. Phơi âm can.

5. Phục thần.

Phần ở giữa có lõi là rễ thông, cũng được chế biến tương tự như phục linh.

*** Công dụng:** Vị thuốc có tác dụng kiện tỳ an thần, thẩm thấp lợi niệu; nên có thể dùng trong các trường hợp tỳ vị hư hàn, tiêu hóa kém, thủy thũng tinh thần bất an (trong đó phần vỏ (phục linh bì) tác dụng lợi niệu tốt; còn phục thần tác dụng an thần tốt.

PHỤ TỬ CHẾ

Radix Aconiti praeparatus

Là sản phẩm có tên là Bạch phụ hay Hắc phụ, được chế từ rễ củ con của cây Ô đầu - *Aconitum fortunei* Hemsl. Họ Mao lương - *Ranunculaceae*.

1. Chế diêm phụ

Sinh phụ tử	10kg
MgCl ₂	4kg
Muối ăn	3kg
Nước vừa đủ	

Trước hết đem ngâm sinh phụ tử với hỗn dịch trên khoảng 10 ngày. Sau đó cứ ngày vớt ra phơi đêm lại ngâm. Làm như vậy khoảng 5-6 lần, tới khi ngoài vỏ củ kết tinh một lớp muối trắng; đồng thời khi đó muối cũng đủ ngấm tới ruột củ.

Đem phơi khô ta được vị thuốc là diêm phụ (tức là diêm phụ muối). Từ sản phẩm này có thể chế thành Bạch phụ và Hắc phụ, là những sản phẩm dùng để uống.

2. Chế bạch phụ.

Đem diêm phụ rửa sạch lớp muối bám ở vỏ, luộc chín. Bóc bỏ vỏ; thái phiến dày 1-3mm theo chiều dọc của củ. Sau đó đem rửa bằng nước lã nhiều lần đến hết vị tê; đồ 30 phút. Phơi khô.

3. Hắc phụ chế.

Cũng tiến hành như trên; nhưng khi luộc chín thì không cần bóc vỏ; thái phiến dày 1-3mm theo chiều dọc củ. Đem phiến ngâm vào hỗn dịch nói trên 3-4 ngày. Vớt ra, rửa sạch, phơi khô. Tiếp đó đem phiến này tẩm vào dầu hạt cải, dịch nước đường phèn. Ủ 30 phút - 1 giờ cho ngấm hết. Sao tới khi mặt phiến ngả màu nâu đen.

Lại đem rửa đến hết vị tê; Phơi hay sấy khô

Trường hợp không có diêm phụ; muốn có sản phẩm bạch phụ hoặc hắc phụ thì đem sinh phụ tử ngâm vào hỗn dịch muối trên 3-5 ngày. Vớt ra rửa sạch; rồi tiến hành theo các cách nói trên.

Cũng có thể lấy diêm phụ rửa sạch muối, bỏ vỏ thái lát, ngâm nước 24 giờ, rửa sạch phơi khô. Sau đó có thể trích với đồng tiện hoặc nước cam thảo hoặc nước gừng

4. Chế diêm phụ với đậu đen.

Diêm phụ	10kg
Đậu đen rang thơm	3kg

Trước hết phụ tử muối ngâm nước 1 ngày; rửa sạch. Ngâm vào nước vo gạo 2 ngày; rửa sạch; bóc bỏ vỏ ngoài; thái phiến dọc củ dày 1-3mm. Lại tiếp tục ngâm nước tới khi trong. Đổ ra, cho đậu cùng với phụ tử phiến nấu 2 giờ đến khi mặt phiến ngả màu thâm. Đổ ra phơi sấy khô.

5. Chế phụ tử với sinh khương, cam thảo.

Sinh phụ tử	10kg
Sinh khương	1kg
Cam thảo	0,5kg

Trước tiên ngâm sinh phụ tử với đồng tiện 12 giờ. Rửa sạch, tiếp đó ngâm 7 ngày với nước lã; mỗi ngày thay nước ba lần. Đổ ra, cùng chung với nước sinh khương và cam thảo tới chín. Đổ ra, ủ 1 ngày, thái phiến dày 1-3mm. Phơi hoặc sấy khô (cần kiểm tra xem đã hết vị tê chưa).

- Ngoài các phương pháp giới thiệu trên, phụ tử còn được chế biến theo nhiều cách khác như:

Phụ tử nấu với sinh khương, cam thảo, phèn chua.

Phụ tử nấu với cam thảo, tạo giác.

Phụ tử nấu với đậu đen, cam thảo,

Phụ tử nấu với cam thảo, kim ngân hoa, đậu đen.

Tuy vậy dù chế theo cách nào cũng phải đảm bảo độ an toàn tuyệt đối cho vị thuốc.

Vì đây là một vị thuốc có độc tính cao, do chất ancoloid aconitin gây ra; chính vì vậy việc kiểm tra chế phẩm, người ta thường lấy cảm giác nhầm hết vị tê là được.

* **Công dụng:** Là vị thuốc ôn trung, hồi dương cứu nghịch. Phụ tử được dùng trong các trường hợp chân dương suy giảm tâm dương hư, thận dương hư, chân tay quyết lạnh, bụng sôi tiết tả, người có cảm giác lạnh đau lưng gối. Hoặc chứng thoát dương do trúng hàn, thân thể lạnh toát, huyết áp tụt, tim suy; bất tỉnh. Chính vì thế mà phụ tử, được xếp vào 1 trong 4 thứ thuốc đầu vị của đông y: Sâm nhung, Quế - Phụ.

PHƯỢNG VĨ THẢO (*Seo gà*)

Herba Pteridis multifidae

Dùng toàn cây Phượng vĩ hay cây Seo gà - *Pteris multifida* Poir. (*P. Serrulata* L.F). Họ Dương xỉ - Polypodiaceae.

1. Sau khi thu hái, cần rửa sạch đất cát loại bỏ tạp chất, để ráo nước; cắt đoạn 3-5cm. Phơi khô. Nếu có sẵn cây khô thì rửa sạch, phơi khô; thái đoạn như trên.

2. Sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đều tới khi khô, màu hơi vàng.

* **Công dụng.** Phượng vĩ thảo được dùng để chữa kiết lỵ cho hiệu quả tốt; đặc biệt là lỵ trực khuẩn.

QUA LÂU

Fructus Trichosanthis

Semen Trichosanthis

Dùng quả chín phơi khô và hạt của cây Qua lâu - *Trichosanthes kirilowii* Maxim. Họ Bí - Cucurbitaceae

1. Qua lâu thái sợi.

Lấy quả bỏ hạt, dùng vải ẩm lau sạch bụi bẩn (không rửa nước). Thái sợi dài 5-7cm rộng 2-3mm. Phơi khô hoặc phơi âm can

2. Chưng rối thái.

Qua lâu bỏ hạt, bỏ cuống. Chưng 1-2 giờ cho mềm; ép dẹp, thái sợi. Phơi khô.

3. Qua lâu trích mật.

Qua lâu	10kg
Mật ong	2kg

Trước tiên trộn mật ong đều vào qua lâu sợi, để 30 phút cho ngấm đều. Sao nhỏ lửa tới khi không dính tay.

4. Qua lâu sao vàng.

Lấy qua lâu sợi, dùng nhỏ lửa tới màu vàng đậm có các chấm màu nâu cánh gián.

5. Qua lâu nhân sao vàng hoặc sao thơm.

Nếu sao thơm thì sau khi sao tới màu vàng tiếp tục sao sẽ cho mùi thơm. Khi có mùi thơm thì thêm đồng lượng thiên hoa phấn vào cùng sao để giữ chất dầu trong qua lâu nhân.

6. Qua lâu nhân sao cháy.

Cho qua lâu nhân vào nồi đã rang nóng già; sao đến khi bề mặt hạt có màu đen cháy là được.

7. Qua lâu nhân sao cám.

Qua lâu nhân	10kg
Cám gạo	0,5kg

Cho cám và qua lâu nhân vào cùng, sao nhỏ lửa tới khi có màu vàng

8. Qua lâu nhân trích mật ong.

Qua lâu nhân	10kg
Mật ong	0,300kg
Nước	1 lít

Hoà mật ong vào nước; đổ vào qua lâu nhân, trộn đều, cho vào nồi đã đun nóng già. Sao tới khi sờ không dính tay Cũng có thể sao qua lâu nhân tới khi phồng lên; vẩy mật ong vào. Sao tiếp, tới khi sờ không dính tay.

9. Qua lâu sương.

Trước hết tán qua lâu nhân thành bột mịn, gói bột vào giấy bản hay vải gạc; ép nóng bằng cách rang bột ở nhiệt độ 100-150°C hoặc ép dưới trời nắng; hoặc đổ cho bột chín rồi ép 4 lần cho hết dầu. Phơi hoặc sấy bột ta được qua lâu sương.

*** Công dụng:** Là thuốc hóa đờm chỉ ho dùng để thanh hóa đờm nhiệt; tiêu phù thũng. Chế với mật để nhuận phế, tăng cường tác dụng chỉ ho. Chế sương để giảm tác dụng hoạt tràng; giúp cho quá trình chỉ ho được thuận lợi.

QUÁN CHÚNG

Rhizoma Cyrtomii

Là thân rễ của cây Quán chúng - *Cyrtomium fortunei* J.Sm.
Họ Dương xỉ - Polypodiaceae.

1. Quán chúng phiến.

Cắt bỏ rễ con, rửa sạch đất cát, tạp bẩn, ngâm mềm; thái phiến dày 1-3mm. Phơi hoặc sấy khô.

Quán chúng sao vàng sém cạnh.

Sao ở nhiệt độ 150^o-200^oC, khi mặt phiến vàng sém đen là được.

2. Quán chúng sao cháy.

Sao ở nhiệt độ 200^oC, tới toàn bộ bề mặt đen có mùi cháy; vẩy ít nước vào.

3. Quán chúng nung thán.

Cho quán chúng phiến vào nồi; úp lên trên miệng nồi này bằng một nồi khác đáy đã đặt một tờ giấy trắng dùng đất sét trít kín miệng nồi. Dùng lửa to đốt đến khi tờ giấy trắng bị cháy thì ngừng. Để yên ngày hôm sau lấy ra là được.

*** Công dụng:** Quán chúng là vị thuốc có tác dụng thanh nhiệt giải độc, sát khuẩn chỉ huyết. Chế thán là để tăng cường chỉ huyết. Dạng thuốc ngâm rượu để trị ứ huyết.

QUẤT HẠCH (*Hạt quýt*) *Semen Citri deliciosae*

Là hạt quả cây Quýt - *Citrus deliciosa* tenore (C. nobilis var *deliciosa* Swingle). Họ Cam - Rutaceae.

1. Hạt quýt phơi khô.

Sau khi thu hạt xát hạt trong nước. Phơi khô

2. Hạt quýt sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đều tới khi có màu vàng.

3. Hạt quýt sao cháy.

Sao ở nhiệt độ 120°C đến khi bên ngoài hạt hơi cháy.

4. Hạt quýt sao cám.

Trước hết sao cám trong nồi, đến khi bốc khói trắng thì cho hạt quýt vào đảo đều, đến khi có màu vàng đậm vị hơi cháy. Rây bỏ cám đi là được.

5. Hạt quýt trích muối ăn.

Hạt quýt	10kg
----------	------

Muối ăn	100g
---------	------

Sau khi trộn đều muối vào hạt quýt; để 30 phút - 1 giờ cho hút hết nước muối. Sao đến màu vàng là được. Cũng có thể trước hết sao hạt quýt đến màu vàng mùi thơm rồi vẩy nước muối vào. Sao đến khô.

* **Công dụng:** Là thuốc hành khí, có tác dụng tán kết, giảm đau; dùng thuốc chữa các bệnh sán khí hoặc bệnh thiên trụ (sa đì) tức sưng tinh hoàn hoặc thoát vị bẹn.

Chế muối để tăng cường quy kinh thận; để chữa các bệnh sán khí nói trên.

QUẾ CHI (*Quế chi*)

Ramulus Cinamomi

Dùng cành non làm quế chi, vỏ cây vỏ cành lớn làm quế nhục của cây Quế (xem vị nhục quế) - *Cinnamomum obtusifolium*, *C. Zeylanicum* Blum, *C. casia* Blum.

1. Quế chi.

Nếu là cành mới thu hái, cần rửa sạch, bỏ tạp chất, cắt đoạn 3-5cm nếu cành hơi to thì cắt chéo. Phơi âm can. Nếu là cành khô thì ngâm, rửa ủ mềm rồi cắt đoạn như trên. Phơi khô.

2. Quế chi sao.

Dùng nhỏ lửa, sao nhanh đến khi màu hơi vàng hoặc sém cạnh.

3. Quế chi tâm mật.

Quế chi	10kg
Mật ong	2 kg

Trước hết hoà mật ong vào ít nước đun sôi bọt. Sau đó quế chi vào đảo đều; tiếp tục sao tới khi có màu vàng đậm; sờ không dính tay.

* **Công dụng:** Quế chi là vị thuốc tân ôn giải biểu; dùng để phát hãn giải biểu hàn; dùng chữa cảm mạo phong hàn. Còn dùng để thông kinh hoạt lạc; trị các chứng ứ huyết đau đớn.

QUẾ NHỤC
Cortex Cinnamomi

Là vỏ thân, vỏ cành Cây quế - *Cinnamomum obtusifolium* Wees hoặc các cây quế khác (*C. cassia* Blume, *C. jeylanicum* Blume).

Sau khi vò quế được bóc cần đem ngâm nước lã 1 ngày. Vớt ra để ráo nước rồi xếp vào sọt có lót lá chuối khô để ủ 3 - 7 ngày; hàng ngày đảo. Sau khi ủ lại đem ngâm nước 1 giờ cho mềm, rồi làm thẳng thanh quế. Phơi âm can.

- Làm mềm rồi thái.

Đem các thanh quế cạo bỏ lớp vỏ bên ngoài, rửa sạch, ủ cho mềm rồi thái phiến vát rộng 3 - 5 mm. Để tránh bay mất tinh dầu quế người ta còn tẩm quế với dịch nước mật ong loãng với tỷ lệ mật ong 1 phần, nước 2 phần. Với quế khô dày có thể ngâm 2 - 4 giờ, sau khi ủ mềm. Phơi âm can.

* **Công dụng:** Là thuốc ôn lý trừ hàn, hồi dương cứu nghịch; được dùng để bổ hoả, bổ chân dương khi chân dương hư thoát người cảm thấy hay lạnh hoặc trạng thái trúng hàn.

QUY BẢN

Carapax Testudinis

Là mai và yếm của con Rùa - *Chinemys reevesii* (Gray).
Họ Rùa - Testudinidae .

1. Làm sạch da, màng, bằng cách vùi dưới đất 50 cm, cứ 4 ngày lại đổ nước một lần; sau 4 tuần kiểm tra, nếu da và xương tự róc ra được. Lấy lên, rửa sạch đồng thời cho vào bao tải thêm nước sôi nhỏ vào chà xát; lại rửa cho thật sạch. Phơi khô. Nếu không làm cách trên thì có thể chỉ đem ngâm nước lã nhiều ngày; vài ngày thay nước một lần. Mùa hè ngày thay nước một lần; mùa đông ngâm lâu hơn cho tới khi da tróc khỏi xương; đem rửa thật sạch rồi ngày phơi nắng, đêm phơi sương, tới khi khô và hết mùi hôi.

2. Quy bản sao cát.

Đem cát rang nóng già; quy bản đập thành mảnh nhỏ; cho vào cát sao tới khi vàng thơm; thể chất khô giòn là được; lại lấy ra rửa sạch. Phơi khô.

- Quy bản tôi giấm:

Quy bản	10kg.
Giấm	2kg

Đem rang trong cát tới màu vàng; lấy ra cho vào giấm 3-5 phút. Vớt ra, phơi khô.

- Quy bản tôi rượu:

Quy bản	10kg
Rượu	3kg

Cũng đem rang quy bản trong cát tới vàng; lấy ra tôi rượu 10 phút. Vớt ra phơi khô.

* **Công dụng:** Quy bản là thuốc bổ âm; dùng cho những trường hợp chân âm suy giảm gây trào nhiệt, đau đầu, hư hỏa bốc từng cơn làm choáng đầu, mồ hôi vã ra. Ngoài ra còn ích thận mạnh gân cốt.

SẢ

Herba Cymbopononi

Dùng toàn bộ Cây sả - *Cymboponon nardus* Rendl C.flexuosus. Stapf. Họ Lúa Poaceae.

Lá sả có thể cắt đoạn dùng tươi hoặc phơi khô.

Rễ sả rửa sạch; rễ con cắt đoạn 3-5cm, rễ to (củ sả) thái phiến 2-3mm. Phơi âm can.

* **Công dụng:** Sả được dùng làm thuốc uống dùng trong chữa cảm mạo; kích thích tiêu hoá, thông tiểu tiện. Ngoài ra sả còn dùng làm thuốc xông cho ra mồ hôi và làm gia vị.

SA NHÂN

Fructus Amomi (Amomi villosi)

Là quả của cây Sa nhân *Amomum* (Wall ex Bak) villosum Lour. var. xanthioides *A. longiligulare* T. L. Wu.

Họ Gừng - Zingiberaceae

1. Sa nhân sao.

Có thể dùng cả quả hoặc bóc vỏ lấy hạt, sao vàng, tới khi thấy mùi thơm. Cũng có thể sao vàng sém cạnh; hoặc sao đen.

2. Sa nhân trích muối.

Sa nhân 10kg

Muối ăn 1,5kg

Nước vừa đủ

Trước hết hoà tan nước muối trộn đều vào sa nhân; để 30 phút cho hút hết nước muối. Sao tới khô vàng. Cũng có thể sao sa nhân đến thơm, thì vẩy nước muối vào; tiếp tục sao đến khô.

3. Sa nhân trích gừng.

Sa nhân 10kg

Gừng tươi 1kg

Rửa sạch gừng; cắt lát, giã nát; vắt lấy nước cốt; giã tiếp thêm nước lã làm lại một số lần; vắt kiệt dịch gừng; tẩm đều vào sa nhân; để hút hết dịch gừng; thời gian trong 30 phút. Sao nhỏ lửa tới khi khô và cho mùi thơm. Cũng có thể sao sa nhân tới thơm, rồi vẩy nước gừng vào; tiếp tục sao tới khô.

*** Công dụng:** Sa nhân là vị thuốc hóa thấp; dùng để chữa các bệnh bụng đầy trướng, đau bụng, sôi bụng do viêm đại tràng (thể hư hàn); kích thích tiêu hoá. Ngoài ra còn dùng để giảm đau dưới dạng rượu ngâm để xoa bóp. Sao sém cạnh hoặc sao đen chữa thủy thũng.

SA SÂM

Radix Glehniae

Là rễ của cây Sa sâm - *Glehnia littoralis* Schmidt et Miquel.
Họ Hoa tán - Apiaceae

1. Sa sâm phiến.

Trước hết rửa sạch nhanh, ủ mềm, thái phiến lát dài 3-5cm.

2. Sa sâm sao vàng.

Đem sa sâm phiến, dùng nhỏ lửa sao tới màu vàng.

3. Sa sâm sao gạo.

Sa sâm	10kg
--------	------

Gạo tẻ	1kg
--------	-----

Trước hết cho một ít nước vào nồi rang; rắc thêm gạo cho dính vào đáy nồi; đun nóng tới khi có khói thơm của gạo bốc lên thì đổ sa sâm phiến vào. Sao đều tới màu hơi vàng. Đổ ra rây bỏ gạo.

4. Sa sâm tẩm mật ong.

Sa sâm	10kg
--------	------

Mật ong	4kg
---------	-----

Đem mật ong đun tới sôi, đổ sa sâm vào trộn đều. Sao đến khi độ ẩm còn độ 30%, phun thêm ít nước. Sao tiếp tới khi sờ không dính tay

5. Sa sâm trích gừng

Sa sâm phiến	10kg
--------------	------

Gừng tươi	1kg
-----------	-----

Trộn dịch gừng tươi vào sa sâm phiến, ủ cho hút hết nước gừng. Sao tới khi có màu vàng thơm

* **Công dụng:** Sa sâm là thuốc bổ âm, bổ phế; dùng trị các bệnh ho do phế hư: Ho lao, ho lâu ngày nhiều đờm; viêm phế quản mạn tính, chế mật ong tăng tác dụng trị ho của vị thuốc. Còn dùng rễ cây nam sa sâm - *Launae pinnatifida* cass. Họ Hoa Chuông *Campanulaceae* để làm vị sa sâm. Cách chế biến tương tự.

SÀI ĐẤT

Herba Wedeliae

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây Sài đất - *Wedelia calendulacea* Less. Họ Cúc - *Asteraceae*.

- Khi cây sắp ra hoa hoặc mới đang ra hoa thu hoạch là tốt nhất. Rửa sạch đất cát và tạp chất. Có thể dùng tươi hoặc khô.

Nếu dùng khô; có thể sau khi rửa sạch cây đem phơi khô hoặc sấy khô. Khi dùng cắt ra từng đoạn dài 3-5cm. Vì sao cho khô. Nếu có sài đất khô thu hái từ trước, cần rửa sạch đất cát. Phơi se, cắt đoạn rồi chế biến như trên.

* **Công dụng:** Sài đất được dùng trong các bệnh dị ứng, mẩn ngứa, mụn nhọt. Ngoài ra còn dùng để phòng sỏi chạy hậu, viêm tấy phần mềm; chữa sốt rét.

SÀI HỒ

Radix Bupleuri

Rễ của cây Sài hồ - *Bupleurum chinense* D.C. hoặc *B. scorzifolium* Willd. Họ Hoa tán - *Apiaceae*

1. Sài hồ phiến.

Sài hồ rửa sạch, ủ mềm; thái phiến 3-5mm. Phơi khô hoặc sấy khô; khi dùng có thể sao vàng. Cũng có thể sao sài hồ nóng già rồi cho rượu vào sao đều tới khô vàng.

2. Sài hồ trích mật ong.

Sài hồ	10kg.
Mật ong	2kg

Dem mật ong đun tới khi sủi thì cho sài hồ phiến vào đảo đều, sao nhỏ lửa tới khi mật hút hết là được sài hồ có màu vàng khô, thơm; có thể lúc này phun thêm ít nước lã vào; sao tiếp đến khi sờ không dính tay là được.

3. Sài hồ trích giấm.

Sài hồ	10kg
Giấm	1kg

Trước hết đem trộn đều giấm vào sài hồ, để 30 phút cho ngấm hết. Dùng lửa, nhỏ sao đều đến khi có màu hơi đỏ. Lấy ra phơi khô.

4. Sài hồ tẩm miết huyết (máu baba).

Sài hồ	10kg
Miết huyết	2kg
Rượu	2kg

Miết huyết hoà đều trong rượu. Sau đó trộn đều vào sài hồ; để 30 phút cho ngấm đều. Phơi khô.

Cũng có khi không dùng rượu mà dùng nước hoà lẫn trong miết huyết. Sau đó trộn đều vào sài hồ, ủ 30 phút. Dùng nhỏ lửa sao tới màu vàng nhạt.

6. Sài hồ thán.

Dùng nhỏ lửa sao tới khi mặt ngoài phiến hơi cháy trong có màu vàng nâu, phun vào ít nước. Đổ ra phơi khô.

* **Công dụng:** Sài hồ là thuốc giải biểu cay mát dùng trong bệnh cảm mạo phong nhiệt sốt cao, đau đầu; ngoài ra còn dùng để sơ can giải uất. Sao chế giảm bớt tính phát tán. Chế giấm tăng tính thủ can, hoạt huyết, giảm đau. Chế miết huyết để dưỡng âm, hạ sốt. Còn dùng rễ cây cúc tần; cây Lức - *Pluchea indica* (L), Less Họ cúc, làm vị thuốc nam sài hồ, có thể chế biến tương tự.

SÂM BỐ CHÍNH

Radix Hibisci

Dùng rễ của cây Sâm bố chính (Sâm Phú Yên) - *Hibiscus sagittifolius* Kurz. Họ Bông - Malvaceae

1. Sâm bố chính phiến.

Sau khi thu hái, cắt bỏ rễ con, rửa sạch đất cát, cạo bỏ vỏ ngoài ngâm nước vo gạo 12 giờ. Rửa sạch, đồ chín; phơi khô hoặc sấy khô. Có thể không đồ chỉ cần ngâm nước phèn chua 3%. Rửa sạch rồi phơi khô. Khi đã có củ khô rồi, cần làm mềm bằng cách rửa qua, ủ mềm, thái phiến lát 5-7cm; dày 1-3mm. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Sâm bố chính phiến sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao tới khi bề mặt phiến hơi vàng.

3. Sâm bố chính phiến gừng.

Sâm bố chính phiến	10kg
Gừng tươi	1,5kg

Rửa sạch gừng, giã lấy nước cốt; giã tiếp và thêm nước nhiều lần, vắt hết nước gừng. Trộn nước gừng vào phiến sâm; để 30 phút cho ngấm hết nước gừng. Sao tới màu hơi vàng.

*** Công dụng:** Sâm bố chính là vị thuốc dùng để chữa ho, chữa sốt và các bệnh về phế quản. Còn dùng với tính chất sinh tân chỉ khát. Sao chế làm tăng tính chỉ khát, tính bổ của vị thuốc.

SÂM ĐẠI HÀNH

Bulbus Eleuthrinis subaphyllae

Dùng củ của cây Sâm đại hành (tỏi lào, tỏi đỏ) - *Eleutherine subaphylla* Gagnep. Họ La đơn - Iridaceae

1. Sau khi thu hái, cắt bỏ phần lá, rễ con, rửa sạch; để ráo nước. Thái dọc củ dày 2-3mm. Phơi khô hoặc sấy khô. Nếu đã có sẵn củ khô, thì đem rửa sạch, bóc bỏ các bẹ thối, cắt bỏ rễ còn sót lại, thái phiến như trên.

2. Vi sao.

Dùng nhỏ lửa sao đều phiến sâm đại hành đến khi có màu đỏ thẫm hết mùi nồng là được. Cũng có thể sau khi thu hái, rửa sạch củ, cắt bỏ rễ con, đem đồ chín; thái phiến, phơi khô hoặc sấy khô. Khi dùng tiến hành vi sao như trên.

*** Công dụng:** Sâm đại hành được dùng làm thuốc tiêu độc trị mụn nhọt, mẩn ngứa, dị ứng, trị viêm họng. Ngoài ra còn được dùng làm thuốc bổ máu.

SƠN ĐẬU CĂN

Radix Sophorae tonkinesis

Là rễ của cây Sơn đậu - *Sophora tonkinensis*

Gagnep. Họ Đậu - Fabaceae

1. Sơn đậu căn phiến.

Sau khi thu hoạch rửa sạch đất cát, cắt bỏ các đoạn thân còn sót lại ở đầu rễ, rửa sạch; ngâm nước, ủ mềm, thái phiến dài 3-5, dày 1-3mm. Phơi khô. Nếu có rễ khô cần ngâm mềm nhiều ngày; hàng ngày thay nước; rửa sạch, ủ mềm, thái phiến như trên. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Sao vàng.

Dem phiến sơn đậu căn sao nhỏ lửa tới hơi vàng là được.

* **Công dụng:** Dùng sơn đậu căn để trị chứng cảm nhiệt có sốt ho đau bụng. Ngoài ra còn dùng chữa đau răng, mụn nhọt. Dùng ngoài trị vết thương do côn trùng cắn.

SƠN THÙ DU

Fructus Cosrni

Dùng quả của cây Sơn thù du - *Cornus officinalis*.

Sieb.et Zuce. Họ Sơn thù du - Cornaceae

1. Sau khi thu hái quả, cần được chế biến ngay, bằng cách sấy ở nhiệt độ 50°C hoặc nhúng vào nồi nước sôi 3-5 phút cho tái; bóc bỏ hạt. Dem cùi phơi sấy ở nhiệt độ thấp cho đến khô.

2. Sơn thù tẩm rượu.

Sơn thù	10kg
Rượu	1kg

Cho rượu vào sơn thù, trộn đều; ủ cho ngấm hết rượu. Phơi khô.

3. Sơn thù, trích rượu.

Sau khi tẩm với rượu (tỷ lệ như trên) đem sao tới khô là được.

4. Sơn thù chưng rượu.

Sơn thù	10kg
Rượu	2kg

Đem rượu trộn đều vào sơn thù, ủ, chưng 1 giờ; sơn thù chuyển màu thâm. Phơi khô. Có thể không ủ mà tiếp tục thêm rượu rồi chưng ủ; đến khi sơn thù cho màu đen.

5. Sơn thù tẩm giấm.

Sơn thù	10kg
Giấm	2kg

Trộn đều giấm vào sơn thù, ủ 1 giờ. Phơi khô.

6. Sơn thù chưng với giấm.

Sơn thù	10kg
Giấm	2kg

Trộn đều giấm với sơn thù. Đem chưng đến khi có hơi bốc lên thì đem phơi khô.

7. Sơn thù tẩm mật ong.

Sơn thù	10kg
Mật ong	2kg

Đem sơn thù tẩm đều mật ong; ủ 1 giờ cho ngấm. Phơi khô.

8. Sơn thù chưng với mật ong.

Sơn thù	10kg
Mật ong	1,5kg

Pha thêm nước sôi vào mật ong; trộn đều mật ong với sơn thù. Chưng liền 3 giờ, để nguyên, ủ 12 giờ. Phơi âm can.

9. Sơn thù chưng muối ăn.

Sơn thù	10kg
Muối ăn	0,1kg
Nước vừa đủ	

Dùng nước muối trộn đều sơn thù. Chưng 3-4 giờ cho mềm. Phơi âm can. Cũng có thể đem sơn thù chưng 3-4 giờ mà không cần phụ liệu; sau đem phơi khô.

* **Công dụng:** Là thuốc bổ âm; có thể dùng chữa đau đầu hoa mắt, chóng mặt ù tai. Còn dùng để bổ ích can thận, ích tinh tiết khí; dùng trị liệt dương, di tinh, tiểu nhiều lần, ra mồ hôi nhiều.

SƠN TRA (*Quả chua chát*) *Fructus crataegi*

Là quả của cây Sơn tra *Crataegus pinnatifida* Bge hoặc *C. cuneata* S. et.z. Họ Hoa hồng - Rosaceae.

1. Lấy quả sơn tra ương, thái lát ngang quả để có các phiến dày 3-5mm. Phơi khô; đến khi phía vỏ nâu đỏ, trong ruột hơi vàng.

2. Sơn tra sao.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi phần ruột hơi vàng là được.

3. Sơn tra sao cháy.

Dùng lửa to, sao đến khi có màu cánh gián hay vàng hơi đen.

4. Sơn tra thán.

Lấy sơn tra cho vào nồi đã đun nóng già sao đến khi bề ngoài phiến đen hoàn toàn, bên trong có màu vàng đậm; vẩy ít nước để trừ hoà độ.

5. Sơn tra khúc.

Đem sơn tra nấu chín, bóc bỏ vỏ, bỏ hạt; giã nát, làm thành khúc. Phơi khô.

* **Công dụng:** Là thuốc có tác dụng tiêu đạo, tiêu huyết ứ, hạ huyết áp. Được dùng để kích thích tiêu hoá; hoặc các trường hợp huyết áp cao. Sao cháy có tác dụng tiêu thực tích. Chế thán tăng cường thu liễm, chỉ huyết ly.

SÀ SÀNG TỬ

Semen Cnidii

Hạt của cây Giản sàng - *Cnidium monieri* (L.) Cuss. Họ Hoa tán - *Piaceae*

1. Vào mùa quả chín từ tháng 6-8, người ta cắt cây phơi khô. Đập lấy quả.

Phơi quả khô, cho vào bao tải, buộc kín đầu, lấy chầy gõ đập. Sàng sảy bỏ vỏ, lấy hạt phơi khô.

2. Sao vàng.

Dùng lửa nhỏ sao đến khi hạt có màu, mùi thơm là được.

* **Công dụng:** Sà sàng là vị thuốc ích thận, tráng dương; dùng trong các bệnh liệt dương, sinh lý kém. Phụ nữ khí hư

bạch đới, vô sinh. Ngoài ra còn dùng để chữa ngứa, viêm tai, lòi dom.

SỬ QUÂN TỬ (*Quả giun*) ***Semen Quisqualis***

Dùng nhân quả Sử quân tử - *Quisqualis indica* L.

Họ Bàng - *Combretaceae*

1. Hái quả sử quân già, phơi khô; đập lấy nhân, rửa sạch, phơi khô.

2. Sử quân tử sao vàng.

Đem nhân ngâm vào nước. Vớt ra để ráo nước. Sao vàng; xát bỏ màng

3. Sử quân tử sao thơm.

Sau khi bỏ lớp màng, có thể chỉ sao qua cho thơm là được.

* **Công dụng:** Là thuốc khử trùng trừ tiêu tích, dùng trong các bệnh giun, đặc biệt ở trẻ em; các bệnh cam tích, tiêu hóa kém.

TAM LĂNG ***Rhizoma Sparganii***

Là thân rễ cây Hắc tam lăng - *Sparganium stoloniferum* Buch, Ham. Họ Hắc tam lăng - *Sparganiaceae*; hoặc cây Tam lăng *Seipus yagara* Ohwi. Họ Cói - *Cyperaceae*

1. Tam lăng phiến.

Rửa thân rễ sạch ngâm 1-2 giờ; ủ mềm, thái phiến dày 1-3mm. Phơi hoặc sấy khô. Có thể đem đồ cho mềm, rồi nhân lúc còn nóng; thái phiến. Phơi hay sấy khô. Cũng có thể đem củ tam lăng ngâm với giấm 1 ngày rồi đồ mềm hoặc nấu với giấm đến mềm, cứ 10kg tam lăng, 2kg giấm. Dùng nhỏ lửa, đun đến khi giấm hút hết. Thái phiến như trên.

2. Tam lăng trích giấm.

Tam lăng phiến	10kg (loại chưa chế giấm)
----------------	---------------------------

Giấm	2kg
------	-----

Trộn đều tam lăng phiến vào giấm. Để hút hết giấm sao tới khô vàng là được.

3. Tam lăng sao cám.

Tam lăng phiến	10kg
----------------	------

Cám	1kg
-----	-----

Trước hết đem cám sao nóng bốc khói; đổ tam lăng phiến vào; đảo đều đến khi có màu vàng.

4. Tam lăng trích rượu.

Tam lăng phiến	10kg
----------------	------

Rượu	1kg
------	-----

Trộn đều tam lăng phiến vào rượu để 30 phút. Sao vàng hoặc sao cách cám đến vàng.

*** Công dụng:** Là thuốc hoạt huyết, dùng khi huyết lưu thông trở ngại. Ngoài ra còn có tác dụng hành khí, tiêu kết báng.

Sao cám để giảm tính mãnh liệt của thuốc.

Chế rượu tăng khả năng hành khí của tam lăng. Chế giấm tăng tác dụng tiêu ứ giảm đau..

TAM THẤT

Radix Pseudo-ginseng

Dùng rễ của cây Tam thất - *Panax pseudo-ginseng* Họ Ngũ gia bì - *Araliaceae*. Chú ý cần phân biệt với các loại thảo tam thất.

1. Tam thất phiến.

Trước hết đem rửa sạch, ủ mềm rồi thái phiến dày 3-5 mm. Có thể đồ lên rồi thái hoặc ủ rượu cho mềm rồi thái phiến. Sau khi rửa sạch, ủ mềm; đồ nóng, thái phiến như trên rồi đem phơi sấy khô.

2. Tam thất vi sao.

Sau khi thái phiến dùng nhỏ lửa, sao tới khô; có thể tẩm với mỡ gà rồi sao tới vàng. Khi dùng có thể tán bột.

*** Công dụng:**

Tam thất là vị thuốc vừa có tác dụng chỉ huyết vừa hoạt huyết; nhưng chỉ huyết là chính nên được dùng trong các trường hợp mất máu, phụ nữ sau đẻ; hoặc dùng tốt cho các trường hợp vừa có tụ máu vừa chảy máu như các vết thương sưng tấy, chảy máu tiền phòng(mắt).

TANG BẠCH BÌ (Vỏ rễ dâu)

Cortex mori radidis.

Vỏ rễ cây Dâu tằm - *Morus alba* Họ Dâu tằm *Moraceae*

1. Sau khi thu hoạch, tiến hành bóc lấy vỏ rễ; phơi khô. Có thể tiến hành cạo bỏ ngay lớp vỏ bên màu nâu đỏ; rửa sạch

phơi khô; cắt đoạn 3-5 cm. Nếu là vỏ rễ khô thì rửa sạch, cạo bỏ lớp vỏ màu nâu sau thái phơi như trên.

2. Tang bì sao.

Lấy tang bì đã cắt đoạn, sao nhỏ lửa tới khi có màu vàng.

3. Tang bì trích mật ong (hoặc đường đỏ).

Tang bì 10 kg

Mật ong 1,5 kg

(nếu dùng đường đỏ, cần lượng 1 kg 8)

Trộn đều mật ong hoặc đường đỏ (đun với nước cho tan); ủ 1 giờ cho ngấm đều. Sao nhỏ lửa tới khi có màu vàng đậm; sờ không dính tay.

*** Công dụng:**

Là thuốc có tác dụng chỉ ho bình suyễn. Dùng trong các bệnh ho đờm. Còn có tác dụng lợi tiểu nên dùng trong bệnh phù thũng. Chế mật tăng tác dụng chỉ ho.

TANG CHI

Ramulus Mori

Là cành non của cây Dâu tằm - *Morus alba* L. Họ Dâu tằm - Moraceae.

1. Sau khi thu hái, rửa sạch; nhặt bỏ lá và tạp chất, thái phiến vát 3-5 cm, dày 3-5 mm. Đoạn cành con thì cắt đoạn 3-5 cm. Phơi khô hay sấy khô. Trường hợp cành khô cứng, cần rửa sạch, ngâm nước 6 giờ cho mềm, rồi thái như trên.

2. Tang chi sao vàng.

Đem tang chi phiến, sao nhỏ lửa cho đến khi có màu vàng, có các chấm đen cháy.

3. Tang chi sao cám.

Sao cám trước đến khi có khói trắng bốc lên; đổ tang chi phiến vào; đảo đều, đến khi có màu vàng nhạt.

4. Tang chi trích rượu.

Tang chi	10 kg
Rượu	1 kg

Đem tang chi trộn đều với rượu, ủ 30 phút, cho hút hết rượu. Sao tới khô vàng.

* **Công dụng:** Tang chi có tác dụng trừ phong, thư cân, hoạt lạc nên được dùng trong các bệnh phong thấp, đau nhức xương khớp, chân tay đau nhức, tê mỏi, cước khí. Chế rượu giúp cho thông kinh hoạt lạc tốt hơn.

TANG DIỆP (*Lá dâu*) *Folium Mori*

Là lá bánh tẻ cây Dâu *Morus alba* L. Họ Dâu tằm - Moraceae.

1. Sau khi thu hái, ngắt bỏ cuống và xơ gân. Phơi âm can.

2. Tang điệp sao.

Dùng nhỏ lửa sao tới màu vàng, có những điểm cháy.

3. Tang điệp trích mật.

Tang điệp	10 kg
Mật ong	2 kg

Mật ong hoà thêm nước, trộn đều vào tang điệp; ủ 30 phút đến 1 giờ. Dùng nhỏ lửa sao đến khi hơi vàng, sờ không dính tay.

4. Tang điệp đồ.

Dem tang điệp đồ 1 giờ tới chín. Phơi âm can.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng sơ tán phong nhiệt, thanh can sáng mắt, hạ áp, hạ đường huyết. Dùng trong cảm mạo phong nhiệt, cao huyết áp, mắt sưng mờ. Chế mật tăng tác dụng nhuận phế chỉ ho.

TANG KÝ SINH (*Tầm gửi cây dâu*) ***Ramulus Loranthi***

Là tầm gửi *Loranthus paraciticus* (L.) Merr.

Họ Tầm gửi - Lanthaceae, ký sinh trên cây Dâu - *Morus alba* L. Họ Dâu tằm - Moraceae.

Có thể khai thác để dùng các loại tầm gửi trên các cây khác như tầm gửi cây chanh, cam, bưởi, hồng, gạo... không dùng tầm gửi ở các cây có độc như trúc đào, lim...

1. Sau khi thu hái, cắt thành đoạn 3-5cm; phơi khô hoặc sấy khô.

2. Vi sao hoặc sao vàng.

Dem tang ký sinh đã cắt đoạn, dùng nhỏ lửa sao khô hoặc sao tới khô vàng.

* **Công dụng:** Tang ký sinh có tác dụng trừ phong thấp; dùng trong bệnh đau nhức xương khớp, cơ nhục, thần kinh ngoại biên, thần kinh tọa. Còn dùng chữa huyết áp, động thai, thúc sữa sau đẻ.

TANG PHIÊU TIÊU

(Tổ bọ ngựa trên cây dâu)
Vagina Ovorum Mantidis

Là tổ trứng con Bọ ngựa - *Mantis religiosa* L.

Họ Matidae.

Sau khi thu hái tổ trứng bọ ngựa cần rửa sạch, loại bỏ tạp chất. Phơi khô. Sau có thể tiến hành một vài cách sau:

1. Đun với nước: Cho tổ trứng bọ ngựa vào nước sôi, đun sôi 2 phút để giết trứng. Rửa sạch; phơi hoặc sấy khô.

Sau khi loại bỏ tạp chất, đồ 30 phút đến 1giờ. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Tang phiêu tiêu sao vàng.

Dem tang phiêu tiêu sao nhỏ lửa đến màu vàng. Có thể dập lửa giữ ở nhiệt độ 40°C trong 20 phút để bề mặt của tang phiêu tiêu nứt ra, vàng giòn.

3. Tang phiêu tiêu sao cháy.

Dùng nhỏ lửa sao đến màu vàng cháy hay có đốm cháy.

4. Tang phiêu tiêu trích muối.

Tang phiêu tiêu	10kg
-----------------	------

Muối ăn	0,2kg
---------	-------

Hoà tan muối, tắm đều vào tang phiêu tiêu, để 30 phút cho ngấm. Sao đến màu vàng.

5. Đồ tang phiêu tiêu với muối ăn.

Tang phiêu tiêu	10kg
-----------------	------

Muối ăn	200g
---------	------

Dem nước muối trộn đều vào tang phiêu tiêu; ủ 30 phút cho ngấm hết. Đổ 30 phút là được. Có thể sau khi đổ tang phiêu tiêu rồi mới trộn muối; sao khô.

6. Tang phiêu tiêu tẩm rượu.

Tang phiêu tiêu	10kg
-----------------	------

Rượu	2kg
------	-----

Trước hết đổ tang phiêu tiêu; sau đó tẩm rượu đều. Ủ 30 phút đến 1 giờ; sao khô.

* **Công dụng:** Có tác dụng cố sáp; dùng để cố tinh sáp niệu; dùng tốt cho những trường hợp di tinh, hoạt tinh, mồ hôi nhiều.

TẠO GIÁC (*Quả bồ kết*) ***Fructus Gleditsiae abnormalis***

Là quả của cây Bồ kết - *Gleditsia fera* (Lour) Merr. Họ Vang - *Caesalpiniaceae*

Lấy quả già, bóc bỏ hạt, cắt đoạn 2-3cm. Phơi khô. Sao vàng hoặc sao vàng giòn, tán bột mịn dùng trong các phương thuốc tán. Có thể tẩm mật hoặc sữa rồi nướng giòn...

* **Công dụng:** Bồ kết dùng để khai khiếu tinh thần lấy bột cùng với một số vị thuốc khác (xương bồ, băng phiến...) thổi vào mũi khi ngất xỉu do trúng thử, trúng phong... Ngoài ra còn tiêu đờm tán kết dùng khi ho suyễn, khó thở; hoặc khi đại tràng táo hết, nhu động ruột giảm sau phẫu thuật.

TẠO GIÁC THÍCH (*Gai bồ kết*)

Spina Gleditsiae

- Sau khi rửa sạch, thái phiến mỏng; phơi khô hoặc sấy khô. Nếu gai quá khô cứng có thể ngâm, ủ mềm rồi thái phiến. Phơi khô.

* **Công dụng:** Là thuốc hoạt huyết hóa ứ, dùng để tiêu thũng, trừ mù ở các vết thương hay mụn nhọt độc. Ngoài ra còn dùng để tiêu đờm, thông sữa bị tắc sau đẻ.

TÀM SA (*Phân tầm*)

Faeces Bombycum

Là phân tầm; thu hoạch loại mới và chế ngay.

1. Sau khi thu hoạch vào các buổi sáng; tiến hành bỏ các cuống lá dâu, rác rưởi. Phơi khô hoặc sấy khô để tránh bị mem mốc.

2. Tầm sa sao.

Dùng nhỏ lửa sao tới khi hơi đen là được.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng trừ phong thấp, còn dùng để trị băng huyết, đái đường.

TÂN DI

Flos Magnoliae

Dùng búp hoa của cây Mộc lan *Magnolia desrousseaux*. Họ Mộc lan - *Magnoliaceae*.

1. Lấy búp hoa, lau sạch lông, ngắt bỏ cuống hoa và tạp chất. Phơi khô.

2. Tân di sao.

Dùng nhỏ lửa, sao qua xát nhẹ, sàng sảy để bỏ lông.

3. Tân di trích mật ong.

Tân di	10kg
--------	------

Mật ong	2kg
---------	-----

Lấy mật ong luyện đến màu vàng hồng, cho tân di đã tan vụn vào. Sao đến khi sờ vào không dính tay nữa là được.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng phát tán phong hàn; dùng chữa cảm hàn, đau đầu, nhức óc, viêm mũi ngạt mũi.

TẾ TÂN

Herba Asari sieboldi

Dùng toàn cây cả rễ của Tế tân - *Asarum sieboldi* hoặc cây *A. heterotropoides* F. chum var *mandshuricum* (Maxim) Kitag. Họ Mộc hương Nam - *Aristolochiaceae*.

- Sau khi thu hái rửa sạch, cắt đoạn 2-3cm. Phơi khô (vì vị thuốc có tinh dầu dễ bay hơi nên kỵ lửa khi sao chế).

* **Công dụng:** Là vị thuốc tân ôn giải biểu, dùng khi cảm mạo phong hàn sốt cao đau đầu. Ngoài ra còn tác dụng ôn kinh chỉ thống; dùng trừ phong thấp đau nhức xương cốt, đau răng, đau cơ nhục.

THẠCH CAO

Gypsum

Là Sulfat calci thiên nhiên $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$

1. Hơ qua lửa.

Lấy thạch cao thiên nhiên hơ qua lửa để đốt các tạp hữu cơ và diệt khuẩn.

2. Thạch cao ngâm nước cam thảo hoặc rượu.

Ngâm thạch cao với nước cam thảo hoặc ngâm với rượu 12 giờ. Gạn bỏ nước cam thảo hoặc bỏ rượu. Phơi khô.

3. Thạch cao nung.

Cho thạch cao vào nồi đất hay nồi gang. Nung cho đến khi phồng giòn là được. Cũng có thể xếp một lượt than gỗ lại một lượt thạch cao, làm 3 lớp như vậy rồi nung cho kỹ.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng thanh nhiệt tả hỏa dùng khi sốt cao mê sảng, phát cuồng. Thạch cao chế bằng nung chỉ để dùng ngoài làm thuốc sinh cơ lên da non của vết thương và mụn nhọt chưa liền miệng.

THẠCH HỘC

Herba Dendrobi

Dùng thân cây Thạch hộc - *Dendrobium loddigessi* Rolfe; *D. Fimbriatum* Hook var. *oculatum* Hook. Họ Lan - Orchidaceae.

1. Thạch hộc cắt đoạn.

Lấy dược liệu cắt bỏ rễ con rửa sạch tạp chất, cắt đoạn dài 4 - 5cm. Phơi âm can hoặc dùng nhỏ lửa sấy khô. Nếu có

sẵn thạch học khô, cần rửa sạch, ủ mềm rồi cắt đoạn như trên.

2. Thạch học sao.

Dùng lửa nhỏ sao đến khi có dầu thấm ra, hơi có đốm cháy.

3. Thạch học rang cát.

Cho thạch học vào cát nóng, sao đến khi nở phồng, lấy ra cắt bỏ rễ, thái đoạn 2-3cm. Phơi khô.

Thạch học khô, đem nhúng vào nước sôi cho mềm hoặc đồ cho mềm, bỏ vỏ thô, thái phiến. Phơi hoặc sấy khô.

* **Công dụng:** Là thuốc bổ âm dùng cho các trường hợp tân dịch suy kém miệng khô khát, tiêu hóa kém nôn khan. Còn dùng để chữa mắt mờ, mắt kém.

THẠCH LỰU BÌ (*vỏ quả lựu*) ***Pericarpium Punicae granati***

Dùng vỏ quả hoặc vỏ rễ *Cortex Punicae radicis* cây Lựu - *Punica granatum* L. Họ Lựu - *Punicaceae*

1. a) Vỏ quả:

Rửa sạch quả, bỏ hạt bỏ phần thịt; đập vụn hoặc thái thành miếng nhỏ.

b) Vỏ rễ:

Rửa sạch rễ, bóc lấy vỏ cạo bỏ vỏ ngoài, bỏ lõi, phần rễ nhỏ để nguyên lõi; thái phiến vát; hoặc thái đoạn. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Sao vàng.

Lấy vỏ quả hoặc vỏ rễ sao nhô lửa đến khi có màu vàng

3. Sao đen.

Đem thạch lựu bì sao đến khi bên ngoài có màu đen, trong màu vàng

4. Sao cháy.

Đun nóng chảo cho thạch lựu vào, sao to lửa đến khi bên ngoài đen hơi cháy, bên trong có màu nâu.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng khử trùng sát khuẩn; dùng trị tả lỵ (vỏ quả) trị sản xơ mít (vỏ rễ). Sao cháy tăng cường thu sáp, chỉ huyết.

THẠCH QUYẾT MINH (*Cứu không*) *Choncha Haliotidis*

Là vỏ của nhiều loài Bào ngư - Haliotis. Họ Bào ngư - Haliotidae.

1. Sau khi thu hoạch, đem rửa sạch, cạo hết các bẩn bên ngoài; phơi khô, giã vụn.

2. Thạch quyết minh nung.

Đem thạch quyết minh đã xử lý sạch; có thể rửa với nước giấm; nung đến đỏ hồng là được. Lấy ra để nguội, nghiền bột. có thể xếp trong lò để nung, cứ một lớp than, một lớp thạch quyết minh. Nung cháy hết than; thạch quyết minh đỏ hồng là được.

3. Nung - tẩm.

Thạch quyết minh	10kg
Muối ăn	2kg (hoặc giấm 2kg)

Trước hết đem thạch quyết minh nung tới hồng. Nhân lúc còn đang nóng đỏ; lấy ra nhúng vào nước muối hoặc giấm. Vớt ra phơi khô; nghiền bột.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng bình can tất phong; dùng khi can phong nội động; hoặc mắt mờ, mắt có màng mọng.

THẠCH XƯƠNG BÒ *Rhizoma Acori graminei*

Dùng thân rễ của cây Thạch xương bồ lá to - *Acorus gramineus* Soland var. *Macrospadiceus*.

Và cây Thạch xương bồ lá nhỏ - *A. gr. var. variegatus* Hort. Họ Ráy - *Araceae*.

1. Thạch xương bồ phiến.

Trước khi thái phiến có thể ngâm thân rễ xương bồ với nước vo gạo 24 giờ - 48 giờ thường xuyên đảo.

Ngày thay nước một lần. Vớt ra rửa sạch để ráo nước, ủ mềm; thái phiến 3-5cm dày 2-3mm. Phơi âm can, hoặc phơi nắng nhẹ. Cũng có thể ngâm với nước lã trong 7 ngày liền, cứ 3-4 giờ đảo một lần. Sau ngày thứ 7 vớt ra cho vào nước sôi 40 phút (với tỷ lệ một dược liệu 2 nước; trong số nước này có 6% là nước ngâm xương bồ trong 7 ngày).

2. Thạch xương hổ tẩm nước gừng.

Thạch xương bồ 10kg

Gừng tươi 3kg

Trước hết giã gừng vắt lấy nước cốt; giã tiếp thêm nước lã vắt lấy nước gừng đủ để tẩm xương bồ. Ủ 24 giờ; (sau khi

ủ được 6 giờ bó ra đảo đều một lần). Phơi khô. Xương bồ chế theo cách này có mùi thơm hơn.

3. Thạch xương bồ sao cám.

Xương bồ phiến 10kg

Cám gạo 1kg

Sao cám đến lúc bốc khói trắng thì đổ xương bồ vào, đảo đều tay đến khi phiến có màu hơi vàng.

4. Thanh xương bồ chế với chu sa.

Bột chu sa chế theo phương pháp thủy phi; ta lấy xương bồ phiến, tẩm ướt bằng nước lã, thêm bột chu sa đảo đều. Phơi âm can.

*** Công dụng:** Thạch xương bồ là thuốc khai khiếu tỉnh thần, dùng khi bị trúng phong cấm khẩu hoặc bị ngất xỉu do say nắng v.v...

Còn được dùng trong bệnh hen suyễn, tê thấp. Ngoài ra còn dùng lá tươi của cây Thạch xương bồ lá nhỏ - *A. gr. var. pucillus* Eng. để chữa ho, ngạt mũi, cảm mạo, đặc biệt tốt cho trẻ con.

THANH BÌ

Pericarpium Citri reticulatae viride

Vỏ quả chưa chín phơi hay sấy khô của cây Quýt - *Citrus reticulata* Blanco. Họ Cam - Rutaceae

1. Đem thanh bì rửa sạch nhanh để ráo nước, thái chỉ phơi khô

2. Thanh bì sao vàng.

Đem thanh bì chỉ sao nhỏ lửa đến khi có màu vàng hoặc hơi sém cạnh.

3. Thanh bì sao cám.

Thanh bì	10kg
Cám gạo	1,5kg

Lấy thanh bì cùng cám gạo, sao đến khi có màu vàng đậm hoặc vàng hơi đen. Rây bỏ cám.

4. Thanh bì sao đen.

Dem thanh bì sao nhỏ lửa đến khi ngoài đen, trong còn màu vàng. Phun ít nước diệt hỏa tính. Phơi khô.

5. Thanh bì tẩm giấm.

Thanh bì	10kg
Giấm	1,5kg

Trộn đều giấm vào thanh bì chỉ, ủ qua 20 phút cho giấm hút hết. Dùng nhỏ lửa sao đến khi có màu vàng nhạt.

*** Công dụng:** Thanh bì là thuốc lý khí có tác dụng sơ can giải uất, dùng khi ngực bụng đầy trướng, can khí uất kết, gây đau mạng sườn hoặc đau bụng. Chế giấm để tăng nhập vào gan có tác dụng giảm đau.

THANH CAO

Herba Artemisiae apiaceae

Dùng bộ phận trên mặt đất của cây Thanh cao -
Artemisia apiacea Hance. Họ Cúc - *Asteraceae*

1. Thanh cao thái đoạn.

Dem thanh cao khô rửa sạch, để ráo nước; thái đoạn 2-3cm. Phơi khô.

2. Thanh cao sao vàng.

Dem thanh cao thái đoạn sao nhỏ lửa đến khi có màu hơi vàng.

3. Thanh cao trích giấm.

Thanh cao	10kg
Giấm	1kg

Trộn đều giấm vào thanh cao cắt đoạn, sao khô đến màu đen xám.

4. Thanh cao trộn miết huyết.

Thanh cao	10kg	Rượu	4kg
Máu ba ba tươi	2kg		

Trước hết đem rượu trộn đều vào máu ba ba. Sau đó trộn đều vào thanh cao. Phơi khô.

5. Thanh cao trích miết huyết.

Thanh cao cắt đoạn	10kg
Máu của 20 con ba ba.	

Thêm ít nước vào máu ba ba. Thanh cao đoạn sau khi thêm ít nước làm mềm; thêm máu ba ba vào trộn đều. Sao nhỏ lửa đến khi khô.

*** Công dụng:** Thanh cao là thuốc giải cảm nhiệt, giải thử. Dùng sống để trừ hư nhiệt. Sao chế để tăng tác dụng thanh nhiệt. Chế miết huyết để tư âm thoái nhiệt.

THANH ĐẠI

Indigo pulverata levis

Là bột chàm xanh được chế từ nhiều cây chàm khác nhau: cây Chàm - *Indigofera tinctoria* L. Họ Cánh bướm - *Papilion*

aceae. Hoạch cây Nghề chàm - *Polygonum tinctorium* Lour. Họ Rau răm - *Polygonaceae*...

1. a) Có thể đem cành lá, cây chàm cắt nhỏ rồi đem ngâm vào nước 2 đến 7 ngày tùy theo thời tiết. Mùa lạnh ngâm lâu hơn. Gạn lọc lấy dịch ngâm thêm vôi để kiềm hóa (cứ 10kg nguyên liệu có thể dùng 0,8kg vôi). Cho vôi vào dịch nước chàm, quấy đều. Váng chàm nổi lên bề mặt; vớt lấy váng này, ép cho hết nước. Phơi khô.

b) Lấy bột chàm thô đã khô loại bỏ các tạp bẩn rồi nghiền mịn.

2. Thanh đại tinh khiết.

Đem bột chàm thô hòa vào nước, quấy cho tan. Gạn lấy bột đem phơi khô; ta được thanh đại dưới dạng bột mịn tinh khiết (thủy phi)

* **Công dụng:** Thanh đại là thuốc thanh nhiệt giải độc; có thể dùng khi sốt cao phát ban chẩn; hoặc thổ huyết; dùng ngoài chấm vào các vết lở ở lưỡi, miệng, mụn nhọt; hoặc nơi bị côn trùng cắn.

THẢO QUẢ

Fructus Amomi aromatici

Dùng quả chín phơi khô của cây Thảo quả - *Amomum Tsao-ko*. Crev et Lem. *A. aromaticum* Roxb. Họ Gừng - *Zingiberaceae*

1. Thảo quả nướng.

Đem quả thảo quả còn cả vỏ nướng vào tro nóng đến khi có mùi thơm thì lấy ra bóc bỏ vỏ ngoài. Cũng có thể dùng bột

mỳ nhão, làm áo bọc ngoài quả rồi mới nướng, đến khi áo bột đen đi thì lấy ra bóc bỏ vỏ.

2. Thảo quả sao.

Dem quả thảo quả, sao đến khi có màu vàng cháy. Đổ ra bóc bỏ vỏ ngoài; khi dùng giã nhỏ.

3. Thảo quả sao cát.

Dem cát rang nóng già; cho nhân thảo quả vào sao đến khi có màu vàng hơi đen. Rây bỏ cát.

4. Thảo quả sao cám.

Thảo quả	10kg
Cám	1kg

Dem thảo quả cùng cám sao nhỏ lửa đến khi có màu vàng. Rây bỏ cám.

5. Thảo quả trích gừng.

Thảo quả	10kg
Gừng tươi	2kg

Trước hết giã vắt lấy nước cốt gừng, tắm đều vào thảo quả; để hút hết nước. Sao đến khi khô cho mùi thơm.

*** Công dụng:** Thảo quả là thuốc ôn trung hóa thấp. Dùng khi hàn nhập lý hoặc sốt rét, khi ăn uống kém tiêu. Nướng sao làm giảm lượng dầu để cổ trướng chỉ tả. Chế gừng để chỉ nôn; sao đen để kiện vị tiêu thực.

THĂNG MA.

Radix Cimicifugae

Dùng rễ của cây Thăng ma - Cimifuga foetida L. C. dahurica (turcz) Maxim C. foetida L. Họ Mao lương - Ranunculaceae.

1. Thăng ma phiến.

Dem thăng ma ngâm rửa sạch, ủ mềm 12giờ; thái phiến 3-4mm. Cũng có thể dem chưng mềm rồi thái phiến. Phơi hoặc sấy khô.

2. Thăng ma sao vàng.

Lấy thăng ma phiến sao đến màu hơi vàng

3. Thăng ma sao cám.

Thăng ma phiến	10kg
----------------	------

Cám	2kg
-----	-----

Trước hết rang nóng chảo; cho cám vào thăng ma phiến, sao đến khi có màu hơi vàng. Rây bỏ cám

4. Thăng ma sao cám tẩm mật.

Thăng ma phiến	10kg
----------------	------

Cám trích mật	1,2kg
---------------	-------

Đun chảo nóng già, thêm thăng ma phiến và cám trích mật vào sao đến khi có màu vàng. Rây bỏ cám.

5. Thăng ma sao đen.

Lấy thăng ma phiến sao nhỏ lửa đến khi có màu hơi đen hoặc vàng đen.

6. Thăng ma thán.

Lấy thăng ma phiến dùng lửa to, sao đến khi bên ngoài có màu đen cháy. Phun nước trừ hỏa độc. Phơi khô.

7. Thăng ma trích rượu.

Thăng ma phiến	10kg
----------------	------

Rượu	2kg
------	-----

Lấy thăng ma phiến thêm rượu vào trộn đều, ủ 30 phút. Dùng nhỏ lửa sao khô. Cũng có thể dem đun cho chảo nóng

già, cho cắm vào sao tới thơm rồi cho thăng mà đã tẩm rượu vào sao tới khi có màu vàng. Rây bỏ cám.

8. Thăng ma trích mật.

Thăng ma phiến	10kg
Mật ong	2kg

Trước hết đem mật đun sôi, đổ thăng ma phiến vào; khuấy đều đến khi mật bị hút hết; thăng ma phiến có màu vàng hoặc hơi hồng. Phun vào một ít nước lạnh cho mềm đều; rồi tiếp tục sao khô.

* **Công dụng:** Thăng ma là thuốc giải biểu nhiệt, còn có tác dụng giải độc thấu chần, thăng đề. Chế rượu tác dụng thăng đề. Chế mật tăng cường nhuận phế chữa ho. Chế thán chỉ huyết dùng trị huyết lỵ.

THÍCH TẬT LÊ *Fructus Tribuli*

Là quả chín phơi khô của cây Thích tật lê - *Tribulus terrestris* L. Họ Tật lê - *Zygophyllaceae*

1. Tật lê sao vàng.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi bên ngoài có màu hơi vàng có mùi thơm. Đổ ra cho ngay vào bao tải, chà xát, bỏ gai.

2. Tật lê sao cám.

Trước hết rang nóng nồi; rắc cám vào đến khi có mùi thơm. Cho thích tật lê (đã chà xát bỏ gai) vào, sao đến khi có màu hơi vàng. Rây bỏ cám.

3. Tật lê muối.

Thích tật lê 10kg

Muối 0,2kg

Pha nước muối vừa đủ để trộn đều vào tật lê, ủ 30 phút. Đun nóng chảo; đổ tật lê tẩm muối vào; sao đến khi có màu vàng thơm. Cũng có thể sao tật lê đến khi có màu vàng hoặc hơi vàng thì thêm nước muối vào; đảo đều; tiếp tục sao đến khô.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng bình can tắt phong; dùng để sơ can giải uất, trừ phong sáng mắt. Dùng khi can khí uất kết dẫn đến đau mắt, mờ mắt...

THÍCH VỊ BÌ *Corium Hystrici*

Là da dầy con Nhím - *Hystrix hodgsoni*

Họ Nhím - *Hystricidae*

1. Trước hết rửa sạch, thái thành miếng nhỏ; phơi khô hoặc sấy khô.

2. Thích vị bì sao.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi có màu vàng nhạt hoặc vàng đậm.

3. Thích vị bì thán.

Dùng lửa to sao đến khi toàn bộ có màu đen hơi cháy.

4. Thích vị bì rang cát.

Đem cát rang nóng già, cho thích vị bì vào sao tới phồng bên ngoài có màu vàng hoặc vàng hơi đen.

5. Sao với bột hoạt thạch.

Dun nóng bột hoạt thạch, rồi cho thích vị bì vào sao tới phồng hơi vàng. Có thể tiến hành tẩm rượu sao vàng.

* **Công dụng:** Thích vị bì có tác dụng lương huyết giải độc; được dùng để chữa bệnh trĩ huyết, lòi dom chảy máu; đau dạ dày, nôn mửa...

THỊ ĐẾ (*Tai quả hồng*) *Calyx kaki*

Là tai quả Hồng - Diospyros Kaki L. f. Họ Thị - Ebenaceae

1. Lấy thị đế rửa sạch, bỏ núm. Phơi khô

2. Thị đế chưng.

Đem thị đế đồ chín 30 phút. Lấy ra phơi khô.

3. Thị đế sao vàng.

Đem thị đế sao nhỏ lửa đến khi có màu hơi vàng.

4. Thị đế thán.

Dùng lửa to sao nhanh đến khi bên ngoài có màu đen hơi cháy.

* **Công dụng:** Là vị thuốc có tác dụng hạ khí, dùng chữa nôn lợm, nấc, ợ hơi do đầy trướng.

THIÊN HOA PHẤN *Radix Trichosanthis*

Rễ của cây Qua lâu - Trichosanthis kirilowii Maxim hoặc Trichosanthes japonica Regei. Họ Bí - Cucurbitaceae.

1. Sau khi thu hoạch, rửa sạch rễ, cạo bỏ vỏ ngoài; rễ to bổ đôi. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Thiên hoa phấn phiến.

Đem rễ làm ẩm, ủ mềm thái phiến dài 1-3mm. Phơi khô hoặc sấy khô, khi dùng có thể vì sao

* **Công dụng:** Là thuốc sinh tân chỉ khát, giải độc, tiêu mủ. Dùng trong các bệnh tiêu khát, mụn nhọt, sang lở, sưng đau.

THIÊN MA

Rhizoma Gastrodiae

Dùng thân rễ của cây Thiên ma - *Gastrodia elata* Blumo.
Họ Lan - Orchidaceae.

1. Thiên ma phiến.

Làm mềm bằng cách ngâm rửa, ủ mềm. Có thể ngâm ngoài trời nắng 2 ngày 2 đêm sau rửa ủ mềm; thái phiến. Phơi khô. Cũng có thể đồ cho mềm rồi thái phiến dày 3-5mm. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Thiên ma sao.

Dùng nhỏ lửa sao đều thiên ma phiến đến khi có màu vàng hoặc vàng đen, có chấm đen.

3. Thiên ma sao cám.

Thiên ma 10kg.

Cám đã trích mật 2kg.

Cho cám đã trích mật cùng với thăng ma phiến vào sao đều ở nhiệt độ khoảng 180°C. Khi có màu hơi vàng đổ ra. Rây bỏ cám.

4. Thiên ma chế gừng.

Thiên ma 10kg.

Gừng tươi 3kg.

Dem thiên ma ngâm với nước gừng, ngâm tới mềm. Đổ ra ủ mềm; đồ chín; thái phiến. Phơi khô hoặc sấy nhỏ lửa đến khô.

* **Công dụng:** Thăng ma là thuốc có tác dụng bình can tất phong; dùng để trấn kinh an thần; còn dùng để chữa cao huyết áp.

THIÊN MÔN ĐÔNG

Radix Asparagi

Rễ của cây Thiên môn đông - *Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr. Họ Hành - Liliaceae.

1. Sau khi thu hoạch, rửa sạch củ, cạo bỏ vỏ ngoài, đồ chín. Phơi hoặc sấy nhỏ lửa đến khô. Cũng có thể sau khi ngâm nước phèn chua (đun sôi) 1 giờ; cạo bỏ vỏ ngoài, rửa sạch. Sấy tới 20% độ ẩm thái phiến hoặc cắt đoạn cũng có thể chỉ dùng nước phèn chua rửa sạch; phơi sao hoặc sấy khô. Hoặc sau khi cạo vỏ, bỏ lõi đồ chín; phơi khô; sau đó tẩm rượu 12 giờ, đồ lại và phơi khô.

2. Thiên môn chế chu sa.

Thiên môn đông 10kg.

Chu sa (bột) 0,2kg.

Dem thiên môn đông đã thái phiến, hay cắt đoạn thêm 1 ít nước để làm ẩm. Rắc bột chu sa vào; đảo đều. Phơi âm can.

3. Thiên môn sao.

Dùng nhỏ lửa sao đều, đến khi các phiến thiên môn phồng đều cho màu vàng, có các điểm đen.

4. Thiên môn tẩm mật ong.

Thiên môn 10kg.

Mật ong 2kg.

Đem thiên môn đông phiến trộn đều vào mật ong đang đun sôi. Tiếp tục dùng lửa nhỏ sao đến khi sờ không dính tay là được.

* **Công dụng:** Thiên môn là thuốc bổ âm; dùng trong các trường hợp tân dịch hư tổn; dùng để nhuận phế, chữa phế hư, phế lao. Chế với chu sa có tác dụng ninh tâm, an thần. Chế mật tăng nhuận phế chỉ ho.

THIÊN NIÊN KIẾN *Rhizoma Homalomenae*

Thân rễ của cây Thiên niên kiện - *Homalomena Aromatica* (Roxb) Schott. Họ Ráy - Araceae.

1. Sau khi thu hoạch, rửa sạch, cắt bỏ rễ con; phơi khô. Khi dùng có thể thái phiến lát dài 3-4cm, dày 1-3mm. Phơi âm can hoặc vi sao khi cần thiết.

2. Chưng rối thái phiến.

Sau khi phơi khô thiên niên kiện rất cứng; do đó có thể xử lý bằng cách ngâm nước 1-3 giờ; ủ 12 giờ hoặc 24 giờ cho mềm. Hoặc sau khi ngâm rửa, đem chưng; rồi thái phiến như trên.

* **Công dụng:** Là thuốc trừ phong thấp; dùng trong các bệnh đau nhức do phong thấp, đau tê xương khớp cơ nhục, thần kinh.

THIÊN TRÚC HOÀNG

Concretio silica Banbusae.

Chất cặn đọng ở đốt một số cây nứa - *Rambusa* sp. Họ Lúa - *Poaceae*.

Sau khi thu hoạch, loại bỏ các tạp chất. Phơi sấy khô. Khi dùng nghiền nhỏ.

* **Công dụng:** Là thuốc hóa đờm nhiệt, dùng cho các trường hợp sốt cao mê cuồng, trúng phong cảm khẩu, trẻ em kinh giật. Ngoài ra còn dùng chứng đờm nhiều khó thở.

THỎ TY TỬ

Semen Cuscutae

Hạt quả chín cây Thỏ ty - *Cuscuta chinensis* Lan.

Họ Bìm bìm - *Convolvulaceae*

1. Thỏ ty tử sao vàng.

Dem thỏ ty tử sao với nhiệt độ tăng dần tới khi hạt có màu vàng hơi bị nứt.

2. Thỏ ty tử trích rượu.

Thỏ ty tử	10kg
Rượu	2 kg

Dem rượu trộn đều vào thổ ty tử; ủ 30 phút đến 1 giờ cho hút hết rượu, sao tới khô vàng. Có thể tẩm rượu, ủ 12 giờ dem phơi, giã giập, lại tẩm rượu, ủ, phơi, cũng có thể tẩm, ủ 4 - 5 ngày với rượu, sau đồ chín. Phơi khô.

3. Thổ ty tử muối.

Thổ ty tử	10kg
Muối	0,15kg

Trước hết dem muối hoà tan lượng vừa đủ 1,5 lít; trộn nước muối với thổ ty tử; ủ 30 phút, sao tới vàng. Cũng có thể sau khi ủ mềm với nước muối dem chưng chín. Phơi khô.

4. Thổ ty tử làm thành bánh.

Thổ ty tử	10kg
Bột mỳ	1,5kg

Dem thổ ty tử chưng chín hoặc chưng cho trương nở. Lấy ra giã nát, thêm bột mỳ làm thành bánh. Phơi khô. Có thể trước khi chưng thì ủ với rượu 1 đêm theo tỷ lệ 10kg thổ ty tử, rượu 1,5kg. Chưng 12 giờ, cứ cách 2 giờ lại vảy một lần nước. Chưng tới chín, hạt nở ra; lấy ra giã nát, thêm bột mì với lượng như trên (1,5kg). Làm thành bánh, có thể cắt thành các khúc nhỏ.

5. Thổ ty tử nấu chín.

Lấy thổ ty tử, thêm nước vừa đủ ngâm 24 giờ. Lấy ngay nước ngâm này, có thể thêm một ít nước nữa; đun nhỏ lửa khoảng 30 phút đến 1 giờ cho hạt nở nứt ra; hoặc sờ thấy dính tay. Vớt ra giã nát, thêm bột mỳ vào, làm thành bánh. Có thể cắt nhỏ thành khúc. Phơi khô.

5. Nấu với rượu.

Thổ ty tử	10kg
Rượu	1,5kg
Bột mỳ	1,5kg

Trước hết đem rượu tắm đều vào thỏ ty tử, ủ 12 giờ, thêm nước vừa đủ nấu 1 giờ tới khi sờ thấy dính tay. Lấy ra giã nát, thêm bột mỳ làm thành bánh.

*** Công dụng:** Thỏ ty tử là thuốc trợ dương ích tinh, dùng khi thận dương kém, liệt dương, di tinh, lưng gối đau mỏi, hay sẩy thai, đẻ non, mất mề, tiêu tiện nhiều.

THÔNG THẢO

Medula Tetrapanax

Lõi của cây Thông thảo - *Tetrapanax papyriferus* (Hook) K. Koch. Họ Ngũ gia bì - *Araliaceae*

1. Thông thảo phiến.

Lấy thông thảo thái thành phiến vát 3 - 5mm, có thể thái phiến tròn dày 3 - 5mm (đối với lõi to).

2. Thông thảo tẩm chu sa.

Thông thảo	10kg
Chu sa (bột)	100gam

Lấy thông thảo thêm nước thấm ẩm; rắc chu sa vào, trộn đều. Phơi âm can, nơi thoáng gió. Cũng có thể sau khi thêm chu sa vào, cho vào 100gam hoạt thạch (dạng cục nhỏ); sau đó cho vào bình, lắc đều 2 phút, bỏ hoạt thạch đi; phơi âm can.

*** Công dụng:** Thông thảo là thuốc thấm thấp lợi niệu, dùng lợi tiểu khi bí tiểu tiện hoặc nước tiểu vàng đỏ; hoặc viêm đường tiết niệu, còn dùng thông tia sữa.

THỔ PHỤC LINH

Rhizoma Smilacis glabrae

Thân rễ của cây Khúc khúc, còn gọi là cây Thổ phục linh - *Smilax galbra* Roxb. Họ Kim cang - *Smilacaceae*.

1. Thổ phục linh phiến.

Sau khi thu hoạch, rửa sạch, cắt bỏ rễ con, để ráo nước thái phiến mỏng 2 - 3mm. Phơi khô hoặc sấy khô. Nếu có sẵn rễ khô, cần ngâm, rửa sạch ủ mềm rồi thái phiến như trên.

2. Thổ phục linh sao khô.

Đem thổ phục linh phiến sao tới khi khô cạnh hơi sém.

* **Công dụng:** Thổ phục linh là thuốc trừ thấp lợi thấp, dùng trong các trường hợp đau nhức xương khớp, còn dùng để giải độc khi mụn nhọt, lợi tiểu khi có viêm nhiễm đường tiết niệu.

THỤC ĐỊA

Radix Rhemanniae praeparatus

Là sản phẩm chế biến từ Sinh địa - *Rhemannia glutinosa* Gaertn. Họ Hoa Mồ hôi - *Scrophulariaceae*.

1. Sinh địa rửa sạch xếp vào thùng nhôm hoặc thép không gỉ củ to xếp xuống dưới, củ nhỏ xếp lên trên. Cứ 9 kg sinh địa dùng 1 lít rượu 40°; thêm nước đủ ngập. Nấu sôi. Hạ lửa, duy trì sôi nhẹ từ 6 - 8 giờ, trong thời gian đun; thường 1 giờ lại mức nước ở dưới nổi, tưới đều lên lớp sinh địa phía trên một lần. Có thể đun đến 72 giờ và tiếp nước sôi liên tục, đun tới cạn. Chú ý không để cháy. Đổ ra phơi nắng tới độ ẩm 20%

thì đem nấu tiếp nước sinh khương (lấy 200g gừng tươi rửa sạch, giã nhỏ, vắt lấy nước; cho vào sinh địa phơi ở trên. Tiếp tục nấu 6 giờ; Làm lại nhiều lần nấu và phơi nắng, để có thực địa đen nhánh, sờ không dính tay.

2. Dùng bột sa nhân tán nhỏ ngâm vào rượu 40° với tỷ lệ 1 sa nhân, 100 sinh địa. Dùng rượu này chưng cùng sinh địa 72 giờ. Đổ ra phơi và tẩm dịch chưng. Phơi đến khi sản phẩm có màu đen, sờ không dính tay.

3. Dùng những củ sinh địa nhỏ đem nấu nhiều giờ để lấy dịch sắc. Đem dịch này tẩm với củ sinh địa to rồi đồ nhiều giờ. Đổ ra phơi nắng, rồi lại đồ tiếp nhiều lần. Sau mỗi lần đồ lại phơi, lặp lại 9 lần để có sản phẩm đen nhánh, sờ không dính tay

* **Công dụng:** Thực địa là vị thuốc bổ huyết, được dùng trong các trường hợp thiếu máu da xanh xao, đau đầu chóng mặt, tân dịch khô hao, râu tóc sớm bạc, lưng đau gối mỏi tai ù, di mộng tinh.

THỦY XƯƠNG BỒ

Rhizoma Acori calami

Thân rễ của cây Thủy xương bồ - *Acorus calamus* L.

Họ Ráy - *Araceae*

1. Thủy xương bồ phiến.

Sau khi thu hái, rửa sạch bùn đất, cắt bỏ rễ con, phơi ráo nước. Thái phiến lát 3 - 5cm, dày 2 - 3mm. Phơi khô. Nếu có sẵn thân rễ khô cần làm mềm bằng cách rửa, ủ rồi thái phiến như trên.

2. Các cách chế biến khác.

Có thể tiến hành cách chế biến tương tự như vị thuốc thạch xương bồ như sao chế với nước gừng, sao cám, chế chu sa.

* **Công dụng:** Thủy xương bồ cũng là vị thuốc phương hương khai khiếu. Có tác dụng thông khiếu, tỉnh thần; dùng khi trúng phong bất tỉnh, còn dùng trị bụng đầy trướng kém tiêu, đi ỉa ở trẻ em, ù tai, điếc tai, hoặc đau vùng tim.

THUYỀN THOÁI (*Xác ve sầu*)

Periostrachum Cicadae

Là xác lột Ve sầu - *Cryptotympana pustulata* Fabricius.

Họ Ve sầu - Cicadidae.

1. Sau khi thu nhặt, cần rửa sạch đất cát; phơi khô.

2. Thuyền thoái sao vàng.

Trước hết bỏ chân, bỏ đầu; sao nhẹ tới khô vàng cho mùi thơm; tán vụn.

* **Công dụng:** Là vị thuốc có tác dụng tán phong nhiệt, an thần, dùng trị ngoại cảm phong nhiệt, thúc đẩy sỏi mật, kinh giãn trẻ con, khóc dạ đề, albumin niệu.

THƯƠNG LỤC

Radix Phytolaccae

Là rễ cây Thương lục - *Phytolacca esculenta* Van Hout.

Họ Thương lục - *Phytolaccaceae*.

1. Thương lục phiến.

Rửa sạch dược liệu, để ráo nước thái phiến lát dài 3 - 5cm, dày 1 - 3mm; đôi khi cần ủ mềm 30 phút rồi thái phiến. Phơi khô. Cũng có thể ngâm thương lục với nước cam thảo 1 - 2 giờ, ủ 30 phút, thái phiến. Phơi khô.

2. Thương lục trích giấm.

Thương lục phiến 10kg

Giấm 2kg

Trộn đều giấm vào thương lục, ủ 8 - 10 giờ cho hút hết giấm; sao tới khi vàng. Hoặc sao thương lục phiến tới nóng, rồi cho giấm vào, đảo đều; tiếp tục sao đến khô vàng.

3. Thương lục nấu với giấm.

Thương lục phiến 10kg

Giấm 3kg

Cho thương lục phiến vào giấm, nấu đến khi cạn giấm. Đổ ra phơi khô hoặc sấy khô.

* **Công dụng:** Thương lục là thuốc trục thủy dùng khi phù thũng hoặc báng bĩ, các bệnh phù do xơ gan, viêm phúc mạc, chế giấm hoặc chế với cam thảo để giảm bớt độc tính của thương lục.

THƯỜNG SƠN

Radix Dichroae, Folium Dichroae

Dùng rễ hoặc lá của cây Thường sơn - *Dichroa febrifuga* Louz. Họ Thường sơn - Saxifragaceae.

1. Chế biến rễ thường sơn.

Sau khi thu hái, rửa sạch, thái phiến lát dài 3 - 5cm, dày 1 - 3mm. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Thường sơn sao xém canh.

Dùng nhó lửa sao thường sơn phến đến khi sém cạnh là được.

3. Sao với cá m.

Thường sơn phiến	10kg
Cám	4kg

Dun tới khi cảm bốc khói, cho thường sơn phien vào, đảo đều tới khi có màu vàng. Rây bỏ cám.

4. Thường sơn trích rượu.

Thường sơn phiến	10kg
Rượu	2kg

Đem tắm rượu vào thường sơn phiến, ủ 30 phút đến 1 giờ; sao nhỏ lửa tới màu vàng. Có thể sao nóng thường sơn phiến sau phun rượu, tiếp tục sao đến màu vàng.

5. Thường sơn trích giấm.

Thương sơn phiến	10kg
Giấm	2kg

Trộn giấm vào thường sơn, ủ 30 phút đến 1 giờ, sao đến khô.

Lá thường sơn có thể dùng tươi hoặc phơi khô, khi dùng có thể vị sao.

*** Công dụng:** Thường sơn là thuốc khu trùng trừ dờm; dùng khi nhiều dờm tích tắc cổ họng. Còn dùng để chữa sốt rét. Chế rượu giảm tính gây nôn, tăng cường trị sốt rét.

THƯƠNG TRUẬT

Rhizoma Atractylodes lanceae

Dùng thân rễ của cây Thương truật - *Atractylodes lancea* (Thunb) DC. Họ Cúc - Asteraceae.

1. Thương truật phiến.

Dem thương truật rửa sạch để ráo nước, ủ mềm. Thái phiến dày 3-5mm, phơi khô hoặc dùng lửa nhỏ sấy khô. Có thể đem ngâm nước vo gạo; đãi sạch để ráo nước, thái phiến. Phơi khô.

2. Trích với nước vo gạo.

Dem thương truật phiến, tắm vừa đủ nước vo gạo; để 30 phút. Sao tới khô vàng.

3. Chưng thương truật với nước vo gạo.

Dem thương truật ngâm với nước vo gạo 10 phút, chưng 12 giờ đến khi có màu đen. Phơi âm can đến se vỏ; thái phiến. Phơi khô.

4. Thương truật phiến vi sao.

Dem thương truật phiến, dùng lửa nhỏ sao qua đến khi chuyển màu. Phơi khô.

5. Thương truật phiến sao vàng.

Dem thương truật phiến, dùng lửa nhỏ sao đến khi có màu vàng đậm hoặc có mùi thơm cháy.

6. Thương truật sao với hoàng thổ.

Thương truật phiến	10kg
--------------------	------

Bột hoàng thổ	3kg.
---------------	------

Dem hoàng thổ mịn sao nóng hoặc tới lúc tới ra; cho thương truat vào đảo đến màu vàng hoặc vàng hơi sém cạnh. Rây bỏ đất.

7. Thương truat phiến sao cám.

Thương truat phiến 10kg

Cám gạo 3kg.

Trước hết dem cám sao nóng già, bốc khói trắng; cho thương truat phiến vào sao đến khi phiến có màu vàng hoặc vàng sẫm. Rây bỏ cám.

8. Thương truat sao đen.

Dem thương truat phiến sao đến khi có màu vàng hơi đen, có mùi thơm là được.

9. Thương truat thán (sao cháy).

Dem thương truat phiến sao lửa to đến khi mặt ngoài bị đen, mùi cháy, trong vàng nâu, phun ít nước vào, lấy ra phơi khô.

10. Thương truat chế muối.

Thương truat 10kg

Muối 200 gam.

Lấy nước đủ để hòa tan muối; tắm nước muối vào thương truat phiến, ủ 30 phút. Sao lửa to đến khi mặt ngoài đen. Hoặc sao riêng thương truat phiến đến khi mặt ngoài bị đen thì vẩy nước muối vào. Sao tới khô.

*** Công dụng:** Thương truat có tác dụng hóa thấp, dùng khi thấp trệ ở tỳ vị, ở đại tràng; còn dùng kiện tỳ, khu phong thấp. Chế với hoàng thổ, cám để loại bớt dầu, giảm bớt tính táo của vị thuốc. Sao cháy để ôn tỳ, trừ thấp, chỉ tả.

TIÊU HỒI

Fructus foeniculi.

Quả chín của cây Tiêu hồi - *Foeniculum vulgare* Mill. Họ Hoa tán - Apiaceae.

1. Tiêu hồi sao.

Đem tiêu hồi sao nhỏ lửa khoảng 3-5 phút vỏ quả có màu vàng nhạt, có chấm đen; cũng có thể đỏ vàng đậm, có mùi thơm đặc trưng.

2. Tiêu hồi tẩm muối.

Tiêu hồi	10kg
Muối	200g

Nước vừa đủ để pha muối tẩm trộn đều nước muối với tiêu hồi, ủ 30 phút đến 1 giờ. Phơi khô.

3. Tiêu hồi trích muối.

Tiêu hồi	10kg
Muối	150g.

Đem nước muối trộn đều với tiêu hồi, ủ 30 phút; đem sao nhỏ lửa đến khi vỏ quả khô, có màu vàng nhạt, mùi thơm.

*** Công dụng:** Tiêu hồi có tác dụng tán hàn chỉ thống, lý khí hòa vị. Dùng để chữa các bệnh sản khí, sản thống viêm đau tinh hoàn, thoát vị bẹn, đau tử cung, đau buồng trứng, bàng quang. Còn dùng để chữa đau bụng do lạnh.

TÁO NHÂN (*Toan táo nhân*)

Semen Zizyphi jujubae.

Nhân lấy từ hạt quả Táo chua (đã chín) - *Zizyphus jujuba* Mill. Họ Táo ta - Rhamnaceae.

1. Táo nhân sao.

Dem toan táo nhân sao đến khi lớp vỏ ngoài phồng lên mầu hơi vàng hoặc vàng hơi đen, mùi thơm.

2. Táo nhân sao đen.

Táo nhân sao đến khi vỏ phồng lên, toàn bộ vỏ có mầu đen. Phun nước; lấy ra phơi chỗ mát.

3. Táo nhân nướng.

Cho cám vào nồi với một lớp dày 2-3cm; sau đó cho một lớp táo nhân lại một lớp cám 0,5cm. Dùng nhỏ lửa đun đến khi lớp cám ở dưới bốc khói; lớp vỏ ngoài của táo nhân có mầu hồng đậm, sáng bóng, mùi thơm. Lấy ra rây bỏ cám.

4. Táo nhân trích mật.

Toan táo nhân	10kg
---------------	------

Mật ong	2kg
---------	-----

Trước hết lấy toan táo nhân sao hơi đen vỏ, cho mật ong vào trộn đều. Sao khô.

5. Táo nhân trích muối.

Toan táo nhân	10kg
---------------	------

Muối	150g.
------	-------

Dem nước muối trộn đều vào táo nhân. Dùng lửa nhỏ sao đến khi có mầu đen.

6. Táo nhân chu sa.

Táo nhân sao đen 10kg

Bột chu sa 120g.

Thêm nước làm ẩm táo nhân; thêm bột chu sa trộn đều. Phơi âm can.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng dưỡng tâm an thần ích âm, liễm hãn; dùng trong bệnh mất ngủ hoặc huyết hư.

TIỀN HỒ

Radix Peucedanii.

Là rễ của cây Tiên hồ - *Peucedanum decurcivum* Maxim, *P.praeruplorum* Dum. Họ Hoa tán - *Apiaceae*.

1. Tiên hồ phiến.

Đem rễ tiên hồ rửa sạch, ủ 3-4 giờ cho mềm; thái phiến dọc theo chiều dài rễ dày 1-3mm. Phơi khô.

2. Tiên hồ sao.

Dùng nhỏ lửa sao tiên hồ phiến đến hơi cháy cạnh.

3. Tiên hồ trích mật.

Tiên hồ 10kg

Mật ong 10kg

Đem mật ong đun sủi bọt, thêm tiên hồ vào đảo đều; phun thêm nước vào; tiếp tục sao và đảo đều đến khi có màu vàng.

* **Công dụng:** Tiên hồ là thuốc thanh phế chỉ khái; dùng để tán phong thanh nhiệt trừ đờm, giáng khí trong các bệnh ho nhiều đờm đặc khó long.

TOÀN YẾT (Bò cạp)

Dùng toàn thân con Bò cạp - *Buthus mariensii* Karsch.
Họ Bò cạp - Scorpionidae.

Trước hết đem toàn yết ngâm nước để rửa hết vị mặn (vì khi chế sơ bộ để bảo quản, toàn yết đã ngâm và nấu với nước muối). Vớt ra phơi khô; hoặc dùng nhỏ lửa sấy khô. Cũng có thể sau khi rửa nước lã, tiếp tục rửa bằng cồn cao độ (75%). Phơi khô.

1. Toàn yết ngâm nước bạc hà.

Toàn yết	10kg
Lá bạc hà	1,5kg

Trước hết đem lá bạc hà hãm trong nước sôi độ 1 giờ; vớt bỏ bã. Đem toàn yết ngâm vào đó, đảo nhẹ để rửa lớp muối. Lại đập kín ngâm 30 phút; vớt ra phơi khô hoặc sấy khô.

2. Ngâm nước sắc hành trước.

Toàn yết	10kg
Hành	1kg

Sắc lấy nước hành; đem toàn yết ngâm trong nước hành; rửa sạch. Phơi khô.

3. Ngâm toàn yết với nước sắc cam thảo, sinh khương.

Toàn yết	10kg
Cam thảo	1kg
Sinh khương	1kg.

Trước hết ngâm toàn yết với nước sắc của cam thảo và sinh khương. Sau đó rửa sạch; phơi khô.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng bình can tất phong được dùng trong các bệnh kinh giãn co giật, uốn ván, viêm dây

thần kinh số 5, số 7 hoặc dây thần kinh liên sườn, chứng bán thân bất toại.

TÔ MỘC (Gỗ vang) ***Lignum Sappan***

Gỗ lõi của cây gỗ Vang - *Caesalpinia sappan* L. Họ Đậu - Fabaceae.

Trước hết bóc bỏ lớp vỏ bên ngoài, lấy lõi có màu vàng hoặc đỏ ở bên trong. Cưa thành từng đoạn 5 - 10 cm tùy theo yêu cầu dùng. Chẻ mỏng để được các thanh có bề dày 1-3mm, rộng 5-10mm. Đôi khi ngâm nước nóng cho mềm, rồi bào thành phiến mỏng. Cũng có thể sau khi bóc lớp vỏ, đem ngâm vài tuần rồi tiến hành đồ vài giờ, sau đó mới bào hoặc chẻ thành miếng như trên. Khi được phiến phơi âm can.

* **Công dụng.** Tô mộc là thuốc có tác dụng hoạt huyết, động kinh; dùng trong các trường hợp kinh bế, sau đẻ huyết ứ hoặc chấn thương bầm tím do huyết ứ. Còn dùng chữa các bệnh đường ruột như ỉa chảy, lỵ.

TRẠCH TẢ ***Rhizoma Alismatis.***

Thân rễ của cây Trạch tả - *Alisma orientalis* (Sam) Zuep. Họ Trạch tả Alismataceae.

Đem trạch tả rửa sạch, cắt bỏ rễ con; phơi khô, khi dùng thái phiến dày 1-3mm. Nếu củ khô cứng quá phải ngâm, ủ mềm rồi thái, phơi khô.

1. Trạch tả sao vàng.

Đem phiến trạch tả sao nhỏ lửa đến khi toàn bộ bề mặt hơi vàng.

2. Trạch tả trích muối.

Trạch tả 10kg

Muối 300g

Đem muối hòa thành dung dịch, đủ để tắm vào trạch tả; ủ 30 phút cho ngấm hết. Sao nhỏ lửa tới bề mặt hơi vàng hoặc vàng đậm. Có thể sao trạch tả tới vàng, rồi phun dung dịch muối vào. Tiếp tục sao đến khô.

* **Công dụng:** Trạch tả là thuốc lợi thấp có công năng lợi tiểu, thanh thấp nhiệt, được dùng khi tiểu không thông, phù thũng bụng đầy trướng, tiêu chảy, dùng trị chứng mờ trong mắt.

TRẦN BÌ

Pericarpium Citri.

Là vỏ quả chín phơi khô của một số cây họ Cam - Rutaceae như *Citrus deliciosa* Tenore, *C. reticulata* Blanco. Đem trần bì khô ngâm nước 30 phút, rửa sạch, gọt bỏ phần cùi trắng; để mềm; thái sợi. Phơi khô.

1. Vi sao trần bì.

Lấy trần bì thái sợi sao qua cho khô.

2. Trần bì sao vàng.

Lấy trần bì sao cùng với cám đến khi cả ngoài và trong có màu vàng có mùi thơm là được.



3. Trần bì sao cháy.

Sao trần bì tới đen toàn bộ phía ngoài.

4. Trần bì đồ.

Trước hết rửa sạch bỏ màng cùi trắng. Phơi khô bóp vụn đem đồ 20-30 phút. Phơi âm can.

5. Trần bì đồ với rượu giấm, muối.

Trần bì 1kg.

Phụ liệu trên mỗi thứ 0,5 kg.

Trước hết rửa sạch trần bì, phơi khô cắt nhỏ. Tẩm với các phụ liệu trên; trộn đều, ủ 12 giờ. Đồ lửa to tới khi hơi bốc lên phía trên là được, lấy ra phơi khô.

6. Trần bì đồ với muối, giấm, gừng.

Trần bì	10kg	Muối	1kg
---------	------	------	-----

Gừng	0,5kg	Giấm	0,5kg.
------	-------	------	--------

Đem trần bì sợi tẩm đều với các phụ liệu trên trong 15 phút. Chưng đến khi có mùi thơm, ngừng lửa, ủ 1 ngày để màu của nó chuyển sang thành đen. Phơi khô.

7. Phương pháp chế sâm bồi trần bì.

Trần bì	10kg	Ô mai	0,5g
---------	------	-------	------

Đại hồi	0,5kg	Lá bạc hà	0,5kg
---------	-------	-----------	-------

Ma hoàng	0,5kg	Hạnh nhân	0,5kg
----------	-------	-----------	-------

Đun tất cả các phụ liệu này để lấy dịch (I). Mặt khác lấy bột hỗn hợp của xuyên bối mẫu 1kg, đảng sâm hoặc nhân sâm 0,5kg, sa nhân, pháp bán hạ mỗi thứ 0,5kg. Trần bì rửa sạch, thái vụn phơi khô tới độ ẩm còn 20%. Cho hợp dịch I vào quấy đều; ủ 1 đêm. Chưng 2 ngày đến khi chín kỹ. Lấy ra thêm bột của hỗn hợp thuốc trên vào, trộn đều; tiếp tục chưng 2 giờ nữa. Phơi khô.

* **Công dụng:** Trần bì là thuốc hành khí hóa đờm, kiện tỳ ráo thấp, chưng chế và sao chế để hòa vị hòa hoãn được tính. Chế sâm bối trần bì để tăng khả năng chỉ ho khi phế hư hàn.

TRI MẪU

Rhizoma Anemarrhenae

Thân rễ khô của cây Tri mẫu - *Anemarrhena asphodeloides* Bge. Họ Hành - Liliaceae.

1. Tri mẫu phiến.

Dem thân rễ tri mẫu loại bỏ lông xơ, vỏ ngoài, rửa sạch, ủ mềm, thái phiến chéo dài 3-5cm, dày 3-5mm. Phơi hoặc sấy khô ở nhiệt độ thấp.

2. Sao vàng.

Dem tri mẫu phiến, sao nhỏ lửa đến khi mẫu vàng sẫm có đốm cháy.

3. Sao với cám.

Dun nóng chảo; đồng thời cho cám và tri mẫu phiến vào, đảo đều; sao đến màu vàng nhạt hoặc vàng đậm. Rây bỏ cám.

4. Tri mẫu trích rượu.

Tri mẫu phiến	10kg
---------------	------

Rượu	2kg.
------	------

Dem rượu trộn đều vào tri mẫu phiến; ủ 30 phút sao nhỏ lửa tới màu hơi vàng hoặc sao tới khô.

5. Tri mẫu trích muối.

Tri mẫu	10kg
---------	------

Dem muối hòa thành dung dịch độ 2 lít. Lấy nước này tắm đều vào tri mẫu phiến, ủ 30 phút. Sao nhỏ lửa đến khi khô, hoặc chuyển màu. Cũng có thể sao tri mẫu phiến đến khi biến màu rồi phun nước muối với lượng như trên vào tiếp tục sao đến khô.

* **Công dụng:** Tri mẫu có tác dụng thanh nhiệt giáng hỏa, được dùng khi sốt cao phát cuồng, còn dùng để tư âm giáng hỏa, bổ phế, chỉ ho. Chế với rượu khí vị thuốc đi lên thượng tiêu. Chế muối khí vị trầm giáng.

TRÚC LỊCH

Sucus Babusae

Là dịch chảy ra sau khi đốt các ống tre tươi hoặc măng, cành cây Tre - Bambusa sp. Họ Lúa - Poaceae.

- Lấy các ống tre tươi (bỏ đốt), hơ trên lửa to, thu lấy dịch chảy ra, lọc bỏ tạp bần ta được trúc lịch.

- Lấy các ống tre tươi chẻ nhỏ, rửa sạch; cho vào trong lọ sành; xếp miệng lọ xuống một vung sành để ngửa. Dùng mùn cưa hoặc trấu đốt chung quanh lọ. Nước chảy ra; lọc bỏ tạp; thu được trúc lịch. Cũng làm tương tự song, bộ phận hứng trúc lịch lại đặt dưới một cái hố; trên mặt hố úp lọ sành dựng các đoạn tre tươi đã rửa sạch. Toàn bộ phần miệng hố tiếp xúc với lọ cần trát đất sét cho kín. Dem trấu đốt bên ngoài lọ; dịch trúc lịch chảy ra được hứng vào dụng cụ dưới hố.

- Nếu lấy với lượng ít, người ta có thể lấy các búp tre vùi, hơ trực tiếp trên lửa rồi vắt lấy dịch nước trúc lịch.

* **Công dụng:** Trúc lịch là thuốc thanh hóa nhiệt đờm; dùng khi đờm nhiệt, trúng phong kinh giản co quắp hoặc ho hen suyễn do đờm nhiệt.

TRÚC NHỰ

Caulis Bambusae in Taenis

Là lớp vỏ giữa, sau khi đã cạo lớp vỏ ngoài ở thân cây Tre - Bambusa Sp. Họ Lúa - Poaceae.

1. Lấy tre tươi, bỏ đốt, cạo lớp vỏ xanh, lau sạch; cạo lấy lớp vỏ bên trong ta có các sợi nhỏ là sinh trúc nhự.

2. Trúc nhự chế gừng.

Sinh trúc nhự 10kg.

Gừng tươi 2kg.

Trước hết rửa gừng, giã vắt lấy nước cốt. Giã tiếp; thêm nước là độ 2 lít. Tẩm đều nước gừng vào sinh trúc nhự; phơi khô hoặc sấy khô.

3. Trúc nhự trích gừng.

Trúc nhự 10kg.

Gừng tươi 2kg.

Giã lấy nước gừng; trộn đều vào trúc nhự, ủ cho ngấm rồi sao nhỏ lửa đến khi khô. Hoặc cho trúc nhự vào nồi nóng, sao nóng, đến khi có màu vàng; cho nước gừng vào, trộn đều. Sao khô.

4. Trúc nhự sao cám.

Đem cám sao tới bốc khói trắng; cho trúc nhự vào đảo đều tới vàng.

5. Trúc nhự tẩm chu sa.

Trúc nhự 10kg

Bột chu sa 1kg.

Dem sinh trúc nhự tẩm nước đủ ấm; rắc bột chu sa vào, trộn đều. Phơi chỗ gió cho khô.

* **Công dụng:** Trúc nhự là thuốc hóa đờm nhiệt, dùng để thanh phế hóa đờm. Chế gừng để tăng tác dụng hóa đờm. Chế chu sa tăng tác dụng an thần; dùng khi nào bị phong đờm.

TỤC ĐOẠN *Radix Dipsaci.*

Là rễ cây Tục đoạn - *Dipsacus japonicus* Mig. Họ Tục đoạn - Dipsacaceae.

Sau khi thu hái rửa sạch đất cát, phơi khô. Khi dùng ngâm mềm, thái phiến lát 3-5cm, dày 5-7mm. Phơi khô hoặc sấy khô.

1. Tục đoạn sao vàng.

Dem tục đoạn phiến, dùng nhỏ lửa sao đến vàng hoặc hơi cháy hoặc có đốm cháy.

2. Tục đoạn trích rượu.

Tục đoạn phiến 10kg.

Rượu 2kg.

Dem rượu trộn đều vào tục đoạn phiến; ủ 30 phút. Sao tới khô.

3. Sao với cám.

Tục đoạn phiến đã trích rượu, ủ 30 phút, sau đem cám sao tới bốc khói thì cho tục đoạn đã tẩm rượu vào, sao tới màu vàng. Rây bỏ cám.

4. Tục đoạn trích muối.

Tục đoạn 10kg.

Muối ăn 1kg.

Dem muối ăn hòa vào 2 lít nước. Dùng nước muối trộn đều vào tục đoạn phiến; ủ 30 phút cho hút hết nước muối. Sao đến màu vàng đen. Có thể sao tục đoạn tới khô rồi phun nước muối vào; tiếp tục sao đến vàng hơi đen.

* **Công dụng:** Tục đoạn có tác dụng bổ can thận, mạnh gân cốt; dùng khi gãy xương, đứt gân, bong gân, hoặc động thai. Còn dùng để lợi sữa, để cầm máu.

TÙNG HƯƠNG

Resina Pini

Là phần đặc còn lại sau khi cất kéo nhựa thông với nước.

1. Lấy dược liệu phần đặc còn lại sau khi cất kéo nhựa thông, nhặt bỏ tạp chất đun nhỏ lửa cho nhựa tan ra; đổ ra tấm đá sạch bóng, cũng có thể đổ vào chậu nước lã lạnh để nó rắn lại thành khối. Cũng có khi đem khối rắn này chặt nhỏ ra rồi nghiền thành bột, gói trong các túi giấy bóng để bảo quản.

2. Tùng hương chế với hành.

Tùng hương 10kg.

Hành tươi 1kg.

Dem hành tươi đun sôi 10 phút, bỏ bã. Đổ tùng hương vào nước sắc hành này; vừa đun vừa khuấy cho tan hết. Sau đó đem đổ vào trong nước lạnh. Sau khi đông rắn lại; lấy ra đem phơi khô mát.

* **Công dụng:** Tùng hương là thuốc dùng ngoài; có tác dụng giảm đau, trừ mụn, sinh cơ thường có trong thành phần của cao dán nhọt.

TỬ HÀ SA (Rau thai) ***Placenta Hominis.***

1. Sau khi thu được rau thai tốt (không bị nhiễm khuẩn, đặc biệt xoắn khuẩn giang mai; phản ứng HIV âm tính) cần tiến hành chế biến ngay bằng một số cách sau: Trước hết đem rửa sạch, cắt bỏ màng trắng, chọc thủng các mạch máu, rửa nước cho hết máu; có thể ngâm trong nước và thường xuyên thay nước tới khi hết máu. Tiếp theo ngâm rửa bằng cồn 70 độ rồi rửa bằng nước sôi cho đến khi rau thai có màu trắng. Sấy ở nhiệt độ 70°C rồi tăng dần nhiệt độ cho tới khi khô kiệt.

2. Tử hà sa sao với hoạt thạch.

Dem bột hoạt thạch sao nóng rồi cho các miếng tử hà sa vào, đảo đều tới khi khô phồng giòn.

Có thể dùng bột hoàng thổ sao tới phồng giòn.

3. Tử hà sa chế với kim ngân hoa, cam thảo.

Tử hà sa tươi	10kg.
Kim ngân hoa	0,4kg.
Cam thảo	0,4kg.

Trước hết đem sắc lấy nước của kim ngân hoa và cam thảo. Sau đó đem tử hà sa đã loại sạch máu, ngâm vào nước sắc 3-4 giờ. Lấy ra sấy khô. Cũng có thể dùng riêng cam thảo sắc nước rồi cho tử hà sa vào đun sôi 1 giờ. Vớt ra sấy khô giòn. Cũng có thể chế với nước kim ngân hoa, cam thảo và

rượu bằng cách: Lấy nước sắc kim ngân hoa, cam thảo nấu tử hà sa trong 15 phút với rượu; sau đó lại thêm rượu vào đảo kỹ, vớt ra sấy khô giòn

* **Công dụng:** Là thuốc bổ huyết dùng cho người ốm yếu thiếu máu xanh xao vàng vọt.

TÔ TỬ

Fructus Perillae

Quả chín phơi khô của cây Tía tô - *Perilla frutescens* (L)
Britt Họ Hoa môi- Lamiaceae

1. Tô tử sao.

Lấy tô tử dùng nhỏ lửa sao đến khi có mùi thơm hoặc đến khi có tiếng nổ lách tách

2. Tô tử trích mật.

Tô tử	10kg
-------	------

Mật ong	1,2kg
---------	-------

Dem mật ong trộn đều vào tô tử, sao nhỏ lửa đến khi có màu nâu đậm; sờ không dính tay. Cũng có thể cho mật vào đun sôi, sau cho tô tử vào đảo đều; sao đến khi sờ thấy không dính tay.

3. Tô tử sương.

Lấy tô tử sau khi sao thơm, dùng giấy gói kỹ, cho dầu thấm ra. Thay giấy gói lại, ép loại bỏ dầu.

* **Công dụng:** Tô tử là thuốc chỉ ho bình suyễn, dùng hạ đờm và làm dễ thở khi bị hen suyễn.

TỬ UỖN

Radix Asteris

Là rễ cây Tử uyễn - *Aster talaricus* L. Họ Cúc - Asteraceae

1. Tử uyễn phiến.

Dem rễ tử uyễn rửa sạch để ráo nước; thái phiến dài 3-5cm, dày 1-3mm. Phơi khô hoặc sấy khô.

2. Tử uyễn sao.

Dem tử uyễn phiến sao nhỏ lửa đến màu vàng đậm hoặc hơi cháy.

3. Sao với cám.

Tử uyễn phiến	10kg
---------------	------

Cám gạo	3kg
---------	-----

Đun chảo nóng, cho cám vào, đun tiếp tới khi bốc khói, cho tử uyễn phiến vào, đảo đều tới khi có màu vàng, mùi thơm. Rây bỏ cám.

4. Tử uyễn trích mật ong.

Tử uyễn trích mật ong.

Tử uyễn phiến	10kg
---------------	------

Mật ong	2kg
---------	-----

Dem mật ong trộn đều vào tử uyễn phiến, ủ 30 phút cho ngấm đều; dùng lửa nhỏ sao đến màu vàng. Cũng có thể đem mật ong hòa loãng, đun sôi, rồi cho tử uyễn phiến vào đảo đều; sao đến khi sờ không dính tay, có màu vàng là được.

5. Tử uyễn chưng.

Lấy tử uyễn phiến cho vào thùng gỗ, chưng cách thủy 30 phút đến 1 giờ. Lấy ra phơi khô.

*** Công dụng.** Là thuốc có tác dụng chỉ ho, bình suyễn hóa đờm. Dùng khi phế hư gây ho khó thở. Chế mật tăng khả năng nhuận phế.

TỖ BÀ DIỆP

Folium Eriobotryae

Lá khô của cây nhót Tây hay Nhót Nhật Bản - *Eriobotrya Japonica* (Thunb) Lindl. Họ Hoa hồng - *Rosaceae*

1. Đem lá chải sạch lớp lông mịn nâu phía sau; rửa sạch, thái miếng rộng 2-3cm. Phơi khô. Nếu có lá khô sẵn thì ngâm cho mềm ra, lau chải lông, rửa sạch rồi thái miếng như trên.

2. Tỳ bà điệp sao vàng.

Lấy tỳ bà điệp miếng sao đến khi có màu hơi vàng .

3. Tỳ bà điệp tẩm mật.

Tỳ bà điệp 10kg.

Mật ong 1,5kg.

Pha mật ong loãng ra, rồi tẩm đều vào tỳ bà điệp để ngấm 30 phút. Sao đến mùi hơi vàng, sờ không dính tay.

4. Tỳ bà điệp trích gừng.

Tỳ bà điệp 10kg.

Gừng tươi 2kg.

Đem gừng tươi rửa sạch, giã lấy nước thêm nước để có 2 lít nước gừng. Tẩm đều vào tỳ bà điệp; để 30 phút cho ngấm đều. Sao khô.

Có thể tiến hành chế biến tương tự với lá cây Nam tỳ bà hay còn gọi lá Hen, lá Bồng bồng - *Colotropis gigantea* R.Br. Họ Thiên lý - *Asclepiadaceae*.

* **Công dụng:** Tỳ bà là thuốc chỉ ho hóa đờm, dùng để thanh phế hóa đờm, giáng khí hòa vị. Chế mật tăng cường giáng khí chỉ ho. Trích gừng có tác dụng chỉ nôn.

TỖ GIẢI

Rhizoma Dioscoreae

Dùng thân rễ của cây Tỳ giải - *Dioscorea tokoro* Makino. Họ Củ nâu - *Dioscoreaceae*.

1. Đem dược liệu tỳ giải ngâm nước cho mềm, rửa sạch; ủ cho mềm; thái phiến dày 2-5mm. Phơi khô hay sấy khô. Có thể sau khi thái phiến, ngâm với nước vo gạo vài giờ. Rửa sạch, phơi khô hoặc sấy khô.

2. Tỳ giải sao vàng.

Lấy tỳ giải phiến sao nhỏ lửa đến khi có màu vàng.

3. Tỳ giải trích muối.

Tỳ giải	10kg
Muối ăn	300g

Đem muối hòa tan trong 2 lít nước, tắm đều vào tỳ giải phiến. Để ngấm 30 phút, sao đến hơi vàng.

4. Có thể tiến hành chế biến tương tự với vị Nam tỳ giải *Rhizoma Smilacis*, là thân rễ cây Kim cang- *Smilax ferox*. Họ Hành - *Liliaceae*.

* **Công dụng:** Tỳ giải là thuốc phong thấp đau nhức xương cốt cơ nhục, thần kinh ngoại biên, còn có tác dụng thẩm thấp

lợi tiểu. Nam tỳ giải được sử dụng tương tự song tác dụng thấm thấp lợi niệu trừ tiểu độc, khí hư bạch đới thấy rất tốt.

UY LINH TIÊN

Radix Clematidis

Là rễ của cây Uylinh tiên - *Clematis chinensis* Osbeck.
Họ Mao lương - *Ranunculaceae*.

1. Đem dược liệu uylinh tiên rửa sạch đất, cắt để ráo nước, rễ con cắt đoạn 3-5cm, phần gốc rễ thái phiến.

2. Uylinh tiên trích rượu.

Uy linh tiên	10kg
Rượu	2kg

Đem rượu trộn đều vào uylinh tiên; ủ 1 giờ. Sao tới khô.

3. Uylinh tiên sao khô.

Đem uylinh tiên đoạn, sao nhỏ lửa đến khô.

4. Uylinh tiên đồ.

Đem uylinh tiên đã cắt đoạn, phiến đem đồ một giờ. Phơi khô.

Ghi chú: Cây Nam uylinh tiên còn gọi là cây bạch hạc hay cây kiến cò *Rhinacanthus communis* Nees họ Ô rô - *Acanthaceae* rễ có thể chế tương tự; còn lá chỉ cần phơi khô, sao qua.

*** Công dụng:** Uylinh tiên là thuốc trừ phong thấp; dùng trong đau nhức xương khớp cơ nhục, còn có tác dụng lợi tiểu.

Rễ cây Nam uylinh tiên chữa hắc lao, lá chữa cao huyết áp.

VIỄN CHÍ

Radix Polygalae

Rễ của cây Viễn chí lá nhỏ - *Polygala tenuifolia* Willd Viễn chí lá trứng - *P. sibirica* L. Họ Viễn chí - Polygalaceae.

1. Viễn chí bỏ lõi.

Dem rễ rửa sạch khi còn hơi ẩm, rút bỏ lõi; cắt đoạn 3-5cm. Phơi khô.

2. Chế viễn chí với cam thảo.

Viễn chí	10kg.
----------	-------

Cam thảo	0,5kg.
----------	--------

Nấu cam thảo lấy nước; ngâm viễn chí vào nước cam thảo tới khi trương nở; rút bỏ lõi. Phơi khô hoặc sấy khô. Có thể cho viễn chí vào nước cam thảo rồi đun tới khô mới bỏ lõi. Phơi khô.

3. Viễn chí trích cam thảo.

Viễn chí	10kg.
----------	-------

Cam thảo	1kg.
----------	------

Sắc lấy nước cam thảo, tẩm đều vào viễn chí; ủ 1 giờ. Dem sao vàng.

4. Chế viễn chí với sinh khương cam thảo.

Viễn chí	10kg.
----------	-------

Sinh khương	1kg.
-------------	------

Cam thảo	0,5kg.
----------	--------

Trước hết cam thảo sắc lấy nước; sinh khương giã lấy nước. Hòa đều 2 thứ dịch trên rồi đem tẩm đều vào viễn chí. Để 1 giờ cho hút hết dịch; sao vàng.

5. Viên chí chế với bột chu sa.

Viên chí 10kg.

Bột chu sa 200g.

Lấy viên chí đã chế với cam thảo; thêm ít nước làm ẩm rồi rắc bột chu sa vào; trộn đều. Phơi âm can.

6. Viên chí tẩm mật ong (hoặc mật đường).

Viên chí (đã bỏ lõi) 10kg.

Mật ong 1kg.

Dem viên chí đã chế với cam thảo sao cho nóng lên rồi đổ mật ong đã pha loãng vào đảo đều; tiếp tục sao đến khi có màu vàng, sờ không dính tay là được.

7. Viên chí sao cám.

Trước tiên sao cám nóng già bốc khói đổ viên chí đã chế cam thảo vào; đảo đều sao tới màu vàng.

8. Viên chí sao đen hoặc sao cháy.

Lấy viên chí đã chế cam thảo, sao đến toàn bộ bên ngoài bị đen hoặc sao đen hơi cháy, bên trong hơi nâu.

*** Công dụng:** Viên chí là thuốc an thần ích trí, trừ đờm, chỉ ho. Dùng trong các bệnh thần chí bất an dẫn đến mất ngủ hay quên. Còn dùng để hóa đờm chỉ ho. Chế với chu sa tăng tác dụng an thần. Chế mật tăng nhuận phế chỉ ho. Sao cháy có tác dụng chỉ huyết. Chế cam thảo để điều hòa, giải độc.

XẠ CAN

Radix Belamcandae chimensis (L.) D.C

Họ Lay ơn - Iridaceae.

1. Xạ can phiến.

Sau khi thu hái, rửa sạch đất cát, cắt bỏ rễ con. Thái phiến lát dài 2-3cm, dày 1-3mm. Phơi khô.

Nếu có sẵn rễ khô thì ngâm mềm rửa sạch rồi tiến hành như trên.

2. Xạ can sao vàng.

Lấy xạ can phiến sao nhỏ lửa đến hơi vàng hoặc màu vàng.

3. Xạ can chế với nước vo gạo và lá tre.

Đem xạ can ngâm với nước vo gạo 1-2 ngày. Vớt ra rửa sạch, thái phiến phơi khô. Hoặc sau khi ngâm vớt ra để ráo nước rồi đem nấu với nước sắc lá tre; để hơi khô se, thái phiến. Phơi khô.

* **Công dụng:** Xạ can là vị thuốc giải độc, trừ đờm; dùng trong đau hầu họng, nhiều đờm, ho. Còn dùng để lợi sữa và chữa rắn cắn.

XÀ (Rắn)

Dùng các loại rắn để làm thuốc như:

Rắn Hồ mang - *Naja - naja* L.

Rắn Cạp nong - *Bungarus fasciatus* L.

Rắn Cạp nia - *Bungarus candidus* L.

Rắn Ráo - *Zamenis mucosus* L.

- Rửa sạch tạt bẩn dùng dao nửa hoặc dao mỏng rạch một đường từ hậu môn lên ức; bỏ phủ tạng, chú ý lấy mật ngâm vào một lọ cồn 70° để riêng.

- Rắn sau khi mổ được ngâm vào dịch rượu và gừng tươi già nhỏ 30 phút; rửa sạch máu, ngâm rượu. Nếu dùng rắn dưới dạng sấy khô làm bột cần chặt bỏ đầu để loại bỏ hai túi nọc độc trên đầu. Cũng có thể lột bỏ da tẩm gừng nướng thơm rồi mới sấy khô. Khi sấy rắn cần chú ý nhiệt độ sấy ban đầu ít nhất trên 60°C sau đó nâng nhiệt độ lên dần để chín đều. Sau khi sấy thịt rắn khô giòn vàng, mùi thơm.

* **Công dụng:** Rắn được sử dụng chữa phong thấp đau nhức xương cốt, cơ nhục, thần kinh bán thân bất toại, tê mỏi da thịt.

XÀ THOÁI (*Xác rắn*)

Là lớp da của rắn sau khi tự lột.

1. Dem xà thoái rửa sạch, có thể rửa bằng rượu. Phơi khô hoặc sao nhỏ lửa tới vàng.

2. Xà thoái trích rượu.

Xà thoái	1kg.
Rượu	50ml.

Dem rượu tẩm đều vào xà thoái; sao nhỏ lửa đến khi có màu vàng.

3. Xà thoái trích giấm.

Xà thoái	1kg.
Giấm	0,2kg.

Sao nhỏ lửa xà thoái tới nóng; thêm giấm vào trộn đều, sao tiếp đến khi có màu hơi vàng.

4. Xà thoái tẩm mật ong.

Xà thoái	1kg.
Mật ong	0,2kg.

Trộn đều mật ong pha loãng vào xà thoái để ngấm 30 phút. Sao nhỏ lửa tới màu vàng.

5. Xà thoái trích dầu vừng.

Xà thoái 1kg.

Dầu vừng 200 gam.

Dem dầu vừng trộn đều vào xà thoái; để 30 phút đến 1 giờ cho ngấm. Sao nhỏ lửa tới vàng.

6. Xà thoái chế với nước cam thảo.

Xà thoái 1kg.

Cam thảo 200g.

Sắc lấy nước cam thảo, trộn đều vào xà thoái. Phơi khô hoặc sấy khô.

7. Xà thoái nung tồn tính.

Cho xà thoái vào cối sành, trên trát kín. Nung lửa 1 giờ, để 12 giờ, lấy ra.

* **Công dụng.** Xà thoái là thuốc thanh nhiệt giải độc, được dùng để giải độc mụn nhọt, thoái màng mỏng ở mắt, tiêu ung thũng.

XÍCH THƯỢC

Radix Paeoniae rubrae

Rễ cây Thược dược - *Paeonia lactiflora* Pall.

P. obovata Maxim.

P. reichii Lynch. Họ Mao lương - Ranunculaceae.

1. Dem dược liệu rửa sạch, thái phiến, phơi khô.

2. Xích thược sao sém cạnh.

Dem xích thược phiến, sao nhỏ lửa đến khi hơi sém cạnh.

3. Sao với cám.

Xích thước phiến	10kg
Cám mạch	0,5kg

Dem cám gạo rang tới bốc khói, cho xích thước phiến vào sao đến màu hơi vàng. Sàng bỏ cám.

4. Xích thước tẩm rượu.

Xích thước phiến	10kg
Rượu	1kg

Dem rượu tẩm với xích thước phiến; ủ 30 phút cho ngấm. Sao tới hơi vàng.

5. Xích thước trích giấm.

Xích thước phiến	10kg
Giấm	1,5kg

Dem giấm trộn đều với xích thước phiến; ủ 30 phút. Sao tới hơi vàng.

*** Công dụng:** Xích thước có công năng thanh nhiệt lương huyết, tán huyết ứ, tiêu phù. Dùng trong huyết nhiệt gây thổ huyết, máu cam, hoặc bế kinh đau bụng.

Tẩm giấm trị kinh bế, tăng cường hoạt huyết giảm đau. Chế rượu trị xuất huyết.

XUYÊN KHUNG

Rhizoma Ligustici

Là thân rễ của cây Xuyên khung *Ligusticum chuanxiong* Hort. Họ Hoa tán - Apiaceae

1. Dem dược liệu rửa sạch, ủ mềm, thái phiến dày 1 - 3mm. Phơi khô. Hoặc rửa sạch, đồ 1 giờ, nhân lúc còn nóng, thái phiến. Phơi khô.

2. Xuyên khung phiến sao vàng.

Lấy xuyên khung phiến, sao nhỏ lửa, đến khi hơi vàng.

3. Xuyên khung sao cám.

Cho cám đun nóng đến bốc khói, cho xuyên khung phiến vào sao đến khi có màu hơi vàng, có thể tắm rượu rồi sao cám.

4. Xuyên khung sao đen.

Lấy xuyên khung phiến sao nhỏ lửa, đến khi toàn bộ phiến có màu hơi đen.

5. Xuyên khung sao rượu.

Xuyên khung phiến 10kg

Rượu 1kg

Dem rượu trộn đều với xuyên khung phiến, sao nhỏ lửa đến khi mặt phiến có màu vàng.

6. Xuyên khung đồ với rượu.

Xuyên khung 10kg

Rượu 3kg

Dem rượu trộn vào cả xuyên khung, ủ 3 ngày, chưng 3 giờ đến mềm, thái phiến.

*** Công dụng:** Xuyên khung có tác dụng hoạt huyết khu phong, chỉ thống dùng trong cảm mạo phong hàn, hoặc đau đớn do ứ huyết như sang chấn, bế kinh, đau đầu do thấp tý.

XUYÊN BỐI MẪU

Bulbus Fritillariae cirrhosae

Là thân hành của cây Xuyên bối mẫu - *Fritillaria cirrhosa* D. Don. Họ Hành - Liliaceae.

1. Đem dược liệu rửa sạch, ủ 3 - 6 giờ, hoặc 12 giờ, bỏ lõi. Phơi khô.

2. Bối mẫu sao mật, cám.

Dùng nước mật loãng trộn vào cám. Rang nhỏ lửa cho cám khô, cho bối mẫu vào sao đến hơi vàng. Rây bỏ cám. Cũng có thể sao bối mẫu với gạo tẻ vàng. Rây bỏ gạo.

3. Bối mẫu trích nước gừng.

Đem bối mẫu tẩm nước gừng, sao tới vàng.

* **Công dụng:** Thuốc có tác dụng chỉ ho hóa đờm hoặc thổ huyết, tắc tia sữa.

XUYÊN SƠN GIÁP (Vẩy tê tê)

Squama Manidis

Là vẩy con Tê tê - *Manis pentadactyla* L.

Thuộc họ Tê tê - Manidae.

1. Trước hết đem vẩy tê tê ngâm trong nước sôi vài giờ, có thể ngâm nhiều lần trong 3 - 4 ngày để thịt rửa ra, rửa sạch. Phơi khô.

2. Xuyên sơn giáp sao khô.

Dùng nhỏ lửa sao đến khi có màu vàng đậm.

3. Xuyên sơn giáp rang cát hoặc bột hoàng thổ.

Dem rang nóng cát, cho xuyên sơn giáp vào sao đến l'phồng xốp màu vàng. Rây bỏ cát.

4. Xuyên sơn giáp tôi với giấm.

Dem xuyên sơn giáp rang cát nóng tới phòng giòn xốp, màu vàng, nhân lúc nóng, nhúng ngập trong giấm, vớt ra nhanh.

* **Công dụng.** Xuyên sơn giáp là vị thuốc hoạt huyết hóa ứ, trừ mù, dùng trong các bệnh đau nhức cơ nhục, tắc tia sữa, mụn nhọt.

Ý DĨ

Semen Coicis

Hạt của quả Ý dĩ - *Coix lachryma* - L.

Họ Lúa - *Poaceae*.

1. Ý dĩ sao vàng.

Sao nhỏ lửa ý dĩ đến màu vàng.

2. Ý dĩ rang cát.

Trước hết rang cát nóng, đổ ý dĩ cùng một ít dầu thực vật (dầu ăn). Sao đến khi mặt ngoài bóng màu hơi vàng.

3. Ý dĩ sao hoàng thổ.

Ý dĩ 10kg.

Bột hoàng thổ 3 kg.

Trước hết rang bột hoàng thổ tới nóng, đổ ý dĩ vào sao đến khi hơi vàng sém cháy. Rây bỏ cát.

4. Ý dĩ sao cám.

Ý dĩ	10kg
Cám gạo	1kg.

Dem nồi gang đun nóng, cho cám vào sao tới lúc bốc khói. Đò ý dĩ vào sao tới khi có màu vàng. Rây bỏ cám.

5. Ý dĩ chưng.

Dem ý dĩ chưng chín, phơi khô. Sao trực tiếp hoặc sao với dầu tới khi nở trắng ra. Rây bỏ cát.

*** Công dụng:** Dùng ý dĩ để kiện tỳ lợi thấp, thanh nhiệt, trừ mù. Dùng sống lợi niệu trừ mù. Sao chế kiện tỳ vị, lợi thấp, chỉ tả.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	3
Lời nói đầu	5

PHẦN I

Vài nét đại cương về chế biến thuốc cổ truyền	7
1. Định nghĩa chế biến thuốc cổ truyền	7
2. Cơ sở của việc chế biến	7
3. Ý nghĩa của chế biến thuốc cổ truyền	9
4. Các phương pháp chế biến thuốc cổ truyền	16
5. Phụ liệu thường dùng trong chế biến thuốc cổ truyền	19

PHẦN II

Chế biến các vị thuốc cổ truyền

	<i>Trang</i>		<i>Trang</i>
Ba đậu	23	Bạch mao căn	32
Ba kích	24	Bạch phụ tử	33
Bá tử nhân	25	Bạch thược	37
Bách bộ	27	Bạch truật	39
Bách hợp	28	Bán hạ	41
Bạch cập	29	Ban miêu	48
Bạch chỉ	30	Bạch biến đậu	49
Bạch giới tử	31	Băng sa	51

Trang

Trang

17	Bình lang	51	Đại phúc bì	82
	Bồ công anh	52	Đại kê	83
	Cóc mẩn	53	Đạm đậu xị	84
	Côn bố	53	Đan sâm	86
	Cốc nha	54	Đẳng sâm	88
	Cốt toái bộ	55	Đào nhân	90
	Củ gai	56	Địa cốt bì	91
	Cúc hoa	57	Địa du	93
	Cúc tần	58	Địa hoàng	94
	Cam thảo	59	Địa liên	95
	Cam toại	60	Đinh lăng	96
	Cáp giới	62	Đỗ trọng	96
	Cát cánh	64	Độc hoạt	98
	Cát căn	65	Đờm nam tinh	99
	Câu đằng	66	Đương quy	100
	Câu ký tử	67	Gừng	102
	Cẩu tích	68	Hà diệp	104
	Chè vàng	69	Hà thủ ô đồ	105
	Chi tử	70	Hạn liên thảo	108
	Chỉ thực	71	Hạnh nhân	109
	Chỉ xác	72	Hậu phác	110
	Chu sa, thần sa	74	Hoài sơn	112
	Cóc	75	Hoàng bá	115
	Dây đau xương	76	Hoàng cầm	116
	Diếp cá	76	Hoàng liên	118
	Diên hồ sách	77	Hoàng kỳ	120
	Dừa nước	79	Hoàng đằng	121
44	Đại hoàng	80	Hoàng tinh	122

	<i>Trang</i>		<i>Trang</i>
73 Hòe hoa	124	¹²¹ Kim ngân hoa	151
Hòe giác	125	Kim tiền thảo	152
Hồng hoa	126	Kinh giới	153
Hoắc hương	127	Lá lốt	154
Huyền sâm	128	Lạc tiên	154
Huyết dụ	129	Lai phục tử	155
Huyết giác	129	Lệ chi hạch	156
Hương nhu	130	Liên kiều	157
Hương phụ	131	Liên ngấu	158
Hy thiêm	134	Liên nhục	158
Ích mẫu	136	Liên phòng	159
Ích trí nhân	137	Liên tâm	160
Kê huyết đằng	138	Liên tụ	160
Kê quan hoa	139	Long cốt	161
Kê nội kim	140	Long đởm	162
Keo dậu	141	Long nha thảo	163
Kha tử	141	Long nhân	164
Khiếm thực	142	Lô căn	165
Khiên ngư tử	143	Lô hôi	165
Khổ qua	144	Lộc giác	166
Khổ sâm cho hạt	145	Lộc giác giao	167
Khổ sâm cho lá	145	Lộc nhung	168
Khổ sâm cho rễ	146	Lục thần khúc	170
Ké đầu ngựa	147	Ma hoàng	171
Khoản đông hoa	148	Mã đề	172
Khuông hoàng	149	Mã xi hiện	174
Khuông hoạt	149	Mã tiên thảo	174
¹⁰⁰ Kim anh	150	¹²⁴ Mạch môn	175

	Trang		Trang
24 Mạch nha	176	157 Ngũ linh chi	202
Mai mực	177	Ngũ vị tử	203
Mạn kinh tử	177	Ngưu bàng tử	205
Mang tiêu	178	Ngưu hoàng	206
Mần trâu	179	Ngưu tất	206
Mẫu đơn bì	180	Nhân sâm	208
Mẫu lệ	181	Nhân trần	209
Mía dò	182	Nhọ nồi	209
Miết giáp	182	Nhót	210
Mỏ quạ	184	Nhục đậu khấu	210
Mộc miết tử	184	Nhục thung dung	211
Mộc hoa trắng	185	Nọc sởi	212
Mộc hương bắc	186	Núc nác	212
Mộc qua	187	Ô dước	213
Mộc thông	187	Ô mai	214
Một lá	188	Phá cố chi	215
Mùi	189	Phật thủ	216
Mướp	189	Phòng phong	217
Măng cụt	190	Phòng kỷ	217
Nam truật	191	Phục linh	218
Nga truật	191	Phụ tử chế	219
Ngải diệp	193	Phượng vĩ thảo	222
Nghệ	194	Qua lâu	223
Ngọc trúc	196	Quán chúng	224
Ngó công	197	Quất hạch	225
Ngô thù du	198	Quế chi	226
Ngũ bội tử	200	Quế nhục	227
156 Ngũ gia bì	201	154 Quy bản	228

	Trang		Trang
155 Sã	229	213 Thạch xương bồ	253
Sa nhân	229	Thanh bì	254
Sa sâm	231	Thanh cao	255
Sài đất	232	Thanh đại	256
Sài hồ	233	Thảo quả	257
Sâm bố chính	234	Thăng ma	258
Sâm đại hành	235	Thích tạt lê	260
Sơn đậu căn	236	Thích vị bì	261
Sơn thù du	236	Thị đế	262
Sơn tra	238	Thiên hoa phấn	262
Sà sàng tử	239	Thiên ma	263
Sử quân tử	240	Thiên môn đông	264
Tam lăng	240	Thiên niên kiện	265
Tam thất	242	Thiên trúc hoàng	266
Tang bạch bì	242	Thố ty tử	266
210 Tang chi	243	Thông thảo	268
Tang diệp	244	Thổ phục linh	269
Tang ký sinh	245	Thục địa	269
Tang phiêu tiêu	246	Thủy xương bồ	270
Tạo giác	247	Thuyền thoái	271
Tạo giác thích	248	Thương lục	271
Tầm sa	248	Thường sơn	272
Tân di	248	Thương truật	274
Tế tân	249	Tiểu hồi	276
Thạch cao	250	Táo nhân	277
Thạch hộc	250	Tiền hồ	278
Thạch lựu bì	251	Toàn yết	279
212 Thạch quyết minh	252	Tô mộc	280

251	Trang	252	Trang
Trạch tả	280	Tỳ giải	292
Trần bì	281	Uy-linh tiên	293
Tri mẫu	283	Viễn chí	294
Trúc lịch	284	Xạ can	295
Trúc nhự	285	Xà	296
Tục đoạn	286	Xà thoái	297
Tùng hương	287	Xích thực	298
Tử hà sa	288	Xuyên khung	299
Tô tử	289	Xuyên bối mẫu	301
Tử uyển	290	Xuyên sơn giáp	301
Tỳ bà diệp	291	Ý dĩ	302
		262	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ y tế: Dược điển Việt Nam Tập II -
Xí nghiệp in số 1 - Bộ nội vụ 1991.
2. Bộ y tế : Dược liệu Việt Nam - NXB y học 1978.
3. Cục y tế Thiểm Tây
Thiểm Tây trung thảo dược
NXB Nhân dân 1971.
4. Đỗ Tất Lợi
Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam
NXB Khoa học và Kỹ thuật 1986.
5. Hải Thượng Lãn Ông
Hải Thượng y tông tâm lĩnh
NXB y học 1991.
6. Học viện Trung y Bắc Kinh
Tập hợp những kinh nghiệm bào chế trung thảo dược
NXB y học 1971.
7. Học viện Trung y Hồ Nam
Sổ tay thường dùng lâm sàng
NXB Vệ sinh 1972.
8. Học viện Trung y Giang Tô - Trung y học
NXB Nhân dân Giang Tô 1976.
9. Học viện Trung y Thành Đô
Phương tễ và Pháp trị trung y
NXB Vệ sinh nhân dân 1975.
10. Học viện khoa học Trung y Trung Quốc
Sổ tay trồng tía thường dùng trong thảo dược
NXB Vệ sinh 1971.

11. Phạm Xuân Sinh - Phùng Hòa Bình
Dược học cổ truyền
Giáo trình Đại học dược 1998.
12. Tuệ Tĩnh.
Tuệ Tĩnh Hồng nghĩa giác tư y thư
NXB y học 1978.
13. Tuệ Tĩnh. Tuệ Tĩnh toàn tập
Hội y học cổ truyền thành phố Hồ Chí Minh
Tái bản lần II 1994
14. Viện y học cổ truyền Việt Nam
Phương pháp bào chế và sử dụng Đông dược
NXB y học Hà nội 1993
15. Viện dược học Nam Kinh
Trung thảo dược
NXB nhân dân Giang Tô 1976
16. Viên tân y Giang Tô
Trung y học
NXB nhân dân Giang Tô 1976.
17. Võ Văn Chi
Từ điển cây thuốc Việt Nam
NXB y học 1997.
18. Vũ Văn Chuyên
Tóm tắt đặc điểm các họ cây thuốc
NXB y học 1976.

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

**PHƯƠNG PHÁP CHẾ BIẾN
THUỐC CỔ TRUYỀN**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**HOÀNG TRỌNG QUANG
NGUYỄN THỊ KIM LIÊN**

Biên tập:

BS. ĐẶNG THẾ VĨNH

Sửa bản in:

ĐẶNG THẾ VĨNH

Trình bày bìa:

DOÃN VƯỢNG

In 1000 cuốn khổ 14,5x20,5cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Y học.
Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số: 39-435/XB - QLXB ngày
28/5/99. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2000.